www.thuvien247.net

HỘI KHOA HỌC LỊCH SỬ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

LỊCH SỬ ĐÀ NẴNG

(1858 - 1945)

Ts. **Ngô Văn Minh** *(CB)*
Ts. **Nguyễn Thị Đảm** *Ths.* **Nguyễn Xuyên**
Ths. **Nguyễn Văn Đoàn** *Cn.* **Nguyễn Văn Nghĩa**

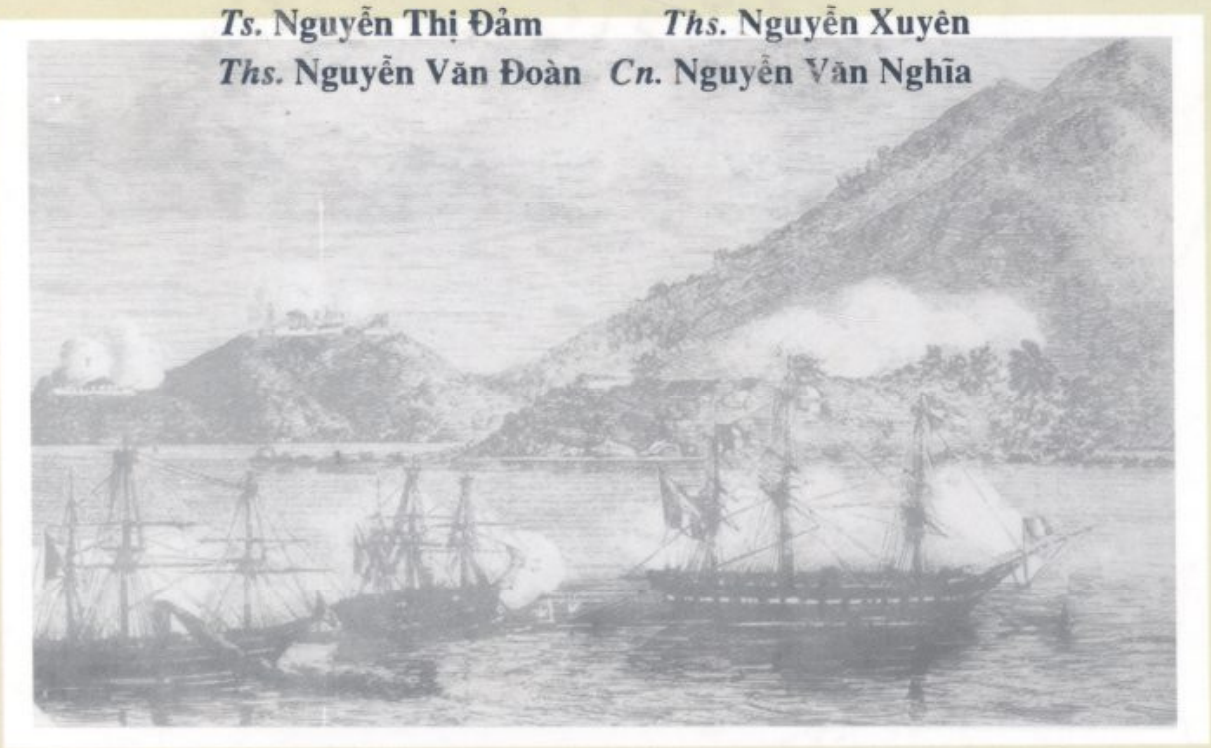

NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG

www.thuvien247.net

LỊCH SỬ ĐÀ NẴNG
(1858 - 1945)

www.thuvien247.net

HỘI KHOA HỌC LỊCH SỬ
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

LỊCH SỬ ĐÀ NẴNG
(1858 - 1945)

NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG . 2007

www.thuvien247.net

Chủ biên:

TS. Ngô Văn Minh

Với sự tham gia của:

- TS. Nguyễn Thị Đảm
- Ths. Nguyễn Văn Đoàn
- Ths. Nguyễn Xuyên
- Cn. Nguyễn Văn Nghĩa

www.thuvien247.net

LỜI GIỚI THIỆU

Vào dịp kỷ niệm 10 năm ngày Thành phố Đà Nẵng trở thành đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương (1997-2007), Nhà xuất bản Đà Nẵng mang đến cho bạn đọc thêm một cuốn sách về lịch sử thành phố là một tặng phẩm có ý nghĩa. Bởi lẽ, hiện thực phát triển của thành phố ngày nay đều gắn cỗi rễ với những di sản của quá khứ, trong đó có những truyền thống của các thế hệ trước trao truyền. Cuốn lịch sử này chính là phản ánh hiện thực và thành tựu của ngót một thế kỷ Đà Nẵng cùng cả nước chống trả cuộc chiến tranh xâm lược của chủ nghĩa thực dân Pháp, chịu đựng ách đô hộ của chế độ thuộc địa và quật khởi nổi dậy làm nên cuộc Cách mạng tháng Tám 1945 giành lại nền độc lập và xây dựng một chế độ chính trị mà ngày nay chúng ta đang kế thừa và đổi mới.

Lịch sử Thành phố Đà Nẵng là một bộ phận của lịch sử dân tộc Việt Nam. Nhưng trong giai đoạn lịch sử mà cuốn sách này đề cập tới (1858-1945) thì Đà Nẵng trở thành nơi đứng mũi chịu sào đương đầu với cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp. Là nơi thể hiện ý chí quật cường của dân tộc Việt Nam. Đà Nẵng trở thành địa điểm phát động cuộc chiến tranh xâm lược của chủ nghĩa thực

www.thuvien247.net

dân Pháp, nhưng cũng là nơi kẻ thù không khuất phục nổi dù bằng sức mạnh vượt trội của công nghệ và vũ khí của chủ nghĩa tư bản phương Tây, buộc quân xâm lược phải chuyển hướng tấn công vào Nam Bộ. Đọc những trang sử này, chúng ta sẽ hiểu được vì sao Đà Nẵng lại vinh dự được lịch sử trao tặng vinh danh "Trung dũng kiên cường đi đầu diệt Mỹ" ở giai đoạn lịch sử sau đó.

Lịch sử Thành phố Đà Nẵng cũng là một bộ phận của lịch sử nước Việt Nam trở thành thuộc địa của chủ nghĩa thực dân Pháp, sớm trở thành một nhượng địa rồi một đô thị có vị thế quan trọng trong thiết chế thuộc địa của đế quốc Pháp ở Đông Dương. Điều đó mang lại cho thành phố Đà Nẵng một vị thế tương xứng trong lãnh thổ và trong thiết chế kinh tế - chính trị của một nước Việt Nam độc lập và ngày nay đang phát triển cùng công cuộc Đổi mới của đất nước.

Lịch sử Thành phố Đà Nẵng cũng gắn với một xứ Quảng đầy năng động và kiên cường trong công cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc. Từ cuộc Duy Tân đầu thế kỷ mà hệ quả là cuộc "chống thuế cự sưu" với các tên tuổi nổi danh của xứ Quảng như Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp, Nguyễn Duy Hiệu, Huỳnh Thúc Kháng v.v... địa bàn thành phố Đà Nẵng tuy chịu áp lực của chế độ trực trị nhưng cũng không tách rời xứ Quảng kiên cường cùng cả nước hền bị chống ách đô hộ và khao khát độc lập và tiến bộ.

Và lịch sử thành phố Đà Nẵng cũng là một bộ phận năng động và sôi nổi của các phong trào cách

www.thuvien247.net

mạng kể từ khi có Đảng Cộng sản lãnh đạo. Nét đặc trưng tiêu biểu của phong trào cách mạng của một trong những đô thị lớn nhất miền Trung, một sào huyệt của chế độ thuộc địa, Đà Nẵng đã thể hiện một cách mạnh mẽ trong cao cach mạng dẫn đến việc cùng cả nước đánh đổ ách đô hộ của thực dân, phát xít cùng chế độ quân chủ giành chính quyền về tay nhân dân vào tháng 8 năm 1945...

Đó là giai đoạn lịch sử mà cuốn sách này phản ánh. Đó là một giai đoạn lịch sử nhưng là một giai đoạn mang tính chất bản lề của sự chuyển đổi từ xã hội truyền thống qua hiện đại, từ thuộc địa mất nước đến độc lập tự do. Nó tạo nên một tiền đề quyết định cho những biến thiên tiếp theo của lịch sử mà cuộc kháng chiến 9 năm chống thực dân Pháp trở lại xâm lược cùng cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, thực chất là cuộc chiến tranh vệ quốc và giải phóng nhằm bảo vệ những thành quả của Cách mạng tháng Tám 1945: độc lập và thống nhất.

Hy vọng rằng sau cuốn sách này, lịch sử hai cuộc kháng chiến tiếp theo và đặc biệt là lịch sử xây dựng Đà Nẵng trong sự nghiệp Đổi mới và phát triển sẽ được viết tiếp. Vì thế, những nỗ lực của nhóm tác giả của cuốn sách này là đáng khích lệ; sự chỉ đạo và đầu tư của lãnh đạo Thành phố là đáng trân trọng và Nhà xuất bản Đà Nẵng nơi cho ra đời những công trình sử học bổ ích đáng được ghi nhận.

Lịch sử là một dòng chảy theo thời gian cả trong hiện thực và trong nhận thức. Vì lẽ đó, cũng phải nhận rằng nỗ lực của giới sử học nói chung, của nhóm tác giả trong cuốn sách này nói riêng

www.thuvien247.net

vẫn chưa tương xứng với giá trị sâu sắc và phong phú của lịch sử quá khứ lại càng chưa theo kịp được nhu cầu của hiện tại và tương lai muốn tìm thấy trong lịch sử những bài học thiết thực hơn nữa, hấp dẫn hơn nữa.

Vì thế tôi xin được viết những dòng giới thiệu này như một sự khích lệ với các đồng nghiệp và một lời nói trước để mong được các bạn đọc cùng chia sẻ.

Đà Nẵng, tháng 12 năm 2006

Dương Trung Quốc

Tổng Thư ký

Hội Khoa học lịch sử Việt Nam

www.thuvien247.net

LỜI ĐẦU SÁCH

Lịch sử không giống nhau ở mọi miền đất nước. Trong cái chung đa dạng và phong phú của lịch sử cả nước có cái riêng độc đáo của lịch sử từng địa phương. Mỗi người, dù từng sống ở nhiều nơi khác nhau, nhưng ai cũng phải gắn với một địa phương nhất định. Đấy có thể là quê hương hoặc nơi mình đang ở. Bởi vậy, việc tìm hiểu lịch sử địa phương đối với mỗi người là hết sức cần thiết. Qua đó, mỗi người sẽ tăng thêm tình cảm, ý thức trách nhiệm đối với quê hương mình.

Đà Nẵng là một địa phương có bề dày lịch sử. Chỉ tính trong thời gian 1858-1945, tại địa phương này đã diễn ra bao biến chuyển: Đà Nẵng là nơi mở đầu tiếng súng chống xâm lăng và làm thất bại kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh của thực dân phương Tây; Đà Nẵng lại bị trở thành "nhượng địa" cho thực dân Pháp, là thành phố cảng sớm nhất và lớn nhất khu vực miền Trung, nhưng trong lòng Đà Nẵng vẫn luôn bùng lên những phong trào yêu nước và cách mạng để có được thắng lợi rực rỡ trong Cách mạng tháng Tám 1945.

Nghiên cứu lịch sử Đà Nẵng không phải là một vấn đề hoàn toàn mới, vì nó đã được đề cập ở những mức độ khác nhau qua các công trình nghiên cứu lịch sử địa phương thời gian qua. Có thể kể đến một số tác phẩm tiêu biểu như:

Trước năm 1975, tại Đà Nẵng có tác giả Võ Văn Dật chọn đề tài *"Lịch sử Đà Nẵng"* làm luận văn Cao học. Có thể nói đây là tác giả đầu tiên nghiên cứu về thông sử Đà Nẵng và

www.thuvien247.net

đã tập hợp được nhiều tài liệu có giá trị. Nhưng bản luận văn này chỉ được đánh máy, chưa lưu hành rộng rãi. Hơn nữa, tác giả Võ Văn Đật chỉ tập trung vào việc trình bày chủ trương của triều đình nhà Nguyễn đối với việc phòng thủ Đà Nẵng, chiến trận 1858-1860 và về mặt lịch sử phát triển đô thị Đà Nẵng trong 62 năm bị biến thành nhượng địa, mà không đề cập đến các phong trào cách mạng khác của quần chúng nhân dân.

Năm 1996, nhóm tác giả của Viện Sử học Việt Nam cùng cơ quan văn hoá của thành phố xuất bản cuốn *"Lịch sử thành phố Đà Nẵng"* và được Nhà xuất bản Đà Nẵng tái bản có bổ sung vào năm 2001. Đây là một công trình nghiên cứu công phu nhằm tái hiện lịch sử thành phố suốt từ năm 1858 đến năm 2000. Tuy nhiên, vì phản ánh cả một thời gian quá dài nên cuốn sách không thể đề cập chuyên sâu hơn từng giai đoạn lịch sử (trong đó có giai đoạn 1858-1945). Hơn nữa, khi phản ánh lịch sử từ 1858 đến 1996 các tác giả không đề cập *mảnh đất nằm kề thành phố và rất giàu chiến tích anh hùng* là huyện Hòa Vang.

Tiếp đến là tác phẩm *"Lịch sử Đảng bộ thành phố Đà Nẵng. Tập 1: 1925-1954"* do tác giả Nguyễn Trung biên soạn. Nhà xuất bản Đà Nẵng ấn hành tháng 9/1996. Đây cũng là một cuốn sách biên soạn công phu riêng về lịch sử thành phố Đà Nẵng, nhưng đối tượng chính của sách là sự lãnh đạo của Đảng bộ trong thời gian từ năm 1925 đến 1954 (từ 1858 đến 1924 chỉ điểm lướt qua), không phải toàn bộ lịch sử thành phố. Bộ Chỉ huy quân sự thành phố Đà Nẵng cũng tổ chức biên soạn sách *"Lịch sử lực lượng vũ trang Đà Nẵng (1945-2000)"*. Đây cũng là một cuốn sách chỉ thuộc về chuyên ngành lịch sử quân sự địa phương.

Điểm chung của tất cả các cuốn sử trên là chỉ phản ánh lịch sử của thành phố Đà Nẵng cũ.

www.thuvien247.net

Ngoài ra còn phải kể đến một số cuốn sách khác có đề cập đến lịch sử Đà Nẵng giai đoạn này như: *"Sơ thảo lịch sử Đảng bộ Quảng Nam-Đà Nẵng. Tập 1:1930-1945"* của Đảng bộ tỉnh Quảng Nam-Đà Nẵng; *"Lịch sử đấu tranh cách mạng huyện Hoà Vang 1928-1954"* của Đảng bộ huyện Hoà Vang ...

Lịch sử chỉ diễn ra một lần nhưng viết lịch sử phải qua nhiều lần. Có như thế mới có thể đưa lịch sử được nhận thức gần hơn tới lịch sử khách quan. Với nhận thức này, Hội Khoa học Lịch sử thành phố Đà Nẵng chọn đề tài *Lịch sử thành phố Đà Nẵng-giai đoạn 1858-1945* (bao gồm cả Hoà Vang) để đăng ký đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ cấp thành phố năm 2001. Đề tài do chủ biên cuốn sách này làm chủ nhiệm, với sự phối hợp nghiên cứu của các tác giả chuyên đề, và đã được hoàn thành với sự đóng góp ý kiến của các nhà nghiên cứu tại địa phương và các nhà khoa học Trung ương, được nghiệm thu bởi Hội đồng khoa học do Sở Khoa học & Công nghệ Thành phố Đà Nẵng tổ chức vào ngày 3 tháng 9 năm 2004.

Từ các chuyên đề của TS. Nguyễn Thị Đâm, TS. Ngô Văn Minh, Ths. Nguyễn Văn Đoàn và Ths. Nguyễn Xuyên, Cn. Nguyễn Văn Nghĩa, chủ biên phân lại chương mục, bổ sung thêm tư liệu và biên tập lại thành một cuốn sách, nhằm xã hội hoá kết quả nghiên cứu của đề tài, nhân *chào mừng kỷ niệm 10 năm ngày thành phố Đà Nẵng tách ra thành đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương.*

Xin chân thành cảm ơn Hội Khoa học Lịch sử và Sở Khoa học & Công nghệ thành phố Đà Nẵng đã khích lệ; các nhà nghiên cứu đã cho những ý kiến đóng góp quý báu; cùng lời giới thiệu cuốn sách của nhà sử học Dương Trung Quốc.

www.thuvien247.net

Mặc dù đã cố gắng nhiều trong quá trình biên soạn, song chắc chắn vẫn không thể nào tránh được những hạn chế, thiếu sót. Vì vậy, chúng tôi rất mong tiếp tục nhận được những ý kiến đóng góp của các chuyên gia, của những vị cao niên để khi tái bản có được một cuốn sách hoàn thiện hơn, cung cấp được nhiều cứ liệu khoa học lịch sử hơn.

Chủ biên

www.thuvien247.net

Lời giới thiệu 5

Lời đầu sách 13

Chương I:

Đà Nẵng mở đầu trang sử chống thực dân xâm lược (1858-1877)

I. Vị trí Đà Nẵng trong chủ trương giao thương và phòng giữ của triều đình Huế 17

1. Đôi nét về quá trình thay đổi đơn vị hành chính và tình hình kinh tế - xã hội Đà Nẵng nửa đầu thế kỷ XIX 17

2. Đà Nẵng trong ý đồ của các nước tư bản phương Tây 27

3. Chủ trương phòng giữ Đà Nẵng của Triều đình Huế 41

II. Cuộc chiến tranh vệ quốc tại Đà Nẵng 47

1. Liên quân Pháp - Tây Ban Nha nổ súng xâm lược tại Đà Nẵng 47

2. Nhân dân Đà Nẵng sát cánh cùng quân đội triều đình chống xâm lăng 52

3. Tình hình Đà Nẵng từ năm 1860 đến năm 1887 76

www.thuvien247.net

III. Đà Nẵng trong phong trào nghĩa hội 83

1. Nhân dân ứng nghĩa 83

2. Một số trận chiến đấu tiêu biểu 89

Chương II:

Đà Nẵng trong giai đoạn đầu của chế độ cai trị Pháp (1888 – 1918)

I. Đà Nẵng trở thành "nhượng địa" của Pháp 103

1. Sự thiết lập chế độ "nhượng địa" 103

2. Cấu trúc dân cư 118

3. Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - kỹ thuật hiện đại 120

4. Vấn đề khai thác đất đai 128

5. Các hoạt động tài chính, công nghiệp, thương mại 132

6. Văn hoá, giáo dục, y tế 139

II. Những chuyển biến trong nông thôn Đà Nẵng 147

1. Tổ chức hành chính 147

2. Cấu trúc dân cư 151

3. Sinh hoạt kinh tế 154

4. Văn hoá, giáo dục 163

III. Các phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX 168

1. Phong trào Duy tân, Đông du 168

www.thuvien247.net

2. Phong trào chống thuế 177

3. Công cuộc vận động khởi nghĩa của Thái Phiên và Trần Cao Vân 182

Chương III:

Đà Nẵng từ cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp đến khởi nghĩa giành chính quyền (1919-1945)

I. Những chuyển biến mới về đời sống chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá 189

1. Những điều chỉnh mới trong chính sách cai trị của Pháp 189

2. Khai thác thuộc địa của Pháp tại Đà Nẵng sau chiến tranh thế giới thứ nhất 193

3. Gia tăng dân số và diện mạo mới của đô thị Đà Nẵng 206

4. Phân hoá xã hội ngày một gay gắt 209

5. Sinnh hoạt văn hoá, giáo dục 217

II. Các cuộc vận động dân chủ và phong trào cách mạng tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền 224

1. Các cuộc vận động dân chủ và sự ra đời của các tổ chức chính trị theo xu hướng cách mạng vô sản 224

2. Phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân những năm 1927-1929 242

www.thuvien247.net

3. Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam thành phố Đà Nẵng ra đời và phong trào cách mạng thời kỳ 1930-1935 247

4. Đà Nẵng trong phong trào đấu tranh đòi dân sinh dân chủ thời kỳ 1936-1939 259

5. Đà Nẵng trong cao trào cách mạng giải phóng dân tộc thời kỳ 1939-1945 280

Kết luận 303

Tài liệu trích dẫn 311

www.thuvien247.net

Chương I

ĐÀ NẴNG MỞ ĐẦU TRANG SỬ CHỐNG THỰC DÂN XÂM LƯỢC (1858 - 1887)

I. VỊ TRÍ ĐÀ NẴNG TRONG CHỦ TRƯƠNG GIAO THƯƠNG VÀ PHÒNG GIỮ CỦA TRIỀU ĐÌNH HUẾ

1. Đôi nét về quá trình thay đổi đơn vị hành chính và tình hình kinh tế - xã hội Đà Nẵng nửa đầu thế kỷ XIX

Đà Nẵng là một vùng đất có lịch sử lâu đời, con người đã có mặt ở đây từ rất sớm. Giới khảo cổ học đã phát hiện được từ lòng đất nơi đây những hiện vật, dấu vết của một sự diễn tiến lịch sử từ cuối thời kỳ đồ đá mới đến văn hoá Sa Huỳnh và văn hoá Chămpa.

Vùng đất Đà Nẵng hiện nay, vào đời Hán nằm trong quận Nhật Nam, từ cuối thế kỷ II nằm trong châu Lý (Rí) của nước Lâm Ấp (về sau gọi là Chămpa). Năm 1306 là mốc lịch sử đánh dấu thời kỳ vùng đất Đà Nẵng bắt đầu sáp nhập vào Đại Việt. Đến thời Hậu Lê, Đà Nẵng thuộc huyện Điện Bàn, phủ Triệu Phong của thừa tuyên Thuận Hoá. Dưới thời chúa Nguyễn, từ năm 1604 trở đi, Đà Nẵng cùng với các vùng đất thuộc huyện Điện Bàn được cắt chuyển sang dinh Quảng Nam. Cũng từ đây xuất hiện tên gọi Hoà Vang với tư cách là tên gọi hành chính của một huyện. Trong sách *Phủ*

www.thuvien247.net

biên tạp lục Lê Quý Đôn cho biết, đến thế kỷ XVIII Hoà Vang có 3 tổng: Lệ Sơn, Hà Khúc và Lỗ Giáng, tổng cộng 51 xã[1]. Trong thời gian này, có lúc Hoà Vang đổi tên thành Hoà Lạc, sau đổi là Hoà Vinh, rồi đổi lại thành Hoà Vang như cũ. Bấy giờ, huyện Hoà Vang gồm 5 tổng và 1 thuộc, 144 làng: tổng An Châu Thượng (25 làng); tổng Bình Thái Hạ (27 làng); tổng Đức Hoà Thượng (24 xã); tổng Hoà An Thượng (32 làng); tổng Phước Tường Thượng (26 làng); thuộc Võng Nhi (10 làng). Đến đời Tự Đức, Hòa Vang có tất cả 7 tổng, 158 xã, thôn, phường, ấp, giáp. Dưới thời Đồng Khánh (đến năm 1887) còn lại 142 xã, thôn, phường, giáp. Trong đó: tổng Hoà An Thượng (31 xã, thôn); tổng Phước Tường Thượng (25 xã, thôn); tổng Đức Hòa Thượng (23 xã, thôn); tổng An Châu Thượng (24 xã, thôn, phường); tổng Phú Khê (5 phường, thôn); tổng Thanh Châu (13 xã, thôn, giáp); tổng Bình Thới Hạ (21 xã, thôn). Đà Nẵng bấy giờ thuộc tổng Bình Thái Hạ của Hoà Vang cho đến ngày 27 tháng 8 năm Mậu Tý (3/10/1888) thì bị Triều đình Huế cắt làm "nhượng địa cho Pháp".

Địa danh Đà Nẵng lần đầu tiên xuất hiện trong sách *Ô châu cận lục* do Dương Văn An nhuận sắc năm 1553. Địa danh này cũng được ghi trên các bản đồ vẽ từ thế kỷ XVI trở đi như *An Nam hình thắng đồ*, *An Nam thông quốc toàn đồ*. Có bản đồ ghi thiếu nét hoặc viết thành "Đà Nông".

Ngoài tên Đà Nẵng, vùng đất này còn có nhiều tên gọi khác như: Touron (theo cách gọi của người Ý). Theo cách gọi của người Pháp là *Tourane*, có khi gọi là *Kean* (Kẻ Hàn). Người Trung Hoa gọi là *Hiện Cảng*. Trong dân gian thường

---

[1] Lê Quý Đôn: Toàn tập, T1, *Phủ biên tạp lục*, Nxb KHXH, H, 1977, T1, tr. 83

www.thuvien247.net

gọi bởi một từ nôm là *Hàn* (gắn liền với tên con sông Hàn nằm vắt ngang vùng đất) và gọi vịnh Đà Nẵng là *Vũng Thùng*; các nhà nho thì gọi là *Trà Úc*, *Trà Áo*. *Trà Sơn* hay *Đồng Long Loan* (Vũng Đồng Rồng).

Từ thế kỷ XVI trở đi dân các tỉnh phía Bắc di cư vào ngày càng nhiều, lập nên các làng mới như: Trung Nghĩa, Phú Lộc, Hải Châu, Mân Quang, Nam An (thuộc tổng Trà Khúc); Hoá Khuê. Mỹ Thị thuộc tổng Lỗ Giáng, huyện Hoà Vang[1]; Nại Hiên, An Hải, Thanh Khê. Mỹ Khê, rồi đến Tân An, Phước Tường, Hoà Thuận tiếp sau ra đời.

Đến thế kỷ XIX, sự tụ cư ngày càng nhiều dẫn đến một số làng ra đời trước tiếp tục mở rộng địa bàn cư trú và xuất hiện thêm nhiều làng mới.

Vào nửa đầu thế kỷ XIX, cơ quan huyện trị và huyện học dời xuống Hoá Khuê Trung Tây làm cho khu vực phía nam thành phố trở thành khu huyện lỵ thu hút cư dân. Một lý do nữa là ở phía nam Hoà Vang bị lụt lội nên dân cư chuyển dần ra phía bắc, chủ yếu ở vùng Khuê Trung, Hoà Thọ nên mới gọi là Phong Nam, Phong Bắc, Cẩm Nam, Cẩm Bắc, Yến Bắc. Một số lớn khác từ Điện Bàn ra ở vùng Hoà Hải, Hoà Quý, Hoà Thọ.

Sự mở rộng các làng cũ và sự thành lập các làng mới xen kẽ nhau, nên giữa các làng lúc bấy giờ không còn khoảng đất trống rộng nào ngăn cách như ở thế kỷ trước đó. Những khu vực, những làng mới thành lập cùng với các làng gốc có từ lâu đời lại tiếp tục phát triển nhanh về dân số, về cơ cấu các ngành nghề, chợ búa phát triển... tạo nên sự sôi động của một vùng cửa biển vốn được xem là "tiền cảng"

---

[1] Lê Quý Đôn: Toàn tập T.1. *Phủ biên tạp lục*. Nxb KHXH, Hà Nội, 1977. tr. 83

www.thuvien247.net

của các thế kỷ trước, nay đang dần dần trở thành một thương cảng giàu tiềm năng.

Cư dân tại các làng ở Đà Nẵng mỗi nơi dựa vào thế mạnh riêng để có những hoạt động kinh tế khác nhau. Ở phía tả ngạn sông Hàn, trừ các làng Thạc Gián, Liên Trì, Bình Thuận còn đại bộ phận lấy ngư nghiệp làm nghề nghiệp chính. Các làng Thanh Khê, An Khê, Xuân Đán ven vịnh Đà Nẵng chuyên khai thác cá biển. Cư dân làng Nại Hiên do làm chủ diện tích mặt nước sông Hàn cùng với hai làng Hải Châu, Mỹ Thị nên họ cũng lập ra các vạn chài lưới để đẩy mạnh khai thác cá sông. Ở hữu ngạn chỉ có khu An Vĩnh (xóm Nò) thuộc làng Nại Hiên Đông là đánh cá sông còn các làng Tân Thái, Mân Quang, Phước Trường, Mỹ Khê chuyên về đánh cá biển... Nghề này góp phần cung ứng thực phẩm cho nhu cầu của nhân dân địa phương và thuỷ thủ tàu thuyền nước ngoài. Gắn liền với khai thác hải sản là nghề chế biến mắm cái và nước mắm. Nổi tiếng nhất là nước mắm Nam Ô.

Các làng hơi xa sông, biển đều chuyên về nghề nông truyền thống. Ở phía hữu ngạn chỉ có một bộ phận cư dân các làng An Hải, Phước Trường, một ít Mỹ Khê..., còn ở phía tả ngạn, dân các làng Liên Trì, Thạc Gián, Bình Thuận... khai thác đất đai làm nông nghiệp. Ngoài cây lúa là cây lương thực được trồng chủ yếu, còn có các loại cây khác như: mía, thuốc lá, đậu phụng, cau...

Bản du ký của phái đoàn Anh do Macartney dẫn đầu, trên đường qua Trung Quốc giao thương, có cập bến Đà Nẵng vào năm 1793, cho biết Đà Nẵng bấy giờ nhà cửa thấp, hầu hết bằng tre, lợp lá hoặc rơm rạ, ở lẫn lộn trong cây cối, ngoại trừ chung quanh khu vực chợ. Những nhà cửa cao đẹp hơn thì xây dựng giữa vườn, trong vườn

www.thuvien247.net

trồng những cây cau hoặc các loài cây vừa làm cảnh, vừa hữu dụng vào những việc khác, có nhiều nơi trồng cam, chanh, chuối, cau... Ở bờ sông bên kia (Hà Thân) mở ra những đám ruộng, gò với vườn tược bao quanh, trồng thuốc lá, mía[1].

Cách trung tâm Đà Nẵng khoảng mươi cây số, vùng Hoá Quê, Cẩm Lệ nhờ có đất bồi màu mỡ nên nông nghiệp phát triển, với các loại cây trồng: lúa, đậu phụng, thuốc lá, cau và chăn nuôi gia súc, gia cầm.

Bên cạnh hoạt động ngư nghiệp và nông nghiệp, cư dân còn làm các nghề thủ công như: làm muối, nung vôi, đóng thuyền, đan lưới...

Làng Nại Hiên có nghề làm muối với một kỹ thuật riêng. Người làm nghề lấy tre đan thành nồi lớn, trát đất, đổ nước biển vào đun sôi cho cô đặc lại thành muối.

Nghề nung vôi ở nửa đầu thế kỷ XIX khá phát triển, nhằm đáp ứng nhu cầu xây dựng đồn luỹ và các công trình văn hoá. Người ta lấy nguyên liệu là vỏ sò, vỏ ốc, hến ở vùng cửa sông, đem phơi khô, đưa vào lò nung cho tới khi thành vôi bột. Sau đó trộn vôi với nước hồ bằng mật mía hoặc lá cây giã nhỏ thành một vật liệu tốt để xây dựng. Cho đến những thập niên cuối thế kỷ XIX, nghề này vẫn còn tiếp tục phát triển.

Ở về phía nam của Đà Nẵng có nghề làm đồ đá mỹ nghệ của làng Quán Khái. Làng Cẩm Nê có nghề dệt chiếu...

Nghề đóng các loại ghe bầu, ghe kinh để vận chuyển gạo muối trong và ngoài nước khá phát triển. Nghề đan lưới đánh cá, các làng ven biển đều có.

---

[1] Dẫn theo Nguyễn Văn Xuân: *Đà Nẵng thời Tây Sơn*. Tạp chí Đất Quảng Tết Kỷ Tỵ - 1989, tr.87.

www.thuvien247.net

Bước vào thế kỷ XIX, hoạt động thương nghiệp ở Đà Nẵng có phần nhộn nhịp hơn so với thế kỷ trước, cả về nội thương và ngoại thương.

Về nội thương, do nhiều nhân tố tác động nên có những bước phát triển mạnh mẽ.

Đà Nẵng là nơi Triều đình đón tiếp các phái đoàn ngoại giao, thương mại, là nơi công việc phòng thủ ngày càng được tăng cường. Sự tập trung binh lính xây dựng cả một hệ thống phòng thủ, sự hiện diện của một đội quân thường trực lớn làm tăng dân số lưu trú, thúc đẩy kinh tế hàng hoá cũng như thúc đẩy nhanh quá trình đô thị hoá ở đây.

Sự giao thông đi lại bằng đường bộ hay đường thuỷ đã tạo điều kiện tốt cho hoạt động mua bán. Sông Vĩnh Điện được đào (1822) nối thông Đà Nẵng với sông Thu Bồn - nơi có nhiều làng xã trù phú, giàu có sản vật đã tạo được sự giao lưu buôn bán giữa Đà Nẵng với các huyện khác của Quảng Nam. Bằng đường thuỷ, chỉ riêng hệ thống bến đò Cẩm Lệ có đến 6 nơi cập bến: đò Cẩm Lệ, đò Hoá Khuê, đò Quán Khái Đông, đò Hải Châu, đò Thạch Bồ, đò La Bích. Ở phía tây bắc, trên sông Cu Đê có đò Cu Đê, đò Hoa Ô. Xa hơn một chút về phía nam có đò Lỗ Giáng. Về cảng, có cảng Minh Châu và Thanh Khê ở phía bắc, đặc biệt là vũng Trà Sơn (còn có tên là vũng Đà Nẵng, Đồng Long Loan). Trên đường bộ với trục đường thiên lý Bắc - Nam ngang qua Đà Nẵng có những trạm dịch được thành lập. Từ xã Chân Sảng ở phía nam đèo Hải Vân đến xã Miêu Bông kề liền với xã Lỗ Giáng có ba trạm là Nam Chân, Nam Ô và Nam Giáng tạo sự đi lại dễ dàng, nối các vùng với Đà Nẵng.

Nơi tụ hội buôn bán sầm uất nhất bấy giờ là phố Mỹ Thị nằm trên đường giao thương giữa cảng Đà Nẵng và phố

www.thuvien247.net

Hội An, về phía tây giao thương lên tận nguồn Lỗ Đông[1]. Tại trung tâm Đà Nẵng, các hoạt động thương mại, dịch vụ đều xuất phát từ một làng buôn bán là Hải Châu, nơi có bến neo đậu của các thương thuyền từ thời các chúa Nguyễn. Đầu thế kỷ XIX, đây là nơi Triều đình đón tiếp tàu chở các phái đoàn ngoại giao thương mại. Đời sống cư dân được nâng lên nhờ vào hoạt động buôn bán của hải cảng. Nhà cửa, phố xá đã rất quy củ, như ghi chép của August Hausman khi đến Đà Nẵng năm 1845: "Có những toà nhà rất đáng kể đã đổ nát... chứng tỏ thành phố này ngày xưa đã có một thời gian quan trọng"[2].

Hoạt động nội thương nhộn nhịp. Chợ búa ở Đà Nẵng ngày càng sầm uất. Hệ thống chợ ven sông Hàn biểu hiện sự phát triển kinh tế trong khu vực. Chợ Hải Châu (nằm trên địa bàn xã Hải Châu, sát bờ sông), tục gọi là chợ Hàn, ra đời sớm ở Đà Nẵng, đến thế kỷ XIX phát triển mạnh. Đây là nơi tập trung các nguồn hàng ở tả ngạn của cảng Đà Nẵng. Chợ lớn đến mức có khu tạp hoá bán đủ thứ hoá vật, có khu dành riêng để bán gia súc và có hẳn một người đứng ra trông coi việc trao đổi mua bán của cả chợ. Ở hữu ngạn chợ An Hải có mặt từ sớm, nhưng do "Hải Châu chính xã quấy rối vì cạnh tranh buôn bán" nên chợ phải tan, đến năm 1827 mới lập lại[3].

---

[1] Theo Mảnh Trai Trần Hy Tăng: *Hoà Vang huyện chí*. Tú tài Trần Nhật Tinh cải chú và tăng bổ. Bản chữ Hán chép tay.

[2] Taboulet: *La gest Francaise en Indochine*, Paris, 1956, T.2, P.366.Dẫn theo Nguyễn Văn Đăng. *Đô thị Đà Nẵng dưới triều Nguyễn* (Tập thể tác giả). Nxb Thuận Hoá, 1999. tr. 94

[3] Dựa theo tờ trát của Khâm sai Thống chế Nguyễn Văn Thoại gửi cho xã trưởng, hương lão và mục dịch xã An Hải, đề năm Minh Mạng thứ 8.

www.thuvien247.net

Từ sự cạnh tranh giữa hai chợ lớn như trên cũng cho chúng ta thấy được mức độ phát triển của thị trường kinh tế hàng hoá ở Đà Nẵng lúc bấy giờ như thế nào.

Ngoài hai chợ lớn trên ở hai bên tả hữu sông Hàn còn có những chợ khác thu hút dân nhiều xã đến buôn bán như cho cá Thanh Khê nằm liền với quán Hà Khê, chợ Cẩm Lệ...

Bên cạnh nội thương có nhiều chuyển biến như trên, ngoại thương cũng sôi động không kém.

Do tác động của các hoạt động ở cửa biển như sự ghé bến của thương thuyền các nước về ngoại giao và thương mại đã kích thích hoạt động giao lưu với bên ngoài của Đà Nẵng.

Trong nhiều thế kỷ trước, vào thời gian Hội An còn đang phát triển rực rỡ như là một đô thị buôn bán với nước ngoài quan trọng nhất ở nước ta thì Đà Nẵng đã được coi là một "tiền cảng" (avant port), hay "cảng tạm dừng" (port de relache). Từ thế kỷ XVIII trở đi, Hội An bắt đầu sa sút thì sự quan tâm của thương nhân ngoại quốc đối với Đà Nẵng ngày càng nhiều.

Triều Nguyễn có cơ quan kiểm soát ngoại thương là Ty Tào chính có nhiệm vụ lập thủ tục nhập cảng cho tàu vào bến, kiểm soát nhân viên trên tàu, theo dõi hành trình. Bên cạnh Tào chính có Ty Hành nhân có nhiệm vụ đo lường định giá và thu thuế, nhưng cả hai ty này đều không đặt cơ sở thường trực ở Đà Nẵng mà chỉ hoạt động theo mùa. Khi được thông báo, 2 Ty phái nhân viên từ Huế vào, lo xong công việc mua bán rồi trở về.

Thuế hàng hoá được tính theo độ dài chiều ngang thuyền chở. Căn cứ vào sách *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ* của Nội các Triều Nguyễn, thuế nhập cảng ở Đà Nẵng được tính như sau:

www.thuvien247.net

Thời Gia Long[1]:

XUẤT XỨTÀU THUYỀN	BỀ NGANG TÀU	THUẾ PHẢI TRẢ
-Quảng Đông, Phúc Kiến, Ma Cao và các nước châu Âu tới	Từ 14 - 25 thước ta 7 - 13 thước ta	128 quan/1 thước 80 quan/1thước
- Triều Châu	Từ 14 - 25 thước ta 7 - 13 thước ta	96 quan/1 thước 64 quan/1 thước
- Hải Nam	Từ 14 - 20 thước ta	96 quan/1 thước

Đến thời Minh Mạng thuế đánh vào thuyền buôn nước ngoài có phần tỉ mỉ hơn, chẳng hạn[2]:

XUẤT XỨ TÀU THUYỀN	BỀ NGANG	THUẾ PHẢI TRẢ
Quảng Châu, Triều Châu, Nam Hùng, Huệ Châu, Thiện Khánh, Phúc Kiến, Chiết Giang, Ma Cao, các nước châu Âu (Pháp, Anh)	- Từ 14-25 thước ta - 11-13 thước ta - 9-10 thước ta - 7-8 thước ta	112 quan/1thước 72 quan/1thước 56 quan/1 thước 28 quan/1 thước

Mặt hàng xuất khẩu là tơ lụa, đường, muối... Hàng nhập là các sản phẩm cung cấp cho sinh hoạt của vua quan, còn lại mới được bán cho thương nhân. Hàng cấm xuất là thóc, gạo, vàng bạc, kỳ nam, trầm hương.

---

[1] Nội các triều Nguyễn: *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*. T4. Nxb Thuận Hoá. Huế, 1993. tr. 405.

[2] Nội các triều Nguyễn: *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*. T4. Nxb Thuận Hoá. Huế, 1993. tr. 407.

www.thuvien247.net

Về thương nhân nước ngoài hoạt động buôn bán ở Đà Nẵng, chúng ta thấy trong những năm đầu nhà Nguyễn mới thành lập triều đại, việc buôn bán của người Anh và triều đình Huế qua cảng khẩu Đà Nẵng có vẻ thường xuyên và vua Gia Long có lúc cũng đã dành ít nhiều thiện cảm đối với họ. Về sau do sự hám lợi của một số thương nhân Anh dẫn đến thất tín làm cho việc buôn bán giữa họ với nước ta qua cảng Đà Nẵng bị giảm sút.

Việc buôn bán của người Pháp ở Việt Nam qua cảng Đà Nẵng có phần thuận lợi so với các nước khác vì người Pháp có được thiện cảm của Gia Long. Ở đây thuế nhập cảng chỉ bằng 3/5 số thuế khi tàu vào Gia Định, nên từ năm 1817 đến năm 1858, có nhiều tàu của nước Pháp đến buôn bán. Người Mỹ cũng đã có lần cho tàu đến mua đường và tơ sống tại Đà Nẵng.

Nhìn chung, thương nhân phương Tây tập trung chủ yếu ở Đà Nẵng nhiều hơn các cửa biển khác. Nhưng vì bị kiểm xét gắt gao, phiền toái của nhiều cơ quan với thái độ đề phòng, việc trao đổi mua bán một khi đã kết thúc thì buộc phải đi ngay, cư dân địa phương cũng không được phép trao đổi riêng với họ, nên hoạt động thương mại của họ không thu được nhiều lợi.

Ở nửa đầu thế kỷ XIX thương nghiệp Đà Nẵng có phần phát triển hơn trước, song đáng kể vẫn là hoạt động nội thương; còn hoạt động ngoại thương cũng chỉ là sự mở rộng của trung tâm Hội An. Cần thấy rằng, do nhà nước độc quyền ngoại thương, không cho người nước ngoài tự do buôn bán, tách rời sự tham gia của cư dân vào hoạt động buôn bán...đã làm cho hoạt động thương mại ở đây không tương xứng với một "hải cảng", không phát triển như khả năng vốn có của nó.

www.thuvien247.net

Nhưng phải thừa nhận rằng, với việc xây dựng hệ thống phòng thủ của một quân cảng, nơi đón tiếp, giao dịch với nước ngoài của một cửa ngõ chính yếu nhất đi vào kinh đô Huế, nơi thu thuế xuất nhập khẩu, vận chuyển hàng hoá nội, ngoại thương... đã kích thích Đà Nẵng từng bước phát triển mang dáng dấp của một đô thị vùng cửa biển với các biểu hiện như: sự tập trung dân cư ngày càng đông đúc, các chợ liên làng xuất hiện và hoạt động mua bán nhộn nhịp, các nghề thủ công phát triển, các kho cất chứa hàng, cùng các hoạt động bốc xếp vận chuyển hàng hoá, sửa chữa tàu thuyền, các hoạt động ngoại giao, quân sự diễn ra tấp nập...

Đến giữa thế kỷ XIX, trong hoàn cảnh đất nước có chiến tranh, triều đình lo đối phó với thực dân, không còn chú ý đến cảng Đà Nẵng như trước, đã làm cho sự phát triển của Đà Nẵng chùng lại. Đến khi thực dân Pháp buộc vua Đồng Khánh nhượng hẳn cho chúng Đà Nẵng (1888) thì nơi đây thành đất "nhượng địa" do Pháp cai quản và nó chuyển biến trong điều kiện mới, trở thành một trung tâm kinh tế, một thành phố cảng của xứ Đông Dương thuộc địa.

2. Đà Nẵng trong ý đồ của các nước tư bản phương Tây

Do vị trí đặc biệt quan trọng đối với khu vực cũng như trên thế giới, Việt Nam từ rất sớm đã trở thành đối tượng dòm ngó, điều tra tiến tới chiếm đoạt khi thời cơ đến của một số nước tư bản phương Tây trên bước đường bành trướng của mình. Các tàu của Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Hà Lan, rồi đến Anh, Pháp, Mỹ... nối tiếp nhau lai vãng, tiếp cận vùng biển Đông của Việt Nam.

Trên bản đồ Việt Nam, Đà Nẵng lại có vị trí đặc biệt quan trọng. So với các vị trí khác ở dọc theo bờ biển từ Bắc

www.thuvien247.net

chí Nam thì Đà Nẵng có nhiều đặc điểm khiến các nước tư bản phương Tây sớm để ý.

Trước hết. Đà Nẵng nằm ở trung độ của nước Việt Nam. Cửa biển Đà Nẵng là một vùng biển sâu trung bình 10-15m, lại được che chắn bởi núi Phước Tường ở phía tây, núi Hải Vân ở phía bắc và bán đảo Sơn Trà sừng sững đứng chắn sóng biển Đông. Do vậy, Đà Nẵng là một cảng biển lớn thuận lợi cho các loại tàu vào ra cập bến. Lại có sông Hàn đổ ra biển, có chỗ rộng đến 1.200m và độ sâu 4-5m nên tàu thuyền trọng tải vừa có thể theo sông đi vào trung tâm thành phố.

Ưu thế của vịnh Đà Nẵng đã được phản ánh ít nhiều qua nhận xét của sứ đoàn Macartney vào năm 1793. Một nhân viên trong sứ đoàn này ghi lại nhận xét của mình về Đà Nẵng và đặt tên cho bán đảo Sơn Trà là "Tân Gibralta". Ông cho biết: "Người ta có thể cho thuyền chạy khắp bờ biển mà không gặp tai nạn. Đáy biển sâu đều đặn từ 17 đến 20 sải. Vịnh Đà Nẵng xứng đáng mang danh là hải cảng hơn là vịnh, đó là một trong những cảng lớn và vững chắc nhất được thấy trong khu vực mà sứ đoàn đã qua. Nó rất sâu nên khi cần thiết phải di chuyển, các tàu bè vẫn yên ổn dù gió to bão lớn. Đáy biển dày bùn nên bỏ neo rất bám"[1]. Tài liệu còn cho biết một hòn đảo trong vịnh (hòn Cô) có mép nước rất sâu, có thể trở thành nơi đón tiếp tàu vào sửa chữa...

Một điều hết sức quan trọng nữa là, không chỉ ở vị trí trung độ của Việt Nam, Đà Nẵng còn đồng thời là nơi dễ tiếp nối qua đường biển với nhiều nơi khác ở Đông Nam Á và Đông Bắc Á. Theo đường biển, từ Đà Nẵng đi Hồng Kông

---

[1] *"Le séjour en Indochine de l' Ambassade de Lord Macartney (1793)"* Revue Indochinoise, 1921. các số 5,6,7,8. Dẫn theo Nguyễn Văn Xuân - Quốc Anh: *Đà Nẵng 100 năm về trước*. Tài liệu đã dẫn, tr. 86.

www.thuvien247.net

hết 550 hải lý, đi Đài Loan hết 850 hải lý, đi Manila hết 740 hải lý, đi Xingapo chưa đến 1000 hải lý, đi Yôkôhama khoảng 2.300 hải lý. Trong cái nhìn chiến lược của thực dân phương Tây, nếu làm chủ Đà Nẵng thì chắc chắn sẽ khống chế được cửa ngõ giao thương quốc tế quan trọng bấy giờ.

Để thấy rõ ý đồ xâm lược của các nước tư bản phương Tây, cần thiết phải nhắc lại một số sự kiện:

Vào cuối thế kỷ XVI, thực dân Tây Ban Nha đang chiếm đóng Philippin đã tìm cách thâm nhập vào Campuchia. Đoàn thuyền chiến Tây Ban Nha do Grégoria de Vergas chỉ huy trên đường về ghé vào Đà Nẵng. Do Tây Ban Nha đưa ra nhiều đòi hỏi xúc phạm đến chủ quyền quốc gia nên chúa Nguyễn đã nổi giận, khiến sứ giả phải bỏ trốn và chúa Nguyễn còn điều động hai đội chiến thuyền và một lực lượng bộ binh đến "cảnh cáo". Barbier trong cuốn "Du hành của người Tây Ban Nha đến Campuchia cuối thế kỷ XV" [1] cho biết rằng, mờ sáng ngày 3/9/1569, quân Tây Ban Nha thấy xuất hiện cả một rừng lưỡi dáo tua tủa trên các núi trọc quanh nơi đậu thuyền, đồng thời có nhiều thuyền mang chất cháy đi hàng ba nhằm thẳng tàu Tây Ban Nha tiến tới, cùng lúc đó pháo từ các đồn luỹ trên bờ phát hoả. Nhận thấy bị tấn công, hạm thuyền Tây Ban Nha phải bỏ chạy và nhờ có gió tây, quân Tây Ban Nha mới thoát nạn.

Lịch sử cũng đã cho thấy, người Bồ Đào Nha sau khi đặt được bàn đạp vững chắc ở Ma Cao (giữa thế kỷ XVI) đã tìm mọi cách ngăn chặn ảnh hưởng của các đế quốc phương Tây khác xâm nhập vào địa bàn Trung Quốc đầy hấp dẫn đối

---

[1] Barbier: *Du hành của người Tây Ban Nha đến Campuchia cuối thế kỷ XV*. Revue Indochinoise, N^{0} 3,4-1922, tr 375-376. Dẫn theo Nguyễn Văn Xuân - Quốc Anh: *Đà Nẵng 100 năm về trước*.Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử 5+6/87. tr . 84.

www.thuvien247.net

với châu Âu. Bồ Đào Nha là nước đầu tiên ở phương Tây đến Hội An, cùng với người Nhật và người Hoa buôn bán ở đây. Có thời người Bồ Đào Nha được chúa Nguyễn tin dùng, sẵn sàng cấp đất để họ thành lập phố ở Đà Nẵng như người Hoa, người Nhật Bản đã lập phố ở Hội An. Christoforo Borri khi thuật lại sự việc này trong cuốn "Tường trình về khu truyền giáo Đàng Trong" ấn hành năm 1631 đã tính đến việc tâu lên vua Bồ Đào Nha phải chớp lấy cơ hội chúa Nguyễn mở cửa giao thương để xây cất tại Đà Nẵng một thành phố đẹp, là nơi bảo đảm an toàn cho các tàu Bồ Đào Nha đi Trung Quốc, cũng như lưu tại đây một hạm đội để chặn đường các tàu buôn Hà Lan đến Nhật và Trung Quốc, vì muốn hay không các tàu buôn Hà Lan cũng phải đi vào hải đạo này.

Vào giữa thế kỷ XVII, mặc dầu người Bồ Đào Nha đã lập được quan hệ tin cậy với chúa Nguyễn và tìm mọi cách gạt bỏ đối thủ cạnh tranh của mình là Hà Lan, nhưng nhà cầm quyền Đàng Trong vẫn cho phép các thương nhân Hà Lan vào Hội An, Đà Nẵng buôn bán. Thế nhưng, Hà Lan ngày càng gắn bó với chúa Trịnh ở Đàng Ngoài - thế lực đang là đối thủ của chúa Nguyễn - và họ cũng đã để xảy ra vụ các nhà buôn Hà Lan đụng độ với nhân dân địa phương nên chúa Nguyễn đoạn tuyệt với họ. Năm 1642 rồi đến năm 1643 xảy ra hai vụ đụng độ lớn giữa thuỷ quân chúa Nguyễn với hạm thuyền Hà Lan, kết quả là chiến hạm Hà Lan bị đánh bại. Năm 1644, Hà Lan lại cho tàu đến bắn phá hải cảng Đại Chiêm, nhưng bị chống trả mãnh liệt nên lại rút lui. Rõ ràng, lực lượng thuỷ quân của chúa Nguyễn lúc bấy giờ khá mạnh mới có khả năng đánh bại được những tàu của phương Tây như thế. Và cố nhiên, với điều kiện tự nhiên thuận lợi và vị trí của Đà Nẵng lúc bấy giờ, lực lượng thuỷ quân chủ chốt của chúa Nguyễn không thể không lập căn cứ ở Đà Nẵng.

www.thuvien247.net

Sang thế kỉ XIX, khi vị trí của Hội An ngày càng mờ nhạt (do buôn bán sa sút vì sông Cổ Cò hay bị bồi lấp, cửa Đại Chiêm không còn đắc dụng với những yêu cầu mới của sự phát triển của ngành hàng hải) thì Đà Nẵng vươn lên trở thành một hải cảng ngoại giao của triều Nguyễn, là cảng khẩu độc quyền đón nhận những thương thuyền phương Tây và đã được nhà nước bấy giờ thể chế hoá bằng các tổ chức mậu dịch và thuế khoá, những quy định cụ thể bằng các văn bản pháp quy của triều đình cho các thuyền nhân nước ngoài.

Từ năm 1802, sau khi đã đánh bại nhà Tây Sơn và lên ngôi vua, Gia Long đề ra quy định việc đón tiếp sứ thần và đại diện các nước như sau: Các nước lâu nay đã có giao thiệp với Việt Nam như Chân Lạp, Xiêm La, Miến Điện v.v... vẫn được tiếp tục cử đại diện ghé thuyền qua Gia Định thành. Vị tổng trấn được quyền một mặt tiếp nhận quốc thư và làm tờ trình lên nhà vua định đoạt, mặt khác tiếp đãi sứ thần trong thời gian chờ đợi. Đối với các nước phương Tây thì bắt buộc tàu thuyền phải ghé cửa biển Đà Nẵng, tuyệt đối không được vào bất cứ cửa biển nào khác. Luật lệ này được áp dụng nhất quán dưới triều các vua kế tiếp[1]. Từ đây Đà Nẵng trở thành cảng biển ngoại giao của triều Nguyễn, đón tiếp nhiều phái đoàn ngoại giao, các tàu thuyền của các nước phương Tây cập bến.

Nhưng các nước phương Tây không chỉ có hoạt động buôn bán mà trước hết là hoạt động ngoại giao và các hoạt động nhằm thực hiện âm mưu xâm nhập vào Việt Nam.

Hoạt động mạnh về ngoại giao trong thời gian này của các nước phương Tây chủ yếu là các nước Anh, Mỹ, nhất là Pháp.

---

[1] Nguyễn Đình Tư. *Cảng biển Đà Nẵng dưới triều Nguyễn*. Tạp chí Xưa & Nay, số 54B-8-1998, tr. 14.

www.thuvien247.net

Với người Anh, tháng 6 năm Quý Hợi (1803), vương quốc Anh sai sứ thần đến Đà Nẵng dâng biểu lên vua Gia Long xin lập phố buôn ở Đà Nẵng, nhưng vua Gia Long không chấp thuận.

Các năm 1804, 1822, 1845 công ty Anh quốc đặt trụ sở tại Quảng Châu (Trung Quốc) 4 lần cử đại diện đến Đà Nẵng đưa thư xin thương thuyết việc buôn bán nhưng Triều đình Huế không chấp thuận.

Tháng 9 năm Ất Mùi (1847), Toàn quyền Hồng Công John Davis đích thân mang hai chiến hạm sang Đà Nẵng xin trình thư của Nữ hoàng Victoria lên nhà vua, xin lập một pháo đài trong vịnh Đà Nẵng và treo song song cờ Anh - Việt, đề nghị hai nước ký một hiệp ước thương mại và thành lập liên minh quân sự Anh - Việt chống lại mọi cuộc xâm lăng của Pháp. Như vậy là đến đây người Anh đã bộc lộ rõ ý đồ của mình không chỉ buôn bán tại Đà Nẵng mà còn chọn nơi đây làm căn cứ quân sự để bành trướng thế lực ở vùng Đông Nam Á.

Với người Mỹ, ngày 21/5/1803 tàu Fame của Công ty Crowinshield of Salem, Massachusetts, một trong những công ty tàu biển lớn của bang New England do thuyền trưởng Briggs chỉ huy đến buông neo tại cửa biển Đà Nẵng, đánh dấu sự xuất hiện lần đầu tiên của tàu buôn Mỹ tại Việt Nam. Tuy Briggs có được vua Gia Long cấp giấy phép buôn bán tại tất cả các hải cảng nước ta, nhưng gặp lúc gió mùa tàu không vào được các hải cảng khác, phải rời Việt Nam đi Manila (Philippin). Mãi đến tháng 12/1832 mới có tàu Peacok chở đặc phái viên Edmund Robert mang theo quốc thư của tổng thống Andrew Jackson và bản dự thảo hiệp ước thương mại với Việt Nam đến cảng Đà Nẵng, nhưng do gió thổi mạnh nên tàu chỉ buông neo ngoài khơi rồi trôi dạt vào cảng Vũng Lấm của Phú Yên. Lần này việc trao đổi buôn bán cũng bất thành.

www.thuvien247.net

Hai năm 1835, 1850 tàu Mỹ lại đến cảng Đà Nẵng mang theo quốc thư xin được thông thương hoà hiếu, nhưng không nhận được sự tiếp đón mặn mà của Triều đình Huế.

Đối với người Pháp, nhờ những hoạt động liên tục của Công ty Đông Ấn và Hội Truyền giáo nước ngoài của Giáo hội Pháp ở các thế kỷ trước nên họ sớm giành được nhiều ưu thế ở Việt Nam. Năm 1748, Công ty Đông Ấn đã giao cho P. Poivre mới từ Viễn Đông về mang theo một dự án điều tra chi tiết về các tài nguyên của Việt Nam và yêu cầu thành lập ở Việt Nam một thương điếm. Đặt chân tới Đà Nẵng vào năm 1749, và sau đó ra kinh đô Huế, P. Poivre được chúa Võ vương Nguyễn Phúc Khoát nhiệt tình đón tiếp, nhưng cuộc vận động của ông ta không kết quả. 19 năm sau, P.Poivre tỏ rõ thái độ muốn chiếm cứ đất đai của Việt Nam, thể hiện trong thư gửi Quận công Choiseul Fraslin. Y cho rằng, mục tiêu của Pháp phải là chiếm lấy Huế để chiếm những kho vàng và khai mỏ vàng, rằng sự khuếch trương kinh tế ở xứ sở này đòi hỏi phải có thời gian lâu dài để dân chúng làm quen với các sản phẩm kỹ thuật của nước Pháp, do đó phải làm chủ thực sự cảng Đà Nẵng và Hội An[1]. Sau đó, cuộc chiến tranh giữa chúa Nguyễn với nhà Tây Sơn là dịp tốt để Pháp bắt đầu những can thiệp quân sự vào nước ta. Nguyễn Ánh cho hoàng tử Cảnh theo giám mục Bá Đa Lộc (Pierre Pigneau de Béhaine, Giám mục xứ đạo Adran) sang Pháp tiếp xúc với triều đình Louis XVI, ký hiệp ước Versailles (1787). Khi điều đình với phía Pháp, Bá Đa Lộc đã xuất trình biên bản cuộc họp của Đại hội đồng Vương quốc Đàng Trong với những quyết nghị vô cùng tai hại cho đất nước ta nói chung và Đà Nẵng nói riêng. Quyết nghị 8

---

[1] Dẫn theo Đỗ Quang Hưng - Quốc Trung. *Chiến trận ở Đà Nẵng 130 năm trước diễn tiến và kết cục*. Nghiên cứu Lịch sử 5+6/ 1987.

www.thuvien247.net

ghi rõ: "Đức Giám mục xứ đạo Adran sẽ được giao nhiệm vụ nhân danh nhà vua (tức Nguyễn Ánh) và Hội đồng của nhà vua cắt nhượng và giao hẳn cho Hoàng đế nước Pháp, với đầy đủ và toàn vẹn vương quyền, hòn đảo nằm phía ngoài cảng chính của xứ Đàng Trong được người châu Âu gọi là cảng Tourane, và bởi người Đàng Trong là Hội An[1], để đặt tại đây những cơ sở theo cung cách và hình thức mà Hoàng đế nước Pháp sẽ nhận thấy là tiện lợi nhất". Quyết nghị 9 tiếp theo sau còn thêm: "Sẽ thoả thuận cấp cho nước Pháp, cùng chung với những dân xứ Đàng Trong, quyền sở hữu cửa cảng nói trên, để có thể cất giấu, sửa chữa và đóng các tàu bè mà triều đình nước Pháp sẽ xét thấy cần thiết"[2].

Sau đó, một văn bản ngoại giao đầu tiên giữa Việt Nam với Pháp - Hiệp ước Versailles được ký kết vào ngày 28/11/1787 bởi giám mục xứ đạo Adran đại diện phía Việt Nam và bá tước Montmorin thay mặt vua Louis XVI của nước Pháp. Nội dung của Hiệp ước có điều khoản 3: "Nhà vua xứ Đàng Trong, đang khi chờ đợi sự trợ giúp quan trọng mà nhà vua rất sùng đạo (chỉ vua Louis XVI) giành cho ông ta, phải nhượng tức thời cho nhà vua và nước Pháp quyền sở hữu tuyệt đối và chủ quyền của hòn đảo, nơi có hải cảng chính của Đàng Trong có tên gọi là Hoinan mà người châu Âu thường gọi là Touron; quyền sở hữu và chủ quyền này có hiệu lực ngay khi quân đội đã chiếm đóng hòn đảo nói trên". Tiếp theo, điều khoản 4 xác nhận: "Ngoài ra cũng thoả thuận rằng nhà vua rất

---

[1] Bản Quyết nghị này nhập Đà Nẵng và Hội An làm một.

[2] Tư liệu gốc này hiện nằm tại Cơ quan lưu trữ Bộ Ngoại giao nước Pháp, đề ngày mồng 10 tháng 7 Âm lịch, đời thứ 13 triều Cảnh Hưng (đối chiếu Dương lịch là ngày 18/8/1782). Dẫn theo Đinh Xuân Lâm: *Đà Nẵng trong cái nhìn chiến lược của tư bản Pháp trước chiến tranh xâm lược Việt Nam (1858)*. Tham luận tại Hội thảo kỷ niệm 140 năm ngày Đà Nẵng chống Pháp.

www.thuvien247.net

sùng đạo cùng với nhà vua xứ Đàng Trong đồng sở hữu hải cảng nói trên, và rằng người Pháp có thể được xây dựng trên đất liền tất cả mọi loại nhà cửa, dinh thự nếu họ thấy cần, vừa là để phục vụ cho sự đi lại trên biển và việc buôn bán cũng như để bảo vệ và sửa chữa tàu thuyền. Còn về sự bảo vệ an ninh cho hải cảng, sẽ được giải quyết tại chỗ bằng một thoả ước riêng"[1].

Hiệp ước Verseilles (1787) ngay sau khi ký kết đã hoàn toàn bị bỏ rơi do cách mạng tư sản Pháp bùng nổ (1789), tiếp theo là chiến tranh kéo dài hơn 20 năm trên lục địa châu Âu (1792-1815) đã cản trở việc thi hành. Chính phủ Pháp về mặt pháp lý hoàn toàn không có tư cách gì để can thiệp vào Việt Nam. Thế nhưng, tham vọng của nhà cầm quyền Pháp thời kỳ đó đối với Việt Nam là thường trực, nên khi khó khăn thì tạm gác lại, đến khi có cơ hội lại mang ra thảo luận, bàn bạc để mưu lợi.

Năm 1799 viên đại uý hải quân Larcher đặt lại vấn đề phải nhanh chóng thiết lập một căn cứ hải quân ở Đông Dương bằng cách phối hợp với Tây Ban Nha chiếm Côn Lôn và Cửa Hàn. Tiếp đến là những đề xuất của De Cossigny, nguyên Toàn quyền Pháp ở Pondichéry thúc giục chính phủ Napoléon đẩy mạnh các hoạt động theo hướng khôi phục lại hiệp ước Versailles.

Điểm lại các sự kiện trên chúng ta thấy rõ là, nếu như ở thế kỷ XVII mục đích của các lái buôn phương Tây chủ yếu là buôn bán kiếm lời, tất cả ham muốn của các lái nước ngoài là buôn được, cất được những món hàng béo bở ở Việt Nam đi bán nơi khác để thu được món lời lớn. Sang thế kỷ XVIII,

---

[1] Dẫn theo Nguyễn Văn Kiệm: *Sự du nhập của Thiên chúa giáo vào Việt Nam từ thế kỷ 17 đến thế kỷ 19*. Hội Khoa học lịch sử Việt Nam, Trung tâm UNESCO bảo tồn và phát triển văn hoá dân tộc Việt Nam, xuất bản 2001, tr 340-341.

www.thuvien247.net

họ chú trọng nhiều đến việc đặt quan hệ thông thương chặt chẽ hơn, xoay xở để có những ký kết buôn bán rành rọt hơn, dứt khoát hơn, nhưng không chỉ là buôn bán mà lúc này vì ý định chiếm đất của họ đã rõ dần, nhất là với nước Pháp, vì lúc này Pháp cay cú với Anh bởi Anh đã hớt mất của họ miếng mồi ngon Ấn Độ.

Sang đầu thế kỷ XIX, cùng với những hoạt động thương mại là âm mưu xâm lược Việt Nam của chính phủ Pháp. Các thương thuyền Pháp thường có chiến hạm đi theo hộ tống, đến cập cảng Đà Nẵng đặt quan hệ thông thương, truyền giáo, mà thực chất là muốn tìm lại những khả năng để thực thi hiệp ước Versailles đã có được trong gần 150 năm trước. Do biết ý đồ của người Pháp nên các vua triều Nguyễn đã khéo léo chối từ sao cho không mang tiếng bội ơn người đã giúp mình giành được vương quyền mà vẫn phải luôn nâng cao tinh thần cảnh giác.

Từ nửa đầu thế kỷ XIX, tình hình kinh tế ở Pháp có những bước phát triển mới. Chính phủ Pháp lại tiếp tục đẩy mạnh kế hoạch xâm chiếm thuộc địa ở Viễn Đông. Các chiến thuyền của hạm đội Đông Hải của Pháp luôn có mặt ngoài khơi Việt Nam, chỉ chờ có cơ hội là thực hiện cuộc xâm lược. Và "cũng chính các giáo sĩ thừa sai Pháp đang hoạt động ở Việt Nam đã giúp thực dân Pháp có được cái cớ đó"[1]. Bởi vì, cùng với những hoạt động mua bán của các thương nhân, việc truyền đạo của các giáo sĩ Pháp cũng ngày càng mạnh mẽ hơn. Điều khiến cho các vua triều Nguyễn lo lắng nhất là sự truyền giáo này lại kết hợp với sự bành trướng của thực dân phương Tây.

---

[1] Nguyễn Văn Kiệm: *Sự du nhập của Thiên chúa giáo vào Việt Nam từ thế kỷ 17 đến thế kỷ 19*, Sđd, tr. 150.

www.thuvien247.net

Dưới thời Louis XVII, công tước De Richelieu ráo riết cử các đoàn tàu đến Việt Nam thúc giục Chaigneau (Chaigneau và Vanie là hai người Pháp đang làm quan trong triều đình Huế) tìm mọi cách vận động để giúp cho việc giao hảo và nhất là lập cho được tại Việt Nam một căn cứ quân sự.

Năm 1825 Bộ trưởng Hải quân Pháp cử nam tước, đại tá Bougainville điều hai chiến hạm "Thétis" và "Espérance" đến Đà Nẵng bắt liên lạc với Chaigneau để điều tra tình hình và nghiên cứu các phương án hành quân, tác chiến, một khi con đường thương thuyết không thành. Nhưng cả Chaigneau và Vanier đều không thành công trong việc thương thuyết với Triều đình Huế, phải bỏ về Pháp. Năm 1832 Chính phủ Pháp lại cử cháu của Chaigneau là Eugne theo tàu "Favorite" đến Việt Nam trong một cố gắng cuối cùng nhưng cũng không thành. Trước tình hình đó, Chính phủ Pháp lệnh cho các chỉ huy hạm đội Pháp ở biển Đông tìm biện pháp bảo vệ giáo sĩ và chuẩn bị cho kế hoạch xâm lược.

Ngày 25/2/1843 viên trung tá Favin Lévêque đem chiến hạm "Héroine" đến Đà Nẵng ép triều đình Huế phải thả 5 giáo sĩ đang bị giam giữ với lời đe doạ quan trấn thủ ở đây rằng: "Tôi đòi họ phải được tha và nếu lời đòi hỏi đó không được thực hiện, ông hãy coi chừng". Tuy được thả nhưng trên đường về 3 trong số 5 giáo sĩ lại bí mật trở lại Việt Nam hoạt động.

Năm 1845 Cécille, chỉ huy hạm đội Pháp ở biển Đông lệnh cho Fornier đưa tàu chiến đến Đà Nẵng đòi thả phó giám mục Nam Kỳ là Lefèbre đã bị Triều đình Huế khép tội tử hình vì những hoạt động phá hoại về chính trị, nhưng khi được tha rồi viên phó giám mục này vẫn lén trở lại Nam Kỳ và bị bắt lần thứ hai. Lần này Triều đình Huế cho dẫn độ Lefèbre đến Singapore. Tại Singapore, các nhà quân sự Anh muốn giúp cho Lefèbre xâm nhập trở lại Nam Kỳ một lần nữa

www.thuvien247.net

nhưng vì sợ người Anh lợi dụng để hất cẳng Pháp tại Việt Nam nên Lefèbre từ chối.

Tưởng rằng Lefèbre chưa được tha, đô đốc Cécille lệnh cho hai chiến hạm đến Đà Nẵng. Ngày 15/4/1845 hai tàu chiến Pháp Gloire và La Victorieuse do đại tá Lapiterre và trung tá R. de Genouilly chỉ huy vào cửa Đà Nẵng gây sự, đòi thả Lefèbre và tự do truyền giáo, rồi nổ súng tấn công tại vịnh Đà Nẵng, đánh đắm 5 chiếc thuyền bọc đồng của ta, giết chết một lãnh binh và một hiệp quản.

Phản ứng hành động khiêu khích trên, vua Thiệu Trị ra lệnh xử tử các người Âu bị bắt trên lãnh thổ Việt Nam. Chính sách này về sau vẫn được vua Tự Đức tiếp tục thi hành.

Ở nửa sau thế kỷ XIX, trong bối cảnh chủ nghĩa tư bản Pháp chuyển mạnh sang giai đoạn độc quyền, đế quốc chủ nghĩa, việc thực hiện ý đồ độc chiếm Đà Nẵng nói riêng và cả nước ta nói chung đã được đội quân viễn chinh Pháp ráo riết tiến hành.

Cuối năm 1852, Napolléon III quyết định xúc tiến kế hoạch xâm lược Việt Nam, đồng thời gây ảnh hưởng ngay tại nước Pháp về nhu cầu "bảo vệ" các thừa sai Thiên chúa giáo. Những tin tức báo về Pháp về tình hình khủng hoảng xã hội ở Việt Nam, về sự suy yếu của triều Tự Đức càng làm cho Chính phủ Pháp mạnh bạo hơn trong kế hoạch đánh chiếm Việt Nam.

Trong tình hình đó, hoàng đế Pháp Napoléon III quyết định can thiệp trực tiếp vào Việt Nam bằng cách uỷ nhiệm cho Charle de Montigny tiếp xúc với Triều đình Huế để nối lại cuộc đàm phán và chấm dứt chính sách khủng bố các giáo sĩ. Dọn đường cho chuyến kinh lý đến Việt Nam là các chiến hạm diễu võ giương oai. Ngày 16/9/1856, tàu chiến Catinat của đại tá Lelieur đến Đà Nẵng chuyển thư báo trước việc Montigny sẽ đến. Chờ không thấy phía Việt Nam trả lời, ngày

www.thuvien247.net

26/9. Lelieur cho bắn phá các đồn luỹ ở Sơn Trà, đưa quân đổ bộ vào các hải đài, bắt binh lính, vứt thuốc súng xuống biển, khoá các khẩu thần công lại. Đến ngày 24/10/1856, tàu Capricieuse do Collier chỉ huy tới Đà Nẵng tiếp tục thương lượng cho việc Montigny tới Việt Nam. Chính vào dịp này cố đạo Pellerin đã lên xuống tàu báo cáo tình hình[1]. Ngày 23/1/1857, Montigny đến Đà Nẵng đưa ra yêu cầu được tự do buôn bán và có sự đối xử tốt hơn với các giáo sĩ, nhưng bị Triều đình Huế kiên quyết cự tuyệt.

Cũng cần nói thêm là ngay khi Montigny vừa đặt chân tới Đà Nẵng thì linh mục Huc nguyên là giáo sĩ truyền giáo tại Trung Quốc đã gửi cho Napoléon III một lá thư dài thúc giục hành động, nhấn mạnh tới vị trí chiến lược của Đà Nẵng. Huc viết: "Viễn Đông sắp sửa biến thành sân khấu của nhiều sự kiện lớn lao. Nếu hoàng thượng muốn, nước Pháp có thể đóng một vai trò rất quan trọng và vinh quang ở đây (...) Đà Nẵng trong tay người Pháp sẽ là bất khả xâm phạm và là một điểm quan trọng nhất để làm chủ mọi vấn đề vùng Thượng Á (tức chỉ Trung Quốc, Tartarie, Tây Tạng)... Nước Anh đang chăm chú nhìn về Đà Nẵng. Họ sẽ đi trước chúng ta nếu như họ biết rõ những quyền của chúng ta (ý muốn nhắc tới Hiệp ước Versailles năm 1787) và biết chúng ta đang có một dự kiến chiếm đóng"[2].

Napoléon III sau khi xem lá thư trên liền thành lập một tiểu ban để nghiên cứu xem nước Pháp có thể căn cứ vào các điều khoản của Hiệp ước Versailles để can thiệp vào Việt Nam không. Tiểu ban này tuy xác nhận rằng Hiệp ước

---

[1] Theo Đỗ Quang Hưng- Quốc Trung. *Chiến trận ở Đà Nẵng 130 năm trước diễn biến và kết cục*. Nghiên cứu Lịch sử 5+6/1987.

[2] *Hồi ký và tư liệu châu Á*, quyển 27. tr.288-289. Dẫn theo Đinh Xuân Lâm. Tlđd.

www.thuvien247.net

Versailles chưa bao giờ được thực hiện nên không thể dựa vào nó, nhưng lại cho rằng những vụ xúc phạm ngày càng nhiều đối với các giáo sĩ cũng đã biện hộ cho sự cần thiết phải hành động. Vào lúc đó, giám mục Pellerin cũng đẩy mạnh cuộc vận động Pháp can thiệp vào Việt Nam. Cuối cùng Napoléon III đã quyết định hành động.

Ngày 2/4/1857, Napoléon III quyết định thành lập "Hội đồng Nam Kỳ" để "xem xét lại" Hiệp ước Versailles, thực chất là muốn hợp thức hóa việc đem quân sang đánh chiếm nước ta.

Chuẩn đô đốc, Tư lệnh trưởng hạm đội Pháp ở Viễn Đông là Rigault de Genouilly nhận được chỉ thị từ Pháp sang là "nên sử dụng những biện pháp có hiệu quả nhanh chóng và đảm bảo hơn", ý muốn nói đến biện pháp quân sự để khuất phục Việt Nam. Chỉ thị nói rõ: "một khi đã đến sát bờ biển vương quốc An Nam thì đánh chiếm vịnh biển và lãnh thổ Đà Nẵng", sau khi đã đánh chiếm được Đà Nẵng rồi thì "dù có áp đặt được sự thừa nhận nền bảo hộ của Pháp trên xứ sở Nam Kỳ, hay chỉ đơn giản ký kết bình thường thì Rigault de Genouilly cũng phải giữ được chủ quyền Đà Nẵng làm vật bảo đảm, buộc phía Chính phủ Nam kỳ phải thi hành hoàn toàn hiệp ước đã ký kết"[1].

Cuối tháng 5/1857 lại xảy ra một sự kiện mới làm cho mối quan hệ giữa Việt Nam với Pháp đã xấu lại càng xấu thêm. Đó là giáo sĩ Tây Ban Nha Diaz Sanjurjo bị bắt giam tại tỉnh lỵ Nam Định và sau đó bị hành quyết (20/7/1857) bất chấp sự can thiệp của Pháp. Lập tức Genouilly, lúc này đã là Tổng chỉ huy hạm đội Pháp đang hành quân ven biển Trung

---

[1] *Hồi ký và tư liệu châu Á*, quyển 27, tr. 339-431. Dẫn theo Đinh Xuân Lâm. Tlđd.

www.thuvien247.net

Hoa, nhận được lệnh liền điều chiến hạm xuống bờ biển phía Nam. Pháp cũng đã lôi kéo được cả Tây Ban Nha vào cuộc.

Tháng 9/1857, tàu Catinat lại đến Đà Nẵng một lần nữa với sứ mệnh bí mật đón các giáo sĩ, trong đó có Pellerin trở về Pháp hoạch định cho cuộc chiến xâm lược Việt Nam. Lúc bấy giờ ở Pháp, sau khi Ủy ban nghiên cứu về vấn đề Việt Nam thành lập do Nam tước Brenier đứng đầu, đã mở cuộc họp từ ngày 28/4-18/5/1857. Cuối cùng, kế hoạch đánh chiếm Việt Nam, lấy mục tiêu đầu tiên là Đà Nẵng đã được ấn định.

Pellerin khi về Pháp đã bệ kiến Napoléon III, đề nghị những giải pháp về vấn đề Việt Nam với những cam đoan về sự hưởng ứng từ bên trong của giáo dân sẽ hỗ trợ cho quân viễn chinh đánh từ bên ngoài vào. Lời đề nghị của Pellerin được vua Napoléon III phê chuẩn.

3. Chủ trương phòng giữ Đà Nẵng của Triều đình Huế

Nhận thấy vị thế chiến lược quan trọng của Đà Nẵng và qua những lần gây chiến của thực dân phương Tây tại cửa biển này, cho thấy chúng có thể đổ bộ lên Đà Nẵng rồi từ đây đưa quân tiến công ra Huế nên Triều đình Huế hết sức coi trọng việc phòng thủ Đà Nẵng.

Ngay từ khi mới lên ngôi năm 1802, vua Gia Long đã cho đặt hệ thống kiểm soát và phòng thủ cửa bể Đà Nẵng. Cơ sở đầu tiên được thực hiện vào năm này là Thủ sở đặt ở hữu ngạn sông Hàn, có quân đồn trú, có trấn thủ chỉ huy.

Năm 1809, vua Gia Long ra lệnh củng cố hệ thống giao thông đường bộ từ chân đèo Hải Vân qua Đà Nẵng, dọc Quảng Nam vào đến Khánh Hoà. Năm 1813 sai người đo đạc cửa biển nông sâu, rộng hẹp, định lệ hàng năm vẽ bản đồ

www.thuvien247.net

trình lên vua và cung cấp cho thuỷ quân. Cũng năm đó Triều đình sai Nguyễn Văn Thành lập pháo đài Điện Hải và đài An Hải nằm hai bên tả hữu sông Hàn để quan sát ngoài biển và phòng thủ Đà Nẵng.

Pháo đài Điện Hải được xây ở tả ngạn cửa sông Hàn, thuộc về phía Tây. Đài An Hải nằm đối diện ở hữu ngạn sông Hàn, thuộc phía Đông. Các thành này đều xây bằng đất, lại sát bờ biển nên thường bị sóng xói mòn. Triều đình nhiều lần cho kè đá, nhưng vẫn không ngăn được sự xói mòn của nước biển.

Đến đời Minh Mạng, thành An Hải, Điện Hải, những pháo đài phòng thủ quan trọng bậc nhất trên cửa biển Đà Nẵng được xây dựng có quy mô lớn.

> Thành Điện Hải vốn là đài Điện Hải. Đến năm Minh Mạng thứ 4 (1823), đài Điện Hải được dời về phía nam (chỗ di tích hiện nay), cách đài cũ 150 trượng. Đài được xây dựng kiên cố, cao 12m, có một kỳ đài, 7 đại bác. Năm Minh Mạng thứ 15 (1835), đài được đổi tên thành thành. Đến năm Thiệu Trị thứ 7 (1847), thành được xây dựng mới với chu vi lớn hơn: 139 trượng (556m), 30 pháo đài và 30 súng đại bác. Thành xây dựng bằng gạch, theo kiểu thành Vauban, hình vuông có 4 góc lồi; thành cao 1 trượng 2 thước (gần 5m), hào sâu 7 thước (gần 3m), có 30 pháo đài và 30 súng đại bác. Thành có 2 cửa: một cửa hướng về phía Đông, nhìn xuống sông Hàn, một cửa hướng về phía Nam (cửa chính). Trong thành có hành cung, có kỳ đài, các cơ sở chứa lương thực, đạn dược, thuốc súng.

Để yểm trợ cho Điện Hải, Minh Mạng còn cho củng cố pháo đài Định Hải ở phía đông trạm Nam Chơn, trên núi Định Hải. Pháo đài này xây bằng gạch, có trang bị đại bác, kho thuốc đạn và có một lực lượng quân trú phòng tinh nhuệ đóng giữ.

www.thuvien247.net

Năm 1830, Minh Mạng thứ 10, thành An Hải được xây bằng gạch trên một khu đất rộng ở phía hữu ngạn sông Hàn, đối diện với thành Điện Hải (khu vực An Đồn hiện nay) để cùng với Điện Hải hợp lực chống giữ mặt biển.

> Thành An Hải có quy mô nhỏ hơn thành Điện Hải. Chu vi thành này 40 trượng 2 thước (165 m), cao 1 trượng 1 thước (4,5 m), chung quanh cũng có hào sâu (4 m) bao bọc. Thành có hai cửa, một kỳ đài, 22 ụ đại bác cỡ lớn quay về hướng cửa Hàn và vịnh Đà Nẵng để đề phòng tàu nước ngoài đột nhập.

Đến năm 1840, khi Hồng Kông (Trung Quốc) rơi vào tay người Anh khiến cho vua Minh Mạng càng thêm lo lắng cho số phận của Việt Nam, nhất là cửa biển Đà Nẵng. Vua sai Tham tri Bộ Công Nguyễn Công Trứ vào Sơn Trà xem xét lại hệ thống phòng thủ cửa biển. Sau khi thị sát, Nguyễn Công Trứ dâng sớ đề nghị phải tăng cường phòng thủ ở vịnh Đà Nẵng. Mỗi chiếc tàu lớn phải đủ 100 thuỷ binh, 10 súng điểu thương, 10 đại bác và 15 ngọn giáo; tăng cường phòng thủ ở các thành Điện Hải, An Hải; phải lập đồn ở núi Mỏ Diều, nơi bốn bề rộng rãi có thể quan sát dễ dàng ngoài mặt biển.

Tất cả những đề nghị của Nguyễn Công Trứ đều được vua Minh Mạng chấp nhận và cho thực hiện. Ngoài ra, vua Minh Mạng còn cho tăng cường thêm 5 chiếc thuyền hạng lớn bọc đồng, 5 chiếc thuyền hạng vừa, tất cả đều được trang bị đầy đủ. Lực lượng và vũ khí hạng nặng ở đây gồm hơn 600 quân tăng cường cho các pháo đài An Hải và Điện Hải, trang bị cho tàu thuyền các kính thiên lý của châu Âu để tuần phòng mặt biển; tu sửa 141 cỗ thần công và nhiều tàu thuyền quân sự.

Đã thế, nhưng vua Minh Mạng vẫn chưa yên tâm nên lại cử tiếp Tham tri Bộ Lễ Nguyễn Tri Phương vào làm Tuần

www.thuvien247.net

vũ Nam Ngãi trực tiếp trông coi việc phòng thủ Đà Nẵng. Chính Minh Mạng đã dụ Nguyễn Tri Phương: "Cửa bể Đà Nẵng là chỗ xung yếu ở vùng bể, vì thuyền bè đi lại là phải qua cửa bể ấy. Ngươi có chức trách về địa phương ấy nên thân hành xem kỹ hai đồn An Hải, Điện Hải và pháo đài Phòng Hải, mà đem tâm tu chỉnh, thời bọn giặc muốn nhòm nom cũng không thể thừa được sơ hở của ta, đó là kế hoạch lớn, ràng rịt cửa sổ ngay từ lúc chưa mưa, để giữ vững bờ cõi của mình"[1]. Nhà vua còn dặn đi dặn lại với Nguyễn Tri Phương rằng: "Trong tỉnh Quảng Nam có cửa bể Đà Nẵng nên đắp thêm đồn luỹ và làm nhà đặt súng để phòng bị, khanh vào đó nhớ nên quan tâm việc ấy trước nhất".

Nguyễn Tri Phương sau khi đến lỵ sở liền xem xét tình hình, rồi cho xây dựng pháo đài Phòng Hải ở dảo Mỏ Diều.

> Pháo đài Phòng Hải hình tròn, có đường kính 9 trượng, 2 tầng. Tầng trên đặt 8 cỗ súng đồng quá sơn, tầng dưới đặt 19 cỗ súng ngang hồng y. Trong pháo đài có kho thuốc súng, trại lính và kho lương thực. Như thế pháo đài Phòng Hải hợp lực lượng với pháo đài An Hải, Điện Hải đã bao quát được toàn bộ mặt vịnh Đà Nẵng.

Triều đình Huế cũng cho sửa sang lại con đường qua ải Hải Vân và có chủ trương khuyến khích dân đến ở hai bên đường. Ngoài ra, để tăng cường cho Đà Nẵng, triều đình cho dời tỉnh lỵ Quảng Nam từ Thanh Chiêm (sát sông Thu Bồn) ra La Qua (Vĩnh Điện, gần Đà Nẵng), lại cho đào sông Vĩnh Điện nối sông Thu Bồn với Đà Nẵng (1822). Với những chủ trương và việc làm như thế đã biến Đà Nẵng thành một đầu mối giao thông, một trung tâm quân sự, chính trị mạnh của triều Nguyễn; và hải cảng Đà Nẵng

---

[1] Quốc sử quán Triều Nguyễn: *Minh Mệnh chính yếu*. T3. Nxb Thuận Hoá, Huế, 1994, tr. 275.

www.thuvien247.net

mang nặng tính chất một quân cảng, trở thành một mắt xích trọng yếu nhất trong chiến lược phòng thủ mặt biển của triều đình Huế.

Sau vụ gây hấn của hai chiếc tàu Pháp là Gloire và Victorieuse vào ngày 15/4/1847, vua Thiệu Trị liền cấp tốc cử đô thống Mai Công Ngôn vào Đà Nẵng xem xét tình hình. Sau đó, đô thống Mai Công Ngôn đề nghị cho xây dựng thêm một hệ thống phòng thủ mới gọi là "Trấn dương thất bảo đài".

> Trấn dương thất bảo là một hệ thống gồm 7 pháo đài trấn giữ mặt biển, nằm ở phía Tây dưới chân núi Sơn Trà. Bảo thứ nhất đặt ở mũi Mỏ Diều, có chu vi 23 trượng (92 m), cao 4 thước 3 tấc (khoảng 1,8m). Bảo thứ hai, ở đảo Cô có chu vi 41 trượng (164 m), cao 4 thước 3 tấc. Bảo thứ ba, thứ tư nằm ở phía Tây chân núi Sơn Trà có chu vi 8 trượng (32 m), cao 2 thước 7 tấc. Các bảo khác cứ thế kế tiếp nhau, kéo dài cho đến gần thành An Hải.

Như thế, Phòng Hải, An Hải, cùng với Trấn dương thất bảo đài đã làm thành một hệ thống liên hoàn trấn giữ phía Đông vịnh Đà Nẵng.

Đến thời vua Tự Đức, do âm mưu xâm lược nước ta và nhiều vụ gây hấn của thực dân Pháp ngày càng trắng trợn hơn, nhất là vụ tàu Pháp Catina nổ súng bắn phá các pháo đài trên vịnh Đà Nẵng vào năm 1856, khiến cho việc phòng thủ cửa biển này càng trở nên cấp bách hơn bao giờ hết. Vua Tự Đức căn dặn Đào Trí rằng: "Cửa bể ấy từ Hải Vân đến Câu Đê, một dải toàn là đường quan báo, phải phòng vệ cho nghiêm thêm...Tuỳ nghi đóng đồn, liệu đất đặt chỗ canh phòng... chớ để quân Tây dương lên bờ...". Chưởng vệ Đào Trí cùng Tổng đốc Quảng Nam sau khi xem xét đã xin vua Tự Đức đặt thêm đồn Trấn Dương ở trên chóp núi Sơn Trà; tại đây xin đặt 20 khẩu súng đại bác có khẩu kính lớn, đặt

www.thuvien247.net

kính thiên lí để quan sát được toàn bộ vùng vịnh Đà Nẵng. Đồng thời Đào Trí cũng xin đắp hai luỹ đất, trồng tre gai làm chướng ngại vật ngăn địch từ An Hải đến chân núi Sơn Trà, từ thành Điện Hải đến Thanh Khê. Đồn Trấn Dương và các luỹ đất được xây dựng năm 1856.

Công việc tuần tiễu bờ biển để giám sát tàu thuyền nước ngoài, nhất là tàu thuyền phương Tây được các vua đầu triều Nguyễn hết sức coi trọng. Ngay từ thời vua Gia Long đã có nghị chuẩn cho tấn Đà Nẵng phải theo dõi sát các thuyền của Anh, Pháp và cấm nhân dân địa phương không được tự tiện quan hệ với những thuyền nhân đó, nếu quan tấn thủ thấy khả nghi thì phải lập tức phi báo về Triều cả bằng đường trạm và bằng hiệu cờ.

Như vậy, hệ thống phòng thủ cửa biển ở Đà Nẵng luôn được tu bổ, củng cố. Hệ thống phòng thủ đó được xây dựng ngay từ khi triều Nguyễn thành lập cho đến thời Tự Đức, với quy mô ngày càng lớn. Ngoài việc xây dựng các đồn, đài, bảo.., triều đình còn thường xuyên cử các tướng giỏi như Nguyễn Văn Thành, Nguyễn Tri Phương vào thị sát, kiểm tra, lập kế hoạch phòng thủ, trang bị thêm vũ khí, các phương tiện chiến tranh để do thám, phát hiện tàu thuyền lạ, đồng thời cũng tăng cường binh lính đồn trú, với một đội quân thường trực lên đến 500 người.

Ngoài hệ thống phòng thủ trên, tiến về phía nam còn có cả một hệ thống đồn luỹ nữa, gồm các đồn Hải Châu, Phước Ninh, Thạc Gián ở tả ngạn; các đồn Hoá Khuê, Mỹ Thị ở hữu ngạn. Trên một mũi đất nhô ra giữa sông Hàn là đồn Nại Hiên án ngữ, sẵn sàng ngăn chặn những chiến thuyền địch muốn ngược sông đi sâu vào nội địa.

Từ cửa Hàn, ven vịnh Đà Nẵng dọc về phía Bắc và Tây Bắc, trên con đường đi Huế qua đèo Hải Vân có một

www.thuvien247.net

hệ thống phòng thủ gồm các căn cứ hỗ trợ và phòng ngự như tấn Câu Đê, pháo đài Định Hải, đồn Chơn Sảng, pháo đài trên đèo Hải Vân... Nằm về phía núi Cổ Ngựa là một hòn đảo án ngữ cửa vịnh, được vua Minh Mạng đặt tên là "Ngự Hải đảo" vào năm 1840. Trên đảo này có một pháo đài gọi là "Hoả Phong", tức đốt lửa để làm hiệu khi thấy tàu địch xuất hiện.

Ngoài các cơ sở phòng thủ cố định như trên, lực lượng thuỷ quân còn được tăng cường thêm tàu chiến, như các tàu Thuỵ Long, Phấn Bằng, Thanh Loan, mỗi tàu có 100 thuỷ binh, trang bị 100 súng, 10 đại bác.

Triều Nguyễn cũng rất quan tâm đến việc cải tiến và tăng cường hiệu quả hoạt động của cảng Đà Nẵng như lập quy chế về việc kiểm soát tàu thuyền qua lại và vào bến cảng, cải tiến hệ thống thông tin liên lạc v.v..

Công việc phòng thủ ở cửa biển Đà Nẵng nghiêm ngặt như thế đã thể hiện ý thức cảnh giác cao độ của triều đình Huế đối với âm mưu xâm lược của các nước phương Tây nói chung, thực dân Pháp nói riêng, đồng thời cũng tỏ rõ sự quyết tâm chống giặc của mình. Đến giữa thế kỷ XIX, hệ thống phòng thủ ở cửa biển Đà Nẵng coi như đã hoàn tất với quy mô lớn hơn bất cứ cửa biển nào khác ở nước ta.

II. CUỘC CHIẾN TRANH VỆ QUỐC TẠI ĐÀ NẴNG

1. Liên quân Pháp - Tây Ban Nha nổ súng xâm lược tại Đà Nẵng

Kế hoạch đánh chiếm Việt Nam với mục tiêu đầu tiên là Đà Nẵng tuy đã được bộ máy chiến tranh Pháp ấn định từ tháng 5/1857, nhưng phải chờ đến sau khi Hiệp ước Thiên Tân được ký kết (28/6/1858) chấm dứt các hoạt động

www.thuvien247.net

quân sự của Pháp ở Trung Quốc thì các lực lượng quân sự Pháp ở biển Đông mới có thể lên đường đi xuống vùng biển phía Nam. Việc chọn Đà Nẵng làm điểm xâm lược đầu tiên được nói rõ trong huấn lệnh về cuộc chiến xâm lược Việt Nam do Thượng thư ngoại giao Walewski chuyển cho Thượng thư Hải quân, đô đốc Hamelon: "Ngay lập tức, Thiếu tướng (R.de Genouilly) phải chiếm ngay vịnh và lãnh thổ Đà Nẵng. Làm chủ vị trí này rồi... đồng thời xem xét hoặc phải mở rộng nỗ lực để thực hiện các cơ sở bảo hộ trên nước Việt Nam hoặc phải tự giới hạn trong việc kết thúc bằng một hiệp ước về thương mại thân hữu và hàng hải, quy định sự sửa đổi việc ngược đãi các giáo sĩ của chúng ta. Hoàng đế hoàn toàn đồng ý và giao việc lựa chọn một trong hai giải pháp trên đây cho sự sáng suốt của Thiếu tướng R.de Genouilly để cân nhắc và thi hành cho tương xứng với việc sử dụng lực lượng và phương thức hành động... Dù là cách lựa chọn nào, tướng cũng nên bảo toàn việc chiếm đóng Đà Nẵng như một bảo đảm buộc chính quyền Việt Nam thi hành đúng các cam kết "[1].

Ngày 31/8/1858, quân Pháp dưới quyền tổng chỉ huy của Rigault de Genouilly, phối hợp với các bộ phận quân đội Tây Ban Nha, đã được tổ chức tập kết tại cửa vịnh Đà Nẵng.

Lực lượng liên quân Pháp-Tây Ban Nha đánh chiếm Đà Nẵng gồm 13 tàu chiến của Pháp: Némésis, Phlégéton, Primauguet, Fusuée, La Place, Avalanche, Régent, Dragonne, Alarme, Mitraille, Saône, Gironde, Meurthe và 2 tàu thuê của tư nhân, với 1.500 quân; 3 tàu chiến của Tây Ban Nha: El Cano, Durance, Dordogone với 850 lính Âu và da đen do đại tá Lanzarotte chỉ huy. Tổng cộng có 2.350 quân với 16 chiến

[1] G.Taboulet: *La geste francaise en Indochine*. Paris, tr. 416-417.

www.thuvien247.net

hạm[1], trong đó có những tàu chiến trang bị nhiều vũ khí tốt, như tàu Mémesis trang bị đến 50 khẩu đại bác hiện đại có sức công phá lớn, khả năng sát thương cao. Trong hàng ngũ địch còn có 2 đại đội "lính bản xứ" gồm các giáo dân phản động, bọn thổ phỉ và dân phu Tàu[2]. Trên chiến hạm Némésis chở Bộ chỉ huy hành quân của Rigault de Genouilly có cả giáo sĩ Pellerin đóng vai trò cố vấn chính trị và quân sự.

Sau khi xác lập địa bàn chiến lược, dựa vào những báo cáo của các giáo sĩ cho rằng "việc lấy An Nam chẳng có gì dễ dàng hơn nữa" vì "hầu như xứ này hoàn toàn không có quân đội"(!), Genouilly liền vạch ra và tiến hành một kế hoạch "đánh nhanh thắng nhanh" tại Đà Nẵng để vượt đèo Hải Vân tiến ra Huế, nhằm nhanh chóng kết thúc cuộc chiến tranh xâm lược.

Nhưng với việc lên kế hoạch "đánh nhanh thắng nhanh" như vậy, Rigault de Genouilly dường như cũng đã thấy được những khó khăn đang chờ mình phía trước nên trong một bức thư gửi Bộ Ngoại giao Pháp, y cho rằng muốn cho Triều đình Huế đầu hàng, đòi hỏi liên quân phải có một

---

[1] Về lực lượng tham chiến của liên quân Pháp và Tây Ban Nha đã có nhiều tài liệu đưa ra những con số cụ thể khác nhau. Tác giả Võ Văn Dật, thì nói có 12 tàu và 2000 quân (Luận văn Cao học "*Lịch sử Đà Nẵng 1306-1950*". Bản đánh máy, lưu ở Ban Tuyên giáo Thành uỷ Đà Nẵng); hai tác giả Đỗ Quang Hưng, Đỗ Trung cho rằng có 12 chiếc và 1500 quân *(Chiến trận ở Đà Nẵng 139 năm trước diễn biến và kết cục*. Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử 5–6/1987; tác giả Nguyễn Khắc Đạm trong sách *Nguyễn Tri Phương đánh Pháp* (Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam xuất bản,1998) thì cho rằng có 3000 quân. Sử nhà Nguyễn thì ghi là 12 chiếc tàu Tây... Lại có tài liệu nói là 14 chiến thuyền với số quân chừng 2500 quân...Ở đây chúng tôi sử dụng số liệu trong "*Histoire militaire de l'Indoch ne francaise*" của G.Taboulet và đối chiếu với "*Đại Nam thực lục chính biên*".

[2] Dương Trung Quốc, Trần Hữu Đính, Nguyễn Văn Nhật, Nguyễn Tố Uyên, Ngô Văn Minh: *Lịch sử Thành phố Đà Nẵng*. Nxb Đà Nẵng, 2001.

www.thuvien247.net

lực lượng bộ binh mạnh, ít nhất cũng phải có được 1.000 lính thuỷ đánh bộ, 2 liên đội pháo binh và 1 liên đội công binh để đánh Đà Nẵng và làm chủ ở đây cho đến ngày Triều đình Huế đầu hàng. Harmand là thầy thuốc của đoàn chiến hạm, người cùng đi với Genouilly lúc bấy giờ cũng cho biết: "Chúng tôi đổ bộ vào xứ An Nam mà không có lấy một đường lối hoạch định nào trước cả, duy nhất có lẽ trong thâm tâm chỉ nghĩ đến việc thiết lập một thương điếm ở Đà Nẵng mà thôi. Người ta đã không tiến hành một việc nghiên cứu nào về xứ sở này cả, không hay biết gì về dân chúng nơi đây, không biết gì về phong tục, tính cách của họ và lường trước được những hậu quả gì có thể xảy ra khi mà chúng ta hành động"[1]. Với âm mưu đánh nhanh thắng nhanh Đà Nẵng nhưng lại thiếu một cơ sở chắc chắn, một kế hoạch rõ ràng như thế, thử hỏi Rigault de Genouilly có làm được những điều như mong muốn hay không ?

Sáng sớm ngày 1/9/1858, Rigault de Genouilly gửi tối hậu thư cho quan tấn thủ Đà Nẵng đòi quân ta phải đầu hàng và nộp toàn bộ vũ khí, đồn luỹ cho chúng. Sau đó, Genouilly ra lệnh tấn công. Các thành Điện Hải, An Hải trở thành mục tiêu bắn phá đầu tiên của đại bác địch.

Sau nửa giờ địch nã pháo liên tục, hầu hết các vị trí của ta bị phá huỷ. Kho thuốc súng của thành An Hải bị trúng đạn nổ tung, một đoạn thành sập hẳn. Pháo đài Phòng Hải, Trấn dương thất bảo... lần lượt bị đánh chiếm. Đến khoảng 10 giờ sáng, Pháp đã cho quân đổ bộ chiếm các đồn Nại Hiên Đông, An Hải...

---

[1] Dương Kinh Quốc: *Đà Nẵng- Việt Nam trong bối cảnh phát triển của chủ nghĩa tư bản Pháp*. Tham luận kỷ niệm 130 năm nhân dân Đà Nẵng đánh thực dân Pháp, tổ chức tại Đà Nẵng năm 1988, tr. 131-132.

www.thuvien247.net

Khi quân xâm lược nổ súng tấn công thì ngay lập tức các khẩu pháo trong các pháo đài của ta cũng đồng loạt bắn trả rất quyết liệt, nhưng tỏ ra kém hiệu lực vì phần lớn đạn pháo từ các đồn bắn ra không trúng mục tiêu, hoặc trúng mục tiêu nhưng sức công phá kém do đầu đạn không gây nổ phá và sát thương cao như đạn pháo của địch. Lực lượng quân đồn trú của ta vừa đánh trả, vừa rút lui khỏi các đồn, sau khi bị tiêu hao khá lớn.

Đến chiều ngày 1/9/1858, phần lớn các đồn luỹ của ta ở phía đông bờ sông Hàn đã bị hạ. Genouilly báo cáo về Paris: "Sau khi tôi đích thân đi thị sát cùng đội hộ tống Tây Ban Nha, ngay chiều hôm đó tôi đã xác định vị trí đóng quân cho tất cả các đơn vị Pháp dưới quyền chỉ huy của đại tá Raybaud và đại đội Tây Ban Nha do đại tá Oscaritz chỉ huy. Đây là khu đất bằng phẳng trên bán đảo gần kề pháo đài phía đông (tức thành An Hải)" [1].

Sáng 2/9/1858, Pháp dùng 5 chiến hạm Alarme, Fusée, Avalanche, Mitraille, Dragonne cùng chiến hạm El Cano của Tây Ban Nha dưới quyền chỉ huy của Reybaud đồng loạt tấn công thành Điện Hải[2]. Pháo địch làm sập một góc thành và nổ tung kho thuốc súng. Thiếu tá Jaure Guiberry đem quân tiến vào cửa sông Hàn, đưa thuyền đậu sát thành Điện Hải. Quân ta vừa đánh vừa lui dần, địch chiếm được thành. Nhưng Jaure Guiberry sợ một cuộc phản công của quân ta nên đã rút khỏi vị trí này, đưa quân về đóng trên bán đảo Sơn Trà.

Qua 2 ngày tấn công, liên quân Pháp-Tây Ban Nha đã vô hiệu hoá các pháo đài, đồn, bảo kiên cố nhất trong hệ thống

---

[1] Nguyễn Phan Quang: *Việt Nam thế kỷ XIX (1802-1884)*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.1999, tr.367.

[2] Theo Châu bản triều Tự Đức thì Bộ Binh báo cáo có 6 chiến thuyền của liên quân Pháp - Tây Ban Nha.

www.thuvien247.net

phòng thủ Đà Nẵng, thu giữ 450 khẩu đại bác bằng đồng và bằng sắt. Cũng chính Genouilly ghi nhận: "Đại bác bằng đồng nhiều hơn và nói chung là rất đẹp. Các đại bác của đối phương vừa mới đặt lên giá cao. Trang bị pháo binh của họ rất hoàn chỉnh và tốt hơn nhiều so với những gì tôi thấy ở Trung Hoa. Pháo đài phía Tây gồm một xưởng pháo binh lục chiến, những đại bác bằng đồng cỡ bằng 6 và 9, giá súng đặt trên những bánh xe cao, rất phù hợp với đường sá gồ ghề của xứ này"[1].

Trong khi đó, trước hoả lực quá ác liệt của địch, quân ta đã lùi sâu vào lập phòng tuyến ở trước huyện đường Hoà Vang ngăn giặc.

2. Nhân dân Đà Nẵng sát cánh cùng quân đội triều đình chống xâm lăng

Là nơi thực dân Pháp trước khi chính thức xâm lược đã nhiều lần đến gây hấn nên nhân dân Đà Nẵng đã có sẵn ý thức sẵn sàng cùng quân đội triều đình chống giặc.

Ngay khi nhận được tin cấp báo về việc Pháp đánh chiếm Đà Nẵng, vua Tự Đức lập tức cho triển khai ngay bộ máy chiến tranh, lệnh cho tổng đốc Nam Ngãi là Trần Hoằng gọi biền binh mãn hạn của tỉnh Quảng Nam gồm 2.070 người, cùng bàn bạc với Bố chính Thân Văn Nhiếp lên kế hoạch nghênh chiến, lại giao cho quyền chưởng doanh hổ oai là Đào Trí, cùng án sát Lê Văn Phổ đem viện binh đến giữ thành[2].

Khi viện binh của triều đình do Đào Trí chỉ huy vào đến Đà Nẵng thì hai thành An Hải và Điện Hải đã bị mất.

---

[1] Nguyễn Phan Quang: *Việt Nam thế kỷ XIX (1802-1884)*. Nxb Thành phố Hồ Chí Minh. 1999. tr.367-368.

[2] Quốc sử quán Triều Nguyễn: *Đại Nam thực lục chính biên*. Tập 28. Nxb KHXH. HN.1973. tr. 440.

www.thuvien247.net

Tự Đức cách chức Tổng đốc Trần Hoằng, giao quyền cho Đào Trí làm nhiếp chính; lại cho luận tội những người để thất thủ các thành, bảo ở Đà Nẵng và cách chức họ, cho lập công chuộc tội, như đối với các trường hợp Tôn Thất Phan (thủ thành An Hải), Tôn Thất Cháy (thủ thành Điện Hải). Sau đó, Tự Đức cử hữu quân đô thống Lê Đình Lý làm thống chế, tham tri bộ binh Phan Khắc Thận làm tham tán quân vụ và các vệ uý Lê Xuân, Nguyễn Nhàn, Trương Linh, Tôn Thất Ân, Tôn Thất Chung, cùng các hiệp quản Bùi Ân, Nguyễn Huy, Hồ Ba đem 2000 quân cấm binh đi chống giữ[1], lại còn sai ngự sử Nguyễn Sỹ Long gấp rút đến Quảng Nam đốc thúc dân phu xay gạo, tải lương đưa đến Đà Nẵng nhằm đảm bảo cung cấp hậu cần, phục vụ quân đội đánh địch. Triều đình còn điều một lực lượng quân từ Bình Định ra hỗ chiến.

Lúc bấy giờ ở mặt trận Đà Nẵng hình thành 2 khu vực. Ở hữu ngạn, quân Pháp chiếm giữ từ bán đảo Sơn Trà đến thành An Hải, chúng thiết lập doanh trại, pháo đài, bệnh viện, nhà kho... Quân ta còn làm chủ 2 đồn Hoá Khuê và Mỹ Thị. Ở tả ngạn, thành Điện Hải tuy không bị chiếm giữ nhưng hư hại nặng, quân ta củng cố các đồn Hải Châu, Phước Ninh, Thạc Gián, Nại Hiên.

Khi đã đến Đà Nẵng, Thống chế Lê Đình Lý chia phái quân lính và voi đóng đồn ở Chân Sảng, Câu Đê, Nam Ô, Cẩm Lệ, Hoá Khuê, Kiều Xưởng và cho lính phòng chặn ở Cẩm Sa và cửa Đại Chiêm. Đồng thời ông xin thêm quân, vua phái vệ uý là Nguyễn Biểu đem 200 lính vũ lâm và rút hơn 400 lính các vệ ở Hải Vân Quan đưa đến quân thứ, lấy 350

---

[1] Quốc sử quán Triều Nguyễn: *Đại Nam thực lục chính biên*. Tập 28. Nxb KHXH. HN.1973. tr. 442

www.thuvien247.net

lính doanh kỳ vũ thay vào giữ Hải Vân Quan. Tự Đức còn cho thống chế doanh tiền phong là Hồ Đức làm đề đốc quân vụ ở quân thứ Hoà Vang[1].

Vậy là tại mặt trận Đà Nẵng có một số lượng đông đảo quân chủ lực của triều đình gồm cấm binh, quân chiến tâm là lực lượng cơ động, tinh nhuệ, cùng với biền binh, dân binh sở tại. Ngoài ra, còn có trai tráng làm dân công phục vụ chiến trường. Việc đánh triệt đường tiếp lương của giặc, đào hào đắp luỹ, đan sọt đắp đất lấp sông Vĩnh Điện để nước sông cạn tàu giặc không vào sâu được nội địa... quả là công việc đòi hỏi sự tham gia của nhiều người dân.

Nhận được 550 quân viện binh do đại tá Lanzarote chỉ huy từ Manila sang, Genouilly liền triển khai cuộc tấn công mới.

Ngày 6/10/1858, theo lệnh của Genouilly, đại tá Jauré Guiberry đưa một đoàn xuồng nhỏ chở đầy lính Pháp-Tây Ban Nha ngược sông Hàn tiến đánh đồn Mỹ Thị. Jauré Guiberry cho quân phá hàng rào bao bọc rồi đổ bộ lên bờ. Quân Pháp gặp một toán quân ta nổ súng báo hiệu rồi ngay lập tức đại bác quân ta từ đồn Mỹ Thị bắn ra xối xả, nhưng đạn chỉ bay qua đầu quân Pháp rồi rơi xuống sông. Quân Pháp tràn lên đánh đồn Mỹ Thị rồi quay xuống tiến sang làng Cẩm Lệ. Tại đây, quân ta và quân địch đánh nhau một trận quyết liệt. Quân Pháp dùng súng liên thanh và tạc đạn bắn về phía quân triều đình. Thống chế Lê Đình Lý cầm quân đánh trả đòn tiến công của giặc một cách kiên cường. Song, trước hoả lực mạnh hơn hẳn của địch, quân ta phần bị thương vong, phần rút lui. Thống chế Lê Đình Lý trúng đạn bị thương nặng, quân sĩ phải võng chủ tướng lui về phía tỉnh

---

[1] Quốc sử quán Triều Nguyễn: *Đại Nam thực lục chính biên*. Tập. 28. Nxb KHXH. HN.1973. tr. 442-444.

www.thuvien247.net

thành, vì vết thương quá nặng nên sau đó Lê Đình Lý qua đời. Quân Pháp tuy thắng lợi nhưng phải rút đi, không dám cho quân chốt lại. Tài liệu Pháp có ghi lại trận này như sau: "Đoàn thuyền của chúng tôi chuyển sang bờ sông đối diện, trên bờ là những khu đất khá rộng, rải rác những lùm cây. Trong khi đang chờ đợi điều gì nhất định xảy đến, thì đột nhiên xuất hiện hàng ngàn lính đối phương vọt lên tấn công. Chúng tôi liền bắn trả, một số ngã xuống, một số chạy vào bụi rậm ẩn nấp, rút lui tán loạn"[1].

Sau trận đánh lớn trên, vua Tự Đức ra lệnh xử chém suất đội Bùi Ngữ vì tội bỏ chạy khi nghe tiếng súng giặc trong trận Cẩm Lệ, bắt giam Hồ Đức Tú chỉ huy đồn Hoá Khuê vì tội hèn nhát án binh bất động không đem quân ứng cứu đồn Cẩm Lệ. Thống chế Tống Phúc Minh được bổ nhiệm thay thế Lê Đình Lý.

Tình hình chiến sự ở mặt trận Đà Nẵng ngày càng căng thẳng, vua Tự Đức triệu Nguyễn Tri Phương, vị võ tướng tài ba đang làm kinh lược sứ Nam Kỳ sung chức Tổng thống quân vụ Quảng Nam trực tiếp điều khiển chiến trường Đà Nẵng, điều Phạm Thế Hiển đang làm Tổng đốc Định Biên sang làm Tham tán quân vụ, phụ tá cho Nguyễn Tri Phương; cử Đào Trí làm Tổng đốc Nam Ngãi, Tống Phúc Minh làm đề đốc...

Khi nhận trọng trách mới (10/1858), Tổng thống quân thứ Quảng Nam Nguyễn Tri Phương đã có ngay một phương lược phòng thủ, đánh địch cho mặt trận Đà Nẵng. Từ sự phân tích chỗ mạnh, chỗ yếu của quân ta và quân địch, ông cho rằng: "nên liệu số binh hiện có, nhân các đồn luỹ hiện tại, đặt phục binh để đánh, giữ cho kỳ được để đợi,

---

[1] Nguyễn Phan Quang: *Việt Nam thế kỷ XIX (1802-1884)*. Nxb TPHCM. 1999. tr.318.

www.thuvien247.net

làm kế giằng dai..."[1]. Trong sớ tâu về Triều, Nguyễn Tri Phương cho ta biết thêm về tư tưởng phòng thủ chiến lược của ông: "Kẻ kia (tức Pháp và Tây Ban Nha) lợi về chiến, ta lợi về thủ, xin lấy thủ làm chiến, xây dựng thêm đồn luỹ để dần dần tiến bức địch"[2]. Ông không chủ trương tiến công địch chính diện nhằm tránh sức mạnh hơn hẳn về vũ khí của chúng, chỉ chủ trương bao vây, chặn địch ngoài mé biển, địch tới đâu đánh tới đó, tích cực phục kích chặn chúng lại, thực hiện vườn không nhà trống, chuyển dân vào bên trong, để địch không thể tiếp xúc với dân.

Tháng 11/1858, Pháp lại cho quân vượt sông Hàn mở cuộc tấn công, nhưng bị quân của Đào Trí và Nguyễn Duy mai phục bất thần đổ ra đánh nên phải rút lui. Sau đó quân Pháp lại mở đợt tấn công mới gồm 8 thuyền binh dọc theo sông Hàn tiến vào đến địa phận Nại Hiên. Nguyễn Duy đem quân chặn đánh, bắn phá được nhiều thuyền giặc, "thuyền có cái bị gãy rách buồm, cái thì bị thủng vỡ, đi nước vào" [3].

Một bài ca của nhân dân địa phương kể về trận đánh này:

Chiều qua vào lúc giờ thân,
Tam bản rần rần xạc ngược bờ sông,
Xạc sâu vào đến đồn trong,
Nổ súng đùng đùng quyết chiếm đồn ta.
Trên bờ ta bắn pháo ra,
Hai cây hoả hổ bắn đà thiệt hung,

---

[1] Quốc sư quán Triều Nguyễn: *Đại Nam thực lục chính biên*. Tập 29. Nxb KHXH. H,1973, tr. 79-80.

[2] Quốc sư quán Triều Nguyễn: *Đại Nam chính biên liệt truyện*.

[3] Quốc sư quán Triều Nguyễn: *Đại Nam thực lục chính biên*. Tập 28. Nxb KHXH. H, 1973, tr. 460

www.thuvien247.net

Cột buồm nó gãy,
Tam bản nó tung,
Tây phiên hãi hùng nó kêu, nó xố,
Nó la hô hố, tam bản xẹc lui,
Trời đã tối rồi, ta không đánh nữa.

Hai ngày 21 và 22/12/1858, quân Pháp lại cho tàu chiến ngược sông Hàn tiến đánh hai đồn Nại Hiên và Hoá Khuê. Tướng giữ 2 đồn này là Nguyễn Triều và Nguyễn Ân[1] cầm quân chống cự hết sức anh dũng và đã hy sinh tại mặt trận trước khi quân cứu viện do Tống Phước Minh chỉ huy kịp đến đẩy lùi được quân địch.

Sau trận này, Nguyễn Tri Phương cho tu sửa các đồn Hoá Khuê, Nại Hiên, chia đặt lại các lầu canh gác để tiếp ứng cho nhau được nhanh chóng. Đào Trí đem quân đóng đồn Mỹ Thị. Chu Phúc Minh, Phan Khắc Thận, Nguyễn Duy mỗi ngày chia nhau đi theo dõi các đồn. Quân Pháp mấy lần đánh vào các đồn Hoá Khuê, Nại Hiên, Thạc Gián nhưng đều bị đẩy lùi. Có lần địch kéo đến khoảng 400 tên đánh vào phòng tuyến của ta ở quãng giữa 2 đồn Hoá Khuê và Nại Hiên, nhưng bị quân triều đình tập trung đánh trả buộc chúng phải rút lui.

Để củng cố phòng tuyến ngăn chặn địch, Nguyễn Tri Phương và Phạm Thế Hiển cho xây thêm đồn Liên Trì và đắp một luỹ cát từ thành Điện Hải chạy đến bao quanh Hải Châu, Phước Ninh, Thạc Gián (thường gọi là phòng tuyến Liên Trì). Bên ngoài luỹ đào hố sâu kiểu chữ *phẩm* dưới cắm đầy chông tre nhọn, đậy bằng vỉ tre, phủ đất và trồng cỏ ngụy trang, chia quân đặt phục binh sát đến đồn Điện Hải. Vì lẽ đó, nhiều lần

---

[1] Quốc sư quán Triều Nguyễn: *Đại Nam thực lục chính biên*. Sđd, tập 28, tr 464 ghi tên là Nguyễn Ân nhưng trên bia mộ ông tại nghĩa trũng Hoà Vang ghi đầy đủ tên là Nguyễn Trọng Ân.

www.thuvien247.net

quân Pháp tiến đánh nhưng bị sa xuống hố, quân ta từ sau các chiến luỹ bắn ra buộc chúng phải rút lui.

Điều cần thấy rằng, tuy với vũ khí thô sơ phải chống chọi lại vũ khí hiện đại của giặc, nhưng tinh thần chiến đấu của quân dân ta rất anh dũng, lăn xả vào quân thù để tiêu diệt chúng. Một sĩ quan Pháp nói về cách đánh của quân ta trong trận Cẩm Lệ do Lê Đình Lý chỉ huy: "Xung quanh pháo đài có đến hơn 500 hố, mỗi hố sâu khoảng 4 pieds (khoảng 1.2 m). Mỗi người lính chiếm một hố, trang bị một khẩu súng hoặc một mũi lao, có tấm phên che phủ miệng hố. Vì vậy người ta hết sức ngạc nhiên khi thình lình vọt lên giữa bãi đất bằng phẳng vô số binh lính mặc đồng phục màu đen thêu hoa văn với những hình thoi màu đỏ trước ngực"[1]. Thế trận giằng dai đã làm cho binh lính Pháp ngày một nghi ngờ về chiến lược đánh nhanh thắng nhanh của Genouilly: "Để làm gì khi gây thiệt hại cho họ vài tấc đất hôm nay thì họ sẽ chiếm lại ngày mai... Từ ngày chiếm Đà Nẵng, chúng ta luôn luôn giữ thế thủ trên một bán đảo... Nếu tiếp tục thế này thì cuộc chiến sẽ kéo dài hàng năm"[2].

Như vậy, có thể nói trận địa của ta tại Đà Nẵng không những không bị địch phá vỡ mà còn được củng cố vững chắc thêm, làm cho chúng bị kìm hãm lại, mất dần thế chủ động ban đầu. Tuy có những lúc địch cố sức cho quân đánh phá vào những vị trí bên trong của ta nhưng rốt cuộc đều bị đánh bật trở lại, không thể thực hiện mục tiêu lấn chiếm thêm đất đai, cũng như không tiêu diệt được lực lượng quân chủ lực của triều đình.

---

[1] Nguyễn Phan Quang: *Việt Nam thế kỷ XIX (1802-1884)*. Nxb thành phố HCM. tr. 368.

[2] Lê Trọng Sâm: *Có chăng sự nhầm lẫn về Lê Đình Lý*. Báo Đà Nẵng cuối tuần, ngày 31/10/1999.

www.thuvien247.net

Ngoài số súng đồng, 3 khẩu chấn oai đại tướng quân, 5 cỗ vũ oai, 20 cỗ quá sơn được đưa đến mặt trận Đà Nẵng liền ngay sau khi liên quân Pháp - Tây Ban Nha nổ súng tấn công, Triều đình còn tiếp tục tăng cường các loại vũ khí, phương tiện khác như đạn "địa lôi chấn", súng đồng nòng dài, ống phun lửa..., lại cho dùng dây xích sắt chắn ngầm ngang các dòng sông, cửa biển: dùng "hòm gỗ", "ngựa gỗ" làm chướng ngại cản địch..., cũng như ra lệnh chở lương, kịp thời ban thưởng, an ủi tướng sĩ gắng sức đánh giặc, sai lập đàn tế các tướng sĩ bị tử trận ở Đà Nẵng. Tự Đức ban cho Nguyễn Tri Phương "thượng phương bảo kiếm", được phép tự quyết đoán công việc. Nhà vua còn ra chỉ dụ khuyến khích việc hiến kế đánh giặc, đồng thời cũng ra lệnh nghiêm trị những kẻ nhút nhát, sợ giặc.

Sát cánh với quân đội triều đình chống giặc, nhân dân Đà Nẵng và cả tỉnh Quảng Nam đã tham gia một cách tích cực.

Quân viễn chinh Pháp khi xâm lược Đà Nẵng những tưởng rằng sẽ có cuộc nổi dậy hưởng ứng của cha cố và giáo dân như lời hứa hẹn của giám mục Pellerin. Nhưng chúng đã chờ đợi một cách vô vọng. Rigault de Genouilly chua chát nhận ra rằng: "Chính phủ đã nhầm lẫn về tính cách cuộc can thiệp ở Việt Nam. Người ta đã trình bày việc này như một việc tầm thường nhưng không đúng như thế. Người ta đã cho chính phủ hay là xứ này có nhiều tài nguyên mà thực sự không có gì. Dân chúng có những xu hướng trái ngược với những gì chúng ta đã tiên đoán; quyền lực các quan yếu kém thì quyền bính ấy vẫn mạnh. Người ta nói rằng xứ này không có binh lính, quân đội thì thật ra quân chính qui ở đây rất đông và dân quân gồm toàn những người lành mạnh trong dân chúng"[1].

---

[1] Dẫn theo Đào Văn Vỹ: *Nguyễn Tri Phương*, Sài Gòn, 1974, tr. 89.

www.thuvien247.net

Ngay sau khi Pháp tấn công Đà Nẵng, các quan lại quê Quảng Nam đang công cán tại khắp miền đất nước như Phạm Phú Thứ đang làm việc trong Nội các đã cùng cậu là Phạm Hữu Nghị dâng sớ xin cho các quan lại, thân sĩ, binh lính quê Quảng Nam đang ở kinh về tỉnh nhà lập đội nghĩa dũng chống giặc, song vua Tự Đức không chuẩn y vì cho rằng chưa cần thiết"[1]. Tiến sĩ Đỗ Thúc Tịnh đang làm Bố chánh Khánh Hoà và tú tài Lâm Hữu Chánh đang làm Tri huyện huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương cũng dâng sớ xin về quê tham gia chiến đấu.

Đỗ Thúc Tịnh còn có tên là Đỗ Như Chương, sinh năm 1818, quê làng La Châu, nay thuộc xã Hoà Khương, đỗ tiến sĩ năm 1848, làm quan trải các chức Tri phủ, Án sát, Bố chánh. Khi quân Pháp và Tây Ban Nha tấn công Đà Nẵng, ông dâng sớ xin vua Tự Đức cho về quê tập hợp nhân dân chiến đấu nhưng không được Tự Đức chấp nhận[2]. Khi giặc rút vào Gia Định, ông lại tình nguyện vào Nam, được cử làm Tuần phủ Định Tường, rồi nhậm chức Khâm sai quân vụ Nam Kỳ lục tỉnh. Tại đây ông chiêu mộ nghĩa dũng, kêu gọi nhân dân chiến đấu chống Pháp. Ông mất vào năm 1862 do lâm bệnh, được vua Tự Đức khen là người khẳng khái "Dù việc lớn chưa thành, nhưng cái chí lớn của ông đáng được khâm phục".

Lâm Hữu Chánh quê làng Cẩm Toại, nay thuộc xã Hoà Phong, đỗ 7 khoa tú tài, làm quan đến chức Tri huyện. Khi về chiến đấu ở mặt trận Đà Nẵng ông được giao giữ đồn Cẩm Khê[3]. Sau đó ông theo tiến sĩ Đỗ Thúc Tịnh vào Gia Định đánh Pháp.

---

[1] Phạm Phú Thứ: *Nhật ký đi Tây*. Bản dịch Quang Uyên, Nxb Đà Nẵng 1999, tr. 26.

[2] Châu ban triều Tự Đức cho biết, đến tháng 11/1859 Đỗ Thúc Tịnh vẫn còn làm Bố chánh tỉnh Khánh Hoà.

[3] Theo gia phả họ Lâm làng Cẩm Toại.

www.thuvien247.net

Có một hưu quan là Phạm Gia Vĩnh (ông sinh năm 1859, quê làng Mỹ Thị, nay thuộc phường Bắc Mỹ An), nguyên cựu đề đốc của quân đội Triều đình, sau khi nghỉ hưu vào quy dân khai đất tại làng Tú Chàng[1], khi Pháp đánh Đà Nẵng ông chiêu tập được 1000 người dân huyện Hà Đông lập đội nghĩa dũng chống Pháp. Khi tham gia chiến đấu bên cạnh quân đội Triều đình, ông giữ chức phó vệ úy.

Nhân dân trực tiếp tham gia chiến đấu ở mặt trận Đà Nẵng còn lưu lại tên tuổi cụ thể như Đội Năm và Đội Bảy ở làng Thanh Khê chỉ huy nghĩa quân phục kích tại cấm Hoà An tiêu diệt bọn Việt gian tiếp tế cho Pháp[2]. Sau đó họ dùng thuyền bơi ra đồn Am Bà trên bán đảo Sơn Trà phục kích và giết được một tên sĩ quan Pháp.

Tin liên quân Pháp-Tây Ban Nha nổ súng xâm lược nước ta tại cửa biển Đà Nẵng và tinh thần chiến đấu anh dũng của quân dân tại mặt trận này đã tác động mạnh mẽ đến sĩ phu và nhân dân cả nước. Cả nước dấy lên một tinh thần kháng Pháp, "chia lửa với Sơn Trà". Nổi bật trong số đó là Đốc học Hoàng giáp Phạm Văn Nghị, một danh sĩ thành Nam (Nam Định). Ông dâng sớ lên vua Tự Đức nói rõ kế sách đánh giặc của mình.

Cuối năm 1859, Phạm Văn Nghị chiêu mộ được 365 người, gồm văn thân, nho sĩ, trai tráng nông dân, trong đó có 5 cử nhân, 8 tú tài, phiên thành 7 đội ghép thành 3 đạo do đích thân ông chỉ huy, cùng với bạn ông là Phạm Văn Xưởng (quê Quảng Nam) coi tiền đạo, Đặng Ngọc Cầu là

---

[1] Nay thuộc xã Tam Dân, huyện Tam Kỳ. Bấy giờ làng Tú Chàng thuộc huyện Hà Đông.

[2] Theo lời kể của ông Nguyễn Xuân Bá ở phường Xuân Hà, thành phố Đà Nẵng.

www.thuvien247.net

học trò của ông coi hậu đạo[1]. Đưa đội nghĩa binh này vào Đà Nẵng, Phạm Văn Nghị đã dự định một cách đánh thích hợp: "ban ngày thì trương cờ, đêm để trại trống, đào nhiều hầm hố, bày nhiều trận mai phục, cứ tuỳ cơ ứng biến thì quyết không thể hỏng việc", hoặc biết tạo thế thiên la địa võng khiến cho địch "ở chỗ này thì mất chỗ khác, đến mệt vì phải điều binh chạy quanh". Nhưng khi đoàn quân nghĩa dũng của Phạm Văn Nghị đến Huế thì quân Pháp đã đột phá căn cứ tại bán đảo Sơn Trà để rút khỏi Đà Nẵng. Phạm Văn Nghị lại xin Tự Đức đưa đoàn nghĩa dũng này vào Gia Định đánh giặc. Vua Tự Đức không cho đi tiếp, chỉ sắc cho ông 4 chữ "Tuế hàn tùng bách" (ví ông như cây tùng, cây bách trong năm lạnh mà vẫn cứng cỏi), thưởng cho đoàn quân 10 lạng bạc rồi cho về.

Trong bài thơ *Trà Sơn quân thứ*, Phạm Văn Nghị nói lên tâm sự của mình:

Trà Sơn rách mặt giặc Tây tràn,
Nay tới Trà Sơn biển đã quang,
Kẻ sĩ xông lên đầy khẳng khái,
Nhà vua cho rút ngại gian nan.
Bảo lui, bảo tới đành cam chịu,
Rằng đúng, rằng sai mặc luận bàn,
"Chịu rét bách tùng" còn ấn đó,
Tấm son đâu chịu để tro tàn.

Khương Hữu Dụng dịch

Nhân lúc vua Tự Đức trưng cầu ý kiến các quan viên từ Tri châu trở lên, nhiều nhà nho nổi tiếng đương thời ở các tỉnh

---

[1] Đỗ Quang Hưng: *Người đương thời với sự kiện Đà Nẵng* (tham luận tại Hội thao kỷ niệm 130 năm nhân dân Đà Nẵng đánh thực dân Pháp, tổ chức tại Đà Nẵng năm 1988)

www.thuvien247.net

phía bắc như Trần Văn Vi, Trần Huy Tích, Lê Đình Tiên... dâng sớ bày tỏ quan điểm chủ chiến, phản đối việc cầu hoà. Đặc biệt, tại Hà Nội, học trò trường Phương Đình của Phó bảng Nguyễn Văn Siêu đồng lòng viết một bài biểu dâng lên vua Tự Đức xin được tòng quân vào nam đánh giặc. Bài biểu viết: "Nay bọn dương di quấy rối, làm bẩn bờ biển nước nhà. Chúng lấn ở nơi eo Trà là ý muốn dòm ngó kinh đô. Vậy để giúp tướng thần có phương chống địch, lũ chúng tôi xin lấy thân mình làm luỹ chắn, dầu có chết cũng không nề hà. Lũ giặc ngoài giả cầu hoà để chờ quân chi viện. Đồn to đánh chiếm, giết hại nhiều người chẳng chút hối tâm. Tàu chiến đậu ngoài biển để giương oai, đạo quân xây ven làng để kìm toả dân chúng. Đề bề trên lo lắng là nỗi nhục của thần dân. Kính mong bề trên sáng suốt, quyết đoán ở lòng... Cuối xin cho lũ chúng tôi được vào Nam diệt giặc"[1]. Chắc rằng cũng như với trường hợp Phạm Văn Nghị, nguyện vọng này không được vua Tự Đức đáp ứng, vì sử sách Triều Nguyễn không hề ghi về đội quân ứng nghĩa trường Phương Đình có mặt ở Đà Nẵng.

Khi Trần Nhật Hiển hiến kế "lưới đánh giặc, thuyền đánh giặc và bè đánh giặc" thì ngay lập tức các tướng lĩnh triển khai kế sách này cho nhân dân Đà Nẵng thực thi.

Nhân dân vùng Thanh Khê, Hải Châu... còn lưu truyền câu ca:

Lệnh truyền đem lưới bủa giăng,
Tàu mắc nhùng nhằng nó không đi được.

Ngoài việc dùng lưới đánh cá rải xuống sông để tàu chiến của Pháp quấn chân vịt không chạy được, nhân dân địa phương còn thực hiện triệt để kế sách "vườn không nhà

[1] Dẫn theo Nguyễn Vinh Phúc: *Chia lửa với Sơn Trà*. Xưa & Nay. Số 82B, tháng 12/2000.

www.thuvien247.net

trống", triệt nguồn lương thực của quân Pháp, đẩy chúng vào thế bị động. Một viên sĩ quan Pháp thừa nhận: "Đất đai chúng tôi chiếm được thì dân đều bỏ đi cả, trừ vài nhà tranh của người đánh cá. Tôi chưa hề thấy một con gà nào". Trong khi "cách đây chừng 4 dặm có một thị trấn trên 20.000 dân, tuy sống trong tình trạng bị đe doạ nhưng lúc nào cũng vui vẻ chờ ngày đánh đuổi chúng ta đi"[1].

Để ngăn chặn khả năng Pháp đưa tàu chiến ngược dòng sông Cẩm Lệ đến Điện Bàn đánh chiếm tỉnh thành ở làng La Qua, theo sáng kiến của quan tỉnh Quảng Nam, được vua Tự Đức chấp thuận, nhân dân Quảng Nam đan sọt tre, chở đất đá theo đường sông Thu Bồn về ngăn sông Vĩnh Điện. Nhân dân còn phục dịch cho quân của triều đình xây dựng các trận địa pháo và tham gia đắp đường cái dọc sông Vĩnh Điện để vận chuyển quân lương ra Đà Nẵng được kịp thời.

Đầu năm 1859 Tự Đức ra lệnh cho Nguyễn Tri Phương và Phạm Thế Hiển thi hành kế sách: hoặc nhân biển lặng, chỉnh đốn binh thuyền, tập hợp một lực lượng lớn quân ở cửa Thuận An nghi binh để thu hút sự đối phó của giặc, nhân đó sẽ thừa cơ đánh lấy lại những đồn luỹ bị mất tại Đà Nẵng, nếu giặc không phản ứng ở Thuận An thì cũng dùng số binh thuyền ở đây cơ động vào mặt trận Đà Nẵng; hoặc đem quân từ Gia Định ra ứng phó[2].

Sang tháng 1/1859, tình hình bệnh tật, nhất là bệnh kiết lỵ đối với quân Pháp gia tăng. Đội quân viễn chinh Pháp lại đang đứng trước một tình thế nan giải: cứ tưởng

---

[1] André Bandrit: *Correspondance de Savin de Larclause*, B.S.I. T.XIV 3 và 4, Sài Gòn, 1939, tr. 53.

[2] Trung tâm nghiên cứu Quốc học: *Chiếu hàn triều Tự Đức*, Nxb Văn học, 2003, tr. 61.

www.thuvien247.net

dân theo đạo ở Đà Nẵng nổi dậy làm nội ứng nhưng vô vọng, muốn vượt ra đánh Huế thì không dễ gì qua được hệ thống phòng thủ dày đặc án ngữ từ Câu Đê đến Hải Vân Quan, quân lính thì ngày càng chết dần chết mòn vì thương vong, dịch bệnh.

Giữa lúc khó khăn chồng chất, Genouilly vẫn không có ảo tưởng cứ ngồi chờ viện binh và quân lương từ Pháp đưa sang. Từ những nguồn tin khác nhau thu thập được, và dựa trên khả năng thực tế, viên tổng chỉ huy này quyết định chưa tấn công Huế mà đưa quân đánh Nam Kỳ. Chúng ta có thể rõ hơn quyết định này của Genouilly qua lời ghi của viên thầy thuốc Harmand: "Đô đốc Rigault sau khi vùng vẫy một cách vô ích trong cái vũng không có lối ra đó, sau khi thấy quân sĩ của mình bị hao hụt và bị bệnh tả lớn, đã cảm thấy vô cùng lúng túng. Bởi vậy, do một sự hoàn toàn bất ngờ và do những báo cáo mơ hồ của các giáo sĩ và một số sĩ quan của đô đốc, ca ngợi vị trí Sài Gòn, nên ông ta đã chuyển quân vào cửa sông Cửu Long"[1].

Đầu tháng 2/1859, Rigault de Genouilly (đã được phong Đô đốc) bèn quyết định chỉ để lại ở Đà Nẵng một đại đội và vài chiến hạm do đại tá Toyon chỉ huy, còn đại quân 2.176 quân trên 9 tàu chiến của Pháp và một tàu chiến của Tây Ban Nha, cùng 4 thương thuyền chở quân trang quân dụng trực chỉ vào Nam Kỳ.

Sau khi Genouilly đi rồi, lực lượng quân viễn chinh Pháp còn lại ở Đà Nẵng phải đối mặt với những cay nghiệt của chiến trường này. Lợi dụng lúc quân địch còn ít và đang

---

[1] Dẫn theo Dương Kinh Quốc: *Đà Nẵng - Việt Nam trong bối cảnh phát triển của chủ nghĩa tư bản Pháp.* (Tham luận kỷ niệm 130 năm nhân dân Đà Nẵng đánh thực dân Pháp, tổ chức tại Đà Nẵng năm 1988).

www.thuvien247.net

bị vây lỏng ở bán đảo Sơn Trà, Nguyễn Tri Phương và Phạm Thế Hiển tăng cường việc củng cố phòng tuyến Liên Trì, sửa chữa thành Điện Hải, đồng thời cho quân quấy rối quân địch và bố trí lại lực lượng, tạo thành một thế liên hoàn: Đào Trí đóng ở Mỹ Thị, Châu Giang, Lê Xuân đóng ở tả ngạn sông Hàn, Lê Khắc Thận đóng ở hữu ngạn, đốc binh Phan Giác cai quản các khu đệ nhất, đệ nhị, đệ tam, Liên Trì; đốc binh Nguyễn Giang coi giữ đồn mới Hoá Khuê đến cuối luỹ Phước Tường. Tất cả các cứ điểm này đều do Đề đốc Tôn Thất Hàn quản đốc. Trần Bá Nghiễm coi giữ các khu đệ tứ, đệ ngũ, đệ lục, Nại Hiên; đốc binh Hồ Nghị cai quản từ hạ đồn đầu luỹ đến thượng đồn bến sông, cùng các cứ điểm Nại Hiên, Châu Giang đều do tán tương Nguyễn Hiền làm quản đốc.

Có lần quân ta dưới sự chỉ huy của Nguyễn Tri Phương tổ chức một trận tấn công lớn vào căn cứ phòng ngự của quân Pháp, nhưng không thành công.

Về phía quân Pháp, để chống lại sự quấy phá liên tục của quân ta, ngày 6/2/1859 chúng đem quân đánh đồn Hải Châu, nhưng bị quân ta do thị vệ Hồ Oai, cai đội Tôn Thất Thi, anh danh Nguyễn Nghĩa chỉ huy bắn chìm 3 chiếc thuyền, đẩy lùi được cuộc tấn công này.

Hôm sau, ngày 7/2/1859, quân Pháp lại đưa quân ồ ạt đánh chiếm 3 đồn ở Hải Châu. Nguyễn Tri Phương phái Chu Phúc Minh cứu 2 đồn trung, hạ; Nguyễn Duy chia quân mai phục chặn đánh. Quân Pháp đánh vỡ hạ đồn, hai hiệp quản Nguyễn Tình Lương và Lê Văn Khiêm cố sức đánh bị chết trận. Chu Phúc Minh phải lui vào giữ đại đồn Phước Ninh. Nguyễn Duy phái phó quản cơ sung phó vệ uý Phạm Gia Vĩnh đem quân nghĩa dũng Quảng Nam đến ứng cứu, đánh lui được quân Pháp, nhưng quân nghĩa dũng và quân triều đình cũng bị tổn thất nhiều.

www.thuvien247.net

Khoảng tháng 3/1859, quân Pháp lại tổ chức một trận đánh lớn thẳng vào đồn Thạch Thang, nhưng phó vệ uý Phạm Gia Vĩnh kịp đem quân nghĩa dũng đến chống trả. Quân Pháp đánh vào 2 mặt trước, sau bao vây sát thượng đồn Hải Châu và vây cả Hạ đồn. Nguyễn Tri Phương nhận được tin báo liền phái Nguyễn Song Thanh đem 300 quân chiến tâm đến ứng cứu, do Đào Trí làm đốc chiến, Tôn Thất Hàn làm đề đốc, Nguyễn Hiên làm đốc binh đóng ở đồn Thạc Gián để phòng giữ. Quân Pháp tổ chức tấn công 3 lần vào các đồn, nhưng hiệp quản Nguyễn Doãn đóng ở thượng đồn, Nguyễn Viết Thành đóng ở hạ đồn đều cố sức chống trả nên giặc phải lui. Trung tuần tháng 3/1859 quân Pháp lại cố sức tấn công quân ta nhưng bị thua. Sau trận này, quân Pháp trở nên nguy khốn, nhưng quân ta cũng đã để mất cơ hội ngàn vàng, do chỉ phòng ngự một cách bị động nên Nguyễn Tri Phương không chủ trương tích cực phản công để đẩy quân Pháp ra khỏi Đà Nẵng.

Đem quân vào Nam kỳ, Genouilly đã chiếm được thành Gia Định. Sau khi xếp đặt mọi việc, ngày 1/4/1859, y quyết định rời Sài Gòn quay trở lại Đà Nẵng. Vì gặp bão, các chiến hạm phải bỏ neo ở Vũng Tàu một thời gian nên mãi đến ngày 18/4/1859 Genouilly mới có mặt ở Đà Nẵng. Tại đây, tình hình quân Pháp chẳng có gì sáng sủa hơn, Genouilly nhận thấy chỉ có đánh thẳng ra kinh đô Huế thì mới mong buộc được vua Tự Đức nhượng bộ nên đã đề nghị xin viện binh từ Pháp sang. Bộ Hải quân Pháp gởi cho Genouilly 992 thuỷ quân lục chiến, 100 pháo binh, 50 công binh đi trên tàu Didon với những lời huấn thị: "Khi lực lượng tăng cường và quân dụng mà Đô đốc xin sang Việt Nam cùng với văn thư này, Đô đốc hãy nghiên cứu ngay về dự án tấn công Huế mà Hoàng đế không ngại những trở ngại

www.thuvien247.net

khi thực hiện"[1]. Qua đó cũng biết được chính phủ Pháp đang rất nóng lòng muốn giải quyết cho xong vấn đề Việt Nam.

Ngay khi trở lại Đà Nẵng. Rigault de Genouilly liền ráo riết chuẩn bị một cuộc phản công lớn, hòng đảo ngược tình thế. Trước hết, y tung quân qua tả ngạn sông Hàn đánh chiếm thành Điện Hải rồi đặt tại đây 5 khẩu đại bác. biến Điện Hải thành một điểm hoả lực.

Ngày 8/5/1859, Genouilly huy động toàn bộ lực lượng, mở đợt tiến công ồ ạt vào phòng tuyến dài 3 km của quân ta từ thành Điện Hải đến đồn Nại Hiên. Quân Pháp chia thành 3 cánh: Cánh bên phải do đại tá Reybaud chỉ huy với 750 quân, trong đó có một toán quân Tây Ban Nha do thiếu tá Canovas dẫn đầu có nhiệm vụ đương đầu với quân triều đình đang chặn đường tiến quân của tàu Pháp ngược dòng sông Hàn. Cánh trái do đại tá Faucon cầm đầu với 425 quân (gồm cả Pháp và Tây Ban Nha) có nhiệm vụ đánh vào các đồn luỹ tây nam của phòng tuyến quân ta. Cánh giữa do đại tá Lanzarote (Tây Ban Nha) chỉ huy có nhiệm vụ dự bị và tiếp ứng, yểm trợ các cánh hai bên. Kế theo cánh quân này là bộ chỉ huy hành quân do đô đốc Rigault de Genouilly thống lĩnh.

Ngay từ sáng sớm, pháo địch từ các tàu chiến và căn cứ Điện Hải bắn ác liệt vào Phúc Ninh. Thạc Gián, Hải Châu. Pháo của ta bắn trả nhưng hiệu quả không cao. Sau đó, địch cho 9 tàu, 20 thuyền tam bản tiến ngược lên sông Hàn, đổ bộ áp sát phòng tuyến của ta. Một mũi quân Pháp vòng theo bờ sông để tránh đường đạn của quân ta từ chiến luỹ bắn ra, hai mũi còn lại tạo thành 2 gọng kìm siết chặt quân ta vào giữa. Cánh quân của Faucon tiến đánh Thạc Gián, Phước Ninh rồi

[1] Dẫn theo Nguyễn Khắc Ngữ: *Kỷ niệm 100 năm ngày Pháp xâm lược Nam kỳ*. Nxb Trình bày. Sài Gòn 1967, tr. 114.

www.thuvien247.net

quay ra phía bờ biển. Cánh quân của Reybaud đánh từ ngoài biển vào hợp với cánh của Faucon chiếm giữ hai đồn Du Xuyên, Hải Châu, rồi tiến về hướng Thạc Gián, Phước Ninh. Cánh quân giữa của Lanzarote lúc thì sang phải, lúc sang trái để hỗ trợ cho 2 cánh quân kia.

Khoảng 6 giờ sáng, mũi tiến quân của Reybaud đã vượt được chướng ngại vật, chiếm các chiến hào rồi đánh giáp lá cà bằng lưỡi lê với quân ta. Quân ta chiến đấu quyết liệt. Ở đồn Du Xuyên, hiệp quản Phan Hữu Diễn anh dũng chỉ huy chống cự lại quân giặc cho đến lúc hy sinh. Sau khi Du Xuyên bị địch chiếm, 2 cánh quân của Pháp từ 2 đầu phòng tuyến Liên Trì đánh dồn dập vào đồn thượng và đồn hạ Hải Châu, cùng các đồn Phước Ninh, Thạc Gián. Quân ta rút lui về các đồn Nại Hiên, Liên Trì. Vậy là quân ta phải bỏ phòng tuyến thứ nhất bao gồm các đồn Nghi Xuân, Liên Trì và Nại Hiên để lùi về phòng tuyến thứ hai ở Cẩm Khê. Trận đánh kết thúc sau hai giờ giao tranh quyết liệt. Quân ta bị tổn thương lớn. Địch cũng bị tổn thất. Sử triều Nguyễn cho biết số tàu chiến của Pháp trong trận này gồm tàu máy bằng hơi nước 9 chiếc, tam bản 20 chiếc, quân chia làm 3, 5 toán "bắn các đồn đạn xuống như mưa". Bên ta giữ không nổi, "quan quân bị thương và bị chết nhiều, bọn Tây dương cũng chết và bị thương nhiều. Việc ấy đến tai Vua, bọn Tri Phương, Thế Hiển đều bị giáng chức"[1]. Tài liệu của Pháp nói về thiệt hại của quân ta: "Đối phương tổn thất 700 người, trong đó có khoảng 100 người bị giết và bị thương, một tỉ lệ không quan trọng so với con số 10.000 lính của họ tham gia trận chiến này"[2]. Quân Pháp chiếm được 20

---

[1] Quốc sử quán Triều Nguyễn: *Đại Nam thực lục chính biên*. Tập 28, Nxb KHXH, Hà Nội 1973, tr. 2

[2] Dẫn theo Nguyễn Phan Quang: *Việt Nam thế kỷ XIX (1802-1884)*. Nxb thành phố HCM 1999, tr. 370.

www.thuvien247.net

căn cứ phòng ngự, với các đồn lớn như Du Xuyên, Thạc Gián, Hải Châu cùng nhiều đồn phụ cận khác, thu của ta 54 đại bác.

Về phía ta, sau trận đánh trên, vua Tự Đức ra chỉ dụ: "Các quan ở quân thứ Quảng Nam phải khuyến khích tướng sĩ hoặc đánh đối trận hoặc đánh tập kích một trận to để rửa mối hận trước. Nếu không thì giữ cho vững chắc, để trấn tĩnh lòng binh lính, cho chưởng vệ là Hồ Hoà, Hồng lô tự khanh là Tôn Thất Trĩ sung làm tán tương quân vụ Quảng Nam, phái 500 lính doanh hùng duệ đi theo"[1].

Phòng tuyến mới của quân ta do Nguyễn Tri Phương tổ chức nằm sát ngay phòng tuyến cũ làm cho quân Pháp dù có thắng về mặt quân sự, nới lỏng được sự bao vây, mở rộng được vành đai chiến đấu sang phía tả ngạn nhưng cũng chẳng cải thiện được gì cho tình cảnh của chúng tại Đà Nẵng.

Lúc bấy giờ, quân Pháp không những khốn đốn về sự chiến đấu gan dạ của quân ta mà còn khốn đốn vì thời tiết khắc nghiệt. Chỉ trong 2 tháng (6, 7/1859), một trận dịch tả bột phát dữ dội trong các doanh trại quân Pháp làm cho số lính lâm bệnh, tử vong tăng lên. Các đại uý Loubière và Gadcon Cadubon lần lượt bỏ mạng. Theo một báo cáo gửi về Pháp lúc bấy giờ thì chỉ nội trong một tháng (từ 15/6-18/7/1859) bệnh dịch tả đã cướp đi của tiểu đoàn 3 đến 136 sinh mạng lính Pháp[2].

Đứng trước tình trạng quá bi đát ở Đà Nẵng, Genouilly phải tính đến việc cầu hoà để làm kế hoãn binh

---

[1] Quốc sử quán Triều Nguyễn: *Đại Nam thực lục chính biên*. Tập 28, Nxb KHXH, Hà Nội 1973, tr. 29. Quốc sư quán Triều Nguyễn: *Đại Nam thực lục chính biên*. Tập 28. Nxb KHXH, Hà Nội 1973, tr. 29.

[2] Trong số này có lẽ cũng có nhiều lính chết do bị thương nặng được liệt kê vào chết dịch tả. Số liệu lính viễn chinh bị thương vong gần 80 người được ghi nhận trong trận ngày 8/5/1859 như đã đề cập.

www.thuvien247.net

chờ viện binh đến, chuẩn bị cho những trận đánh tiếp theo. Ngày 20/6/1859, Genouilly cử người điều đình với triều đình Huế. Trong yêu cầu của y bấy giờ có 3 điều cơ bản: Tự do truyền giáo, tự do giao thương và được quyền chiếm đóng một phần lãnh thổ để bảo đảm thực thi các điều ước đã được kí giữa đôi bên.

Vua Tự Đức cũng có ý muốn bàn hoà. Nhưng suốt hai tháng 7 và 8 năm 1859 việc bàn cãi giữa hoà và chiến trong Triều đình không đem lại một kết luận cuối cùng nào nên ngày 7/9/1859, Genouilly cắt việc nghị hoà với triều đình Huế, vừa lúc y nhận được viện binh từ Pháp mới sang.

Ngày 15/9/1859, Genouilly mở một cuộc tấn công mới vào tuyến phòng thủ của quân ta. Viên trung tá Duppré Déroulède đích thân vạch kế hoạch tác chiến cho lần tấn công này.

4 giờ sáng, 3 cánh quân Pháp đồng loạt tiến công. Cánh quân của Reybaud đụng độ dữ dội với quân ta tại các đồn Liên Trì, Phước Trì. Quân ta anh dũng xông lên với ý chí quyết thắng, họ lao ra khỏi luỹ đánh giáp lá cà với quân giặc. Thấy núng thế, Reybaud liền gọi cánh quân Breschin đến ứng cứu, nhờ đó quân Pháp dần thắng thế, đẩy lùi quân ta về phía phòng tuyến và vây hãm họ trong đồn. Phạm Thế Hiển cùng Nguyễn Hiên liệu chống giữ không nổi phải bỏ 2 đồn Phước Trì, Liên Trì kéo quân chạy về án ngữ đường đèo Hải Vân để ngăn chặn đường tiến quân ra Huế của Pháp.

Cánh quân do Lanzarote chỉ huy chọc thủng được phòng tuyến. Cánh trái tấn công đồn Nại Hiên dưới sự yểm trợ của đại bác từ tàu chiến ngoài khơi vào. Với sức tấn công ồ ạt của địch, các suất đội ở đồn Nại Hiên đều phải bỏ thành. Quân Pháp giết người, đốt nhà bừa bãi, biền binh của ta chết

www.thuvien247.net

52 người, bị thương 103, nhà của dân bị đốt 97 nóc, chết 100 người, bị thương 2 người[1].

Nguyễn Tri Phương tách một cánh quân phía tả của chiến luỹ để đánh tập hậu quân địch. Cánh quân có 10 voi chiến, trên lưng voi đặt 2 khẩu thần công và 6 người lính cảm tử để bắn thần công và súng trường. Họ dàn thành hàng ngang cùng với các voi chiến tiến thẳng vào đội hình quân Pháp. Quá bất ngờ, quân Pháp phải huy động cánh quân dự bị đến đối phó. Đến 9 giờ sáng hôm đó, quân ta bỏ phòng tuyến rút về đóng dọc theo phía núi Phước Tường và núi Xuân Thiều để đề phòng quân Pháp tiến đánh ra Huế.

Quân Pháp tuy thắng, chiếm hầu hết hệ thống phòng thủ của ta, thu 40 đại bác các loại, nhưng cũng có 10 lính chết và 40 bị thương. Ta còn giữ được hai đồn Hoá Khuê và Mỹ Thị.

Nhưng điều đáng nói là sau trận đánh này, khi quay lại bán đảo Sơn Trà quân Pháp càng thêm bi đát, vì "ngày hôm sau bệnh nhân bị sốt chất đầy xe cứu thương"[2]. Hơn nữa, lúc này Nguyễn Tri Phương đã đưa đại quân về phía đèo Hải Vân và lập phòng tuyến mới, quân Pháp vẫn không thể nào dám tiến xa hơn vùng cửa sông Hàn, nên không thể bắt buộc triều đình Huế chấp nhận những yêu sách về quyền thương mại và đất đai mà Genouilly đã nêu ra. Vô cùng mệt mỏi và chán nản, Rigault de Genouilly đành xin về Pháp và thiếu tướng Page sang thay.

Ngày 19/10/1859, Page đến Đà Nẵng nhận bàn giao nhiệm vụ mới. Sau một năm đánh chiếm Đà Nẵng để thực

---

[1] Quốc sử quán Triều Nguyễn : *Đại Nam thực lục chính biên*. Tập 29, Nxb KHXH, Hà Nội, 1973, tr. 69.

[2] Dẫn theo Cao Huy Thuần: *Đạo Thiên chúa và chủ nghĩa thực dân (1857-1914)*. Luận án tiến sĩ bao vệ tại Pari (bản tiếng Việt, tr. 88).

www.thuvien247.net

hiện âm mưu thôn tính Việt Nam một cách nhanh chóng mà không có mấy kết quả, Pháp Hoàng chỉ thị cho Page phải triệt thoái khỏi Đà Nẵng, chỉ giữ lại Sài Gòn. Nhưng khi đến Đà Nẵng, Page chưa vội thi hành ngay mệnh lệnh, có lẽ vì không muốn mang tiếng là tướng chưa đánh đã rút lui. Vì thế, trước khi thực hiện lệnh rút quân khỏi Đà Nẵng, Page đã thực hiện một cuộc tấn công vào các mục tiêu của quân ta nằm trên tuyến đường ra Hải Vân Quan, hy vọng có thể làm mất tinh thần vua quan ở Huế.

4 giờ sáng ngày 18/11/1859, Page ra lệnh cho các chiến hạm Némésis, Phlégeton cùng các tàu Tây Ban Nha và một tàu hải vận tiến về phía tây bắc Đà Nẵng, nhằm vào các mục tiêu: pháo đài Định Hải, đồn Chân Sảng và Hải Vân Quan. Quân ta ở đồn Chân Sảng bắn những phát thần công trúng vào pháo hạm Némésis, rơi xung quanh chỗ Page đang đứng chỉ huy, y thoát chết. Một viên đạn cắt làm đôi thiếu tá công binh Duppré Déroulède và làm bị thương mấy tên lính khác.

Nhưng ngay sau đó, đại bác của Pháp từ các tàu điều chỉnh toạ độ rót thẳng vào các ổ đề kháng của quân ta, rồi Page lệnh cho viên tham mưu trưởng M.Desaulx đem 300 quân đổ bộ vào đồn Chân Sảng. Y còn đưa quân định đánh thốc lên Hải Vân Quan, mở đường ra Huế, nhưng đã bị quân ta chống trả quyết liệt nên đành quay lại giữ đồn Chân Sảng.

Mất pháo đài Định Hải, đồn Chân Sảng và đường "quan báo" Hải Vân bị phong tỏa khiến vua Tự Đức hết sức bối rối, bèn một mặt giao cho Thống chế Nguyễn Trọng Thao sung chức Đề đốc quân vụ, cùng Phó vệ uý Nguyễn Hợp, Quản cơ Phạm Tân đưa 300 lính tuyển phong đến hợp lực với Trần Đình Túc chống trả, một mặt ra lệnh mở con đường thượng du vượt qua Câu Đê và các xã Quan Nam, Đa Phước, Đà Sơn. Trường Luỹ để tiện việc giao thông, đồng thời ra

www.thuvien247.net

lệnh tăng cường củng cố, phòng ngự hai đồn Câu Đê, Hoá Ổ, đặt thêm đồn luỹ và trang bị trọng pháo ở những nơi hiểm yếu để bảo vệ con đường mới mở[1].

Triều đình Huế cũng đã ra sức khắc phục những khó khăn về lương thực tại chiến trường Đà Nẵng, giải quyết nạn đói cho dân Quảng Nam. Từ giữa năm 1859 "dân Quảng Nam có nhiều người chết đường, quan Khâm sai phái quan tỉnh cứu chữa không được công trạng gì, đều phải bị giáng chức"[2]. Đến giữa tháng 7 năm 1859, đường gạo từ Nam Kỳ ra không được, giá gạo ở Quảng Nam tăng vọt. Vua Tự Đức lệnh cho Bộ Hộ chuyển lương vào Quảng Nam cứu đói cho dân, nhưng việc triển khai quá chậm, nên vua cho triệu Tôn Thất Tường đến quở trách. Sau đó, Tự Đức cho xuất thóc 300.000 phương gạo rồi giao cho Đặng Tá đi Quảng Nam, đến các huyện Diên Phước và Hoà Vang tuỳ từng hạng dân để phát chẩn hoặc cho vay. Điều này cho thấy, vua Tự Đức đã chú ý nhiều đến đời sống của nhân dân ở vùng giao tranh của Đà Nẵng, Hoà Vang và tạo điều kiện cho nhân dân tham gia, sát cánh cùng quân triều đình chống giặc.

Đến cuối năm 1859, tình hình khó khăn về kinh tế-xã hội ở Quảng Nam được khắc phục. Sử triều Nguyễn có ghi: "Tính đến tháng 5/1860 có 23 làng trong tỉnh Quảng Nam quyên tiền lúa, đặt xã thương". Vua Tự Đức còn tiến hành nhiều đợt giảm thuế, tha thuế cho nhân dân Quảng Nam, đặc biệt là Hoà Vang và Đà Nẵng. Vua ban chỉ dụ: "Dân hạt Quảng Nam đang cung ứng công việc, hạt ấy phải nộp tiền thuế thân, tiền đầu quan cũng nên cho lượng gia ân. Về 2

---

[1] *Châu bản triều Tự Đức*, Sđd, tr. 84.

[2] Quốc sử quán Triều Nguyễn: *Đại Nam thực lục chính biên*. Tập 29, Nxb KHXH, Hà Nội 1973, tr. 82.

www.thuvien247.net

huyện Diên Phước và Hoà Vang rất nhiều việc, chuẩn cho tha hết cả. Về huyện Duy Xuyên nhiều việc vừa, chuẩn cho miễn 5/10. Còn 3 huyện Quế Sơn, Lễ Dương và Hà Đông hơi ít việc cho giảm 3/10"[1].

Ngày 21/11/1859, Page vào Sài Gòn. Tranh thủ dịp này, đề đốc quân thứ Hải Vân là Nguyễn Trọng Thao dẫn quân từ đỉnh đèo Hải Vân đánh xuống phối hợp với quân của Trần Đình Túc, Nguyễn Hiên ở Câu Đê, Hoá Ô đánh lên, mở thông được đường đèo, nhân đà thắng lợi để vừa củng cố các vị trí, vừa tích cực chuẩn bị lực lượng, thay đổi chiến thuật, chuyển sang "lấy đánh làm giữ". Quân Pháp đốt các đồn Chân Sảng, Định Hải, quay về cố thủ ở các thành Điện Hải, An Hải và tại khu vực núi Sơn Trà. Trong khi quân Pháp chỉ còn giữ được 3 vị trí này thì Tự Đức lại điều Nguyễn Trọng Thao vào Gia Định đốc suất việc quân ở đấy.

Lúc bấy giờ, sau một năm ký kết hiệp ước Thiên Tân, giữa Pháp và Trung Hoa đã trở nên căng thẳng, tình hình lộn xộn ở Trung Hoa buộc chính phủ Pháp phải lo dàn xếp. Vì thế, Page được lệnh để lại một ít quân ở Sài Gòn còn y phải điều đại quân sang Trung Hoa, chịu dưới quyền chỉ huy của đô đốc Charner.

Ngày 3/2/1860 Page rời Sài Gòn thì hơn 1 tháng sau, ngày 23/3/1860, quân viễn chinh Pháp đang đóng ở bán đảo Sơn Trà dưới quyền chỉ huy của đại tá Toyon cũng được lệnh rời Đà Nẵng sang Trung Hoa. Trước khi rút đi, chúng đốt phá, triệt hạ tất cả các cơ sở quân sự được xây dựng ở đây, chỉ còn những nấm mồ của lính Pháp và Tây Ban Nha ghi nhận sự thất bại của Pháp tại Đà Nẵng.

---

[1] Quốc sử quán Triều Nguyễn: *Đại Nam thực lục chính biên*. Tập 29, Nxb KHXH, Hà Nội 1973, tr. 7

www.thuvien247.net

Như vậy, qua 18 tháng 22 ngày theo đuổi chiến tranh ở Đà Nẵng, liên quân Pháp-Tây Ban Nha đã bị quân dân ta chống trả quyết liệt. Chúng đã bị cầm chân, bị vây chặt tại mặt trận Đà Nẵng và hoàn toàn thất bại trong kế hoạch "đánh nhanh thắng nhanh" để thôn tính Việt Nam.

3. Tình hình Đà Nẵng từ năm 1860 đến năm 1887

Tuy quân Pháp đã rút khỏi Đà Nẵng, nhưng Triều đình nhà Nguyễn vẫn không lơ là việc bố phòng. Tự Đức "dụ cho quan quân thứ Quảng Nam tích luỹ để phòng bị"[1]. Triều đình cũng cho chuyển huyện lỵ Hoà Vang vào sát trung tâm Đà Nẵng hơn (đặt tại phường Hoà Thuận hiện nay), lập Nha Hải phòng tại xã Nam Dương... Tự Đức còn cho triệu Nguyễn Tri Phương, Phạm Thế Hiển về kinh ban thưởng và sai các quan tế thần ở sông Hàn, thần núi Sơn Trà và các chiến sĩ chết trận ở Đà Nẵng.

Năm 1863, quan Hải phòng nha Nguyễn Đạo Trai đứng ra vận động chức sắc và nhân dân địa phương quy tập hài cốt các chiến sĩ hy sinh trong chiến trận ở Đà Nẵng vào các "Nghĩa trủng xứ". Đó là các nghĩa trủng Phước Ninh, Nghi An, những dấu tích còn lại cho đến nay của cuộc chiến.

> Tại nghĩa trủng Phước Ninh có tới 3000 hài cốt được quy tập. Lời văn trên bia (viết năm 1876) rất thống thiết và đầy nghĩa cử: "Nơi này xưa kia là sa trường chiến địa, thành xiêu luỹ đổ chất chồng, ngày vắng quạnh hiu buồn thảm, gò hoang mả loạn ngổn ngang, gió hú thê lương não nuột... Từ nay những hồn thiêng trung liệt, vì nước hy sinh...tắm gội trong ơn sâu của trời đất và đức dày của Nguyễn Công mà

[1] Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam thực lục chính biên*, tập 29, tr. 105.

www.thuvien247.net

được nơi yên nghỉ này. Cũng do nơi yên nghỉ tốt lành này mà có được một niềm an ủi lớn lao vậy..."[1].

Tại nghĩa trủng Nghi An có khoảng 1000 ngôi mộ, đến năm 1926 do làm sân bay nên chuyển đến làng Khuê Trung. Hiện còn lưu lại trụ biểu "Hoà Vang nghĩa trủng" và 2 trụ đá với đôi câu đối: "Ân triêm khô cốt di truyền cổ. Trạch cập tàn hồn tái kiến kim" (Nghĩa là: Ơn đức nhà vua thấm đến những bộ xương khô từ xưa còn lại. Ơn mưa móc ban cho những linh hồn vất vưởng được thấy lại hôm nay)[2].

Chiến tranh ở Đà Nẵng tạm thời đi qua. Bên phía đông mũi Mỏ Diều và đảo Cô thuộc bán đảo Sơn Trà còn rải rác những nấm mồ của quân viễn chinh xâm lược. Đà Nẵng chịu sự tan hoang, từ chợ Hàn đến Nại Hiên nhà cửa bị cháy sạch, đến mức "cửa nhà tiêu điều, dân cư vắng vẻ, ít nghe tiếng gà gáy, chó cắn"[3].

Chiến tranh, rồi hạn hán đói kém hằn sâu vào trong tiềm thức của người dân. Văn học dân gian Đà Nẵng còn lưu lại bài ca:

Hạn sao quá hạn cây cỏ tiêu điều,
Kể từ năm Mậu ngọ (1858) buồn thiu,
Nào Tây bắn Sơn Chà, nào dân binh bắt mộ,
Nạn tai ấy dân đen chưa hết khổ.
Kể năm nay thân cò cháy ruộng cằn,
Lúa chút bồ đem vãi cứ văng văng,

---

[1] Theo bản dịch của Lâm Tiêu, đăng trong Nghiên cứu lịch sử địa phương và chuyên ngành Quảng Nam - Đà Nẵng, số 2, tr 55-56.

[2] Dẫn theo Hồ Trung Tú: *Những nghĩa trang liệt sĩ đầu tiên ở nước ta*. Xưa & Nay, số 54B, tháng 8/1998.

[3] Quốc sử quán Triều Nguyễn: Đại Nam thực lục. Tập 29. Nxb KHXH. H, 1974, tr. 117.

www.thuvien247.net

Ngoài ruộng vẫn vắng tăm, không cọng rạ,
Từ tháng hai đến suốt qua mùa hạ,
Không hạt nước trên nón lá dân cày,
Dưới đáy đìa cá chết cạn phơi thây,
Trong thôn ấp tre xàu cau đỏ ngọn.

Triều đình phải thực hiện chủ trương "thóc đưa đến, dân đưa đi", vừa phải lo cứu đói, vừa phải đưa một bộ phận dân di cư vào các tỉnh phía nam. Có nơi như làng Nam Chơn dân di cư vào tận Sài Gòn-Gia Định mang theo cả tên làng cũ vào vùng đất mới[1].

Khi giải quyết vấn đề Trung Hoa xong, đạo quân viễn chinh Pháp lại đẩy mạnh cuộc chiến chinh phục ở Nam Kỳ. Tháng 2/1861, phó đô đốc Charner tấn công đại đồn Chí Hoà và đến ngày 25/2/1861 thì đại đồn này thất thủ. Ngày 12/4, thành Định Tường (Mỹ Tho) cũng mất vào tay Pháp. Rồi liên tiếp các thành khác bị quân Pháp chiếm đóng: Biên Hoà (16/12/1861), Bà Rịa (7/1/1862) và Vĩnh Long (25/3/1862).

Mặc dù không chiếm được Đà Nẵng bằng vũ lực, nhưng ý đồ chiếm đóng Đà Nẵng vẫn được Pháp đặt ra thông qua các điều ước ký với Triều đình Huế. Trong Hiệp ước Nhâm Tuất (5/6/1862) ký giữa thực dân Pháp và triều đình Tự Đức đã xác định quyền buôn bán của người Pháp ở cảng Đà Nẵng. Khoản V của điều ước quy định: "Người buôn bán Pháp-Tây Ban Nha được ra vào buôn bán ở các cửa biển Đà Nẵng, Ba Lạt, Quảng Yên nạp thuế như lệ định". Đồng thời cũng xác định quyền lợi của người Pháp và Tây Ban Nha buôn bán ở Đà Nẵng phải được bình đẳng như mọi người buôn bán từ các nước khác đến Việt Nam: "Nếu có người nước khác đến buôn bán, nước Nam không được riêng che

[1] Hiện nay ở thành phố Hồ Chí Minh vẫn còn ngôi đình mang tên Nam Chơn.

www.thuvien247.net

chở, đối đãi hơn cách với người Pháp, người Tây Ban Nha. Nếu người ấy có hưởng lợi ích gì về thương mãi thì người Pháp, người Tây Ban Nha cũng được hưởng như thế". Khoản VI xác định Đà Nẵng thành nơi neo đậu tàu Pháp - Tây Ban Nha khi các nước này đến quan hệ bang giao với triều đình Huế: "Tàu Pháp và Tây Ban Nha đến nước Nam thì đậu ở Đà Nẵng, quan khâm sai đi đường bộ đến kinh".

Sau khi ký hiệp ước trên với Pháp, Triều đình Huế cho rút bớt quân phòng thủ ở Đà Nẵng và đổi thành An Hải thành đồn An Hải.

Như vậy, với Hiệp ước trên thực dân Pháp đã giành được quyền buôn bán ở Đà Nẵng, nhưng chưa chiếm được đất Đà Nẵng. Tuy vậy, vì Hiệp ước này đã cho Pháp quá nhiều, Triều đình Huế đã cắt hẳn 3 tỉnh miền Đông Nam kỳ cho Pháp. Đó là nhượng địa khổng lồ để Pháp làm bàn đạp thực hiện âm mưu chiếm toàn bộ nước ta, nên Pháp chưa đưa việc chiếm đất Đà Nẵng làm điều kiện ký kết ở Hiệp ước 1862. Có thể đây cũng là sự né tránh phản kháng của Triều đình Huế để Pháp ký cho được hiệp ước. Bởi vì Đà Nẵng quá gần kinh thành, nếu mất nó sẽ đe dọa sự "yên ổn" của Triều đình Huế. Nhưng ý đồ chiếm đất Đà Nẵng thì luôn luôn có trong kế hoạch của Pháp.

Ngay sau khi Triều đình Huế ký kết và thực hiện Hiệp ước 1862 thì Pháp xúc tiến ngay việc đòi nhượng địa ở Đà Nẵng để lập cơ sở thương mại và đặt lãnh sự ở đây để bảo vệ quyền lợi của kiều dân Pháp. Thực dân Pháp cử Aubaret đi thương thuyết với triều đình Huế sửa đổi Hiệp ước 1862, đưa việc nhượng đất ở Đà Nẵng vào nội dung thương thuyết. Sau hơn một tháng hội thương giữa Aubaret và Phan Thanh Giản, Phan Huy Vịnh, Trần Tiễn Thành, ngày 15/7/1864 hai bên đi đến ký một dự thảo thoả ước sửa đổi Hiệp ước 1862, trong đó

www.thuvien247.net

có điều khoản: người Pháp được phép cư trú ở Đà Nẵng, Ba Lạt và Quảng Yên, đồng thời tại các nơi này họ được nhượng một vùng đất xung quanh hải cảng rộng 9km để lập cơ sở buôn bán[1]. Nhưng thoả ước này không được chính phủ hai nước phê chuẩn nên không được thực hiện.

Thực dân Pháp lại tiến hành mở rộng xâm lược nước ta ở miền Bắc. Ngày 20/11/1873 chúng tấn công thành Hà Nội. Ngày 15/3/1874 Triều đình Huế phải ký bản Hiệp ước mới, mang tên "Hiệp ước Hoà bình và Liên minh". Tuy trong bản hiệp ước này không có điều khoản nào liên quan đến Đà Nẵng, nhưng bấy giờ toàn bộ Nam Kỳ đã trở thành thuộc địa của Pháp và Đà Nẵng vẫn là một căn cứ hải quân Pháp có quyền ra vào hoặc tập kết để sẵn sàng uy hiếp kinh đô Huế.

Năm 1883, chỉ huy quân Pháp lên kế hoạch cùng lúc tấn công vào 3 địa điểm quan trọng là Tiên Yên ở miền Bắc, Thuận An và Đà Nẵng ở miền Trung, nhưng kế hoạch này không được Paris đồng ý, chỉ cho đánh Thuận An uy hiếp trực tiếp Huế để buộc Triều đình Huế phải ký một hàng ước nên Đà Nẵng tránh được một trận chiến mới. Dẫu vậy, vịnh Đà Nẵng vẫn được viên Trung tướng Courbet chọn làm nơi tập kết cho 2 thiết giáp hạm, 1 vận tải hạm, 2 tuần dương hạm và 2 pháo thuyền vào ngày 17/8/1883 để từ đây chúng tiến ra đánh chiếm Thuận An. Cửa Thuận An thất thủ, Triều đình Huế buộc phải ký hàng ước vào ngày 25/8/1883 (Hiệp ước Quý Mùi hay Hiệp ước Hiệp Hoà, còn gọi Hiệp ước Harmand). Với bản hiệp ước này thì toàn bộ Trung Kỳ đã đặt dưới quyền bảo hộ của Pháp, mặc dù vẫn thuộc quyền cai quản của triều đình. Điều 6 và 7 của Hiệp ước này ngoài việc yêu cầu mở cửa Đà Nẵng để thông thương còn quy định Pháp

---

[1] Tabulet - dẫn theo *Lịch sử thành phố Đà Nẵng*. Sđd. tr. 65.

www.thuvien247.net

sẽ được phép lập các khu nhượng địa (concession) ở đây. Đến khi bản Hiệp ước cuối cùng, ký ngày 6/6/1884 (Hiệp ước Patenôtre) thì căn bản Việt Nam đã trở thành thuộc địa của thực dân Pháp dưới nhiều chế độ cai trị khác nhau. Với Đà Nẵng, ngoài việc tiếp tục mở cửa thông thương, còn phải áp dụng chế độ thuế thương chính của Pháp, người có quốc tịch Pháp được tự do đi lại buôn bán, sử dụng bất động sản và hai bên sẽ bàn bạc để tiến tới định giới hạn khai thương cửa biển và đất đai nhường cho Pháp.

Ngay sau khi Hiệp ước Patenôtre được ký kết, thực dân Pháp cho lập lại những quan hệ ở cảng Đà Nẵng. Tiếp đến, sau cuộc nổi dậy không thành của phái chủ chiến trong triều đình tại kinh đô Huế vào ngày 5/7/1885, viên tướng Tổng chỉ huy quân đội Pháp quyết định chiếm đóng bằng quân sự cảng Đà Nẵng[1].

Ngày 1/1/1886, cây gỗ gác ngang đường nước vào cửa Đà Nẵng bị gỡ bỏ, người Pháp bắt đầu thiết lập một bến tàu, đặt tạm trạm hải quan trong một nhà trạm, các bộ phận về giao thông vận tải, bưu chính và điện báo trong 2 ngôi chùa khác. Tuy nhiên, Đà Nẵng vẫn còn thuộc triều đình Huế nên có một chức quan trông coi là quan Hải phòng đóng tại Nha Hải phòng[2]. Bắt đầu có những người Pháp là binh lính đóng trong các lều trại, và cũng đã có những người Pháp dân sự đầu tiên đến ở đây làm nghề buôn. Cũng từ đây các tàu chở thuê và các tàu chiến thường xuyên lui tới cảng. Do vị trí giao thương thuận lợi, tàu buôn nước ngoài vào buôn bán tự nhiên tại đây. Hãng buôn M. Derolerty Fere và Fiard năm 1886 đã

---

[1] *L'Annam en 1906*. Imprimerie Samat, Marseille, 1906, tr. 150.

[2] Nay là địa điểm Trường phổ thông cơ sở Trần Hưng Đạo trên đường Trưng Nữ Vương.

www.thuvien247.net

đặt một đại lý ở Đà Nẵng. Đại lý này có cửa hàng buôn bán ở Hội An, Tam Kỳ, Quảng Ngãi, Quy Nhơn, Quảng Trị, Huế. Hãng này chuyên về nhập khẩu các loại dầu hoả, diêm, đồ sắt, chất nổ, xi măng, thực phẩm, vải, lụa của các nước..., ký gởi tàu, vận chuyển quá cảnh và mua các loại hàng hoá sản suất ở Đông Dương như đường, mật mía, quế, cánh kiến, mây tre, cói, lụa, chè, da trâu, da bò... xuất qua cảng Đà Nẵng. Năm 1886 giá trị xuất khẩu qua cảng này là 2.708.029 Fr và nhập khẩu 4.217.142 Fr[1]. Năm 1887 xuất còn 83.960 Fr nhưng nhập tăng lên đến 5.605.762 Fr. Số tàu thuyền vào cảng 623 chuyến, gồm tàu chạy hơi nước của người Âu (54 tàu Pháp, 2 tàu Anh, 65 tàu Đức, 8 tàu Đan Mạch) và thuyền buồm của người Hoa, người Việt với tổng trọng tải 65.840 tấn. Số tàu rời cảng Đà Nẵng đi các nơi 719 chiếc với trọng tải 75.676 tấn. Dù tàu bè ra vào nhộn nhịp, cảng biển Đà Nẵng những năm này vẫn chỉ tồn tại như một cảng biển trung chuyển hàng hoá lớn nhất Trung Kỳ cho các tàu từ các nước ngoài đến, từ Bắc kỳ vào Trung kỳ và ngược lại. Ở đây có một sĩ quan cảng (Lieutenant de port) hay một sĩ quan tàu (Lieutenant vaisscau) trông coi, thậm chí có thời gian bỏ lỏng. Ngoài cảng Đà Nẵng ra, cho đến trước năm 1888, cả một vùng Đà Nẵng vẫn còn rất tiêu điều. Một người Pháp có mặt ở Đà Nẵng thời bấy giờ kể lại: "Thời kỳ ấy, ở Đà Nẵng không có một chỗ nào xứng đáng được gọi là nhà, vài nhà tranh làm nơi cư trú cho các quan chức người bản xứ của địa phương, bên cạnh những công sự nhỏ, hoang phế, một kho lúa lớn, hai hay ba nhà người Hoa (chi nhánh của Hội An) và một vài ngôi nhà tranh tồi tàn làm nơi trú ngụ cho ngư dân, đó là những gì làm thành một ngôi làng ở giữa đồng bằng cát không có cây cối và nơi

[1] *L' Annam en 1906*. Tlđd.

www.thuvien247.net

trú ẩn, một con đường mòn xấu ven bờ sông mà người đi bộ có thể qua lại được lúc thuỷ triều xuống nhưng không thể qua lại được lúc thuỷ triều lên. Chỗ ở của những cư dân đầu tiên rất sơ sài, trừ một người ở riêng trong một ngôi nhà tranh cách biệt, tất cả mọi người đều ở chung, mọi nhu cầu sinh hoạt đều diễn ra ở đấy"[1].

III. ĐÀ NẴNG TRONG PHONG TRÀO NGHĨA HỘI

1. Nhân dân ứng nghĩa

Với các Hiệp ước Quý Mùi (1883) rồi Giáp Thân (1884) ký với Triều đình Hiệp Hoà, Kiến Phúc, thực dân Pháp đã hoàn toàn chiếm được Việt Nam, nhưng chúng không thể khuất phục đựơc tinh thần yêu nước của nhân dân ta. Ngay cả trong giới quan lại, sĩ phu, phái chủ chiến do Tôn Thất Thuyết đứng đầu vẫn ngấm ngầm chuẩn bị cho công cuộc vũ trang chống Pháp.

Quảng Nam thuộc tả trực kỳ[2] của kinh đô Huế, được phái chủ chiến xem là một địa bàn trọng yếu, đặc biệt với Đà Nẵng có hải - quân cảng và đèo Hải Vân chắn giữ mặt nam kinh đô. Sau khi đưa Hàm Nghi lên ngôi vua, phái chủ chiến liền cho xây dựng ở vùng núi Quảng Nam một hậu cứ quan trọng tại xã Dương Hoà, huyện Hà Đông[3]. Triều đình cũng

[1] Bài viết về cảng và thành phố Đà Nẵng trong tài liệu *Annam en 1906*, tr 150.

[2] Theo *Đại Nam hội điển sự lệ* của Nội các Triều Nguyễn, vào đầu niên hiệu Gia Long các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi được gọi là các trực tỉnh phía tả, các tỉnh Quảng Trị, Quảng Bình là các trực tỉnh phía hữu. Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa là các tỉnh thuộc tả kỳ. Nghệ An, Hà Tĩnh, Thanh Hóa là các tỉnh thuộc hữu kỳ. Ở giữa là Kinh sư (phủ Thừa Thiên).

[3] Còn gọi là sơn phòng Dương Yên ở vùng núi Đèo Ron giáp giữa hai huyện Tiên Phước và Trà My hiện nay.

www.thuvien247.net

cho chuyển nhiều tàu đồng, khí giới, máy móc vào cửa bể Đà Nẵng, nhưng kế hoạch này không thành, vì bị các tàu tuần tiễu của Pháp bắt được, thu giữ tất cả[1]. Cũng tại địa bàn trọng yếu này, từ cuối năm 1884 quân Pháp đề phòng đã triệt bỏ Nha Hải phòng, thay vào đó là Sở Thương chánh để thu thuế xuất nhập cảng[2].

Ngày 5/7/1885 xảy ra vụ biến tại kinh thành Huế. Quân đội triều đình tấn công vào toà Khâm sứ và đồn binh Pháp nhưng không thành. Người đứng đầu phái chủ chiến là Thượng thư Bộ Binh Tôn Thất Thuyết buộc phải đưa vua Hàm Nghi rút lên miền núi Quảng Trị, đứng chân tại căn cứ Tân Sở, tiếp tục cuộc kháng chiến. Tại đây, vua Hàm Nghi xuống chiếu Cần Vương kêu gọi "kẻ trí hiến mưu, người dũng hiến sức, giàu có bỏ của ra giúp quân nhu, đồng bào đồng trạch chẳng từ gian hiểm", để "chuyển loạn thành trị, chuyển nguy thành an, thu hồi bờ cõi".

Tin tức về vụ biến kinh thành Huế theo các thí sinh đang dự thi nhanh chóng chuyển về Quảng Nam, truyền xuống các phủ huyện, gây xúc động lớn trong sĩ phu và nhân dân. Tất nhiên, trước đó Triều đình đã có mật dụ cho những người có trách nhiệm ở địa phương. Sơn phòng sứ Trần Văn Dư là người nhận mật dụ này, bởi ông được phái chủ chiến trong triều đình cử làm Chánh Sơn phòng sứ từ năm 1884, và là người từng dâng sớ xin sửa chữa kỹ Nha Sơn phòng Quảng Nam "để vững mặt tả kỳ"[3].

---

[1] *Đại Nam thực lục chính biên*. Sđd. Tập 36, tr 32-33.

[2] Quốc sử quán Triều Nguyễn: *Quốc triều chính biên toát yếu*. Nxb Thuận Hoá, 1998, tr 557

[3] *Quốc triều chính biên toát yếu*. Sđd, tr 556

www.thuvien247.net

Từ quê nhà, Trần Văn Dư ra thông đạt cho sĩ phu và nhân dân trong tỉnh biết nội dung Chiếu Cần Vương của vua Hàm Nghi và thống thiết kêu gọi: "các sĩ phu, thứ dân toàn hạt, không kể quan quân, sĩ thứ, ai có lòng thù giặc, xuất gia đầu quân, xuất quỹ nuôi quân, lập trường luyện võ, nhất nhất mưu đồ khởi nghĩa để đánh đuổi quân thù, giành lại quyền lợi cho thứ dân, tôn phò xã tắc lâu dài"[1]. Ngoài bản thông đạt này ra, văn thân Quảng Nam còn có bài hịch kêu gọi sĩ dân trong tỉnh hưởng ứng Chiếu Cần Vương.

Bức thông đạt và lời hịch trên như một tiếng kèn xung trận, một đốm lửa ném vào đống rạ khô là lòng dân đang xúc động mãnh liệt, làm hừng hực lên tinh thần kháng Pháp. Nghĩa hội Quảng Nam thành lập do Tiến sĩ Trần Văn Dư làm Hội chủ, được sĩ dân hăng hái ứng nghĩa. Cái không khí lúc bấy giờ, như Huỳnh Thúc Kháng viết: *"Nghĩa hội lâm lập, quân hịch phong trì"* (Nghĩa hội mọc lên như rừng rậm, quân hịch truyền khắp như gió bay). Lực lượng tham gia Nghĩa hội bao gồm từ các nhà khoa bảng (tiến sĩ, phó bảng, cử nhân, tú tài, võ cử), thân hào (chánh tổng, phó tổng, lý trưởng, thiên hộ, bá hộ) cho đến tráng sĩ, và đặc biệt là đông đảo tráng dân.

Cũng như các phủ huyện bạn, ở Hoà Vang, phong trào luyện tập võ nghệ, rèn sắm vũ khí, chuẩn bị chiến đấu được sĩ phu và nhân dân tích cực chuẩn bị.

Ngay sau khi tuyên cáo thành lập Nghĩa hội, Trần Văn Dư liền chỉ huy một cánh quân từ Hà Đông lên tái chiếm sơn phòng Dương Hoà. Từ sơn phòng, Trần Văn Dư cho đại quân tiến xuống đánh chiếm phủ đường Hà Đông, sau đó hợp với

---

[1] Dẫn theo tạp chí *Nghiên cứu lịch sử địa phương và chuyên ngành Quảng Nam - Đà Nẵng* của Sở Văn hoá và Thông tin Quảng Nam - Đà Nẵng, số 3 - 1984, tr. 16.

www.thuvien247.net

cánh quân của Nguyễn Hàm (Nguyễn Thành) đánh chiếm phủ đường Thăng Bình, rồi tiến ra Điện Bàn, hợp với các cánh quân của Nguyễn Duy Hiệu từ Thanh Hà kéo lên, cánh quân của Ông Ích Thiện, Ông Ích Kiêng từ Hoà Vang tiến vào cùng đánh chiếm tỉnh thành Quảng Nam. Tuần vũ Nguyễn Ngoạn, Bố chính Bùi Tiến Tiên, Án sát Hà Thúc Quán đều bỏ chạy[1].

Chiếm được tỉnh thành, Trần Văn Dư cùng các tướng lĩnh lên ngay kế hoạch bố phòng. Nguyễn Duy Hiệu đem một cánh quân lập phòng tuyến án ngữ mặt trận tây nam Hoà Vang, Điện Bàn, Duy Xuyên; Hồ Học, Nguyễn Hàm lập phòng tuyến án ngữ mặt trận tây bắc Hà Đông. Trần Văn Dư ở lại trấn giữ tỉnh thành Quảng Nam.

Phong trào Nghĩa hội các tỉnh tả trực kỳ phát triển mà Quảng Nam với vai trò hạt nhân "Quảng Nam tam tỉnh Nghĩa hội" khiến thực dân Pháp và ngụy Nam triều Đồng Khánh phải lập tức đưa quân vào đối phó. Cuối tháng 9/1885, quân Pháp do viên tướng Schanits và linh mục Maillard chỉ huy từ Đà Nẵng tiến vào. Sau một trận kịch chiến với nghĩa quân, chúng phá vỡ được phòng tuyến Hòa Vang tiến vào tỉnh thành Quảng Nam. Tán tương quân thứ Ông Ích Kiêng anh dũng hy sinh tại tỉnh thành. Nghĩa quân phải tản ra các phủ huyện xung quanh tổ chức chiến đấu, kìm chân địch.

Tháng 12/1885 sơn phòng Dương Hòa bị quân Pháp đánh chiếm. Thủ lĩnh Nghĩa hội Trần Văn Dư trên đường ra kinh đô thương thuyết nhằm bảo toàn lực lượng, bị các tỉnh quan Chu Đình Kế và Lê Văn Đạo lập mưu sát hại vào ngày 13/12/1885. Trước lúc tuẫn nạn, Trần Văn Dư còn kịp di ngôn lại cho đồng chí phải bảo toàn lực lượng, giữ vững chí

---

[1] *Đại Nam thực lục chính biên*. Tập 37. Sđd, tr. 40.

www.thuvien247.net

khí chiến đấu, không để mắc mưu giặc. Cái chết và di ngôn của thủ lĩnh Trần Văn Dư khiến cho những người chỉ huy và nghĩa quân càng thêm kiên quyết tiếp tục cuộc kháng chiến.

Phó bảng Nguyễn Duy Hiệu thay Trần Văn Dư làm Hội chủ. Với sự trợ lực của Phan Bá Phiến. Huỳnh Bá Chánh, cùng các tán tương Nguyễn Hàm, Hồ Học, Tán Bùi..., Nguyễn Duy Hiệu nhanh chóng chấn chỉnh lại Nghĩa hội. Lúc đầu ông cho xây dựng căn cứ kháng chiến ở phía tây huyện Hà Đông[1], sau đó chuyển lên Trung Lộc xây dựng thành một tân tỉnh với đủ 6 bộ, nha, thự, trại, nhà và đền Văn thánh[2], lại cắt đặt người trông coi các phủ huyện nghĩa quân đã chiếm được.

Chiến thuật của những nhà lãnh đạo Nghĩa hội lúc này là thực hiện tiêu thổ kháng chiến, tiến hành những vụ tập kích hoặc chặn đánh tiêu hao sinh lực địch, làm cho quân Pháp và quân ngụy Nam triều đối phó hết sức khó khăn. Ngoài những đội dân binh quấy phá giặc ở khắp nơi, từ căn cứ Trung Lộc, Nguyễn Duy Hiệu cho nghĩa quân nhiều lần tiến đánh các huyện đồng bằng.

Sự bùng phát và ngày một lớn mạnh của phong trào Nghĩa hội Quảng Nam làm cho Nam triều Đồng Khánh hết sức lo lắng, đến mức chỉ trong mấy tháng mà Triều đình Đồng Khánh phải thay đổi liên tiếp 3 quan đầu tỉnh, nhưng cũng vẫn không xoay chuyển được tình thế.

Hưởng ứng chủ trương tiêu thổ kháng chiến, tại Hòa Vang nhân dân tích cực thực hiện vườn không nhà trống, không họp chợ, triệt để bất hợp tác với giặc. Trai tráng vào các đội hương dũng quân, đoàn kiết quân ngày đêm luyện

---

[1] Khu vực giáp ranh giữa các xã Tiên Lộc, Tiên Thọ huyện Tiên Phước và xã Tam Dân- thuộc huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

[2] *Đại Nam thực lục chính biên*. T37, tr. 209.

www.thuvien247.net

tập, tiến hành những vụ tập kích, phục kích quân Pháp, nhiều người còn tự nguyện đốt cả nhà mình, đem lương thực vào núi cất giấu ủng hộ nghĩa quân, không để cho giặc chiếm dụng. Khâm sứ Trung Kỳ bấy giờ là Baille, trong hồi ký đã xác nhận rằng: "Được lệnh của Hiệu làng mạc đều tản cư, nông dân đốt nhà cửa thực hiện "vườn không nhà trống" để đối phó với quân đội ta. Một hôm, Hiệu ra lệnh trong phạm vi một vùng khá rộng, bảo dân chúng phải bỏ tất cả nhà ngói, nhà đất; để cho quân ta không có chỗ lợi dụng đóng đồn bót và cơ quan ở đó. Lệnh này được các nhà đại địa chủ, đại thương gia ngoan ngoãn chấp hành, họ tự ra tay phá hoại nhà cửa của họ"[1]. Còn Camille Paris thì kể lại những nơi ở Hòa Vang y đã đi qua trong tháng 11/1886: Ở Cẩm Lệ, "đó đây, những căn nhà bị cháy, chợ thì thiêu hủy, chùa chiền bị tàn phá, đồn lũy đắp bằng đất bị bỏ phế, dãy nhà phụ của huyện đường Hòa Vang bị triệt hạ, người ta còn thấy thuốc súng đầy trong những khẩu thần công, cùng những viên đạn tròn mà binh lính của chúng ta đã bắt gặp từ khi mới vào đây. Tất cả dân chúng đều lẩn trốn trên đường chúng tôi đi qua, ngoại trừ những người già cả và tàn tật. Trong tất cả các câu hỏi chúng tôi đặt ra, họ đều trả lời giống nhau là: không có biết... Chúng tôi không thể nào mua được thức ăn, cuối cùng phải sục sạo trong các căn nhà bỏ trống". Ở Phong Lệ, "dân làng cũng trốn hết". Tại Miêu Bông, Quá Giáng cũng là "sự thinh lặng hoàn toàn... Chợ búa vắng tênh... không có thứ gì để ăn cả, gà, vịt, heo, trâu, bò, gạo lúa đều không"[2].

---

[1] Dẫn theo Trần Ngọc Chương. Tlđd.

[2] Dẫn theo Nguyễn Sinh Duy: *Phong trào Nghĩa hội Quảng Nam*. Nxb Đà Nẵng, 1996, tr. 230 - 234.

www.thuvien247.net

2. Một số trận chiến đấu tiêu biểu

Thực hiện chiến thuật do những nhà lãnh đạo Nghĩa hội đề ra, tại Hòa Vang những đội hương dũng quân, đoàn kiết quân từ 50 người trở lên thường xuyên tập kích, phục kích tiêu hao sinh lực địch. Quân pháp không chỉ vấp phải sự chống trả của những đội nghĩa quân này mà còn phải luôn luôn đề phòng với mỗi người dân chúng gặp. Baille đã phải than phiền rằng: "Biết bao nhiêu người đã ngã gục trước súng gươm của đối phương và là nạn nhân xấu số vì bệnh tật trên mảnh đất Quảng Nam này... Binh lính người Âu và những đội khinh quân... đi đâu cũng kéo theo một cái đuôi nặng nề (bọn theo đóm ăn tàn) và do đó chỉ có thể đi hành quân theo những con đường quy định nhất định, ngoài ra không thể làm được gì hơn. Vả lại, ta (Pháp) chỉ có thể hành quân trong một thời gian ngắn, trước vì lương thực mang theo có hạn và sau nữa vì quân số quá ít, nhất là quân số các đơn vị trinh sát lại càng ít hơn. Khi một cuộc hành quân lùng sục xa doanh trại hai ba ngày, liền bị đối phương tấn công liên tiếp, quân ta trở về sức lực đã kiệt quệ..."[1].

Ở những nơi như Cẩm Lệ, Phong Lệ, Hóa Quê, Quá Giáng nghĩa quân đắp lũy chiến đấu. Từ đèo Hải Vân đến An Ngãi Đông là những đồn lũy liên tiếp của nghĩa quân do Hồ Học chỉ huy.

Ở Hóa Quê Đông, một tên Pháp rời khỏi đoàn tàu chiến theo xuồng máy nhỏ đi sâu vào con đường nước sông Cổ Cò để thám thính, khi đến khúc sông Đá Chồng y bị một người nông dân nấp sẵn trong đám lác dùng cuốc chĩa đánh chết rồi cắt đầu đem nộp cho Tán tương quân thứ Giang Châu để được tham gia vào Nghĩa hội. Người nông dân đó là Nguyễn Văn Diêu. Ông được Nghĩa hội phong làm chánh quản cơ

---

[1] Dẫn theo Trần Ngọc Chương. Tlđd.

www.thuvien247.net

hương binh, vì đã có công "trảm nhất khuyển ưng" (giết được một tên chó Tây) kèm theo một chiếc khăn điều làm kỷ vật. Với chức vụ vừa được nhận, Quản cơ Nguyễn Văn Diêu đốc thúc hương binh đóng cọc trên sông và lập phòng tuyến án ngữ con đường nước chảy qua làng Hóa Quê, không cho giặc hành quân từ sông Hàn vào Vĩnh Điện. Từ Hóa Quê, những đội hương binh của Quản Diêu còn tấn công vào các cơ sở doanh trại của giặc, nhất là tập kích vào ban đêm đốt các chợ do chúng lập nên. Trong một trận bao vây của giặc Pháp cuối tháng 3/1887 tại làng Hóa Quê Đông, người chiến sĩ chân bùn Quản Diêu bị giặc bắt sát hại[1].

Nắm được quy luật hoạt động của địch mỗi khi hành quân vây ráp và thu quân đều có thổi kèn hiệu, nghĩa quân và những đội dân binh tại Thanh Khê lúc ẩn lúc hiện dùng chiến thuật phục kích, tập kích quân Pháp trên đường chúng quay về doanh trại, khiến cho bọn chỉ huy Pháp phải đối phó một cách lúng túng.

Đến nay, nhân dân địa phương hãy còn lưu truyền câu ca:

Sớm mai nghe tiếng tò te,
Văn thân, Nghĩa hội xuống khe mà ngồi.
Chiều chiều nghe tiếng kèn hồi,
Văn thân, Nghĩa hội lại trồi trở lên.

Tại Túy Loan, nghĩa quân thuộc quân thứ Hòa Bình cũng ngày đêm tập kích vào doanh trại giặc. Trong một trận đánh quân Pháp vào tháng 6/1887 tại cầm Chu Hương, đội

---

[1] Tại làng Hóa Quê Đông hiện còn mộ ông với lòng bia ghi: "Hóa Quê, Hiền khảo, tiền hương binh chánh quản cơ, Nguyễn quý công, tự Quỳnh Phủ, thụy Dõng Cán, chi mộ" (tên tự và thụy do Văn thân dựa vào tên ông đặt giúp cho con trai ông). Theo Nguyễn Sinh Duy. Sđd, tr. 268.

www.thuvien247.net

hương binh khoảng 40 người do Trần Đệ[1] chỉ huy giết chết được 2 tên giặc. Khi rút lui về khu rừng Khương Mỹ thì bị giặc bao vây. Nghĩa quân kiên cường chiến đấu, một số tử trận, Trần Đệ bị chúng bắt đem xử chém, để lại nỗi tiếc thương và lưu truyền tinh thần xả thân vì việc nghĩa của các nghĩa sĩ trong lòng dân Hòa Vang.

Có một thực tế là, sau ngày Nghĩa hội chiếm được tỉnh thành Quảng Nam, một bộ phận giáo dân nghe theo lời xúi giục của những cha đạo phản động nổi dậy phản ứng, gây khó khăn cho hoạt động của Nghĩa hội. Tài liệu *Hòa Vang huyện chí* viết năm 1905[2] xác nhận, trong tháng 9 năm Ất Dậu (1885) "dân tả lại nổi loạn". Đứng đầu cho sự xúi giục, khích biến giáo dân này là cố đạo Bruyere ở Trà Kiệu và Maillard ở Phú Thượng[3]. Cố đạo Donat Etienne Maillard, tên Việt là Cố Thiên, được phái đến cai quản giáo hạt Phú Thượng vào năm 1884. Là một tu sĩ nhưng y lại bỏ tiền ra mua đến 250 héc ta đất ở Phú Thượng và 100 mẫu ruộng tại Cồn Dầu cách Đà Nẵng về phía nam độ 4 cây số để khai thác sức lao động của giáo dân vào việc trồng chè và cà phê. Sự cai quản hà khắc của Maillard khiến cho nhiều giáo dân phải "thỉnh cầu giám mục Van Camelbeke hãy sớm giải phóng họ ra khỏi bàn tay sắt của người chủ chăn mới này và xin đổi lại người tiền nhiệm", nhưng không được chấp thuận[4].

Là một nhà tu kinh doanh, Maillard còn là một tu sĩ lính chiến. Chính y đã hăng hái trợ lực cho Schanits trong lần tấn

---

[1] Trần Đệ (1847-1887), quê làng Bồ Bản, nay thuộc xã Hòa Phong

[2] Di thảo của Mành Trai Trần Hy Tăng. Trần Nhật Tĩnh cải chú và tăng bổ. Bản viết tay chữ Hán.

[3] Nay thuộc xã Hoà Sơn.

[4] Theo Nguyễn Sinh Duy. Sđd, tr. 199.

www.thuvien247.net

công Nghĩa hội tại tỉnh thành Quảng Nam. Y đã biến Phú Thượng thành một thành trì với 12 đài quan sát, lại tích trữ lương thực, khí giới, được viên tư lệnh quân Pháp ở Đà Nẵng là Touchard trang bị súng, nâng tổng số vũ khí ở đây lên tới 150 khẩu, với một đội "chiến tâm" tới 100 người do y tuyển từ các giáo dân lập nên. Nhưng không chỉ cai quản một địa hạt này, Maillard còn là người có công đầu tạo ra một vành đai nhà thờ và giáo dân quanh thành phố Đà Nẵng, chỉ trừ phía đông mặt biển đã có tàu chiến Pháp thường xuyên tuần tiễu, giám sát ngày đêm. Số giáo dân do Maillard cai quản lên tới 6000 người, nằm trong 20 giáo khu nhỏ[1]. Các chứng nhân người Pháp bấy giờ như Camille Paris đã gọi Maillard là "nhà tu đánh trận", "là một người thế lực, táo bạo và sáng giá, thích cầm đầu bè đảng hơn một nhà trồng tỉa lương thiện", hay nói như giáo sĩ Guerlach thì Maillard là một "tên giặc cướp và gây loạn không kể gì đến lệnh của nhà cầm quyền". Camille Pari cho biết "quang cảnh thành trì" Maillard ở Phú Thượng như sau: "Chúng tôi đừng lại một cổng gác ngang, nơi có nhiều đàn ông và đàn bà đang tụ họp: đây là lằn ranh phòng thủ thứ nhất. Một người cầm giáo nhọn canh lối vào, hắn ta nghiêng mình sát đất trước mặt chúng tôi. Chúng tôi tiếp tục lên đường và thoáng chốc lại đụng ngay phải một lính canh thứ hai, người đàn bà này đứng gác dưới một cái đèo trong khi trên đỉnh kia một người cầm giáo nhọn khác cũng đang làm phận sự... Tôi càng nghĩ lại, càng tự mình cho rằng cố đạo Maillard chính là người gây ra cuộc loạn trong tỉnh Quảng Nam"[2].

Cũng như sự nổi dậy của một số giáo dân do Bruyerer kích động ở Trà Kiệu, sự nổi dậy của một số giáo dân do Maillard kích động, tổ chức ở Phú Thượng đã gây khó khăn lớn

---

[1] Nguyễn Sinh Duy: Sđd, tr. 198.

[2] Theo Nguyễn Sinh Duy, Sđd, tr. 85.

www.thuvien247.net

cho hoạt động của Nghĩa hội. Chiến sự nổ ra ở nhiều nơi trên đất Hòa Vang, đến mức, cũng theo lời kể của C. Paris về đoạn đường đi lên Phú Thượng: "Chúng tôi đã đi qua nhiều nơi, trên những bộ xương người, chứng tỏ rằng người ta đã đánh nhau ở đó, hoặc ít ra người ta cũng dùng nơi này để hành quyết những người ngoại đạo (không theo đạo) dám bén mảng tới đây".

Chỉ cách ít ngày sau khi tổ chức phong tỏa Trà Kiệu[1], tại Hòa Vang Nghĩa hội quyết định bao vây uy hiếp Phú Thượng để bắt tên Tây dương đạo tặc Maillard.

Theo *Dậu, Tuất niên gian phong hỏa ký sự* thì nghĩa quân đã có 18 cuộc tấn công vào Phú Thượng: "Kể mười tám trận hào hùng", nhưng theo tài liệu của giáo sĩ Guerlach và Hội Thừa sai Paris thì có 4 trận kịch chiến trong các tháng 9 và 10/1885.

Ngày 7/9/1885, từ ba đến năm ngàn nghĩa quân và dân xung quanh vây chặt Phú Thượng. Sau khi đã chiếm các đỉnh đồi, nghĩa quân dùng kế dương đông kích tây để bắt Maillard. Cuộc phong tỏa kéo dài suốt 3 ngày, đến ngày thứ ba nghĩa quân đốt lửa ở phía bắc, gần An Ngãi để đánh lạc hướng Maillard rồi tấn công vào mặt nam, nơi Maillard cố thủ. Phải nỗ lực lắm Maillard mới chống trả được với nghĩa quân.

Trong lần tấn công thứ hai vào tháng 10/1885 nghĩa quân lại dùng kế điệu hổ ly sơn nổi lửa ở phía Tùng Sơn - An Ngãi. Maillard vội vã đưa đội chiến tâm ra ứng cứu, nhưng vì

---

[1] Cũng giống như trận Phú Thượng, trong trận Trà Kiệu các thủ lĩnh Nghĩa hội chỉ chủ trương phong tỏa nhằm bắt "Tây dương đạo trưởng" Bruyere, tránh gây thiệt hại cho giáo dân, như giáo sĩ Ravier tường thuật về trận này trong *Sử ký Hội thánh*, xuất bản năm 1895, đã lấy làm lạ là, "Giá như đêm ấy Văn thân có đánh thì được ngay và giết hết kẻ có đạo như không, nhưng mà nó chẳng có ý đánh đâu, kẻo sót người nào chăng, cho nên nó cứ canh suốt đêm, mà hễ năm phút thì lại loa lên". Dẫn theo Nguyễn Sinh Duy, Sđd, tr. 220.

www.thuvien247.net

bị tấn công bất ngờ, lại bị nghĩa quân áp sát khó có thể bảo toàn tính mạng, y bèn ra lệnh cho những giáo dân đang bỏ chạy tán loạn quỳ xuống cầu nguyện, nhằm làm lá chắn xung quanh mình. Không nỡ làm tổn thương đến những giáo dân, nên dù "đã hướng tất cả súng lớn vào linh mục", nhưng theo lời của Guerlach, nghĩa quân chỉ bắn uy hiếp "những quả đạn tròn đều bay ngang trên tầm cao". Một toán nghĩa quân bí mật thọc thẳng vào gần Maillard để bắt sống. Y rút súng lục ra bắn nhưng đạn không nổ. Nhờ có giáo dân che chở, khiến cho nghĩa quân một lần nữa không nỡ bắn vào nên Maillard lại thoát chết trong gang tấc. Cũng theo lời của Guerlach thì, "Nếu, thay vì bắn xả vào, bọn địch đã, trước hết, chỉ chăm vào linh mục và số người hộ vệ, bằng không, chúng đã nghiền nát, ít nữa cũng được dưới số người ấy rồi. Nhưng sự trù trì chủ tâm của chúng đã cho phép những người lâm trận đẩy lui được bọn phiến loạn ở phía nam, liền kéo tới tiếp cứu linh mục"[1].

---

[1] Dẫn theo Nguyễn Sinh Duy, tr. 207-210.

Tài liệu *Hoà Vang huyện chí* có nói đến trường hợp "giáo dân nổi loạn" và một nhân vật quê làng Nại Hiên là Nguyễn Hanh đưa nghĩa dân đi dẹp loạn: "*dân tà (dân theo đạo Gia Tô) lại nổi loạn. Tháng 9, ông đưa nghĩa dân đến dẹp loạn ở trận Lộc Hoà...*". Điều này phù hợp với nội dung bia mộ Nguyễn Hanh tại Khuê Trung có ghi ông mất ngày 12/9 năm Ất Dậu (19/10/1885). Như vậy, Nguyễn Hanh (thường gọi là Án Nại, vì ông từng làm Án sát, quê làng Nại Hiên, nay thuộc phường Bình Hiên, quận Hải Châu) là người của Nghĩa hội. Nhưng theo sách *Đại Nam liệt truyện* của Quốc sư quán Triều Nguyễn thì lại viết rằng: "Khoảng năm Đồng Khánh, trong hạt không yên, khâm sai Phan Thanh Liêm uỷ [Nguyễn Hanh] đi nhà thờ Phú Thượng thương thuyết, bị giết giữa đường, năm ấy 67 tuổi". Tra cứu sách *Đại Nam thực lục* tập 37 có nói đến một Nguyễn Hanh nguyên đô thống phủ hậu quân chương phủ sự được Đồng Khánh bổ thống chế, rồi bổ vệ uý, lãnh chương vệ coi các hiệu quân ở kinh thành. Như vậy, có chăng có hai Nguyễn Hanh cùng thời? Và các sử quan triều Nguyễn khi viết *Đại Nam liệt truyện* đã ghép nhầm Nguyễn Hanh quê làng Nại Hiên với Nguyễn Hanh Chương vệ? Vì trên thực tế bia mộ thì Nguyễn Hanh làng Nại Hiên đã chết từ ngày 19/10/1885, trong khi đội quân Khâm sai của Phan Liêm đến tháng 3/1886 mới vào Quảng Nam.

www.thuvien247.net

Sau trận Phú Thượng nghĩa quân còn nhiều lần tập kích vào những nơi đóng quân của quân Pháp ở Hòa Vang, Đà Nẵng suốt từ tháng giêng cho đến cuối tháng 6/1886.

Một trận tấn công có tiếng vang lớn của nghĩa quân là trận đột kích trạm Nam Chơn thuộc làng Chơn Sảng dưới chân đèo Hải Vân[1], nhằm vào đội quân xây dựng con đường chiến lược từ Huế đến Đà Nẵng diễn ra vào đêm 28/2 rạng ngày 1/3/1886 gây kinh hoàng cho quân Pháp. Xây dựng con đường này thực dân Pháp không chỉ nhằm mục đích quân sự, "tiếp tế cho Huế trong tất cả các mùa bằng Vụng Hàn"[2] mà còn cho công cuộc khai thác thuộc địa về lâu dài mà viên Thống chế Lyautey đã xác nhận là: "Con đường để xâm nhập buôn bán ở ngày mai"[3], nên đích thân Tổng tư lệnh quân Pháp ở Bắc và Trung Kỳ De Courcy đã ra lệnh cho tướng Prudhomme chỉ huy các đội quân ở Trung Kỳ điều động công binh và buộc Đồng Khánh huy động gần 2.000 dân phu hai tỉnh Quảng Nam, Thừa Thiên làm con đường dài gần 100km này trong tình trạng "những dụng cụ máy móc hoàn toàn thiếu, nhưng phải xây dựng mặt bằng lấp các đầm lầy, đào vào các hẻm núi đá cứng, xây dựng các cây cầu qua trên các sông thường rộng và sâu, hạ những cổ thụ hàng ngàn năm

---

[1] *Hòa Vang huyện chí* và *Đại Nam nhất thống chí* đều cho biết, trạm này nguyên có tên là trạm Sảng, đến thời Minh Mạng đổi tên là Nam Chân (nhân dân địa phương vẫn quen gọi là Nam Chơn). Làng Chân Sảng nay thuộc phường Hòa Hiệp, quận Liên Chiểu.

[2] H. Cosserat: *Thảm kịch ở Nam Chơn (28 tháng Hai - 01 tháng 3/ 1886)*. Đăng trong *Những người bạn cố đô Huế*. TXII-năm 1925. Nxb Thuận Hóa. Huế, 2002, tr. 158.

[3] Dẫn theo Dương Trung Quốc, Trần Hữu Đính, Nguyễn Văn Nhật, Nguyễn Tố Uyên, Ngô Văn Minh: *Lịch sử thành phố Đà Nẵng*. Nxb Đà Nẵng, 2001, tr. 88.

www.thuvien247.net

trong rừng già"[1]. Toàn bộ công trình này được đặt dưới sự chỉ huy trực tiếp của quan ba công binh Besson. Đây là viên đại úy ủy viên của phái đoàn quân sự do quan năm Brissaud cầm đầu, với một số sĩ quan, binh lính làm tùy tùng thuộc các binh chủng công binh và thủy quân lục chiến. Nhưng thực dân Pháp gặp phải sự phản đối của dân phu. Viên quan hai bộ binh, sĩ quan cận vệ của Brissaud là Jean Masson, xác nhận trong cuốn *Hồi ký về xứ Trung Kỳ và xứ Bắc Kỳ* xuất bản ở Paris năm 1892 rằng: "Thay vào sự giúp đỡ thiện chí của các làng xã, Besson chỉ toàn gặp phải sự đối kháng có hệ thống ở khắp mọi nơi đối với các kế hoạch của ông, và, thường xuyên công việc hoàn thành ban ngày thì ban đêm lại bị phá hủy hết (...) Khi những sự kiện đó diễn ra ở vùng phía nam Huế, thì những người phía bắc Huế đã được khuấy động bởi Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết. Đầu của chúng ta (tức Pháp) đã được mang ra treo làm giải thưởng; (...) Đó là kết quả những âm mưu ngấm ngầm của những người bất đắc dĩ phải trông thấy người Tây đặt chân lên xứ sở của họ"[2].

Đội quân khảo sát của Besson có tất cả 7 tên đến làng Chơn Sảng vào chiều ngày 28/2/1886. Cả đoàn dừng chân ở đây để ngủ qua đêm trước lúc đến Đà Nẵng. Nắm được lộ trình của Besson, ngay trong đêm đó, khoảng 300 nghĩa quân từ các làng xung quanh Nam Ô phối hợp với 200 nghĩa quân đã đến trước dưới danh nghĩa xin làm công nhân, cùng dùng thuyền tiến vào làng Nam Chơn. Cuộc đột kích diễn ra chớp nhoáng. Viên đại úy chỉ huy Besson và 6 tên Pháp trong đoàn

---

[1] H. Cosserat: *Thảm kịch ở Nam Chơn (28 tháng Hai - 01 tháng 3/ 1886)*. Sđd, tr. 158.

[2] Dẫn theo: Dương Kinh Quốc: *Việt Nam những sự kiện lịch sử (1858-1918)*. Nxb Giáo Dục, 1999, tr. 163.

www.thuvien247.net

bị giết chết, nghĩa quân đốt bản thiết kế con đường của đội quân khảo sát này. Sách *Đại Nam thực lục chính biên* cho biết, cả viên Tri huyện Hòa Vang đang ứng trực ở đây để đón đoàn của Besson cũng bị nghĩa quân giết chết[1]. Trong cuốn sách *Cuộc chiến tranh nổi tiếng*, Lucien Huard tường thuật lại trận đột kích này như sau: "Vào khoảng giữa 11 giờ và 12 giờ, có 300 người Annam nổi loạn đi bằng thuyền đáp vào vịnh Tourane. Họ yên lặng đổ bộ lên làng Nam Chơn, lúc đó không còn ai thức, họ đã bao vây hai cái nhà và tuôn vào nơi ông đại úy ở, ông này đang làm việc trước một cái bàn. Ông đại úy vừa đủ thời gian đặt bàn tay lên khẩu súng lục và một phát đạn duy nhất vừa được bắn ra, ông liền bị bắt, quật ngã xuống đất và giữ chặt bởi những kẻ thù hận điên loạn, họ chặt đầu ông ngay và châm lửa đốt cái nhà... Những người lính kinh hoàng vào giữa lúc đang ngủ, không đem lại một chút thành công nào trong việc đẩy lui người Annam đã đột nhập vào cái nhà của họ; họ bèn đặt chướng ngại vật chận người Annam lại. Ngay tức khắc, những người nổi loạn châm lửa đốt cái nhà nhỏ. Những người lính đau khổ, bị khói mù, lúc ấy phải chạy ào ra. Tất cả đều bị giết..."[2].

Nghĩa quân rút lui khỏi Nam Chơn liền ngay trong đêm hôm đó. Nhưng ngày hôm sau lại tổ chức tấn công vào một đồn trạm do quân Nam triều đóng giữ trên đèo Hải Vân.

Được tin Nam Chơn và tiếp đến đồn trạm trên đèo Hải Vân bị tấn công, viên Thiếu tá tư lệnh Touchard liền lệnh cho tàu Lutin đang đậu ở vịnh Đà Nẵng đi tiền trạm trước ra Lăng Cô và đưa thêm một cánh quân đến chiếm lại đồn trạm trên đèo, đồng thời lệnh cho viên Trung úy Malglaive chỉ huy một

---

[1] Sđd. Tập 37, tr. 119.

[2] H. Cosserat. Sđd, tr 141-142.

www.thuvien247.net

cánh quân tiến đến Nam Chơn, dưới sự bảo vệ và sẵn sàng ứng cứu của tàu Pluvier. Đến chiều ngày 3/3 lại đưa tiếp một cánh quân nữa do Trung úy Gimard chỉ huy cùng đến Nam Chơn điều tra về vụ đột kích của quân Nghĩa hội. Khi các cánh quân này đến nơi thì chỉ thấy "Nam Tung (Nam Chơn) đã cháy tiêu hoàn toàn, hiện là bãi cát hoang vắng vẻ, người ta không tìm được ở đó một xác người Annam nào bỏ lại, nhưng lại có 7 xác người Pháp...". Trong thư gửi cho viên Công sứ Hector, tướng Prudhomme Tổng chỉ huy các đội quân Trung Kỳ có nghi ngờ sự tiếp tay của nhân dân làng Chơn Sảng đối với nghĩa quân, y cho rằng, "đó là những ngư dân, không có đất đai và rất có thể họ đã đồng lòng với quân khởi loạn để gây ra thảm kịch này". Nhưng sau cuộc đột kích trên, nhân dân Chơn Sảng đã tự phóng lửa đốt nhà của mình, bỏ đi nơi khác nên tránh được sự trả thù của quân Pháp.

Cuộc đột kích đã làm cho quân Pháp hết sức bất ngờ và nhận ra cái yếu về quân số của chúng ở nơi đây, khiến chúng không thể truy kích nghĩa quân, mặc dù chúng biết rằng họ vẫn đang được "thiên nhiên bao bọc trong vùng lân cận Nam Chơn". Viên Trung úy Gimard được phái đến Nam Chơn đã phải báo cáo với viên tướng Prudhomme rằng, y "không thể đi truy lùng họ được vì thiếu người, bởi Tourane đang phòng bị một cách thiếu thốn và xứ này đang có biến động"[1]. Hơn nữa, nếu tập trung quân các nơi đến truy lùng nghĩa quân ở đây thì chúng phải bỏ trống kinh đô Huế và địa bàn Bình Định cũng đang bị nghĩa quân do Mai Xuân Thưởng lãnh đạo liên tiếp tấn công vào quân đội Nam triều Đồng Khánh và quân của chúng.

---

[1] Theo thư của Prudhmme gửi Công sứ Hector ngày 5/3/1886. Dẫn theo H. Cosserat. Sđd, tr. 148.

www.thuvien247.net

Trận đột kích Nam Chơn của nghĩa quân làm gián đoạn kế hoạch làm đường Huế - Đà Nẵng của quân Pháp. Sau cái chết của viên Đại úy Besson với toàn bộ bản vẽ bị nghĩa quân thiêu hủy, viên Đại úy Nicod được giao nhiệm vụ tiếp tục chỉ huy công trình, nhưng sơn lam chướng khí của vùng núi Hải Vân lúc ấy đã làm cho Nicod nhiễm bệnh, y phải bỏ nhiệm sở và đã chết trên chuyến tàu đưa y hồi hương.

Đối phó với phong trào Nghĩa hội Quảng Nam và các tỉnh tả trực kỳ, tháng 3/1886 Đồng Khánh sai Phan Liêm làm Khâm sai, Nguyễn Tạ làm khâm sai tán lý mang 300 lính Nam triều do quân Pháp tuyển cấp tốc từ Huế vào Đà Nẵng, rồi từ Đà Nẵng kéo quân đi các huyện của Quảng Nam để "hiểu dụ dân chúng". Đội quân này đến đâu cũng niêm yết cáo thị của Đồng Khánh, mà nội dung cáo thị đó là lên án vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết, lên án những người lãnh đạo phong trào Nghĩa hội ở các tỉnh, ca ngợi công lao của thực dân Pháp và kêu gọi thân sĩ, dân binh các tỉnh này ra đầu thú. Tuy nhiên, phong trào kháng chiến vẫn tiếp tục dấy lên mạnh trên đất Quảng Nam. Dưới con mắt của nhân dân Hòa Vang - Đà Nẵng, hay Quảng Nam nói chung, đội quân khâm sai này chỉ là những kẻ ăn cướp, gây nên nỗi thống khổ cho nhân dân ở những nơi chúng đi qua.

Phải đối phó với quân Pháp và cả quân sai đạo của Nam triều nhưng nghĩa quân vẫn tiếp tục mở một số cuộc đột kích và phục kích mới.

Sau khi đã thông báo trước cho viên quan tư lệnh tối cao Pháp ở Đà Nẵng biết sẽ bị tấn công, ngày 16/5/1886, khoảng 400 nghĩa quân dưới quyền chỉ huy của Tán Hàm và Tán Bùi đột nhập vào thành phố, phóng hỏa hổ đốt cháy 40 ngôi nhà xung quanh trại lính Pháp. Hai hôm sau nghĩa quân quay trở lại đốt cháy dãy nhà do quân Pháp dựng lên làm nơi tiếp

www.thuvien247.net

phẩm tại chợ Hà Thân, khiến cho quân Pháp trong thành Điện Hải dù có đến 150 tên với đầy đủ vũ khí, là nơi đặt bản doanh của viên Thiếu tá Touchard, lại có một hạm đội ở trong vịnh Đà Nẵng gồm tuần dương hạm Hugon và các pháo hạm Lutin, Rafale, Pluvier canh giữ vùng biển sẵn sàng yểm hộ, vậy mà cũng đành phải thúc thủ, ban ngày không dám ra khỏi thành phố, ban đêm không dám ra khỏi nhà, khi muốn đi dạo "phải nhìn kỹ trước sau, dò xét những lùm bụi cũng như quan sát các nồng cát"[1].

Trong một trận phục kích trên đèo Hải Vân do Hồ Học chỉ huy, nghĩa quân giết chết 12 tên Pháp. Tiếp đến nghĩa quân đánh với quân Pháp tại trận Hố Chiêu, nhưng tại trận này, giặc tung một lực lượng mạnh bao vây, nghĩa quân bị thiệt hại. Các ông Hồ Học, Tán Bùi, Cai Á, Cai Cải, Lãnh Tịnh[2] bị giặc bắt sát hại[3].

Triều đình Đồng Khánh lại phái Nguyễn Thân đem toàn bộ đội quân sơn phòng Nghĩa-Định của y trở giáo đánh ra và thực dân Pháp phái hai đạo binh gồm lính Pháp và lính tập tất cả đến 600 quân, cùng với quân sai đạo của khâm sai Phan Liêm, với hơn 200 khẩu súng do quân Pháp trang bị hợp nhau đàn áp phong trào Nghĩa hội ở đây.

Do sự hợp lực đánh phá và thủ đoạn dụ dỗ, ly tán của kẻ thù, Nghĩa hội Quảng Nam ngày một bị hãm vào thế cùng. Sau tổn thất tại trận An Lâm[4], các thủ lĩnh Nghĩa hội buộc phải tính đến việc giải giáp lực lượng nhằm "bảo toàn đảng

---

[1] Tường thuật của Camille Paris. Dẫn theo Nguyễn Sinh Duy. Sđd. tr. 161.

[2] Đều quê xã Hòa Liên hiện nay.

[3] Đảng bộ huyện Hòa vang - Ban sưu tầm lịch sử Đảng: *Lịch sử đấu tranh cách mạng huyện Hòa Vang 1928 - 1954*. Nxb Đà Nẵng. 1985. tr. 26.

[4] Nay thuộc xã Tiên Hà. huyện Tiên Phước. Quảng Nam.

www.thuvien247.net

để mưu đồ về sau" (lời Phan Bội Châu). Sau khi Phan Bá Phiến uống thuốc độc tự vẫn để bảo toàn bí mật của Nghĩa hội, Nguyễn Duy Hiệu tự về đồng bằng, chấp nhận để cho giặc đến bắt tại núi Ngũ Hành. Những người giữ chức vụ từ suất đội trở lên bị giặc bắt cũng đều bị chúng xử tử, dưới suất đội thì bị đưa đi đày khổ sai từ 5 đến 10 năm và cưỡng bức lao động tại Đà Nẵng và các công sở.

Trong phong trào Nghĩa hội, nhân dân Hòa Vang-Đà Nẵng đã có sự đóng góp xứng đáng. Trong số đông đảo sĩ phu, nhân dân tham gia phong trào, có những con người tên tuổi in đậm trong sử sách, còn lưu truyền trong ký ức nhân dân địa phương như: Tú Nghị người làng Quán Khái, Tán Bùi người làng Nại Hiên; hai anh em Ông Ích Thiện và Ông Ích Kiêng quê làng Phong Lệ (con trai danh tướng Ông Ích Khiêm[1]); Nguyễn Văn Diêu quê làng Hoá Quê Đông; Hồ Học là một "dân thường khởi binh, có tiếng là một chiến tướng" (lời Phan Bội Châu) và các ông Cai Á, Cai Cải, Đốc Sành, Lãnh Tịnh quê làng Vân Dương; Trần Đệ quê làng Bồ Bản, Bang biện huyện vụ Lâm Hữu Đôn, Bang tá tỉnh vụ Lâm Hữu Mẫn quê làng Cẩm Toại... Nổi bật lên có vai trò trọng yếu của Huỳnh Bá Chánh.

Huỳnh Bá Chánh (hay Huỳnh Chánh), sinh năm 1832, quê làng Quán Khái Đông (nay thuộc phường Hoà Hải, quận Ngũ Hành Sơn), đỗ Cử nhân năm 1873, làm quan trải các chức: Tri huyện, Tri phủ, Giám sát ngự sử, Ngoại lang Bộ Công, Hành tẩu cơ mật viện. Khi có chiếu Cần

[1] Ông Ích Khiêm sinh năm 1828, mất năm 1884, quê làng Phong Lệ, nay thuộc xã Hoà Thọ, đỗ cử nhân năm 1832. Ông làm quan trải qua các chức: Tri huyện, Thị lang bộ Binh, Khâm phái Bắc Ninh, Tham tán Sơn Tây, Phó Thống đốc tiễu phỉ sứ đánh dẹp giặc phỉ ở các tỉnh Sơn - Hưng - Tuyên, rồi được thăng các chức tham lược kinh kỳ Hải Phòng coi đắp đồn luỹ, Thị giảng tham biện phòng vụ, tấn phong tước Kiên Trung Nam.

www.thuvien247.net

Vương của vua Hàm Nghi, ông bỏ quan về quê ứng nghĩa. Sau khi Trần Văn Dư mất, ông cùng Nguyễn Duy Hiệu và Phan Bá Phiến lập Tân tỉnh tại Trung Lộc, giữ chức Bố chánh của Nghĩa hội. Ông bị giặc bắt xử trảm năm 1887.

Phong trào Nghĩa hội Quảng Nam là một bộ phận của phong trào Cần Vương, nổ ra ngay từ những ngày đầu có chiếu Cần Vương, nhưng thời gian tồn tại chỉ trong hai năm. Tuy vậy, trong hai năm tồn tại đó lại có những lúc quật khởi mạnh mẽ. Nhưng vì thiếu một thời gian chuẩn bị chu đáo trước khi khởi sự, so với một số tỉnh phía nam thì phong trào ở đây sớm bị cả hai đầu thọ địch nên thời gian tồn tại ngắn ngủi.

www.thuvien247.net

Chương II

ĐÀ NẴNG TRONG GIAI ĐOẠN ĐẦU CỦA CHẾ ĐỘ CAI TRỊ PHÁP (1888 - 1918)

I. ĐÀ NẴNG TRỞ THÀNH "NHƯỢNG ĐỊA" CỦA PHÁP

1. Sự thiết lập chế độ "nhượng địa"

Có thể thấy nội dung khoản XVIII Hiệp ước Giáp Thân (1884) đề cập đến vấn đề nhượng đất ở các cửa biển để mở mang công thương chứ không phải là cắt đất cho Pháp theo kiểu Hiệp ước Nhâm Tuất cắt 3 tỉnh miền Đông, hay Hiệp ước Giáp Tuất (1874) công nhận chủ quyền của Pháp ở cả 6 tỉnh Nam Kỳ. Nhưng thực dân Pháp lại muốn trên phần lãnh thổ "tự trị" của triều đình vẫn có những vùng đất đai thuộc quyền sở hữu của mình. Đạo dụ ngày 1/10/1888 của Đồng Khánh đã đáp ứng yêu cầu của Pháp. Đạo dụ này quy định: "Các lãnh thổ thuộc các thành phố Hà Nội, Hải Phòng và khu Đà Nẵng được Chính phủ Đại Nam kiến lập thành nhượng địa và nhượng trọn quyền sở hữu cho Chính phủ Pháp và Chính phủ Đại Nam từ bỏ mọi quyền hành trên các lãnh thổ đó" (khoản I). "Những quyền hạn giao phó trước đây phải được tuyệt đối tôn trọng và do Toàn quyền Đông Dương quy định, chiếu các quyền hạn mà Trẫm đã đặc biệt phê chuẩn về hiệu lực bởi dụ ngày hôm nay ấn định" (khoản II)[1].

---

[1] Võ Văn Dật: *Lịch sử Đà Nẵng*. Luận văn cao học Đại học Huế.1974. tr. 289

www.thuvien247.net

Đạo dụ ngày 1/10/1888 của Đồng Khánh được Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn chính thức vào ngày 3/10/1888.

Bản phụ đính kèm theo đạo dụ ngày 1/10/1888 quy định địa giới đầu tiên của nhượng địa Pháp ở Đà Nẵng gồm 5 xã thôn thuộc tổng Bình Thái Hạ của Hoà Vang: Hải Châu, Phước Ninh, Thạch Thang, Nam Dương, Nại Hiên[1]. Từ đây, một nhượng địa Pháp đã chính thức được thiết lập trên khu vực cửa biển Đà Nẵng dọc tả ngạn sông Hàn, có diện tích khoảng 10.000 ha, phía đối diện với nhượng địa bên hữu ngạn sông Hàn là lãnh địa tỉnh Quảng Nam.

Sau khi xác định được quyền sở hữu đối với vùng đất cửa biển Đà Nẵng, ngày 24/5/1889 Toàn quyền Đông Dương ra nghị định thành lập thành phố Đà Nẵng. Thành phố này tổ chức biên chế thành thành phố cấp II như thành phố Chợ Lớn trước đó.

Như vậy, đến cuối thế kỷ XIX đã hình thành 5 thành phố hiện đại đầu tiên ở Việt Nam, trong đó có 3 thành phố cấp I là: Sài Gòn (8/1/1877), Hà Nội và Hải Phòng (19/7/1888) và 2 thành phố cấp II là: Chợ Lớn (20/10/1879), Đà Nẵng. Trong 5 thành phố đó có 3 thành phố nhượng địa là Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng và 2 thành phố thuộc địa là Sài Gòn và Chợ Lớn.

Các thành phố đầu tiên ra đời trước khi có chương trình khai thác thuộc địa của Paul Doumer. Tuy thành phố Đà Nẵng ra đời muộn hơn các thành phố ở Nam Kỳ và Bắc Kỳ nhưng nó là thành phố hiện đại[2] ra đời sớm nhất ở Trung Kỳ.

---

[1] Tức là ở khoảng đầu cua sông đến Công ty Xăng dầu Khu vực V, còn bề rộng bao quát đường Ông Ích Khiêm hiện nay.

[2] Xét trong bối cảnh bấy giờ.

www.thuvien247.net

Phải đến năm 1929 các thành phố Quy Nhơn, Huế, Vinh mới được thiết lập.

Ngày 26/1/1891 vua Thành Thái truyền chỉ dụ thực hiện xác định địa giới của nhượng địa Đà Nẵng[1]. Từ đây, thành phố phát triển rất nhanh. Công sứ Quảng Nam (bao gồm cả Đà Nẵng) A.J Gouin, năm 1891 đã mô tả sự phát triển đó như sau: "Thành phố Đà Nẵng ngày càng phát triển. Nhà từ đất mọc lên như nấm; một kè được xây dựng và các tàu vận chuyển hàng hoá từ vịnh vào cảng. Một đại lộ song song với dòng sông, hai bên có nhà xây bằng gạch. Mọi việc chỉ rõ rằng một thành phố thương mại đang hình thành và sẽ nổi tiếng trong tương lai... từ khi tàu hơi nước có khuynh hướng phổ cập, Hội An xuống dốc, nhường tầm quan trọng lại cho Đà Nẵng" [2].

Đầu thế kỷ XX, sự phát triển của thành phố khiến cho nhượng địa trở nên bé nhỏ. Lãnh địa ban đầu không đáp ứng được nhu cầu phát triển nên thực dân Pháp đã yêu cầu mở rộng diện tích nhượng địa. Thực tế là thực dân Pháp đã quy hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng: đường sá, bến cảng, công sở của thành phố vượt ra ngoài phạm vi nhượng địa ban đầu. Bản tường trình của Hội đồng Cơ mật lên nhà vua năm 1901 đã cho thấy "Công tác sắp được chính phủ bảo hộ thực hiện tại Đà Nẵng như đào một hải cảng, xây dựng các kho hàng, lắp đặt các đường hoả xa, sẽ đem lại cho nền thương mại một sự mở rộng lớn lao". Nhà vua An Nam thấy "cần phải giúp đỡ việc làm lớn lao và làm đẹp thành phố" nhưng nhà vua cũng thấy "trong hiện trạng các cơ sở sẽ được thực hiện

---

[1] *Bulletin administratif de l'Annam* 1903, tr. 547.

[2] A. J. Gouin: *Tourane et le centre Annam. Bulletin administratif de l'Annam* 1903, tr. 547.

www.thuvien247.net

như đã dự tính đều nằm ngoài phạm vi nhượng địa". Do đó, vua Thành Thái quyết định cho mở rộng diện tích nhượng địa Đà Nẵng. Đạo dụ ngày 15/1/1901 ghi rõ: "Trẫm phê chuẩn nới rộng lãnh thổ đã nhượng và phê định địa giới mới cho nhượng địa Pháp ở Đà Nẵng theo bản đồ đính kèm theo"[1]. Phụ đính kèm theo cho thấy địa phận mới của thành phố mở rộng ra các thôn xã: Xuân Đán, Thạc Gián, Liên Trì, Bình Thuận, Xuân Hoà, Thanh Khê, Đông Hà Khê, An Khê thuộc huyện Hòa Vang, và Mỹ Khê, An Hải, Tân Thái, Nại Hiên Đông, Mân Quang, Vĩnh Yên thuộc huyện Diên Phước. Như vậy, lãnh địa Đà Nẵng mở rộng ra xung quanh cả 3 phía: phía đông vượt qua hữu ngạn sông Hàn chiếm trọn bán đảo Tiên Sa; phía tây và tây bắc kéo về phía đèo Hải Vân, phía nam mở ra Hoà Vang. Tổng cộng gồm 19 xã, trong đó 13 xã tả ngạn, 6 xã hữu ngạn. Theo đơn vị thôn xã thì khu vực nhượng địa mới mở rộng gần gấp 4 lần khu vực nhượng địa ban đầu.

Năm 1903 lại có sự cắt, nhập một số khu đất nhỏ giữa Quảng Nam và nhượng địa Đà Nẵng. Ngày 15/6/1903 Toàn quyền Đông Dương ký nghị định chuyển một số phần đất nhỏ của Hoà Vang vào tỉnh Quảng Nam[2]. Theo nghị định này, con đường chạy từ Đà Nẵng đến Hội An là chỉ giới phân cách nhượng địa Đà Nẵng với huyện Hoà Vang thuộc tỉnh Quảng Nam, nhưng trong nghị định ngày 4/12/1903 của Khâm sứ Trung Kỳ thông báo về bệnh dịch ở Hoà Vang lại ghi ở điều 1: "Huyện Hoà Vang thuộc phạm vi hành chính thành phố Đà Nẵng" [3].

---

[1] Dẫn theo Võ Văn Dật. Sđd. tr. 290.

[2] *Bulletin administratif de l' Annam* năm 1903. tr. 547

[3] *Bulletin administratif de l'Annam* năm 1904. tr. 658

www.thuvien247.net

Từ Quyết định ngày 4/12/1903 có thể hiểu thành phố Đà Nẵng bao hàm nhượng địa Đà Nẵng và huyện Hoà Vang phụ thuộc vào Đà Nẵng về mặt hành chính.

Năm 1905 lại có sự xác định lần nữa địa giới thành phố Đà Nẵng với tỉnh Quảng Nam. Huyện Hoà Vang nhận lại tất cả những vùng có liên quan đến Hoà Vang mà trước năm 1905 còn thuộc lãnh thổ Quảng Nam. Theo Nghị định ngày 19/9/1905 của Toàn quyền Đông Dương thì những phần đất của Hoà Vang đã trả về Quảng Nam sau đạo dụ mở rộng nhượng địa năm 1901 và những vùng đất mới chuyển về Quảng Nam theo Nghị định tháng 6/1903 đều trả lại cho huyện Hoà Vang thuộc phạm vi hành chính Đà Nẵng[1]. Như vậy, thành phố Đà Nẵng có lãnh thổ bao gồm phần nhượng địa Đà Nẵng thuộc sở hữu của Pháp và huyện Hoà Vang, và một số làng xã vẫn thuộc sở hữu của triều đình Việt Nam, nhưng phụ thuộc vào Đà Nẵng về phương diện hành chính. Ngày 7/11/1911 Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định sáp nhập các xã thôn ở Đà Nẵng thành 1 tổng gồm 19 xã.

Trên cơ sở mặt bằng được xác định, cư dân đến sinh sống hoạt động kinh tế khiến cho bộ mặt thành phố dần dần hình thành và phát triển. Các công sở lần lượt được xây dựng và các nhà ở biệt thự mọc lên: kể từ Bắc xuống Nam dọc theo đường Courbet (trục đường chính của Đà Nẵng), có các công sở: Toà Đốc lý đứng ở vị trí trung tâm, trên bờ tả ngạn sông Hàn nhìn thẳng ra sông Hàn và vịnh. Ty Kiểm hoá quan thuế (1907), Toà án (?), Nhà dây thép (xây dựng khoảng 1907-1908). Ty Hành thu quan thuế (1907), Sở Quan thuế và công quản Trung Kỳ (1907). Phòng Thương mại Đà Nẵng (1903). Quân y viện Pháp (1900 ?). Trại lính (1900 ?), Sở Lục lộ

---

[1] *Bulletin administratif de l' Annam* năm 1905, tr. 1344.

www.thuvien247.net

(1892), "Groupe Scolaire" (1907), Bốt cò (?), Đồn khố xanh (?), Nhà lao (1915), Nhà thương, Nhà Tế Sanh[1].

- Về tổ chức hành chính.

Việc tổ chức thành phố được thể hiện bằng hệ thống văn bản pháp quy của các cấp chính quyền thực dân, bao gồm hàng loạt nghị định của Toàn quyền Đông Dương, kể từ nghị định thành lập thành phố ngày 24/5/1889 cho đến nhiều quyết định về sau, các chức năng, quyền hạn tổ chức quản lý thành phố ngày càng đầy đủ, rõ ràng hơn.

Nghị định ngày 24/5/1889 quy định áp dụng quy chế tổ chức đơn vị hành chính thành phố cấp II đối với Đà Nẵng. Thành phố trực thuộc Hội đồng bảo hộ Pháp trong các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi. Đứng đầu thành phố là một viên Đốc lý, chịu trách nhiệm giải trình mọi vấn đề của thành phố trước Hội đồng bảo hộ này.

Các uỷ viên thành phố có quyền hạn đặt các khoản thuế, dự toán ngân sách thu, chi và tổ chức thực hiện sau khi Toàn quyền Đông Dương đã phê chuẩn. Tháng 8/1891 khi Toàn quyền Đông Dương De Lanessan đến Đà Nẵng, viên phụ trách Đà Nẵng Rouscau đã trao cho ông ta một bản kiến nghị có chữ ký của 23 kiều dân Pháp, 4 bang trưởng người Hoa, 4 thân lão người Việt. Bản kiến nghị này bàn đến nhiều điểm, trong đó "khẩn khoản yêu cầu thành lập một hội đồng thành phố, như hội đồng đã hoạt động ở Hải Phòng và Hà Nội". De Lanessan chấp nhận yêu cầu này bằng Quyết định ngày 31/3/1892 thành lập Hội đồng thị chính Đà Nẵng. Trước đó vài ngày, Lanessan đã đặt viên quan phụ trách Đà Nẵng, trước thuộc Toàn quyền Đông Dương, nay thuộc Khâm sứ

[1] Theo Võ Văn Dật. Tlđd. tr 309

www.thuvien247.net

Trung Kỳ. Theo Quyết định, Uỷ ban thành phố Đà Nẵng có chức năng và quyền hạn như Hội đồng thành phố Hà Nội. De Lanessan đã hoàn thiện vấn đề này bằng nghị định ngày 3/1/1893 "tách Đà Nẵng ra khỏi các tỉnh Quảng Nam và Quảng Ngãi, giao cho Chủ tịch Đà Nẵng cai trị độc lập lãnh thổ của nhượng địa Pháp" dưới sự quản lý trực tiếp của Khâm sứ Trung Kỳ, các uỷ viên Hội đồng thành phố phụ thuộc trực tiếp vào Khâm sứ Trung Kỳ[1].

Chức năng, quyền hạn của người đứng đầu thành phố được thể hiện khá đầy đủ, rõ ràng ở nghị định ngày 31/1/1908. Theo nghị định này, thành phố nhượng địa Pháp ở Đà Nẵng đặt ra một Dốc lý và một Hội đồng thành phố (điều 1). Dốc lý-Chủ tịch thành phố sẽ do Khâm sứ Trung Kỳ đề xuất và Toàn quyền Đông Dương quyết định bổ nhiệm (điều 2). Đốc lý thành phố đặt dưới sự quản lý của Khâm sứ Trung Kỳ (điều 3).

Đốc lý phụ trách công việc hành chính của nhượng địa Pháp ở Đà Nẵng như: cai quản toàn bộ lãnh thổ của thành phố và làm tất cả mọi việc liên quan đến việc duy trì pháp luật; đại diện cho cư dân thành phố; có trách nhiệm quản lý lợi tức, giám sát việc xây dựng đô thị và quyết toán xây dựng; có trách nhiệm dự toán và đề nghị ngân sách, pháp lệnh chi tiêu; quản lý các công việc xây dựng đường sá đô thị; tổ chức đấu thầu xây dựng theo luật và quyết toán; cấp giấy phép hoạt động cho các hợp đồng trao đổi, mua bán, giao dịch, phân chia tài sản (điều 4)[2].

Cơ quan hành chính cao nhất của thành phố là Uỷ ban thành phố. Cơ quan này có nhiệm vụ giúp việc cho Dốc lý. Số

---

[1] *L' Annam en 1906*. Imprimerie Samat, Marseille, 1906.

[2] *L' Annam en 1906*.

www.thuvien247.net

uỷ viên Ủy ban có sự biến động theo thời gian. Khi tách khỏi Hội đồng bảo hộ Pháp trong các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi thành đơn vị hành chính độc lập trực thuộc Khâm sứ Trung Kỳ năm 1893, uỷ viên Ủy ban thành phố Đà Nẵng gồm 9 người, trong đó có 5 người Pháp, 2 người Việt, 2 người Hoa. Đến ngày 17/12/1894, Toàn quyền Đông Dương Lanessan ra nghị định thay đổi số lượng thành viên Ủy ban xuống còn 5 người. trong đó có 3 người Pháp, 1 người Hoa. 1 người Việt. Ngày 15/7/1902 Toàn quyền Đông Dương lại ra quyết định quy định ủy viên Ủy ban thành phố Đà Nẵng lên 8 người (gồm 5 người Pháp, 2 người Việt, 1 người Hoa).

Số ủy viên người Pháp do Khâm sứ Trung Kỳ lựa chọn là những thương nhân hoặc không phải là thương nhân, ở ngoài viên chức Hội đồng bảo hộ. Hai người Việt do Hội đồng làng xã trên lãnh thổ nhượng địa lựa chọn nằm ngoài viên chức hành chính An Nam, và đại diện cho Hiệp hội người Hoa của thành phố[1].

Uỷ ban thành phố bị chi phối do một viên chức của Phủ Toàn quyền Đông Dương trên cơ sở đề nghị của Khâm sứ Trung Kỳ, viên chức này lấy tư cách quan cai trị của nhượng địa Pháp ở Đà Nẵng (Đốc lý). Trong nhiệm kỳ hoạt động, uỷ viên cũng có sự thay đổi, hoặc là hết nhiệm kỳ 3 năm, hoặc từ chức, hoặc họ về Pháp không trở lại Đà Nẵng.

Năm 1903, số uỷ viên thành phố thay đổi xuống còn 7 người, trong đó có 5 người Pháp do Khâm sứ Trung Kỳ lựa chọn và 2 người Việt do bầu cử, không có đại diện người Hoa.

Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất, thực dân Pháp quy định những tiêu chuẩn của các uỷ viên thành phố càng rõ ràng, cụ thể. Theo điều 6, Nghị định ngày 31/7/1908

---

[1] *L' Annam en 1906.*

www.thuvien247.net

của Toàn quyền Đông Dương quy định 5 uỷ viên người Pháp trong Uỷ ban thành phố phải là "những người có danh tiếng, là thương nhân hoặc không, ngoài viên chức của Hội đồng bảo hộ Pháp và được Khâm sứ Trung Kỳ chỉ định. 2 người Việt phải là những người có danh tiếng, hiểu biết tiếng Pháp, được Hội đồng làng xã trên địa phận nhượng địa bình chọn và không phải là viên chức hành chính bản xứ"[1].

Quyền hạn của Uỷ ban này được quy định cụ thể hơn: Có quyền biểu quyết về thể thức hành chính các tài sản của thành phố; ngân sách thành phố và nói chung các khoản chi và thu; giá biểu và quy định thu thuế, tài nguyên thành phố. Được mời đến để cho ý kiến về dự án những công trình đường sá, đô thị trong nội thành; sửa đổi cho việc phân giới địa phận thành phố; vấn đề an ninh thành phố. Những biểu quyết và ý kiến của Uỷ ban thành phố được ghi vào sổ đặc biệt trình duyệt Khâm sứ Trung Kỳ trước khi thi hành[2].

Những quy định trên đây phản ánh đầy đủ bản chất giai cấp của Uỷ ban thành phố Đà Nẵng dưới thời Pháp thuộc là chính quyền thực dân, chính quyền của giai cấp địa chủ, tư sản, đại diện cho lợi ích của thực dân Pháp, công cụ của cuộc khai thác thuộc địa của Pháp ở Đà Nẵng. Vai trò của cộng đồng người Hoa teo dần rồi đi đến mất hẳn trong cơ cấu bộ máy cai trị của Pháp, từ chỗ có 2 uỷ viên trong Uỷ ban thành phố, giảm xuống còn 1, đến 1903 thì không có nữa. Bộ máy chính quyền do người Pháp nắm với sự cộng tác của một vài người Việt. Uỷ ban đó có quyền hạn như Hội đồng thành phố Hà Nội, Hải Phòng:

---

[1] *Journal officiel de l'Indochine Française 1908*, tr. 1343-1345.

[2] *Journal officiel de l'Indochine Française 1908*, tr. 1343-1345.

www.thuvien247.net

1. Có quyền bàn bạc rồi ra quyết định đối với các vấn đề có liên quan đến thành phố, thuộc riêng của thành phố. Những quyết định đó sẽ được thực hiện sau khi đã được Khâm sứ Trung kỳ thông qua.

2. Góp ý kiến về những vấn đề mà chính quyền cấp trên yêu cầu.

3. Đề đạt nguyện vọng có liên quan đến lợi ích của thành phố lên cấp trên hoặc những vấn đề liên quan đến việc cai trị chung.

4. Có quyền triệu tập hội họp tại Toà thị chính trên cơ sở yêu cầu của đa số uỷ viên trong nhiệm kỳ [1].

Dưới Uỷ ban thành phố là các cơ quan hành chính có chức năng riêng biệt: Sở Cảnh sát kiểm dịch hàng hải, Sở Công chính, Sở Lục lộ, Sở Y tế vệ sinh và dân sự, Sở Học chính, Sở Hiến binh, Sở Trước bạ. Mỗi cơ quan có chức năng quản lý những mảng công việc cụ thể. Sở Cảnh sát kiểm dịch lo về an ninh, Sở Công chính lo xây dựng kết cấu hạ tầng. Sở Lục lộ do một viên công chức công chính ngoại hạng do Toà Thị chính thành phố sắp đặt, chịu trách nhiệm nắm giữ công việc xây dựng tất cả các doanh nghiệp, lao động, các công việc chuyên biệt trên các tuyến đường công cộng, việc xây dựng nhà ở trong thành phố, các ban công, lắp đặt các công trình trên đường công, xây dựng các con đường mới...

Bên cạnh các cơ quan hành chính là các cơ quan chuyên môn cần thiết hỗ trợ cho việc cai trị như Sở Thuế quan và Công quản, Sở Sen đầm... Do có cảng Đà Nẵng lớn nhất Trung Kỳ, tập trung hàng hoá xuất nhập khẩu, nên về

---

[1] *L'Annam en 1906.*

www.thuvien247.net

thương chính tại Đà Nẵng có 3 bộ phận quan thuế: Cơ quan Thuế và Công quản Trung Kỳ, Ty Kiểm hoá quan thuế và Ty Hành thu quan thuế.

Đặc biệt, tại Đà Nẵng có một Phòng Tư vấn hỗn hợp Thương mại và Canh nông Trung Kỳ được thành lập theo Nghị định ngày 4/5/1897 của Toàn quyền Đông Dương, lúc đầu thuê trụ sở làm việc, đến năm 1903 chính thức xây dựng công sở mới đối diện với đường Jules Ferry. Điều hành cơ quan là một Hội đồng gồm 5 uỷ viên do Đốc lý thành phố làm Chủ tịch. Trong đó có 4 người Pháp và 1 người Việt. Hội đồng này được tổ chức theo nguyên tắc dân chủ: bầu cử từ dưới lên. Tất nhiên người đi bầu là giới doanh gia chứ không phải dân chúng. Các uỷ viên này được bầu cử công khai[1]. Danh sách cử tri đi bầu được duyệt rất cẩn thận, có một hội đồng riêng để làm việc đó. Nghị định ngày 30/7/1903 của Khâm sứ Trung Kỳ về xem xét việc duyệt lại danh sách cử tri của Phòng Tư vấn hỗn hợp Thương mại và Canh nông Trung kỳ, quy định Hội đồng đó gồm có:

Đốc lý Đà Nẵng được Khâm sứ Trung kỳ uỷ nhiệm làm Chủ tịch.

Thẩm phán và 3 uỷ viên chỉ định của Phòng Tư vấn hỗn hợp Thương mại và Canh nông làm uỷ viên" (điều 2) [2].

Phòng Tư vấn hỗn hợp Thương mại và Canh nông Trung Kỳ có đại biểu tham gia Hội đồng tối cao Đông Dương.

Xem thế thì thấy trong bộ máy cai trị thực dân, Phòng Thương mại và Canh nông có vị trí rất quan trọng, chủ tịch các phòng này có vị trí tương đương Khâm sứ.

---

[1] *Bulletin administratif de l'Annam 1903*, tr. 509.

[2] Dương Kinh Quốc, sdd, tr. 79.

www.thuvien247.net

Năm 1901 Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định quy định chức năng và số lượng uỷ viên của các phòng chuyên môn này. Các Phòng Thương mại có nhiệm vụ góp ý với Chính phủ Đông Dương về tất cả các vấn đề liên quan đến các ngành kỹ nghệ và thương mại. có quyền lập trường thương mại, trường dạy nghề, ra tập san. Uỷ viên mỗi Phòng Thương mại quy định tối thiểu 10 người (8 uỷ viên người Pháp; 2 uỷ viên người Việt) và tối đa là 20 người (16 người Pháp. 4 người Việt). Số uỷ viên này phải thông qua bầu cử. người Pháp và người Việt bầu riêng. Người Pháp phải là người đã từng hoạt động kỹ nghệ và thương mại. người Việt phải là người có đóng thuế môn bài cao [1]. Trong quá trình hoạt động, các uỷ viên này có thể thay đổi. Ngoài ra. tại Đà Nẵng còn có các cơ quan chuyên môn khác như: Y tế đường sắt, Kho bạc, Sở Công chứng, Chi nhánh Ngân hàng Đông Dương, Hội đồng Vệ sinh thành phố

- Về tổ chức tư pháp

Tổ chức tư pháp của Đà Nẵng theo hệ thống "Toà án Tây". Đà Nẵng có một Toà hoà giải mở rộng, được thành lập bởi Nghị định ngày 25/3/1899 của Toàn quyền Đông Dương, do Đốc lý thành phố làm Chánh án. Nhưng sự phát triển của thành phố khiến Toà hoà giải trở nên bất cập. Trước tình hình đó Phòng Tư vấn Thương mại và Canh nông đã đề nghị lập Toà án sơ thẩm để giải quyết các vụ tranh tụng ngày càng tăng do sự phát triển của thành phố. Năm 1906 phòng này làm văn bản kiến nghị lập Toà án sơ thẩm cho thành phố Đà Nẵng, nhưng phải đến năm 1913 mới được thực hiện. Ngày 28/5/1913 Tổng thống Pháp ra sắc lệnh tái tổ chức ngành tư

[1] Dương Kinh Quốc. Sđd. tr. 79.

www.thuvien247.net

pháp ở Đông Dương, theo đó bãi bỏ Toà hoà giải mở rộng và cho lập Toà sơ thẩm[1].

Qui mô toà án của Đà Nẵng nhỏ hơn các thành phố lớn cấp I. Các thành phố cấp I (Hà Nội, Hải Phòng, Sài Gòn) toà án xếp vào loại ngoại hạng. Còn Đà Nẵng - thành phố cấp II thì toà án xếp loại hạng nhất. Song, về cấu trúc thành phần Tòa sơ thẩm hạng nhất của Đà Nẵng lại giống như cấu trúc của Toà án Hải Phòng. Toà án sơ thẩm Đà Nẵng có 3 thẩm phán đảm nhận 3 chức năng riêng: một thẩm phán phụ trách truy tố (biện lý), một thẩm phán phụ trách thẩm cứu (dự thẩm) và một thẩm phán xử án (chánh án). Các vụ án phải được xét xử theo luật của nước Pháp đối với người Pháp, hoặc quốc tịch Pháp; đối với người Việt, Tổng thống Pháp có sắc lệnh riêng cho các thủ tục tố tụng. Toà án sơ thẩm hoạt động đến năm 1916 thì bị bãi bỏ và tái lập Toà hoà giải mở rộng. Về địa bàn xét xử, ngoài địa phận Đà Nẵng, Toà án sơ thẩm Đà Nẵng còn xử các vụ án từ Quảng Trị đến Quảng Nam.

- Lực lượng quân sự

Để tổ chức cai trị và khai thác kinh tế có hiệu quả, thực dân Pháp xây dựng lực lượng quân sự làm công cụ thống trị. Lực lượng gồm có quân đội và cảnh sát (còn gọi là hiến binh). Lực lượng quân đội gồm có lính Pháp, lính Âu, lính khố xanh. Thực dân Pháp quy hoạch Việt Nam thành các quân khu và tiểu quân khu. Tại Đà Nẵng lực lượng quân sự Pháp biên chế thành 1 tiểu quân khu thuộc quân khu Trung Kỳ, lực lượng gồm 1 đại đội bộ binh, 1 pháo đội là lính Pháp và 1 đại đội lính khố xanh hay vệ binh bản xứ. Ngày 19/6/1902, Khâm sứ Trung Kỳ cho lập một đội vệ binh bản

[1] Võ Văn Dật. Sđd. tr.296

www.thuvien247.net

xứ gồm 50 người. Số này hoạt động lưu động dưới sự chỉ huy của một giám thị và phụ thuộc vào Đốc lý [1].

Khu vực quân sự của thành phố được dựng lên phía sau Toà Đốc lý, trong đó có trại lính cho bộ binh, pháo binh và các đơn vị yểm trợ, kho quân nhu, kho khí giới. Lực lượng quân đội này làm nhiệm vụ bảo vệ thành phố và giới kinh doanh Pháp tại Đà Nẵng.

Lực lượng cảnh sát có sắc phục riêng, cùng với mật thám đóng vai trò công cụ bảo vệ sự thống trị của chính quyền thực dân trên địa bàn Đà Nẵng.

- Ngân sách thành phố

Hoạt động của thành phố dựa vào ngân sách địa phương và hỗ trợ của ngân sách hàng xứ Trung Kỳ.

Các khoản thu hàng ngày của thành phố bao gồm các khoản thuế và một số nguồn lợi khác[2], chủ yếu là từ: các loại thuế môn bài, thuế thân, thuế cá nhân người Âu, thuế điền trong thành phố, thuế điền của các làng trong nhượng địa Pháp, thuế cá nhân với việc giao dịch, từ % phụ thu đóng góp trực tiếp, hoa lợi của làng xã, bán động sản và bất động sản của làng xã, thuế vụ của cảnh sát, giấy phép neo đậu thuyền và thời gian dừng lại của thuyền, định suất thuế của các thuyền và cầu tàu phải nộp có kỳ hạn vì sự chiếm giữ tạm thời đất công làng xã, giá đất nhượng trong các nghĩa địa, thuế qua cầu ở các làng xã, thuế đường sá, chuyên chở súc vật, việc xây dựng hợp pháp, gửi công văn giấy tờ hành chính dân sự, tiền phạt của cảnh sát, vận chuyển hàng hoá qua đò phà, lò mổ lợn...

---

[1] *Bulletin administretif de l'Annam 1902*, tr. 189.

[2] *Journal officiel de l' Indochine francaise 1931*, tr. 346-348.

www.thuvien247.net

Như thế, có thể nói nguồn thu chủ yếu của ngân sách thành phố là các loại thuế. Ngoài ra, các số liệu sau đây cho thấy sự hỗ trợ của ngân sách hàng xứ qua các năm: 1902: 500$; 1903: 3000$; 1904: 1000$; 1905: 3000$; 1909: 3000$; 1911: 4.500$; 1913: 3.500$[1].

So sánh với các địa phương khác thì phần hỗ trợ của ngân sách Trung Kỳ cho ngân sách thành phố Đà Nẵng thường cao hơn các thị xã. Chẳng hạn, năm 1903 thành phố Đà Nẵng được cấp 3.000$ trong lúc đó Huế được 2.000$, Thanh Hoá được 1.000$. Năm 1911 Đà Nẵng thu không đủ thì số kinh phí hỗ trợ của ngân sách Trung Kỳ rất lớn và cấp đến hai lần.

Thành phố phải tự cân đối thu chi ngân sách và quyết toán tài chính hàng năm. Chẳng hạn tài khoản năm 1902 tính đến tháng 1/1903 Đà Nẵng thu 35.940$15 thì chi 34.951$00. Trong lúc đó thu chi của Huế là 17.700$00, Quy Nhơn là 4.771$39[2]. Điều này cho thấy thu chi ngân sách của Đà Nẵng lớn hơn nhiều các tỉnh khác ở Trung Kỳ.

Phần chi hàng ngày của thành phố, có những khoản bắt buộc như sau: Trả lương nhân viên thành phố và phí tổn quản lý thành phố, chi bảo dưỡng khách sạn của thành phố, chi phí cho nhân viên và cơ sở vật chất của cảnh sát đô thị, chi phí các khoản phụ cấp bồi thường..., duy trì bảo dưỡng đường sá nội thị, điện nước công cộng, duy trì các chợ, phòng bệnh, vệ sinh y tế, duy trì các nghĩa địa, sửa sang đê, kè, trả nợ nghĩa vụ, trợ cấp y tế, và rất nhiều khoản chi khác.

Một điều đáng lưu ý là khi số thu của thành phố bất cập so với chi tiêu thì Đà Nẵng được ngân sách Trung Kỳ hỗ trợ

---

[1] Dẫn từ *Bulletin administratif de l' Annam các năm 1902*, 1903, 1905, 1909, 1911, 1913.

[2] *Bulletin administratif de l' Annam 1903*. tr. 411

www.thuvien247.net

ngay, hoặc cấp bù kinh phí nhiều hơn, như năm 1911, hoặc như năm 1912 ứng trước 8.000$ thuế[1]; hay 1928 "cấp 15.440$ cho ngân sách Đà Nẵng bằng kinh phí tổng cộng của ngân sách địa phương cho việc hoàn lại thuế trên lãnh thổ nhượng địa"[2].

Như vậy, có thể thấy rõ guồng máy cai trị thành phố là cả một hệ thống các cơ quan chức năng: hành chính, chuyên môn, tư pháp, giáo dục, y tế, văn hoá và ngân sách cho tất cả mọi hoạt động của thành phố nhằm phục vụ tốt nhất cho công cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp.

2. Cấu trúc dân cư

Theo tài liệu ghi năm 1906 thì dân số nhượng địa Đà Nẵng có khoảng 10.000 người. Phân tích cụ thể như sau: người Âu: 400 người; Việt: 5.500, Hoa: 450, Ấn Độ: 24, Nhật: 18 người, dân vạn chài: 3.500. Tổng cộng: 9.892 người[3].

Căn cứ vào cơ cấu Ủy ban Thành phố Đà Nẵng năm 1893 số ủy viên người Hoa có 2/9, 1894: 1/5, 1902 có 1/8 và đến 1903 không có người Hoa tham gia, có thể xác định con số 9.892 người này là dân số ban đầu khi Đà Nẵng thành nhượng địa của Pháp.

Cộng đồng cư dân Đà Nẵng gồm nhiều bộ phận khác nhau:

- *Thứ nhất*, cư dân người Việt. Đây là bộ phận cư dân đông đảo nhất ở Đà Nẵng, là nguồn nhân lực lao động chủ yếu của thành phố. Chính quyền thực dân gọi họ là người

---

[1] *Bullutin*. Sđd 1912, tr 388

[2] *Bulletin*. Sđd 1928, tr 249

[3] *L' Annam en 1906*. Tlđd

www.thuvien247.net

"bản xứ" hay dân nhượng địa. Họ chịu sự quản lý trực tiếp của chính quyền Pháp trong nhượng địa, thoát ly hoàn toàn sự quản lý của triều đình Đại Nam. Nói cách khác là họ trở thành thuộc dân của nước Pháp, chứ không phải thần dân của vua Đại Nam, là bộ phận cư dân bị thực dân Pháp thống trị.

Người dân Việt trong thành phố Đà Nẵng chịu tác động trực tiếp của hoạt động kinh tế tư bản chủ nghĩa, đã chuyển đổi nghề nghiệp và lối sống. Trước khi thành nhượng địa, cư dân hoạt động kinh tế nông nghiệp là chính. Sự du nhập kinh tế tư bản làm nảy sinh nhiều nghề mới: dịch vụ, kinh doanh thương mại, vận tải, công nghiệp... đã làm xuất hiện bộ phận thị dân.

Trong bộ phận cư dân người Việt chỉ có người Kinh, không có các dân tộc ít người.

- *Thứ hai*, cư dân người Pháp. Đà Nẵng thành nhượng địa của Pháp đã tạo cơ hội cho người Pháp vào Đà Nẵng sinh sống, làm ăn. Bộ phận cư dân mới này bao gồm các quan chức thực dân trong guồng máy cai trị nhà nước, những công chức trong công sở, tu sĩ nhà thờ, giáo viên các trường học và các nhà doanh nghiệp, các thương gia cùng gia đình của họ.

- *Thứ ba*, cư dân người Hoa. Khi thành phố Đà Nẵng ra đời (1889), nhiều Hoa thương chuyển từ Hội An đến mở cửa hàng bán buôn, bán lẻ. Các hãng buôn lớn có mặt ở Đà Nẵng như Quảng Hòa Mỹ, Wing Chéong Seng, Tống Lý Long, Vĩnh Xương Long, Quảng Triều Hưng, Đồng Lợi Hưng...

Cộng đồng người Hoa tổ chức thành 5 bang theo quê hương bản quán. Đứng đầu mỗi bang có bang trưởng, bang phó. Trên 5 bang trưởng có vị đại diện cao nhất của bộ phận cư dân người Hoa là Ngũ bang Lý sự trưởng Trung Hoa. Nhân vật này có vai trò như vị lãnh sự của người Hoa.

Ngoài ba bộ phận cư dân lớn: Pháp, Hoa, Việt, còn có một ít kiều dân các nước khác.

www.thuvien247.net

Trong cấu trúc cư dân nói trên, bộ phận người Pháp tuy số lượng ít nhưng là bộ phận thống trị thành phố, điều hành mọi hoạt động của thành phố, từ kinh tế, chính trị đến văn hóa, xã hội.

Có thể nói cấu trúc cư dân Đà Nẵng biến đổi khá sâu sắc trong quá trình khai thác thuộc địa của thực dân Pháp. Trong xã hội phong kiến truyền thống, cư dân Đà Nẵng là người Việt, chỉ có một ít người Hoa. Công cuộc cai trị và khai thác kinh tế của Pháp đã hình thành các bộ phận cư dân mới là người Pháp, người Hoa và một ít người nước ngoài khác, khiến cho cộng đồng cư dân Đà Nẵng đa dạng hơn. Đồng thời, sự biến đổi giai cấp cũng diễn ra sâu sắc. Từ hai giai cấp truyền thống (nông dân, địa chủ) đã phân hóa thành năm giai tầng gồm hai giai cấp cũ tiếp tục tồn tại, còn xuất hiện 3 giai tầng mới (tư sản, tiểu tư sản trí thức và công nhân). Trong cấu trúc xã hội thuộc địa, các bộ phận cư dân phân hóa thành bậc thang xã hội mới. Từ cấu trúc tứ dân: sĩ - nông - công - thương để đánh giá con người trong xã hội truyền thống, được thay bằng sự phân chia đẳng cấp mới: thượng lưu (bộ phận thống trị xã hội - gọi là giới thượng lưu), trung lưu (những người giàu có - giới trung lưu), tầng lớp bình dân (những người đủ ăn không lệ thuộc), tầng lớp nghèo khổ (những người làm thuê, phụ thuộc vào các giai cấp khác).

3. Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế-kỹ thuật hiện đại

Thực dân Pháp nhìn thấy Việt Nam là "thuộc địa đẹp nhất"[1] có khả năng trở thành "một xứ giàu mạnh, nó sẽ tăng

---

[1] Josepl Chailley: *La politique colomliale de la france lage de lagueul- ture.* Paris 1896, tr 9. Dẫn theo Phạm Đình Tân: *Chủ nghĩa đế quốc Pháp và tình hình công nghiệp Việt Nam dưới thời thuộc Pháp*, Nxb Sự thật, H, 1959, tr. 3.

www.thuvien247.net

thêm sự giàu có và sức mạnh của nước Pháp lên rất nhiều"[1], và tiềm năng kinh tế giàu có ấy biểu hiện ở mỗi vùng một cách cụ thể. Đà Nẵng, thành phố hiện đại đầu tiên của miền Trung Việt Nam cũng chứa đựng những tiềm năng đó. Trong đó tiềm năng kinh tế lớn nhất của Đà Nẵng là vị trí giao thương kinh tế của miền Trung. Điều này chỉ được phát hiện dưới con mắt của các nhà tư sản Pháp.

Cho đến khi Pháp xâm lược, cơ sở hạ tầng kinh tế - kỹ thuật như hệ thống đường sá, cảng biển của Việt Nam nói chung, Đà Nẵng nói riêng còn rất lạc hậu, đường sá vẫn là đường đất, phương tiện giao thông nhanh nhất là ngựa trạm. Sau khi trở thành nhượng địa (1888), rồi thành phố hiện đại ra đời, kết cấu hạ tầng biến đổi dần đến hiện đại dưới sự giám sát của Sở Lục lộ.

Sau khi bình định được phong trào kháng Pháp của nhân dân Việt Nam (1896), thực dân Pháp bắt đầu khai thác thuộc địa một cách quy mô lớn do Hội Liên hiệp thuộc địa vạch ra.

Năm 1897, Toàn quyền Đông Dương Paul Doumer xây dựng một chương trình khai thác thuộc địa mà lịch sử gọi là cuộc khai thác lần thứ nhất. Một trọng tâm của chương trình này là xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - kỹ thuật phục vụ cho việc khai thác kinh tế thuộc địa. Trong báo cáo gửi về Pháp ngày 22/3/1897 Paul Doumer cho rằng, cần "xây dựng cho Đông Dương một thiết bị kinh tế to lớn, một hệ thống đường sắt, một hệ thống đường sá, sông đào, hải cảng, những cái cần thiết cho việc khai thác xứ Đông Dương"[2].

---

[1] En Indochine -Du-Sou-Sol. *Allocution de H Doumer gouverneur génnéral de l' Indochine Paris 1901*, Dẫn theo Phạm Đình Tân. Sđd, tr. 3.

[2] Paul Doumer: *L' Indochine française* (Souvenirs) Paris 1905, trang 312. Dẫn theo Ngô Văn Hoá: *Giai cấp công nhân Việt Nam trước khi thành lập Đảng*. Nxb KHXH, H. 1978, tr. 49

www.thuvien247.net

Trong bối cảnh đó, việc xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - kỹ thuật hiện đại cho thành phố Đà Nẵng được chính quyền thực dân quan tâm nhiều hơn.

- Về giao thông

Cùng với sự phát triển đô thị, nhiều con đường nội thị hình thành. Đại lộ Quai Courbet được xây dựng đầu tiên, chạy dọc theo bờ tả ngạn sông Hàn. Từ đó có nhiều con đường khác hoặc song song, hoặc cắt vuông góc với đại lộ này. Lấy đại lộ Courbet làm chuẩn, thành phố mở rộng về phía Tây nên những con đường vươn ra phía tây và càng xa đường Courbet tức là hình thành muộn hơn. Qua một số văn bản hành chính chúng ta biết được trong thời gian này đã có một số con đường như: Jules ferry, Mision, Dillon, Jean Despiaux, Genouilly, Montigny, Déroulède, Palanca Guttier, Lanzarote[1]...

Theo đề nghị của Khâm sứ Trung Kỳ, ngày 26.7.1904 Toàn quyền Đông Dương ký Nghị định "trích trong ngân sách dự phòng của Trung Kỳ một khoản tiền 50.000$00 cho việc xây dựng bến tàu và làm đường cho thành phố Đà Nẵng"[2]. Đây là khoản kinh phí rất lớn, bằng 1,5 lần tổng số thu ngân sách năm 1902 (35.940$)[3] và bằng 1,6 lần tổng thu ngân sách năm 1904 (30.241$)[4].

---

[1] Năm 1919, có sự thay đổi tên của một số con đường ở Đà Nẵng, làm mất đi tên một số nhân vật từng tham chiến tại Đà Nẵng (1858-1860), như đường Montigny bị đổi tên thành đại lộ Clémenceau. Đường Déroulède thành đường La Marne, đường mang tên Palanca Guttier đổi thành Maréchal Joffre, đường Lanzarote đổi tên thành Général Galliéni. Năm 1941 đổi tên đường Nam Kỳ (Cochinchine) thành đường Maurice Graffeuil.

[2] Arrêté du Gouverneur Général de l'Indochine 26.7.1904. *Bulletin administratif de l'Annam, 1904*, tr. 892.

[3] *Bulletin administratif de l'Annam, 1903*, tr. 411

[4] *Bulletin administratif de l'Annam, 1905*, tr. 1101

www.thuvien247.net

Với nguồn ngân sách lớn trên, nhiều con đường mới tiếp tục hình thành và được gia cố bảo dưỡng.

Ngoài những con đường mới trong đô thị, đường Đà Nẵng - Huế được gia công kiên cố. Đến năm 1913 con đường qua đèo Hải Vân được khai thông, đảm bảo cho ô tô đi lại thuận lợi. Năm 1909 chính quyền thành phố chi ngân sách để kiên cố một số đoạn đường như đường Đà Nẵng đi Hội An, đường từ Đà Nẵng đến Đài quan sát trên bán đảo Sơn Trà, đường Montigny.

Việc đặt tên cho các con đường và qui hoạch theo kiểu song song hoặc đường thẳng vuông góc tạo ra các ngã ba, ngã tư cho thấy một bộ mặt mới của thành phố Đà Nẵng. Việc đặt tên đường, tên phố và đánh số nhà là một kiểu quy hoạch đô thị hoàn toàn mới mẻ đối với người dân Việt Nam nói chung, Đà Nẵng nói riêng, là biểu hiện của một hạ tầng hiện đại, xuất hiện khi Pháp bắt tay khai thác thuộc địa Việt Nam.

Một phương tiện khác giúp khai thác thuộc địa có hiệu quả hơn là hệ thống cầu trên các tuyến đường giao thông đường bộ, đường sắt. Một công ty nổi tiếng của Pháp thầu xây dựng cầu đường, đó là công ty "Ponts et travanux en fer" đã lắp đặt những cầu lớn trên đường Đà Nẵng - Huế[1], đảm bảo giao thông thông suốt trên tuyến đường này.

Đường sắt và tàu hoả là loại phương tiện giao thông hiện đại, hoàn toàn mới mẻ, xuất hiện ở Việt Nam từ cuối thế kỷ XIX, là phương tiện khai thác thuộc địa quan trọng. Đà Nẵng nằm trên tuyến đường sắt xuyên Việt Hà Nội - Sài Gòn. Từ Đà Nẵng có tuyến Đà Nẵng-Huế khởi công năm 1902, hoàn thành năm 1906 và tiếp tục mở thông đến Đông

---

[1] *L'Annam en 1906*, tr. 9.

www.thuvien247.net

Hà năm 1908, dài 171km, có 22 ga, với tổng kinh phí xây dựng 32 triệu Frăng[1].

Đà Nẵng là trung tâm kinh tế quan trọng nên hỏa xa Đà Nẵng có vị trí quan trọng, chỉ đứng sau cảng Đà Nẵng. Thực ra, việc xây dựng đường sắt Đà Nẵng - Huế được quyết định cùng thời gian với xây dựng cảng Đà Nẵng. Ngày 20/3/1901 Toàn quyền Đông Dương cho phép xây dựng đường sắt trên đoạn từ Đà Nẵng đến Huế [2] thì tháng 9/1901 cho xây dựng cảng Đà Nẵng[3]. Nhà ga Đà Nẵng được xây dựng vào năm 1905, nhưng do nó không thuận lợi cho giới thương nhân vì xa chợ nên họ yêu cầu xây dựng một nhà ga khác nhỏ hơn gần chợ Hàn và đặt con đường nhánh nối ga trước với ga sau, hay gọi là ga trung tâm và ga chợ tiện cho việc vận chuyển hàng hóa từ tàu về ga chính để chuyển đi mọi nơi.

Từ ga chính có một nhánh đường sắt nối với sân kho rộng lớn của hải cảng. Về số lượng tàu hỏa trên tuyến đường sắt này, từ 1913 đến 1922 có 9 đầu máy và 98 toa xe hoạt động[4].

Tại Đà Nẵng còn xây dựng tuyến đường xe điện (tramway) từ thành phố đến Hội An. Đầu thế kỷ XX con đường thủy (sông Cổ Cò) liên lạc vận chuyển hàng hóa giữa Hội An và Đà Nẵng bị cát bồi không lưu thông tàu thuyền được. Nhu cầu khai thác kinh tế đòi hỏi phải có một con đường thay thế.

---

[1] *Annuaire Statistique de l'Indochine* IDEO 1927, tr 13.

[2] *Bulletin administratif de l'Annam 1902*, tr 294.

[3] Dương Kinh Quốc, Sđd, tr77.

[4] *Annuaire statistique de l'Indochine 1927*, tr 13.

www.thuvien247.net

Năm 1902 các doanh nhân đề nghị chính quyền Đông Dương thiết lập con đường giao thương mới cho Đà Nẵng - Hội An và Phòng Thương mại - Canh nông Trung kỳ phúc trình lên chính phủ Đông Dương. Công ty Docks et Houillères trúng thầu xây dựng và khai thác con đường này. Ngày 3/6/1903 Toàn quyền Đông Dương ký Nghị định cho phép công ty xây dựng một đường tàu điện từ cù lao Đài quan sát ở An Hải đến Hội An và thông qua một bản giao ước về các điều kiện khai thác con đường này. Ngày 9/10/1905 đường tàu điện này hoàn thành, đưa vào sử dụng. Con đường này rộng 0m60, dài 27km. Nhưng sau một thời gian sử dụng nó trở nên kém hiệu quả do hay bị cát lấp vùi đường ray, và chủ yếu chỉ vận chuyển hành khách. Đến khi trung tâm thương mại chuyển hẳn về Đà Nẵng, Hội An mất ưu thế thì tuyến đường xe điện trở nên không có giá trị kinh tế và ngưng hoạt động vào năm 1915. Năm 1917 Khâm sứ Trung Kỳ quyết định bán phát mãi tất cả cơ sở vật chất của con đường này.

- Hải cảng

Cơ sở hạ tầng đóng vai trò quan trọng nhất ở Đà Nẵng là cảng biển. Cuối thế kỷ XIX tại đây chỉ là một làng quê nhỏ bé, nghèo nàn giữa một bãi cát bằng phẳng không cây cối. Làng gồm một số gia đình người Việt đánh cá, có một cửa hàng gạo, hai hoặc ba cửa hàng của người Hoa.

Chỉ sau khi Phòng Tư vấn hỗn hợp Thương mại và Canh nông Trung Kỳ ra đời đặt trụ sở tại Đà Nẵng (1897), phụ trách các cảng ở miền Trung (Nha Trang, Cam Ranh, Quảng Ngãi, Đà Nẵng) thì cảng Đà Nẵng mới được đánh giá đúng tiềm năng kinh tế của nó.

Tháng 9/1901 thực dân Pháp bắt đầu xây dựng cảng Đà Nẵng thành cảng lớn nhất của Trung kỳ, đứng thứ 3 trong

www.thuvien247.net

hệ thống cảng biển Việt Nam, sau Sài Gòn, Hải Phòng. Công việc đầu tiên là nạo vét cửa sông Hàn do một tiểu đội nạo vét sông thực hiện để tàu lớn vào được sâu trong đất liền. Trong số những cơ sở hạ tầng kỹ thuật của cảng được xây dựng trước tiên thì đê biển là một hạng mục quan trọng, nhằm ngăn chặn sự bồi đắp của dòng sông. Công ty Docks et Houillères được trúng thầu độc quyền xây dựng con đê và đắp đập giữ đường dẫn đến cù lao Đài quan sát[1]. Trong một bài viết về cảng và thành phố Đà Nẵng của người Pháp năm 1906, cho biết: "Thành phố được xem như, trong một thời hạn ngắn, nhờ vào vị trí thuận lợi của nó, một đô thị thương mại thịnh vượng mà dân ở mọi nơi đổ về. Nhiều dự án tốt đẹp theo chương trình nghị sự được xây dựng; việc thực hiện các dự án đó trong thời gian trước mắt hình như chắc chắn. Những dự án đó nhằm xây dựng một cảng lớn có xung quanh nhiều bến cảng và ở lối vào vịnh, những kho hàng để tiếp tế cho các tàu biển đi ngang biển Trung Hoa....Các mỏ than Nông Sơn cách Đà Nẵng không xa, phải cung cấp than cần thiết cho tàu hơi nước. Một tương lai sáng lạn được báo trước"[2].

Tuy vậy, các cầu tàu vẫn chưa được xây dựng. Các công ty hàng hải tự lo lấy việc cập bến, chưa có cần trục hoạt động, việc bốc dỡ hàng vẫn thực hiện bằng sức người. Phải đến những thập niên đầu của thế kỷ XX các phương tiện hiện đại mới được trang bị đảm bảo cho các tàu nhỏ dưới 250 tấn và các thuyền buồm vào các bến trong sông. Tàu lớn neo đậu ở vịnh hoặc chuyển hàng xuống xà lan, thuyền buồm chở vào thành phố. Hàng hoá xuất cũng do các phương tiện này chở ra, bốc xếp lên tàu.

---

[1] *Bulletin*. Tldd 1904 tr 796. Le Gouverneur Général - Arrêté 7/4/1904.

[2] *L'Annam en 1906*, tr. 151.

www.thuvien247.net

Sự buôn bán phát đạt của người Hoa ở Đà Nẵng đặt ra vấn đề phải thông tàu nhanh chóng, người ta đã khai thông đường biển bằng một cầu tàu mới tại đảo Cô.

Cầu tàu được xây dựng nhiều hạng khác nhau: hạng nhỏ nhất dưới $50m^2$, hạng vừa từ 80 đến $100m^2$, trên $100m^2$ thuộc hạng lớn. 3 cầu tàu công cộng do Cảng sở hữu gồm 1 cái ở L'Ilôt de bosevatoire. 1 gần sát ga chợ Hàn, bằng bê tông cốt sắt và một bằng sắt ở sát Ty Kiểm hóa quan thuế cho tàu ven bờ.

Năm 1902 hải đăng được xây dựng ở bán đảo Sơn Trà có độ chiếu sáng 4^0 để hướng dẫn tàu thuyền ra vào ban đêm cập bến dễ dàng. Máy điện báo đặt ở bờ biển báo hiệu cho tàu bè được xây dựng năm 1905. Sở Quan thuế lập năm 1906 đặt tại Mỹ Khê do một thủ ngữ trông coi để thông báo tàu đi và đến hay thời tiết. Các thủ ngữ kéo cờ theo quy ước quốc tế báo hiệu khi có tàu của hãng nào đến hoặc đi. Dựa vào tín hiệu này các bộ phận hoạt động ở cảng như thuế quan, cảnh sát y tế, cảnh sát cảng, hãng bốc vác và các dịch vụ khác tiến hành hoạt động. Tháng 11/1904 trạm khí tượng Đà Nẵng được lắp đặt và điện báo khí tượng thiết lập trên bán đảo Sơn Trà[1] để thông báo thời tiết cho tàu thuyền vào ra. Việc nạo vét lòng sông được tiến hành một số lần: 1894, 1908, 1913, 1919, nhưng cảng chưa có tàu nạo vét riêng, phải dùng tàu từ đảo Cát Bà vào.

Với những công trình xây dựng trên, có thể nói trong chừng mực nhất định, người Pháp đã xây dựng tại Đà Nẵng một kết cấu hạ tầng kinh tế - kỹ thuật mới vừa đáp ứng quy định đô thị của thành phố hiện đại, vừa đáp ứng nhu cầu khai thác kinh tế có hiệu quả.

---

[1] Dương Kinh Quốc. Sđd tập 2. tr. 111.

www.thuvien247.net

4. Vấn đề khai thác đất đai

Khai thác đất đai ở thuộc địa là mục tiêu quan trọng đầu tiên trong sự nghiệp thực dân của tư bản Pháp ở Đông Dương. Các quan chức thực dân xem đây là "con đường phát triển mối quan hệ thương mại với chính quốc"[1]. Các học giả tư sản Pháp lại cho rằng "để mở rộng ảnh hưởng của dân tộc đi xâm chiếm thì sự nghiệp đầu tiên là khai thác đất đai" [2], bởi "đó là một phương tiện tuyệt vời đảm bảo cho sự ổn định nền đô hộ của chúng ta" [3].

Việc khai thác đất đai ở Đà Nẵng cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX là một minh chứng sinh động. Chính quyền thực dân đã ban hành khá nhiều văn bản quy định việc sử dụng đất ở đây: Nghị định ngày 24/5/1889[4] và nghị định ngày 1/10/1889 về việc sử dụng đất sau khi Đà Nẵng được quyết định thành lập thành phố. Nghị định ngày 26/1/1901 quy định việc sử dụng đất sau khi đã mở rộng phạm vi nhượng địa theo đạo dụ ngày 15/1/1901 của vua Thành Thái[5].

Để việc khai thác đất có hiệu quả, chính quyền thực dân tiến hành lập sổ địa bạ, đánh số kí hiệu các lô đất để quản lí chặt chẽ. Tuy chưa có văn bản chính thức nói rõ thời gian lập địa bạ Đà Nẵng, song qua nghiên cứu các văn bản cấp đất trong năm 1902 cho phép chúng ta xác định

---

[1] Tạ Thị Thúy "*Đồn điền của người Pháp ở Bắc Kỳ 1884-1918*, Nxb Thế giới, H, tr .11.

[2] Tạ Thị Thúy "*Đồn điền của người Pháp ở Bắc Kỳ 1884-1918*, Nxb Thế giới, H, tr. 11.

[3] Tạ Thị Thúy "*Đồn điền của người Pháp ở Bắc Kỳ 1884-1918*. Nxb Thế giới, H, tr. 11.

[4] *Bulletin administratif de l'Annam, 1902*, tr. 433.

[5] *Bulletin administratif de l'Annam, 1903*. tr 127.

www.thuvien247.net

thời gian thiết lập địa bạ Đà Nẵng vào khoảng tháng 5 hoặc đầu tháng 6 năm này.

Việc quy hoạch đất đai của thực dân Pháp ở Đà Nẵng rất cụ thể, chi tiết đến từng mảnh đất nhỏ. Trên cơ sở quản lí đất đai như thế, thực dân Pháp tiến hành khai thác đất một cách triệt để và có lợi nhất cho chúng.

Có thể phân chia việc khai thác đất ở Đà Nẵng thành 3 loại hình như sau:

* *Về loại thứ 1, đất đai cấp không để xây dựng công sở.* Bộ máy cai trị thực dân ở Đà Nẵng có hàng chục cơ quan công sở khác nhau. Tất cả các cơ quan này đều được cấp đất xây dựng công sở. Hơn nữa, đất đai nhượng địa không chỉ cấp không cho các cơ quan cai trị, cơ quan chuyên môn của thành phố Đà Nẵng mà còn cấp cho các cơ quan của bộ máy cai trị và khai thác Đông Dương đặt văn phòng tại Đà Nẵng.

* *Loại hình khai thác thứ hai là chia thành nhiều lô nhỏ để bán đấu giá.* Đây là kiểu khai thác để tăng nguồn thu, giải quyết vấn đề ngân sách của thành phố và chỉ thực hiện đối với đất thuộc nhượng địa của Pháp ở Đà Nẵng.

Vấn đề đất bán đấu giá và tổ chức bán đấu giá đất như thế nào đều được Khâm sứ Trung kỳ quy định khá chi tiết[1]. Đất quy định bán đấu giá chủ yếu là loại có giá trị kinh tế cao. Đây là một dạng nhà nước thực dân nắm độc quyền kinh doanh bất động sản và thu vào cho ngân sách thành phố một khoản thu lớn, còn đất có giá trị kinh tế thấp thì giao cho công sở nào đó và vẫn để làm tài sản chung.

---

[1] *Le Resident Superieur. P.I. en Annam Arrêté 30/4/1902. Bulletin administratif de L'Annam 1902*, tr 127,128.

www.thuvien247.net

** Hình thức thứ 3 là nhượng cho cá nhân khai thác, chịu nộp thuế.* Loại đất nhượng này bao gồm cả đất trong thành phố nhượng địa và đất ngoài nhượng địa.

Đất nội thị, mà có người được cấp hơn 3.000 mét vuông, nằm lọt giữa 3 phố đã xây dựng định hình, như trường hợp giáo sĩ tòa thánh R.D Laurent được nhượng năm 1902 là khá lớn. Đối với những khu vực chưa khai thác thì những "cô lon" có thể xin hàng ngàn ha để làm đồn điền.

Song song với việc nhượng đất trong thành phố Đà Nẵng, chính quyền thực dân còn nhượng cả đất đai ngoại vi thành phố, ở các làng xã cho các "cô lon". Chỉ riêng làng Nghi An đã có đến 2 "cô lon" thực dân chiếm đất lập đồn điền, làng Hải Tiên có "cô lon" chiếm đất với diện tích từ 15 ha đến 50 ha. Đặc biệt đất công trong khu Tiên Sa một "cô lon" chiếm đến 2.400 ha. Điều đó làm sáng tỏ hơn mục tiêu xâm lược của thực dân Pháp. Đối tượng được nhượng đất không chỉ có quan chức thực dân hoặc người Pháp ở Đà Nẵng, mà cả các quan chức thực dân trong bộ máy chính quyền Đông Dương có trụ sở ở Đà Nẵng, thậm chí cả quan chức Pháp đang ở tại Paris. Qua việc xác định giới hạn của các nhượng địa, cho thấy hầu như các nhượng địa của người Pháp được nhượng liên tiếp nhau. Chẳng hạn, nhượng địa của dược sĩ Brousmiche gần nhượng địa Guérin, nhượng địa của Bujon Philippe giáp nhượng địa của Bertrand, nhưng nhượng địa này lại giáp nhượng địa của Darni Gravelle.

Như vậy, có thể thấy rõ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, đất đai ở Đà Nẵng đã bị thực dân Pháp chiếm đoạt và khai thác như một thứ hàng hóa đặc biệt, nhà nước thực dân độc quyền cấp phát, rao bán, đấu giá, chuyển nhượng. Nhìn tổng thể, việc khai thác đất đai ở Đà Nẵng trong thời gian này diễn ra khá đa dạng, phản ánh những đặc điểm chung của sự

www.thuvien247.net

nghiệp thực dân của Pháp. Đó là khai thác triệt để nguồn tài nguyên thiên nhiên quý giá này làm giàu cho tư bản Pháp, tạo ra những bất động sản để kinh doanh, một hàng hóa đặc biệt để bán đấu giá, để làm tư liệu sản xuất cho các đồn điền, cuối cùng là làm đầy túi tiền của những "cô lon" thực dân.

Song, việc khai thác đất đai ở Đà Nẵng cũng chứa đựng sắc thái riêng.

1, Việc khai thác đất đai chủ yếu diễn ra sau khi Đà Nẵng đã thành nhượng địa Pháp (1888). Do đó kéo theo một loạt vấn đề khác về thủ tục hành chính, hình thức khai thác, thời hạn và mục đích khai thác đều có những sắc thái riêng.

2, Đất đai được khai thác ở Đà Nẵng gồm 2 bộ phận: Đất đai thuộc nhượng địa Pháp và đất ngoài nhượng địa nhưng liên quan đến Đà Nẵng về phương diện hành chính[1].

3, Thủ tục hành chính khai thác đất trong nhượng địa Pháp ở Đà Nẵng đơn giản hơn việc xin nhượng địa để khai thác ở các tỉnh khác của miền Trung. Về danh nghĩa, đất đai Trung kỳ vẫn thuộc sở hữu vương quốc An Nam. Do đó việc xin đất để khai thác phải qua triều đình An Nam. Bộ máy hành chính An Nam thông qua, đề nghị khâm sứ Pháp phê duyệt, ra quyết định. Nhưng ở Đà Nẵng thì khác, khai thác đất ngoài nhượng địa Pháp ở Đà Nẵng, theo thủ tục như các tỉnh khác của Trung kỳ. Nhưng đất trong nhượng địa thì Đốc lý Đà Nẵng đề nghị Khâm sứ Trung kỳ phê duyệt, không còn vai trò của tổ chức hành chính An Nam.

4, Đất trong nhượng địa Đà Nẵng loại tốt (hạng A, B) ngoài cấp xây dựng công sở còn lại được bán công khai, không chuyển nhượng cho cá nhân, chỉ có đất xấu (hạng 3) để làm tài

---

[1] *Le Resident Superieur. P.I. en Annam Arrêté 16/5/1904*. Bulletin. Tldd 1904, tr. 814.

www.thuvien247.net

sản công, đất hoang thì nhượng tạm thời, không có nhượng vĩnh viễn. Đất ngoài nhượng địa chỉ nhượng tạm thời.

5, Mục đích sử dụng đất được nhượng ở Đà Nẵng đơn giản. Nó chỉ nhằm phục vụ dân sinh (nhà ở, dinh thự) hoặc kinh tế (nhà hàng, khách sạn, công xưởng, đồn điền)... không nhằm hoạt động quân sự và ngoại giao.

Một số nét khác biệt trên đây bộc lộ trong quá trình khai thác đất đai ở Đà Nẵng càng làm rõ hơn thủ đoạn và hành vi khai thác, bóc lột tài nguyên của Việt Nam trong các chương trình khai thác thuộc địa của thực dân Pháp.

5. Các hoạt động tài chính, công nghiệp, thương mại

Dưới con mắt của các thế lực tài phiệt, Đà Nẵng có một vị trí kinh tế đặc biệt quan trọng trong hệ thống các xứ thuộc địa mới của Pháp, nên trước khi có chính sách khai thác thuộc địa của Toàn quyền Paul Dumer, từ năm 1891 Đà Nẵng đã được Ngân hàng Đông Dương chọn làm nơi thứ tư đặt chi nhánh của nó, sau các chi nhánh tại Hải Phòng (1885), Hà Nội (1886), Nouméra (1888) và Phnôm Pênh (1890). Chi nhánh ngân hàng này có đến 10 chức năng hoạt động khác nhau: lưu hành giấy bạc, ứng trước tiền cho việc mua hàng hoá, cho vay trừ vào thu hoạch mùa màng, cấp các thư tín dụng...[1].

[1]Do có vị trí giao thương thuận lợi và tiềm năng về cảng biển, Đà Nẵng vốn đã sớm trở thành trung tâm thương mại miền Trung. Từ khi trở thành "nhượng địa", hoạt động thương mại ở Đà Nẵng càng trở nên sôi động. Nếu như trước đó nghiêng về nhập khẩu thì từ những năm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX cán cân xuất - nhập đã có sự thay đổi.

---

[1] *L' Annam en 1906*, tr. 238.

www.thuvien247.net

Năm 1895 hàng xuất 1.400 tấn, hàng nhập 800 tấn.

Năm 1905 hàng xuất 8.000 tấn, hàng nhập 13.000 tấn[1].

Nhận thấy Đà Nẵng là nơi thuận lợi về cảng, lại có các vùng xung quanh giàu tiềm năng về đất đai và nguyên liệu, các nhà đầu tư Pháp đổ xô vào đặt cơ sở kinh doanh. Morin Frères kinh doanh về khách sạn. Talayrach chuyên bán các loại rượu. Công ty kho cảng và mỏ than đầu tư một số vốn lớn để thiết lập các cơ sở cho tàu đỗ và ghé bến nhằm xúc tiến việc khai thác mỏ than Nông Sơn, đạt năng xuất khai thác từ 5.000 tấn năm 1901 lên 12.000 tấn năm 1902, 18.000 tấn năm 1903 và lên tới 30.000 tấn trong năm 1904. Jean Escande chuyên thầu xây dựng các công trình lớn như bưu điện, kho bạc, ngân hàng... Đến năm 1905 doanh số nhập khẩu của công ty đã đạt hơn 1 triệu đồng. Công ty cầu và công trình bằng sắt nổi tiếng ở Pháp nhận thầu xây dựng các cầu đường sắt lớn trên đường Đà Nẵng - Huế. Bogaret sản xuất nước đá, gạch, đấu thầu các công trình xây dựng và kinh doanh. Leroy và De Lafaulotte là những nhà thầu khoán lớn. Hãng J. Fiard (do hai anh em Derobert và Fiard lập) thu được lợi nhuận lớn từ kinh doanh chè. Năm 1893 hãng này chỉ mới xuất khẩu được 598 kg, nhưng các năm sau thì tăng dần: năm 1898: 18.604 kg, năm 1904 tăng đến 174.423 kg, năm 1909: 305.000 kg và đến năm 1912 đã đạt được hơn 400.000 kg. Hai anh em Derobert và J. Fiard còn là đại diện của hãng Standard oil et compagnie của New York và đại lý của công ty Chargeurs Réunis. Cố đạo Maillard có một đồn điền lớn trồng chè ở Phú Thượng. Lomband lập ra Công ty chè Trung Kỳ có chi điểm thu mua và chế biến chè ở Tam Kỳ, Quảng Ngãi, Huế, Quy Nhơn.

---

[1] *L' Annam en 1906*, tr. 233.

www.thuvien247.net

Công ty này có hẳn một đồn điền trồng chè ở Phú Thượng và một đồn điền trồng mía ở Đồng Nghệ[1], các nhà máy rượu tại Đồng Hới, Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên. Bertrand lập đồn điền L'Escale rộng hàng chục héc ta ở địa phận Hoà Vang trồng cây cà phê Liberia, Arabica và các loại cây cau, chè, hồ tiêu... Bertrand cho rằng, với một ít vốn nhưng biết sử dụng tốt, với thời gian, với sự kiên nhẫn, với đầu óc kiên trì, với sự lựa chọn chính xác đất đai và các loại cây mà người ta muốn kinh doanh, các di dân có thể đạt được các kết quả đáng kể và thoả đáng[2].

Năm 1901 cảng Đà Nẵng xây dựng hạ tầng khá hơn, tàu thuyền đi lại dễ dàng hơn, công ty Messagerries Maritimes và công ty Chargeurs Rémis có rất nhiều tàu ra vào hoạt động ở cảng Đà Nẵng. Chỉ riêng công ty Messagerries Maritimes năm 1902 có đến 10 tàu vận tải biển ra vào cảng. Những con tàu này chở hàng hóa bốc dỡ từ tàu hỏa như hàng tơ lụa, đường, chè v.v.. để chở đến Marseille, Le Havre, Dunkerque, Anvers và London. Công ty Chargeur Rémis mở đường vận tải sang Đông Dương sau tháng 9/1902. Hoạt động trên tuyến đường này có 7 tàu. Những con tàu này chạy đều đặn hàng tháng giữa Dunkerque, Le Havre, Bordeaux và Marseille tới các cảng của Đông Dương, chúng đều ra, vào cảng Đà Nẵng để bốc dỡ hàng và nhận hàng.

Những năm đầu thế kỷ XX hàng hóa vận chuyển qua cảng Đà Nẵng ngày càng nhiều. Hàng hóa nhập từ nhiều nguồn: từ Pháp sang, từ các nước khác đến, từ Bắc Kỳ vào, từ Nam Kỳ ra và từ các cảng khác của Trung Kỳ.

---

[1] Nay thuộc xã Hoà Khương.

[2] *L' Annam en 1906*, tr. 242.

www.thuvien247.net

Hàng hóa nhập khẩu qua cảng Đà Nẵng năm 1906 được thống kê như sau:

- Hàng nhập: **Hàng hóa từ Pháp sang**	**Số lượng**	**Giá trị**
+ Những hàng hóa, nhu yếu phẩm chính	646.956 kg	904.352 fr
+ Thiết bị đường sắt và cơ khí	81.704 kg	32.877 fr
+ Hỗn hợp	1.785.410 kg	1.000.316 fr
Tổng cộng	2.514.070 kg	1.937.545 fr
- Hàng hóa đến từ nước ngoài		
+ Chè	46.988 kg	14.964 fr
+ Dược liệu	158.108 kg	130.434 fr
+ Dầu hỏa	4.097.493 kg	1.024.369 fr
+ Đồ gốm Sành	1.950 kg	390 fr
+ Đồ gốm Sứ	236.362 kg	226.354 fr
+ Các loại gốm khác	58.740 kg	10.190 fr
+ Bông, sợi	374.691 kg	700.225 fr
+ Giấy Trung Quốc thông thường	492.354 kg	313.886 fr
+ Giấy Trung Quốc thấm nước (Bulke)	192.713 kg	289.065 fr
+ Pháo của Châu Á	77.814 kg	70.031 fr
+ Bạc	17.814 kg	77.814 fr
+ Hỗn hợp	1.843.168 kg	991.266 fr
Tổng cộng	7.566.516 kg	3.964.756 fr

www.thuvien247.net

- Hàng hoá nhập từ Bắc Kỳ		
+ Gạo, lúa	180.301 kg	25.861 fr
+ Hàng dệt bông bản địa	27.087 kg	78.414 fr
+ Diêm bản địa	63.553 kg	31.776 fr
+ Bạc	63.553 kg	31.776 fr
+ Hỗn hợp	4.705.411 kg	2.225.452 fr
Tổng cộng	4.76.352 kg	2.361.530 fr
- Hàng hóa nhập từ các cảng Trung kỳ		
+ Hàng hóa chính, những sản phẩm xuất khẩu	9.045.381 kg	2.472.122 fr
+ Gạo và lúa	3.011.995 kg	399.172 fr
+ Bạc	311.995 kg	399.172 fr
+ Hỗn hợp	18.322 kg	660.842 fr
Tổng cộng	12.075.648 kg	3.732.136 fr
- Hàng hóa từ Nam Kỳ		
+ Nhu yếu phẩm chính	1.157.313 kg	1.701.534 fr
+ Lúa gạo	70.000 kg	9.840 fr
+ Bạc	70.000 kg	9.840 fr
Tổng cộng	1.227.313 kg	1.711.374 fr

Tổng hợp các số liệu trên cho thấy:

Tổng cộng hàng nhập: 28.359.899 kg. Tổng giá trị: 13.707.314 fr[1].

[1] *L' Annam en 1906*, tr. 234-235.

www.thuvien247.net

So với số lượng hàng nhập khẩu năm 1905 là 13.000 tấn thì năm 1906 hàng nhập là 28.359 tấn, tăng hơn 2 lần. Hàng xuất khẩu năm 1906 cũng tăng đến 20.359 tấn.

Điều đó cho thấy hoạt động thương mại của Đà Nẵng có tốc độ phát triển cực kỳ nhanh, đến hơn 350% và mặt hàng buôn bán khá phong phú, nhưng chủ yếu là nông sản và hàng tiêu dùng.

Tốc độ phát triển thương mại của Đà Nẵng theo thời gian ngày càng gia tăng mạnh mẽ hơn, thể hiện rõ qua hoạt động xuất nhập khẩu.

Năm 1909, hàng hóa xuất nhập khẩu được báo cáo như sau[1]:

Thị trường	Trọng lượng nhập (tấn)	Trọng lượng xuất (tấn)
Pháp	2.814.814	11.427.076
Ngoại quốc	3.542.141	19.505.382
Bắc Kỳ	4.103.754	3.407.835
Nam Kỳ	835.505	5.206.420
Các xứ khác	16.295.502	7.832.007
Tổng cộng	27.519.716	47.198.720

So với năm 1906 thì hàng nhập khẩu giảm nhẹ, xuất khẩu tăng 1.6 lần.

Như vậy cán cân thương mại nặng về xuất khẩu. Tàu thuyền ra, vào cảng cũng tăng nhiều lần.

Theo phúc trình của Nha quan thuế Trung Kỳ năm 1912, tàu lui tới cảng Đà Nẵng có 3 loại: tàu thường xuyên

---

[1] PVI: Phiên ngày 18.8.1910. Dẫn theo Võ Văn Dật, Sđd, tr. 361.

www.thuvien247.net

của Pháp thuộc các công ty Massgeries Maritines và Chargeurs Rémis. Tàu các nước: Đức 41 chuyến đi và đến; Anh 7 chuyến; Thụy Điển, Hà Lan, tàu Trung Hoa có 51 tàu hơi nước và 123 thuyền buồm.

Số lượng tàu thuyền ra vào cảng ngày càng nhiều khiến việc tổ chức hoạt động ở cảng được tăng cường. Chính quyền thực dân thành lập hẳn một Ủy ban giám sát tàu thuyền chạy bằng máy hơi nước ở cảng.

Hàng hóa vận chuyển qua cảng Đà Nẵng từ năm 1914 đến 1918 được thống kê như sau[1]:

		1914	1915	1916	1917	1918
Đường dài	Nhập cảng	7	6	5	5	5
	Xuất cảng	24	19	14	4	8
	Tổng cộng	31	25	19	9	13
Ven bờ	Nhập cảng	22	27	27	19	34
	Xuất cảng	14	16	15	16	23
	Tổng cộng	36	43	42	35	57

Số liệu thống kê cho thấy trong những năm chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918), tàu các nước ngoài hoạt động, buôn bán qua cảng Đà Nẵng giảm đi rõ rệt. Vận tải quốc tế bị chiến tranh cản trở nên trong các năm 1916- 1919 chỉ nhập trung bình 5.000 tấn/năm. Xuất khẩu cũng rất thấp, từ 24.000 tấn (1914) giảm xuống 4.000 tấn (1917). Trong thời gian này, hàng hóa vận chuyển ven bờ chủ yếu do tàu thuyền của Hoa kiều và người Việt Nam.

---

[1] *Annuaire Statistique de l' Indochine* IDEO 1927, tr. 139

www.thuvien247.net

6. Văn hóa, giáo dục, y tế

Để gây ảnh hưởng về tinh thần và nắm lấy trí thức, thanh niên, thực dân Pháp du nhập cả văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần vào Đà Nẵng.

Các quan chức thực dân xây dựng hệ thống công sở đồ sộ, giới kinh doanh tư bản xây dựng hệ thống nhà máy, công xưởng, ngân hàng với hàng trăm ngôi nhà gạch cao tầng kiên cố theo kiểu kiến trúc phương Tây. Các nhà hàng, khách sạn ra đời. Hệ thống công sở, vi la, biệt thự cấu trúc thành hàng chục phố xá mới, hàng chục đường phố mới, những công viên, những câu lạc bộ ra đời..., tất cả làm biến đổi bộ mặt Đà Nẵng. Những làng quê nông nghiệp đã biến mất, thay vào đó một thành phố hiện đại kiểu Châu Âu mọc lên đồ sộ. Đó là biểu tượng của nền văn minh Pháp mà chính quyền thực dân muốn dựng lên để biểu dương sức mạnh của Pháp, nhằm chinh phục tinh thần người Việt. Các phương tiện giao thông hiện đại: đường sắt, đường nhựa, tàu hỏa, tàu điện, ô tô... đưa vào hoạt động, tạo ra một nhịp sống mới sôi động, ồn ào của đô thị.

Cách ăn mặc, đồ dùng phương Tây, nhiều sản phẩm công nghiệp: vải vóc, nước hoa, giày dép du nhập vào, tác động đến lối ăn mặc, sinh hoạt của một bộ phận cư dân Đà Nẵng.

Bảo tàng Chăm được xây dựng. Đây là một cơ sở văn hóa đặc sắc nổi lên giữa không khí hoạt động giao thương nhộn nhịp của thành phố thương mại, lưu giữ hàng trăm cổ vật quý báu gồm những bàn thờ, tượng thờ và vật trang trí kiến trúc được sưu tầm từ các đền - tháp thuộc Ấn Độ giáo và Phật giáo của vương quốc Champa xưa. Cổ vật của bảo tàng này được sưu tập từ cuối thế kỷ XIX, từ sự hiếu kỳ của viên Công sứ Quảng Nam Charles Lemire. Từ năm 1891 đến năm 1895 đã sưu tập được 90 cổ vật điêu khắc trên đá sa thạch và lưu giữ tại công viên Đà Nẵng (trước Bảo tàng Chăm hiện nay). Năm

www.thuvien247.net

1915 nhà Bảo tàng cổ vật Chăm mới được xây dựng với tên ban đầu là "Phòng Bảo tàng Chăm Đà Nẵng". Sau đó, ngày 22/6/1918 Toàn quyền Đông Dương Albert Sarraut ký Nghị định thiết lập ở Đà Nẵng "Viện Bảo tàng Đông Dương ngành cổ tích Chàm". Cơ sở văn hóa - mỹ thuật này được xác định là một bảo tàng khảo cổ, trực thuộc Phủ Toàn quyền, dưới sự kiểm soát chuyên môn của trường Viễn Đông Bác Cổ. Trên cơ sở những cổ vật Lemire sưu tập, một nhân viên trường Viễn Đông Bác Cổ đã sưu tầm nguồn gốc các cổ vật, sắp xếp, bài trí bộ sưu tập đó theo thiết kế trưng bày mỹ thuật một cách hợp lý. Từ đó các cổ vật Chăm thành tài sản văn hóa vô giá và Cổ viện Chăm thành cơ sở văn hóa nổi tiếng, thành biểu trưng văn hóa của Đà Nẵng với 268 cổ vật điêu khắc trên đá, phản ánh nghệ thuật độc đáo của vương quốc Champa từ các thế kỷ VII, VIII cho đến thế kỷ XIII - XIV.

Người Pháp đã du nhập lối sống phương Tây vào Đà Nẵng. Thú ăn chơi mới xuất hiện: đi nhà hàng, chơi vườn hoa, sinh hoạt câu lạc bộ. Cho đến năm 1912 đã có câu lạc bộ Đà Nẵng của người Âu, câu lạc bộ của người Hoa, Hội tương tế dạy học của người Việt. Nhà nước thực dân tạo cơ hội cho người Âu để họ tổ chức hoạt động câu lạc bộ đến mức tối đa. Có những lần họ được nhà nước thực dân trợ cấp kinh phí sinh hoạt tương đương với cấp ngân sách cho thành phố. Chẳng hạn ngân sách Trung kỳ cấp cho thành phố Đà Nẵng năm 1902 là 500$ thì câu lạc bộ người Âu ở Đà Nẵng năm 1903 được một khoản trợ cấp 500$ để hoạt động[1]. Năm 1914, Khâm sứ Trung Kỳ lại trích 200$ trong ngân sách Trung Kỳ cấp cho Câu lạc bộ người Âu[2].

---

[1] *Le Resindant Supérieun de L'Annam.* Arrêté le 24.6.1903. *Bulleti.* Sđd 1903, tr. 569.

[2] Tlđd 1914, tr. 1008.

www.thuvien247.net

Chính quyền thành phố tổ chức hoạt động thể thao cuốn hút giới trẻ, thị dân và trí thức: sân quần ngựa ở khu người Âu, sân túc cầu ngoài trời thường tổ chức hội thể thao. Những trận cầu giao hữu hay tranh giải đã trở thành những dịp giải trí của người Âu. Ngoài ra còn có cả một trung tâm nghỉ ngơi trên núi Bà Nà. Trung tâm nghỉ mát này được chính thức khai thác từ năm 1919. Tại nơi này các khách sạn, nhà cửa được xây dựng. Nó được xem là một nơi "không thua kém gì các trạm nghỉ ngơi khác về sự mát mẻ của khí hậu, tốt tươi của cảnh sắc, thích thú của vui chơi, và nhất là bởi vì nó cần thiết cho sự nghỉ ngơi khoan khoái của người Âu châu tại Huế, Đà Nẵng và các tỉnh lân cận"[1].

Trong văn hóa tinh thần phải kể đến hoạt động tôn giáo trong nhượng địa Đà Nẵng. Tôn giáo ở Đà Nẵng rất đa dạng, gồm có Thiên chúa giáo, Phật giáo, Cao Đài, Tin Lành. Trong đó, Thiên chúa giáo và Tin Lành thuộc văn hóa phương Tây.

- Phật giáo

Nhân dân Đà Nẵng theo Phật giáo cổ truyền. Một số chùa được xây dựng rải rác khắp thành phố: Chùa Phổ Đà, Võ Man, Diệu Pháp, Từ Tôn, Tường Quang, Từ Vân, Bảo Nghiêm, Vu Lan... Trong đó có hai chùa lớn là chùa Phổ Đà và chùa Vu Lan. Hai chùa này là nơi qui ngưỡng của hầu hết Phật tử trong nhượng địa. Nhiều chùa nổi tiếng như chùa Tam Thai, Từ Tâm, Ứng Chơn ở núi Ngũ Hành và chùa Phước Hải ở làng Hải Châu được Triều đình xếp vào loại chùa quan nên được tu bổ nhiều lần dưới thời Minh Mạng cho đến thời Thành Thái. Số tăng cang và trụ trì ở hai chùa Tam Thai và Linh Ứng khá đông. Ở thời Thành Thái, tại 2 chùa này có 1

---

[1] A. Sallet: *Núi Ba Na, trung tâm nghỉ ngơi trên độ cao Trung Trung Kỳ. Dẫn theo: Những người bạn cố đô Huế*. T XI, năm 1924. Nxb Thuận Hoá. Huế, tr. 467.

www.thuvien247.net

tăng cang, 2 trụ trì, 14 tăng chúng (8 ở chùa Tam Thai, 6 ở chùa Linh Ứng). Năm 1899 Triều đình phải cắt giảm bớt 1 trụ trì ở chùa Tam Thai, 4 tăng chúng, lưu lại 4 tăng cang chùa Tam Thai (nhưng cũng coi sóc chùa Linh Ứng), 6 tăng chúng, 1 trụ trì chùa Linh Ứng (nhưng cho theo dưới quyền tăng cang), 4 tăng chúng để có định ngạch[1].

- Thiên Chúa giáo

Đạo Thiên chúa vào Việt Nam từ giữa thế kỷ XVII, mở đầu bằng sự có mặt của hai linh mục dòng Tên là Francesco Buzomi (người Ý) và Diego Carvathe (người Bồ Đào Nha) cùng hai thầy giảng Juise và Phaolô (người Nhật) từ Ma Cao đến cửa Hàn vào ngày 18/1/1615. Tại đây, phái đoàn truyền giáo đã rửa tội cho 10 người Việt đầu tiên theo đạo. Sự kiện này cũng chính thức mở đầu cho trang sử của Công giáo ở Việt Nam. Khi đánh chiếm Đà Nẵng, quân Pháp xây cất một nhà nguyện trong thành Điện Hải. Đến năm 1903 Thiên chúa giáo ở Đà Nẵng vẫn thuộc giáo phận Quy Nhơn. giáo khu Huế. Năm 1928 những người theo Thiên chúa giáo ở Đà Nẵng thành lập Đà thành Công giáo ái hữu hội.

- Tin Lành

Năm 1902, một thư báo phụ tá, quốc tịch Pháp tên là Bonnet thuộc Thánh kinh hội (tức tổ chức British and Foreign bible Society được thành lập tại Anh) đến Đà Nẵng, nhờ một thông dịch viên đã giảng được một ít kinh thánh[2]. Năm 1911.

---

[1] *Châu bản Triều Nguyễn (tư liệu Phật giáo qua các triều đại nhà Nguyễn 143 năm từ Gia Long 1802 đến Bảo Đại 1945)*. Lý Kim Hoa sưu khảo và biên dịch. Nxb Văn hoá Thông tin, 2003, tr. 784.

[2] Dẫn theo Đỗ Hữu Nghiêm: *Phương pháp truyền giáo của Tin Lành giáo tại Việt Nam* (Luận văn Cao học sử học) bảo vệ tại trường Đại học Văn khoa thuộc Viện Đại học Sài Gòn, năm 1968, tr. 41.

www.thuvien247.net

mục sư Jaffray cùng với hai nhà truyền giáo trẻ là mục sư Paul M. Hosler và mục sư G. Iloyd Hughes từ Hoa Nam đến Đà Nẵng. Tại đây họ mua được một thửa đất do Thánh kinh hội bán lại và được phép thành lập trụ sở truyền giáo. Nhưng sau đó họ lại đi Hoa Nam cho đến năm 1913 mới quay lại Đà Nẵng xây dựng trên lô đất đã mua một ngôi nhà tranh làm nhà thờ Tin Lành, đặt cơ sở đầu tiên cho đạo Tin Lành ở Việt Nam.

Thời kỳ đầu nhà cầm quyền Pháp gây khó khăn cho công việc truyền bá đạo Tin Lành vì lo sợ ảnh hưởng của Mỹ. Các mục sư bị giám sát, nhà nguyện bị đóng cửa vào năm 1915, mục sư không được giảng đạo. Đến năm 1916 thì nhà thờ tại Đà Nẵng được phép mở cửa lại. Tuy vậy, các mục sư vẫn không mở rộng được địa bàn truyền giáo ra các vùng xung quanh, vì Hiệp ước 1884 ký giữa triều đình Huế và Pháp chỉ quy định tự do truyền bá Thiên Chúa giáo, còn Tin Lành chưa được đề cập đến, có thể hiểu là bị cấm.

Hoạt động truyền giáo của Thiên Chúa giáo và Tin Lành đã góp phần đắc lực cho việc du nhập văn hóa Pháp vào Việt Nam nói chung, Đà Nẵng nói riêng.

Những công sở nguy nga, những khu biệt thự sang trọng của người Pháp có làm cho một số người Việt trở nên sùng bái đời sống vật chất. Nhưng tuyệt đại người dân Việt vẫn nhận ra sự hiện đại bề ngoài đó chỉ nhằm phục vụ cho chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp, nên họ nhìn phố xá "nghênh ngang" của kẻ đi xâm lược với tâm trạng nhức nhối về một vùng đất đã bị biến thành "nhượng địa". Họ cảm nhận rõ sự mất nước, mất chủ quyền dân tộc.

Bài thơ *Đà Nẵng hoài cảm* của Trần Quý Cáp phản ánh rõ tâm trạng này:

Chinh chiến vì đâu nảy hoạ tai?
Mà nay thấy những dấu lang sài

www.thuvien247.net

Cờ ba sắc nhoáng tàu vô cửa,
Xe một đường thông ải suốt dài.
Tiếng địch gọi hồn non nước cũ,
Bóng chiều chói rạng phố lầu ai?
Ước chi nay có Trần Hưng Đạo,
Lập lại Đằng giang trận thứ hai[1].

Cùng niềm hoài cảm trên, bà Bang Nhãn khi đi ngang qua Đà Nẵng cũng có bài thơ:

Rầm rầm ngựa chạy lại xe qua,
Nhượng địa là đây có phải a?
Liếc mắt nhìn xem phong cảnh lạ,
Ôm lòng chạnh tưởng nước non nhà.
Nào tay hồ thỉ đi đâu vắng?
Nỡ để giang sơn cực lắm mà!
Nghĩ đến người xưa thương nước cũ,
Căm gan riêng giận với trời già.

Cũng như với cả nước, trước sự tấn công của văn hóa Pháp, tư duy văn hóa truyền thống của người Việt tại Đà Nẵng bị lay động. Một số người chạy theo Âu hóa, một số lại nhìn những mặt trái của văn hóa phương Tây mà phê phán đi theo văn hóa phương Tây là không thích đáng, thậm chí còn cho rằng không nên sử dụng mẫu tự la tinh vì đó là thứ chữ của kẻ đi cướp nước mình. Một số khác sớm nhận ra những giá trị đích thực của văn hóa Pháp để tiếp nhận và cải biến cho phù hợp với tâm thức và mỹ cảm văn hóa của mình.

---

[1] Nguyên tác Hán văn

www.thuvien247.net

Nội dung hoạt động văn hóa có sự biến đổi. Nhân dân Đà Nẵng đã tham gia trong phong trào Duy tân sôi nổi đầu thế kỷ XX với khẩu hiệu "Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh".

Lối sống văn hóa cũng có biến đổi, thể hiện ở cách ăn mặc, đầu tóc... Nhiều nhà gạch xuất hiện thay cho nhà tranh, có nhà xây dựng theo kiến trúc mới có vườn tược theo kiểu biệt thự của người Pháp, có nhà xây dựng theo kiểu phố - hiệu để kinh doanh. Có thể nói về văn hóa Đà Nẵng dưới thời Pháp thuộc vừa bảo lưu được những giá trị tốt đẹp của văn hóa truyền thống, vừa tiếp nhận các yếu tố mới trong quá trình giao lưu văn hóa Đông - Tây. Nhưng cũng thấy rõ một điều văn hóa vật chất phát triển nhanh hơn văn hóa tinh thần. Điều này thể hiện rất rõ qua hệ thống văn bản hành chính của Nhà nước thực dân về Đà Nẵng chỉ có một văn bản liên quan đến vấn đề văn hóa truyền thống, còn lại là vấn đề kinh tế. Năm 1903 trong 8 văn bản về Đà Nẵng, có một văn bản về giáo dục. Năm 1904 trong 8 văn bản về Đà Nẵng, không có văn bản nào về văn hóa tinh thần, hầu hết là văn bản về kinh tế... Điều này thể hiện rõ chính sách cai trị thuộc địa của Pháp chỉ là đầu tư khai thác các nguồn lợi kinh tế để làm giàu cho tư bản Pháp mà thôi.

- Giáo dục

Chính quyền địa phương cho xây dựng một trường Pháp dành cho học sinh người Pháp và 1 viện nghiên cứu. Trường học này người dân quen gọi là "Trường Tây" dạy chung học sinh nam và nữ. Đối với học sinh người Việt, tổ chức Alliance Française (Liên minh Pháp) cho xây dựng một trường học công lập, do giáo viên người Việt dạy, gọi là trường Pháp - Việt Đà Nẵng. Trường hoạt động bằng ngân sách nhà nước thực dân, nhưng nguồn kinh phí rất ít ỏi. Kinh

www.thuvien247.net

phí cấp cho trường chỉ bằng kinh phí hỗ trợ cho một câu lạc bộ của người Âu và chỉ bằng 8% số tiền cấp xây một công sở. Chẳng hạn, trong năm 1903 Khâm sứ Trung kỳ ký quyết định cấp cho trường Alliance Française và cho câu lạc bộ người Âu ở Đà Nẵng số tiền như nhau là 500$[1], với Phòng Tư vấn hỗn hợp Thương mại và Canh nông thì được cấp đến 6.000$ để xây biệt thự. Đến năm 1909 chính quyền thực dân mới đầu tư khoản kinh phí hàng chục ngàn đồng để xây dựng trường học.

Vào thời điểm năm 1906, tổng số học sinh ở Đà Nẵng là 406 trên tổng số dân 16.000 người, bình quân cứ 39 người có 1 người đi học. So với các tỉnh ở Trung Kỳ thì Đà Nẵng có tỷ lệ cao nhất. Điều này hoàn toàn phù hợp với điều kiện kinh tế của Đà Nẵng, trung tâm kinh tế của miền Trung.

- Y tế

Y tế Đà Nẵng trong thời gian này chỉ có 2 cơ sở: một quân y viện dành cho người Pháp (thường gọi là nhà thương Tây) và một cơ sở đành cho người Việt gọi là bệnh viện bản xứ Đà Nẵng. Các cơ sở này đặt dưới cơ quan y tế là Ủy ban vệ sinh và môi trường Đà Nẵng, do Đốc lý thành phố làm chủ tịch, các thành viên gồm có: bệnh viện trưởng của bệnh viện quân đội, chỉ huy quân sự, một đại diện của Hội đồng thành phố, giám đốc Sở Công chính, thanh tra Hải quan và một dược sĩ dân sự. Uỷ ban này có chức năng tư vấn về mọi vấn đề có liên quan đến y tế công cộng của thành phố và có quyền điều động nhân viên y tế thi hành nhiệm vụ kiểm soát vệ sinh đối với nhà ở, những công trình công cộng trong thành phố. Đốc lý thành phố quy định bất kỳ một công trình xây dựng nào cũng chỉ được cho phép xây dựng khi đã đảm bảo trong đề án các điều kiện về vệ sinh công cộng và quy định về y tế.

---

[1] *Bulletin administratif de l'Annam 1903*, tr. 415, 569. Arrêté le 28.1.1903.

www.thuvien247.net

II. NHỮNG CHUYỂN BIẾN TRONG NÔNG THÔN ĐÀ NẴNG

1. Tổ chức hành chính

Trong địa phận nhượng địa Đà Nẵng hình thành hai khu vực sinh hoạt kinh tế khác nhau với các tầng lớp cư dân khác nhau sinh sống: khu vực đô thị và khu vực nông thôn.

Đô thị là khu trung tâm hành chính và kinh tế công thương nghiệp -dịch vụ sôi động của bộ phận cư dân người Pháp.

Khu vực nông thôn là các làng xã ven thị xã, ven biển hoặc xa trung tâm thành phố, hoạt động kinh tế là nông nghiệp và ngư nghiệp với cư dân chủ yếu là nông dân như các xã An Hải, Mỹ Khê, Thanh Khê, Hà Khê, Vĩnh Yên, Thạch Thang, Xuân Hòa, Xuân Đán, Phước Ninh, và cả vùng bán đảo Sơn Trà gồm nhiều làng nhỏ như Cổ Mân, Mân Quan vẫn cấy lúa và trồng trọt.

Năm 1911 khu vực nông thôn trong nhượng địa Pháp được tổ chức thành một tổng gọi là tổng Đà Nẵng gồm 19 xã thôn. Đứng đầu tổng là chánh tổng do Đốc lý Đà Nẵng bổ nhiệm. Như vậy, tổ chức bộ máy hành chính ở nông thôn Đà Nẵng vẫn theo hình thức truyền thống, đơn vị hành chính cơ sở vẫn là làng, xã, nhưng do chính quyền thực dân Pháp chi phối sâu sắc. Ngay việc quy hoạch phát triển thành phố Đà Nẵng cũng cho thấy rõ điều này. Pháp không đô thị hóa toàn bộ nhượng địa, mà chỉ đô thị hóa một phần, nơi có vị trí trung tâm giao thương và những nơi cư dân Pháp sinh sống, còn lại cả một vùng nông thôn rộng lớn, suốt thời thuộc Pháp hầu như không thay đổi. Đúng như Paul Doumer, Toàn quyền Đông Dương đã viết trong *Báo cáo về tình hình Đông Dương 1897 - 1901*: "Cơ cấu

www.thuvien247.net

vững chắc của làng An Nam được hoàn toàn tôn trọng và còn cần được duy trì triệt để sau này cho việc cai trị của chúng ta được dễ dàng. Nhờ có tổ chức này, trước mắt chúng ta không phải là hàng triệu cá nhân phải chú trọng đến nhu cầu, quyền lợi, tình cảm, mà chỉ còn lại vài ngàn tập thể tổ chức chặt chẽ và có kỷ luật, liên hệ với chúng ta theo đơn vị từng khối mà chúng ta chỉ cần biết có hội đồng kỳ mục mà thôi"[1].

Với chủ trương không thủ tiêu bộ máy tổ chức làng xã mà là lợi dụng nó phục vụ cho bộ máy cai trị của Pháp, thực dân Pháp đã nhiều lần "cải lương hương chính", cải tổ bộ máy quản lý làng xã thành đơn vị hành chính cơ sở trong thiết chế cai trị của Pháp ở Việt Nam.

Ngoài các làng xã trong nhượng địa, nông thôn Đà Nẵng còn bao gồm cả huyện Hòa Vang[2].

Khi Pháp thành lập thành phố Đà Nẵng, huyện Hòa Vang vẫn thuộc Quảng Nam và sau đó trở thành đơn vị hành chính của Đà Nẵng.

Năm 1899 huyện Hoà Vang bị cắt đi 21 xã thôn của tổng Đức Hoà, 6 phường, thôn của tổng Phú Khê, 10 xã thôn của tổng Phước Tường, 11 xã thôn của tổng An Châu để cùng với 31 châu, xã tổng Hoà Mỹ, 30 châu, xã thôn của tổng Đại An huyện Diên Phước lập nên huyện mới Đại Lộc. Lại cắt tổng Thanh châu phụ vào huyện Diên Phước. Bù lại, 6 xã thôn tổng An Lưu, 4 xã thôn tổng Thanh Quất (Thanh Quýt) thuộc huyện Diên Phước được cắt nhập vào Hoà Vang.

---

[1] Paul Doumer: *Báo cáo tình hình Đông Dương 1897-1901*. Dẫn theo Nguyễn Cảnh Minh, *Một số vấn đề làng xã trong lịch sử Việt Nam*, Huế 1996, tr. 28.

[2] Phạm vi và đối tượng nghiên cứu của cuốn sách này được xác định theo địa giới hành chính hiện nay, tức là bao gồm huyện Hòa Vang.

www.thuvien247.net

Theo Đạo dụ ngày 15/1/1901 về mở rộng nhượng địa Đà Nẵng của vua Thành Thái thì huyện Hoà Vang bị biến động, huyện bị cắt thêm một số xã nhập vào nhượng địa Đà Nẵng, một số xã vẫn là của Hoà Vang lại thuộc tỉnh Quảng Nam. Căn cứ vào *Đồng Khánh dư địa chí* soạn năm 1886-1887 với *Đại Nam nhất thống chí* (bản thời Duy Tân) ta biết rằng, phạm vi Hoà Vang đã bị thu hẹp nhiều. Chiều đông - tây từ 75 dặm 15 trượng (54 km) còn lại 18 dặm (13 km); nam - bắc 39 dặm 30 trượng (28 km) còn lại 29 dặm (21 km). Từ 7 tổng 142 xã, thôn, phường, giáp huyện chỉ còn lại 4 tổng với 88 xã, thôn, phường, ấp[1]. Sau đó, số tổng và đơn vị xã thôn của Hoà Vang lại tăng lên, đến thời Khải Định, huyện Hoà Vang có đủ 7 tổng, 158 xã gồm: tổng Bình Thái: 43 xã, Thanh An: 9 xã, An Lưu: 15 xã, Phước Tường: 34 xã, An Phước: 19 xã, Hoà An: 26 xã, tổng Giáo: 12 xã. Số xã trên duy trì mãi cho đến năm 1945.

Huyện Hòa Vang thuộc đơn vị hành chính thành phố Đà Nẵng từ khi nào?

Tuy theo Nghị định của Khâm sứ Trung Kỳ ngày 16/1/1900 huyện Hòa Vang đã tách ra khỏi tỉnh Quảng Nam[2], nhưng chưa thấy nói Hoà Vang thuộc Đà Nẵng. Nghị định ngày 15/6/1903 cũng của Khâm sứ Trung Kỳ thì lại ghi "Hòa Vang thuộc tỉnh Quảng Nam"[3]. Đến Nghị định ngày 4/12/1903, ở điều I ghi rõ "Huyện Hòa Vang thuộc phạm vi hành chính của Đà Nẵng"[4]. Như vậy, trong khoảng thời gian

---

[1] Quốc sử quán Triều Nguyễn: *Đại Nam nhất thống chí*. Quyển 5 (tỉnh Quảng Nam). Nha Văn hóa. Bộ Quốc gia Giáo dục Việt Nam Cộng hòa xuất bản, 1964, tr. 9.

[2] *Bulletin administratif de l'Annam 1905*, tr. 1344.

[3] *Bulletin administratif de l'Annam 1903*, tr. 547.

[4] *Bulletin administratif de l'Annam 1904*, tr. 658.

www.thuvien247.net

từ ngày 16/1/1900 đến ngày 4/12/1903 chưa rõ Hòa Vang trực thuộc đơn vị hành chính Đà Nẵng ở thời điểm nào, bằng văn bản nào. Nhưng có điều rõ ràng là đến ngày 4/12/1903 thì huyện Hòa Vang đã là đơn vị hành chính của thành phố Đà Nẵng. Nhưng không phải là nhượng địa của Pháp mà vẫn là lãnh thổ của triều đình An Nam.

Một điều rất đặc biệt là đến đầu thế kỷ XX thành phố Đà Nẵng tồn tại hai hình thức sở hữu đất đai: Phần nhượng địa thuộc sở hữu của Pháp và huyện Hòa Vang thuộc sở hữu của triều đình An Nam. Bởi vậy, mới có hiện tượng năm 1928 Toàn quyền Đông Dương ra nghị định chuyển không mất tiền 336 ha đất Đà Nẵng thuộc sở hữu địa phương sang sở hữu nhượng địa[1].

Năm 1903 huyện lỵ Hoà Vang dời từ Nghi Xuân đến Bình Thuận và được xây dựng khang trang. Đứng đầu huyện là Tri huyện, dưới là cơ quan chuyên môn giúp việc cho tri huyện. Nhưng huyện Hòa Vang phụ thuộc vào Khâm sứ Trung Kỳ. Có nhiều văn bản hành chính của Hòa Vang do Khâm sứ Trung kỳ quyết định, chẳng hạn vấn đề y tế, phòng dịch bệnh của Hòa Vang ngày 4/12/1903; 17/3/1904 đều do Khâm sứ Trung Kỳ quyết định[2].

Trong ký ức của người dân Hoà Vang, dấu ấn của bộ máy quản lý làng xã dưới thời thuộc Pháp còn đọng lại đến ngày nay vẫn là các lý trưởng, phó lý và ngũ hương: hương lộ, hương kiểm, hương bổn, hương mục, hương dịch. Dưới ngũ lương là các chức: trùm, thủ, mục, giáp trông coi từng công việc cụ thể trong làng[3].

---

[1] *Bulletin administratif de l'Annam* 1928, tr. 547.

[2] *Bulletin administratif de l'Annam 1903*, tr. 547, 658; 1904, tr. 773.

[3] Dương Tuấn Kiệt: *Một số nét về Hòa Phong trước Cách mạng tháng Tám 1945*, bản viết tay, tháng 8.2003.

www.thuvien247.net

Bên trong tổ chức hành chính, người dân nông thôn còn quản lý nhau bằng quan hệ xóm làng, dòng họ, đạo kính trọng người già trong lễ giáo phong kiến.

Trong quan hệ xóm làng, sự phân biệt đẳng cấp rõ ràng. Những người có khoa bảng hay chức sắc, đương chức hoặc về hưu đều ngồi chiếu trên trong đình làng. Đó là các cụ Nghè, các ông Cử, các quan lại triều Nguyễn cùng các bậc đại thọ. Các chức sắc trong làng, lính mãn hạn, người cao tuổi (trung thọ) ngồi chiếu giữa. Hai gian bên của đình làng là chỗ ngồi của các chức vụ nhỏ trong làng như các hương, tuần, thủ, mục. Dân đinh ngồi nhà dưới còn bạch đinh không được ngồi mà phải chạy vặt phục vụ các tầng lớp trên cùng với những người làng gọi là mõ. Đó là sinh hoạt ở đình làng, nơi tập trung tiêu biểu nhất của sinh hoạt làng xã.

Sinh hoạt dòng họ đóng vai trò rất quan trọng trong xã hội nông thôn Việt Nam nói chung và Đà Nẵng, Hoà Vang nói riêng. Trong dòng họ có phân nhiều chi, nhánh và điều hành theo thứ bậc. Trưởng họ là người điều hành công việc của họ thông qua các trưởng nhánh. Các trưởng nhánh phải phục tùng trưởng họ và nhánh dưới phải phục tùng nhánh trên.

2. Cấu trúc dân cư

Cũng như những làng xã truyền thống của Việt Nam nói chung, cấu trúc cư dân ở nông thôn Đà Nẵng khá đơn giản, chỉ có 2 giai cấp chính là nông dân và địa chủ phong kiến. Trong làng có dân chính cư và ngụ cư.

Nhưng khi Pháp chiếm được Đà Nẵng, du nhập phương thức kinh tế tư bản để khai thác thì cấu trúc cư dân có biến đổi, xuất hiện một cấu trúc cư dân mới trong nông thôn. Đà Nẵng gồm cư dân người Việt và một số ít người Hoa. Trong cư dân

www.thuvien247.net

người Việt có địa chủ, nông dân, tiểu thương, thợ thủ công và công nhân nông nghiệp. Một điểm đáng lưu ý trong cấu trúc cư dân là địa chủ rất ít và ít có địa chủ lớn. Nông dân thì đại bộ phận là trung nông và bần nông (người có đủ ruộng hoặc ít ruộng cày cấy), hạng cố nông bạch đinh rất ít.

Mỗi bộ phận cư dân có nghề nghiệp và điều kiện sống khác nhau.

Bộ phận người Hoa chuyên làm kinh tế, buôn bán, sống giàu có.

Bộ phận địa chủ bóc lột nông dân bằng địa tô. Họ giàu có, là tầng lớp có thế lực, sống sung sướng.

Tầng lớp tiểu thương kinh tế khá giả, sống đầy đủ hơn nông dân, nhưng họ vẫn là người lao động.

Nông dân có 3 hạng:

Hạng trung nông là các hộ có kinh tế trung bình, đảm bảo cuộc sống gia đình, không phải làm thuê cho địa chủ, phú nông.

Hạng bần nông là các hộ có ruộng cày cấy nhưng không đủ, phải làm thuê thêm ruộng đất của địa chủ, hoặc làm thuê theo thời vụ.

Hạng cuối cùng là cố nông, là những hộ không có ruộng đất, chuyên đi làm thuê làm mướn quanh năm. Hạng này rất ít. Đa số nông dân Đà Nẵng thuộc hạng trung, bần nông.

Sự xâm lược của Pháp cũng làm biến đổi mâu thuẫn cơ bản trong nông thôn Đà Nẵng. Bên cạnh mâu thuẫn cơ bản đã có giữa nông dân với địa chủ phong kiến, đã xuất hiện mâu thuẫn mới: giữa nhân dân với thực dân Pháp.

Tình làng nghĩa xóm có thể liên kết các tầng lớp cư dân lại với nhau để giải quyết công việc chung của làng xã như lễ hội, cúng tế thành hoàng. Song điều kiện hành nghề, điều kiện

www.thuvien247.net

sống khác nhau, khoảng cách giàu nghèo và địa vị xã hội khác nhau luôn là những vấn đề làm phát sinh mâu thuẫn giữa các tầng lớp cư dân. Song mâu thuẫn này không quyết liệt. Ngay cả mâu thuẫn đối kháng giữa nông dân với địa chủ cũng ít gay gắt vì không có đại địa chủ, chỉ có tiểu địa chủ. Nói cách khác là trong cấu trúc cư dân của nông thôn Đà Nẵng, đối tượng bị cách mạng dân tộc dân chủ đánh đổ chỉ có địa chủ Pháp. Địa chủ người Việt là đối tượng cần lôi kéo và cải tạo.

Đời sống cư dân nông thôn Đà Nẵng nói chung, phải chịu thân phận của người dân mất nước. Thuế má, phu phen tạp dịch liên miên. Hai thứ thuế đè nặng lên mọi tầng lớp cư dân là thuế đinh, thuế điền. Thuế điền đánh theo hạng đất. Tại Hòa Vang có 172 mẫu ruộng (1900) chia thành 4 hạng:

Hạng nhất:	13 mẫu, thuế	19$50
Hạng nhì:	84 mẫu, thuế	100$80
Hạng ba:	54 mẫu, thuế	43$20
Hạng tư:	21 mẫu, thuế	12$60
Cộng:	172 mẫu, thuế	176$60[1]

Như vậy, trung bình hơn 1đ trên 1 mẫu. Mức thuế này tương đương với 1ha đất có thu hoa lợi của người Việt trong nhượng địa Đà Nẵng những năm 1913 - 1922. Lúc đó người Việt trong nhượng địa đóng thuế hoa lợi 1.000ha đất bằng 1.000$ (tiền Đông Dương)[2].

Thứ thuế thứ hai là thuế đinh đánh vào sự tồn tại của con người. Đàn ông từ 18 tuổi trở lên phải đóng thuế. Ngoài thuế đinh, thuế điền còn nhiều thứ thuế khác, rồi sưu dịch liên miên. Thiên tai, dịch bệnh, năng suất lúa thấp. Tất cả đã đẩy

---

[1] *Tờ trình năm Thành Thái thứ 12 (1900).* Theo Dương Tuấn Kiệt. Tlđd, tr. 4.

[2] *Annuaire statstique de l'Indochine 1913 - 1929.* IDEO 1931, tr. 209.

www.thuvien247.net

người nông dân vào cảnh thiếu, đói quanh năm, "1 hạt cơm cõng 5 lát sắn". Quần áo không đủ mặc, quanh năm quần đùi áo cộc, hoặc cởi trần.

3. Sinh hoạt kinh tế

Giống như mọi miền nông thôn Việt Nam, sinh hoạt kinh tế ở nông thôn Đà Nẵng có các loại hình như trồng trọt, chăn nuôi, thủ công nghiệp, thương nghiệp - dịch vụ, đánh bắt hải sản. Trong đó kinh tế trồng trọt, đánh bắt là chủ yếu, chăn nuôi phục vụ cho nông nghiệp, thủ công nghiệp là nghề phụ gia đình lúc nông nhàn. Hoạt động thương nghiệp diễn ra ở các chợ làng, chợ huyện để giải quyết nhu cầu trao đổi hàng hóa của địa phương.

- Hoạt động nông nghiệp

Ruộng đất ở Hòa Vang gồm hai loại: ruộng công và ruộng tư. Nhưng ruộng công ngày càng ít bởi nạn kiêm tính ruộng đất diễn ra trầm trọng. Ruộng ngày càng tập trung vào tay địa chủ dưới nhiều hình thức: trừ nợ, mua vào khi nông dân khó khăn phải bán, hoặc làng xã trích làm lộc điền. Bởi vậy có nơi hơn 60% ruộng đất nằm trong tay địa chủ[1]. Với cách sử dụng đất công làng xã như vậy, ruộng tư cứ tăng lên, ruộng công cứ giảm dần. Chẳng hạn, ở Hoà Phong cánh đồng tốt nhất, rộng nhất là cánh đồng Quan thì địa chủ, quan lại chiếm gần hết. Nhà Hiên Bình và Thập Út chiếm 28 mẫu; Thủ Luật chiếm 10-15 mẫu. Triều đình lấy 28 mẫu ruộng ở cánh đồng Quan cấp cho chánh Tam phẩm đại phu Bình Thuận trấn Phạm Hưng Nhượng, 22 mẫu cấp cho đại thần Nguyễn Tấn. Như vậy

---

[1] Đảng uy xã Hòa Phong: *Hòa Phong lịch sử đấu tranh cách mạng 1930-1954*, tr. 15, 14.

www.thuvien247.net

trên một cánh đồng, ba địa chủ, hai quan lại đã chiếm gần 90 mẫu ruộng. Ngoài ra các làng còn trích ruộng công trả lương cho các chức sắc trong làng. Lý trưởng, ngũ hương được cấp từ 1 đến 2 sào. Mỗi họ được cấp 2 sào cày cấy để lo cúng tế ở đình hàng năm, chủ bái ở đình được cấp 1 sào. Người giữ đập nước được cấp 1 sào. Riêng làng Bồ Bản, theo châu bản thời Gia Long, làng này có 260 mẫu, trong đó 1/2 ruộng công, 1/2 ruộng tư, nhưng đến năm 1900, theo tờ trình của làng Bồ Bản công điền chỉ còn 83 mẫu[1].

Với số ruộng công ít ỏi, bình quân mỗi suất đinh (đàn ông từ 18 tuổi trở lên) được chia 2 sào ruộng. Họ bắt thăm để nhận ruộng. Nhưng khi tổ chức bắt thăm thì các chức sắc trong làng rút thăm trước, dân đinh rút sau nên bằng thủ thuật gian lận, các chức sắc nhận được hết ruộng tốt.

Nguyên tắc chia ruộng công, phụ nữ không được chia, hoặc người được chia không có con trai thừa kế thì sau khi qua đời ruộng công sẽ bị thu hồi.

Ruộng đất công làng xã ở Đà Nẵng còn bị thực dân Pháp chiếm đoạt rất nhiều. Chính sách ruộng đất của Pháp là "bán đấu giá đất đô thị, còn đất nông nghiệp thì cấp không cho người Pháp hoặc quốc tịch Pháp có đơn xin". Tình hình chiếm hữu ruộng đất nói trên dẫn đến kết cục ruộng đất tập trung vào tay địa chủ, tư sản Pháp, khiến cho nông dân thiếu ruộng đất trầm trọng.

Một năm nông dân làm hai vụ lúa. Trong hai vụ lúa có vụ ngắn ngày 3 tháng, gọi là lúa 3 trăng. Giống lúa ngắn ngày cấy tháng chạp, gặt tháng 3. Vụ này năng suất thấp, từ 10-15 ang một sào, tương đương với khoảng 8 tạ đến 12 tạ/ha. Vụ

---

[1] Dương Tuấn Kiệt. *Một số nét về Hòa Phong trước cách mạng tháng Tám 1945*, bản viết tay, tháng 8.2003.

www.thuvien247.net

dài ngày từ 5 đến 6 tháng, cấy tháng 3 gặt tháng 8, giống lúa gồm lúa đúc, lúa chùm, lúa nhe, lúa mận, lúa Đồng Nai, lúa nước mặn, lúa trì trì. Các giống lúa này năng suất cao hơn, từ 15-20 ang/ 1 sào, tương đương khoảng 7,5 tạ đến 10 tạ/sào. Đây là năng suất lúa của Hoà Vang, tương đương với năng suất lúa các tỉnh Trung Kỳ. Nhưng với những làng trong nhượng địa Đà Nẵng thì năng suất lúa rất thấp, có lúc thấp đến mức chỉ đạt trong khoảng 1 tạ/ha.

Ngoài các giống lúa nói trên, nông dân còn cấy các loại lúa nếp: nếp hương, nếp râu, nếp bầu, nếp mèo, nếp Huế để làm bánh trong các dịp lễ tết.

Để phục vụ việc cấy lúa, công việc thủy lợi là hàng đầu. Kinh nghiệm sản xuất "nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống" được nông dân triệt để vận dụng vào sản xuất nông nghiệp. Ngoài nguồn nước trời cho mùa vụ, nông dân đắp đập, kênh mương dẫn nước về ruộng đồng.

Kỹ thuật canh tác của nông dân rất thô sơ. Người nông dân sản xuất độc canh cây lúa hoặc cây sắn, cây khoai. Công cụ lao động vẫn là cày, cuốc từ ngàn xưa để lại. Sức kéo là trâu, bò. Những nhà nào không có trâu bò, không có tiền thuê thì phải dùng sức người kéo cày. Đối với hộ nông dân nghèo không có cày, bừa, không có sức kéo thì làm ruộng đơn giản và nặng nề nhất là cuốc bằng tay, cuốc cả ngày cả đêm (đêm có trăng) để có ruộng cấy. Cuốc xong dẫn nước vào lại phải dẫm đất thay bừa. Công cụ tát nước của nông dân là gàu sòng, gàu dây. Nhưng việc lấy nước vào ruộng bằng tát gàu dây rất khó khăn. Máng để tát nước thì ít, có lúc nhiều hộ phải tát chung một máng rồi chia nước vào từng ruộng theo tuần hương. Chẳng hạn ở Hòa Phong cả cánh đồng Giữa và cánh đồng Sau rộng hơn 100 mẫu chỉ có hai máng nước, nên có lúc 4 gàu dây tát chung 1 máng, 5-10

www.thuvien247.net

gàu sòng tát một máng và phải theo dõi tuần hương để đưa nước về từng hộ. Kiểu lấy nước này kéo dài đến tận sau Cách mạng tháng Tám[1]. Ngoài tát nước bằng gàu, phương tiện thủy lợi ở Hòa Vang còn có các loại xe đạp nước, do trâu kéo hoặc người đạp guồng bằng chân.

Người nông dân Đà Nẵng chăm sóc lúa bằng phân hữu cơ cổ truyền gồm phân chuồng, phân xanh (lá cây ủ cho thối) hoặc tro bếp, làm cỏ, diệt sâu. Trừ sâu bằng kinh nghiệm dân gian: lấy những lá cây có chất độc như lá thầu dầu (sầu đông), cây ngải, thuốc lá ngâm vào nước cho lá rã ra, lấy nước đó tưới cho lúa, hoa màu. Đơn giản hơn là băm lá tươi, rồi rắc vào ruộng lúa trừ sâu. Làm cỏ bằng tay và bằng cào sắt. Các loại phân hóa học, thuốc trừ sâu, diệt cỏ chưa được sử dụng.

Mùa vụ thu hoạch hoàn toàn thủ công, gặt lúa bằng giằng (hái), vận chuyển về nhà bằng quang gánh, dùng chân chà xát lấy hạt, hoặc dùng trâu, bò dẫm cho lúa rụng. Dùng cào để cào rơm riêng, hạt riêng. Tiếp đó là quạt rác, lúa lép để làm sạch lúa.

Toàn bộ các công đoạn trong sản xuất nông nghiệp đều thô sơ lạc hậu, phụ thuộc vào thiên nhiên. Mưa thuận, gió hòa thì được mùa, hạn hán, lụt lội thì mất mùa. Phương thức canh tác vẫn là "cày sâu, cuốc bẫm" truyền thống, chưa có gì thay đổi.

Ngoài cây lúa là cây lương thực chính, Hòa Vang còn nhiều cây lương thực, thực phẩm khác: bắp, khoai, sắn, đậu, mè, đậu phụng. Các loại rau đậu: đậu xanh, đậu nành, đậu quyên, bầu bí, khổ qua, rau cải... Vùng bán sơn địa có cây lâu năm như mít, xoài...

---

[1] Dương Tuấn Kiệt. Tlđd.

www.thuvien247.net

Một điều đáng lưu ý là ngay từ đầu thế kỷ XX, khi địa chủ tư sản Pháp chiếm đất lập đồn điền, sản xuất nông sản hàng hóa thì phương thức kinh doanh tư bản chủ nghĩa bắt đầu xâm nhập vào nông thôn Đà Nẵng như đồn điền trồng chè, cà phê... tạo ra sự đổi mới trong nông thôn. Đó là sự xuất hiện những công nhân nông nghiệp và những cây trồng mới, làm phong phú thêm cơ cấu cây trồng ở Đà Nẵng.

Chăn nuôi là nhu cầu thiết yếu của nhà nông, giải quyết một phần nhu cầu thực phẩm và chủ yếu là nhu cầu lấy phân bón ruộng. Nhưng trâu bò ở Hòa Vang nuôi rất ít, chỉ ở những gia đình địa chủ, trung nông. Nhiều gia đình nông dân nuôi heo và gia cầm trong vườn nhà. Nguồn thực phẩm để chăn nuôi chỉ là rau cỏ, rơm rạ. Bởi vậy, năng suất rất thấp. Con heo phải nuôi hàng năm mới được 30-40 kilôgam.

Đà Nẵng có một số làng làm nghề biển, đánh bắt hải sản. Riêng khu vực phía Đông sông Hàn có 7 làng xã sống bằng nghề đánh cá. Đó là các xã An Hải, Mỹ Khê, Phước Tường, Mỹ Thị, Tân An, Nam An, Hóa Khuê. Công cụ đi biển là ghe, lưới cào, lưới quét. Một gia đình ngư dân không đủ sức mua sắm một bộ đồ nghề. Do đó nghề đi biển đòi hỏi cả làng phải chung lưng đấu cật, chung vốn sắm ghe lưới, chung sức đánh bắt trên biển, bám biển để nuôi sống cả làng.

Cuộc sống của dân các làng chài ven biển hoàn toàn phụ thuộc vào việc đánh bắt hàng ngày nên rất bấp bênh. Những ngày thời tiết thuận lợi đi biển được thì có thu nhập. Những ngày giông bão, sóng lớn không đi biển, cả làng đói. Trong ký ức của người cao tuổi vẫn còn hằn sâu hình ảnh khốn khổ, rách rưới của ngư dân một thời: với làng biển Mỹ Khê: "Người dân không kể sớm khuya, mùa đông giá rét, mùa hè thiêu đốt, với cái "vòng tre" (áo tơi) quanh người, mảnh vải che thân, đi thụt lùi, ngày ngày, tháng tháng, năm

www.thuvien247.net

năm, với mảnh lưới thô, với thúng chai, ghe lưới quét, bám biển, bám bờ, vào lộng ra khơi, đánh từng con cá nhỏ, nuôi sống gia đình, phát triển dòng họ"[1]. Với làng Mỹ Thị ven sông Hàn: "Gia cư Mỹ Thị có chừng 40 nóc nhà mà toàn là nhà tranh cả, sinh sống bằng nghề nông, ăn cơm vay, cày ruộng rẽ, treo lưỡi giăng là hết lúa, nói chi đến chuyện học. Đa phần còn lại là dân ở ghe, hành nghề chài lưới, đánh bắt cá, có số làm cũng đủ ăn, có ghe nợ nần lung tung chồng chất, khó mà vươn lên theo kịp bên Hàn. Họ ở luôn trên ghe kể cả hai mùa mưa nắng, chỉ những khi xuân kỳ, thu tế (rằm tháng ba, rằm tháng bảy), dân làng mới tập trung về kính cúng tại đình làng chừng hai ngày mỗi đợt rồi đi"[2]. Đời sống của nông dân các làng thuần nông như Cẩm Toại, Tuý Loan, An Tân, Bồ Bản cũng chẳng khá hơn được bao nhiêu: "Đói quanh năm chạy ăn từng bữa, những năm hạn hán mất mùa, đói mờ mắt, gió nam thổi kiệt ba ngày, khoai lang khô cũng hết lúa vay cũng không còn"[3].

- Hoạt động thủ công nghiệp

+ *Nghề rèn*: Do nhu cầu công cụ lao động và sinh hoạt, cứ 3 - 4 làng có 1 lò rèn. Các lò rèn sản xuất ra cày, cuốc, dao, rựa. Tổng An Phước có nhiều làng có lò rèn, như các làng: La Châu, Phú Sơn, Hương Lam, Túy Loan, Khương Mỹ, Đông Vinh, Hậu Vực, Nam Thành... Trong nghề rèn đã xuất hiện một số nghệ nhân nổi tiếng như Huỳnh Hiến ở làng Lỗ Giáo.

---

[1] Hồi ức của ông Nguyễn Như Trinh (hiện ở tại phường Phước Mỹ), trong tài liệu đánh máy *Hương phong Mỹ Khê* do chính ông soạn.

[2] Hồi ức của ông Đào Ngọc Châu về giành chính quyền ở Mỹ Thị trong Cách mạng tháng Tám năm 1945, do Võ Văn Hoè ghi, in trong *Nhớ mãi mùa thu cách mạng*, Ban Tuyên giáo Thành uỷ Đà Nẵng xuất bản năm 2000, tr. 382.

[3] Hồi ức của ông Dương Tuấn Kiệt ở xã Hoà Phong.

www.thuvien247.net

+ *Nghề mộc*: Mỗi làng có vài người, chuyên làm nhà, đóng bàn ghế, giường tủ. Nhu cầu này chưa phổ biến, chỉ xuất hiện ở bộ phận trung lưu, thượng lưu, nên vài làng hình thành một nhóm thợ, có thợ cả điều hành.

+ *Nghề thợ nề*: Trong sự phân hóa giai cấp ở nông thôn, có một số chức sắc, quan viên, địa chủ, trung nông có kinh tế khá hơn có nhu cầu làm nhà gạch, nên hình thành những nhóm thợ xây. Họ đi xây từ làng này qua làng khác.

+ *Nghề chế tác đá*: Đây là một nghề thủ công nổi tiếng của dân làng Quán Khái. Lúc đầu chỉ chế tác những đồ gia dụng dùng trong gia đình, về sau nghề phát triển dần, tiến đến làm đá xây lăng mộ, khắc bia, làm trụ biểu, bình phong, mặt bàn bằng đá, đồ thờ ở đình làng, chùa chiền. Đến đầu thế kỷ XIX cả làng có khoảng 15-20 gia đình hành nghề. Sản phẩm làm ra đã đạt đến độ tinh xảo như làm tượng người, tượng thú, đồ mỹ nghệ... và đã tiến lên nhuộm đá, không chỉ sử dụng đá hoa cương mà còn làm cả trên chất liệu đá sa thạch. Sản phẩm thủ công này có mặt khắp mọi miền đất nước. Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX đã xuất hiện những nghệ nhân như Huỳnh Bá Triêm làm được bộ khay trà bằng đá vân đỏ, được Triều đình Huế phong hàm cửu phẩm, nghệ nhân Huỳnh Đàn là người đầu tiên tạc tượng sư tử.

+ *Nghề đun gạch* có ở các làng An Tân, La Châu.

+ *Nghề dệt chiếu* ở làng Cẩm Nê.

+ *Nghề làm nước mắm* ở Nam Ô.

+ *Nghề sơn tràng (thợ rừng)* ở những làng phía Tây huyện Hoà Vang, của những người chuyên vào rừng khai thác gỗ.

+ *Nghề nấu đường thủ công* có ở một số làng như An Tân, Khương Mỹ, Nam Thành.

www.thuvien247.net

+ *Nghề nhuộm*: Người làm nghề này rất ít, nhưng có gia đình hành nghề gia truyền đời này qua đời khác. Nguyên liệu là lá chàm, ngâm ra nước màu xanh chàm để nhuộm. Lá bàng, rễ sim cũng được chế thành thuốc nhuộm.

Tuy có một số nghề thủ công hoạt động như vậy, nhưng bấy giờ chưa có làng nghề. Các gia đình thợ vẫn sống bằng nghề nông là chính.

- Hoạt động thương nghiệp

Ở nhượng địa Đà Nẵng, cả hai chợ: Chợ Hàn và chợ Hải Châu tiếp tục hoạt động, ở Hòa Vang có hệ thống chợ làng, chợ huyện hoạt động thường xuyên. Chợ huyện duy nhất là chợ Mới (còn gọi là chợ Thuận Nam).

Trong số các chợ, hoạt động mạnh hơn cả có chợ Túy Loan. Đây là một trung tâm buôn bán lớn của Hòa Vang. Cuối thế kỷ XIX tại chợ này có đến 19 hộ người Hoa và 8 hộ người Việt kinh doanh chuyên nghiệp. Chợ họp thường xuyên vào buổi sáng, các cửa hàng, cửa hiệu thì hoạt động cả ngày. Các thuyền buôn từ Tam Kỳ ra, từ Thanh Hóa, Huế vào, từ Hội An lên, trao đổi mua bán hàng hóa giữa các miền, có ngày có đến chục ghe thuyền tới buôn bán. Hàng hóa bao gồm tất cả mọi nhu yếu phẩm như vải vóc, dầu đèn, đồ ăn, các loại nông-lâm thổ sản: cau, chè, thịt, cá, mắm, muối, rau quả, da trâu, đường, lúa gạo, song mây v.v... Trong đó có những mặt hàng từ chợ Túy Loan đưa đi bán các nơi khác thành hàng buôn chuyến như buôn cau và da trâu.

Hàng hóa từ nơi khác đưa đến Túy Loan tiêu thụ rất nhiều. Người ta buôn đường từ các lò nấu thủ công, từ La Thọ (Điện Bàn) về chợ Túy Loan bán lại. Vải, lụa, thao, đũi cũng được thương nhân mua từ chợ Bảo An, Xuân Đài (Điện Bàn) đưa đến; lụa, soi từ Thừa Thiên đưa vào.

www.thuvien247.net

Chợ Túy Loan có một điểm đáng chú ý là vừa đậm nét chợ làng bởi hàng hóa nông lâm sản của nó, vừa có dáng dấp chợ phố thị vì có nhiều thương nhân hoạt động chuyên nghiệp, lại có tính chất của một chợ vùng bởi thị trường khá rộng của nó.

Đầu thế kỷ XX, xuất hiện chợ Am Bà. Chợ này họp ở lưng chừng trên núi Chúa. Hàng hóa được chở từ đồng bằng lên đáp ứng nhu cầu của các cư dân mới: phu làm đường, binh lính, thợ xây dựng. Hình thức trao đổi hàng giữa miền đồng bằng và miền núi Hòa Vang diễn ra khá phổ biến. Một số người chuyên chở mắm, muối, chiếu, vải, cá v.v... lên miền núi đổi lấy bắp, sắn, song, mây đem về xuôi.

Hoạt động của các chợ quê đi vào ổn định khi chính quyền địa phương thu thuế môn bài. Tức là có các hộ kinh doanh chuyên nghiệp kiểu như hiệu buôn bán của Hoa kiều và người Việt ở chợ Túy Loan. Các địa phương đã tăng vai trò tổ chức họp chợ qua việc thu thuế chợ, đánh vào tất cả mọi sản phẩm đem đến tiêu thụ ở chợ, để tăng thu nhập cho địa phương, thúc đẩy lưu thông hàng hóa giữa các vùng miền, góp phần thúc đẩy kinh tế hàng hóa phát triển trong nông thôn Đà Nẵng.

Có thể hình dung bức tranh kinh tế nông thôn Đà Nẵng là sự kết hợp chặt chẽ giữa hoạt động nông nghiệp với thủ công nghiệp và thương nghiệp. Sự kết hợp đó đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt ở địa phương. Trong đó hoạt động nông nghiệp giữ vai trò chủ đạo. Thương nghiệp chưa phát triển mạnh, vẫn là chợ làng, chợ huyện trao đổi theo phiên. Chưa thành ngành kinh tế độc lập thu hút một bộ phận cư dân chuyên hoạt động thương nghiệp. Dân Hòa Vang vẫn sống chủ yếu bằng nghề nông, nghề biển, gian lao vất vả vật lộn với thiên nhiên đảm bảo cuộc sống hàng ngày:

www.thuvien247.net

"Sáng lên núi thắm củi than
Chiều về biển cả đào hang bắt còng"

Bởi vậy kinh tế nông thôn Đà Nẵng vẫn đậm nét tự cung tự cấp, mặc dù đã có yếu tố kinh tế tư bản xuất hiện. Đây là tình trạng chung của kinh tế làng xã Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám 1945, chứ không chỉ riêng Đà Nẵng.

4. Văn hóa, giáo dục

Trước sự du nhập của văn hóa phương Tây, nông thôn Đà Nẵng vẫn bảo tồn được nền văn hóa cổ truyền lâu đời của dân tộc, thể hiện qua các phong tục tập quán, tín ngưỡng, văn hóa dân gian, nhà ở, ăn mặc...

- Về văn hóa vật chất

Văn hóa vật chất thể hiện qua cấu trúc nhà ở, ăn, mặc... Nhà ở trong nông thôn Đà Nẵng chủ yếu là nhà tranh vách đất. Nhà được xây dựng theo kiến trúc cổ truyền. Chỉ có đình làng, chùa chiền và một số nhà giàu có xây dựng nhà ngói, hoặc nhà rường. Như làng Bồ Bản trong số hơn 100 hộ đã có hơn hai chục nhà ngói, nhưng hầu hết trong số đó là các hạng chức sắc trong làng: hàng hương chức có 8 người; hàng xã có 4 người; hàng cửu phẩm có 2 người; hàng thủ có 3 người; hàng ông chánh có 2 người, và một vài trường hợp khác[1]. Tuy nhiên, cũng có một số làng nghèo số nhà ngói rất ít, như làng Mỹ Khê đến năm 1913 mới xây được một ngôi đình làng bằng ngói, năm 1922 mới có được một ngôi nhà ngói đầu tiên, và phải 10 năm sau nữa mới có thêm một ngôi từ đường lợp ngói[2].

---

[1] Khảo sát của ông Dương Tuấn Kiệt, hiện ở xã Hoà Phong, huyện Hoà Vang.

[2] Theo lời kể của ông Nguyễn Như Trinh hiện ở phường Phước Mỹ, quận Sơn Trà.

www.thuvien247.net

Về mặc, người nông dân mặc quần áo bằng vải thô nhuộm chàm, nhuộm nâu. Hàng ngày chỉ mặc đồ xấu, rách rưới, thậm chí ở trần. Song, cũng có một bộ tử tế để mặc vào dịp hội hè, lễ tết. Người giàu có ăn mặc đẹp hơn, vải tốt hơn (vải phin sợi nhỏ). Hàng chức sắc mặc vải the, lụa, thao, đũi. Mùa đông giá lạnh, ngủ không có chăn màn, chỉ đắp chiếu. Dân quê chỉ đi chân đất, không có giày dép, đội nón lá, áo tơi. Mãi đến giữa những năm 20 của thế kỷ XX mới có một vài nhà giàu có sắm được xe đạp.

Ăn uống của người dân khá dân dã như mít trộn, măng trộn mè, mì Quảng, bánh tráng dập, thức chấm có nước mắm, mắm cái.

Văn học dân gian có những câu:

- Ai về nhắn với bạn nguồn,
Mít non gởi xuống, cá chuồn gởi lên.
- Chiều chiều ra đứng ngõ sau,
Thấy em kho mắm luộc rau mà thèm.
- Nhớ hồi cá trích y con,
Thịt heo xắt khúc, lòng còn ước mơ.

Ngày tết, giỗ chạp người dân làm nhiều loại bánh: bánh ít, bánh gai, bánh tét, bánh tổ, bánh nậm, bánh gói, bánh in, bánh khô.

- Về văn hóa tinh thần

Cũng như mọi địa phương khác trong cả nước, người dân Đà Nẵng giữ tục thờ cúng tổ tiên, thờ thành hoàng và thờ tiền hiền. Nhà nào cũng có bàn thờ gia tiên đặt ở gian chính giữa ngôi nhà cho con cháu tưởng nhớ công đức của tổ tiên, để kế thừa và phát triển.

Đình làng nào cũng thờ thành hoàng, đền miếu thờ các tiền hiền. Các văn chỉ La Châu, Cẩm Toại, Túy Loan, Dương

www.thuvien247.net

Lâm thờ Khổng Tử. Một số nơi có đền thờ Quan Công, Lưu Bị, miếu thờ bà Thủy, thờ cô hồn...Cư dân ven biển lập lăng Ông, lăng Bà thờ các tôn thần cầu mong được che chở, tránh nguy hiểm khi đi biển. Một số nơi thờ các nữ thần Champa, biểu hiện của sự giao thoa văn hóa Việt - Chăm.

Tang lễ ở nông thôn Đà Nẵng cũng giống nhiều địa phương khác, có tính mê tín. Gia đình có người chết phải nhờ thầy địa xem huyệt mộ và lấy quẻ ngày tốt, giờ tốt để thực hiện các bước khâm liệm, nhập án, phục tang, tế lễ.

Với tục cưới xin, cũng giống như cả nước, một cuộc hôn nhân trải qua 6 bước (6 lễ): Nạp thái (dạm ngõ), Vấn danh (lễ hỏi), Nạp cát (thăm chơi), Nạp trưng (đính hôn), Thỉnh kỳ (xin cưới), Thân nghinh (thành hôn).

Tổng quan về phong tục ở Hoà Vang, sách *Đồng Khánh dư địa chí* viết: Hàng năm lấy tháng 8 làm hội tế ở đình, gọi là tế kỳ. Hàng năm lấy quý đầu mở hội cúng ở chùa gọi là cúng Phật. Tiết Đoan dương thì làm lễ cúng ở nhà (tục gọi là ăn mồng Năm). Tháng 12 thì họp họ sửa sang mồ mả tổ tiên. Trừ tịch (đêm ba mươi Tết) bày cúng ở nhà, đốt pháo nổ vang, các nhà đều cắm cây nêu đầu ngõ gọi là ngày tết đón tổ tiên. Sau ngày mồng một tết thì thường ngày đều cúng tế, áo quần sạch sẽ, qua lại với nhau, gọi là chúc mừng năm mới. Cứ như vậy trong 3 ngày thì thôi. Các lễ tang ma cưới xin cũng đều tuỳ theo lực từng nhà, nhưng hôn lễ thì phần nhiều là đi ở rể, mà chỉ một số ít người làm được lễ đón dâu. Đến như các lễ chúc mừng, nhà có lực thì ra làm lễ ở đình làng hoặc làm tại nhà, làm xôi giết vật cúng, kết lá làm nhà rạp để nhảy múa diễn kịch làm vui để tạ ơn thần, gọi là lễ hoàn nguyện (hoàn tất nguyện vọng). Đại khái các nơi đều giống nhau như thế"[1]

---

[1] Viện Nghiên cứu Hán Nôm - E'cole Française d' Extrême- Orient: Đồng Khánh địa dư chí (bản dịch của Ngô Đức Thọ, Nguyễn Văn Nguyên, Philippe Papin).

www.thuvien247.net

Văn hóa dân gian ở Đà Nẵng bao gồm nhiều loại hình. Trong nông thôn Đà Nẵng người dân sáng tác và lưu truyền các câu ca dao, bài chòi, hát bội, hò khoan. Hát bội (hát tuồng) được tổ chức trong các ngày lễ hội. Lễ hội dân gian là hình thức sinh hoạt văn hóa thu hút đông đảo người tham dự. Có thể kể được khá nhiều lễ hội ở các làng, như lễ hội mục đồng ở làng Phong Lệ mang đậm màu sắc văn hoá nông nghiệp diễn ra vào khoảng cuối tháng 3 đầu tháng 4 âm lịch, cứ 3 năm tổ chức một lần; lễ hạ điền, lễ cơm mới ở làng nào cũng có. Lễ hội rước thần nông ở xã Hóa Châu, tổ chức 3 năm một lần. Lễ hội rước hến ở làng Đông Hòa, tổ chức vào tháng giêng hàng năm. Lễ đấu vật ở Gián Đông; lễ hội cầu ngư (cúng cá Ông) gắn liền với đời sống của nhân dân các làng ven biển Nam Ô, Thanh Khê, Xuân Hà, Thuận Phước, Mân Thái, Phước Mỹ, Cẩm Chán. Hội đua thuyền ở Cẩm Lệ, tổ chức vào ngày 25 tháng Giêng. Tất cả các lễ hội đều có chung một ý tưởng là cầu mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt để cuộc sống ấm no và để nhân dân giải tỏa nỗi nhọc nhằn, hướng đến cuộc sống tinh thần ấm áp hơn.

Nhân dân Hòa Vang theo các tôn giáo khá phổ biến ở Việt Nam là Phật giáo, Thiên chúa giáo.

Phật giáo có hệ thống chùa ở nhiều nơi. Nhà chùa có phần ruộng sản xuất để lo việc hương đèn.

Thiên chúa giáo xây dựng một số nhà thờ làm nơi hành lễ: nhà thờ Lệ Sơn, nhà thờ An Ngãi Đông, An Ngãi Tây, nhà thờ Phú Thượng, Tùng Sơn...

Tuy các tôn giáo đã hoạt động ở Hòa Vang, nhưng số tín đồ không nhiều.

- Giáo dục

Nhân dân Hòa Vang sớm có truyền thống hiếu học và khuyến học. Khuyến học được khuyến khích sâu rộng trong

www.thuvien247.net

tộc họ, làng xóm. Làng hoặc tộc họ có ruộng nhiều thì cấp để nuôi thầy dạy cho con em mình. Cũng có làng ruộng công nhiều được đem trích một ít cho người đỗ đạt canh tác lấy hoa lợi. Đến khi người sau đỗ cao hơn người trước thì phần ruộng đó lại đem giao cho người sau thụ hưởng. Tính đến năm 1905, về Nho học huyện Hoà Vang có 52 tú tài, 14 cử nhân, 1 tiến sĩ, 1 cống sinh, 2 tòng tinh ấm sinh (có nhiều trường hợp về sau thuộc huyện Đại Lộc). Nhiều người thể hiện tinh thần kiên trì với khoa cử, như trường hợp ông Lâm Hữu Chánh người xã Cẩm Toại trước sau có đến 7 lần đỗ tú tài, xã Quan Nam có ông Trần Nhật Tinh đỗ 4 khoa và ông Phạm Văn Tuấn đỗ 3 khoa tú tài[1]. Người đỗ tiến sĩ là Đỗ Thúc Tịnh.

Sang đầu thế kỷ XX, nhiều người theo học quốc ngữ và mở trường dạy quốc ngữ, tiêu biểu là trường tiểu học An Phước. Đây là trường dạy quốc ngữ đầu tiên của Hòa Vang. Tiền thân của trường tiểu học An Phước là trường Cẩm Toại do ông Tú Lâm Hữu Mẫn (ông này thi đỗ 2 khoa tú tài, con của ông Lâm Hữu Chánh), vốn là một Bang tá tỉnh vụ của Nghĩa hội Quảng Nam đứng ra thành lập vào năm 1888. Học trò của trường không chỉ là con em làng Cẩm Toại mà cả các làng La Châu, Hương Lam lân cận. Chương trình học là chữ nho cho trẻ em và cả những người lớn tuổi, không thu tiền học vì mục đích cốt nhằm việc nghĩa. Trong phong trào Duy tân đầu thế kỷ XX, khắp nơi lập trường tân học[2]. Ở các làng như Túy Loan, Hương Lam, Phú Sơn, An Tân, Bồ Bản đều có mở lớp ở nhà riêng. Đến năm 1912 trường An Phước đã có học sinh đỗ bằng tuyển sanh. Năm 1915 trường này có khoảng 50 - 60 học sinh.

---

[1] *Hoà Vang huyện chí*. Tlđd.

[2] Nội dung giảng dạy và hoạt động của các trường này sẽ đề cập cụ thể trong mục viết về phong trào Duy Tân.

www.thuvien247.net

Cả huyện Hòa Vang chỉ có một trường tiểu học như vậy chứng tỏ tình trạng giáo dục kém phát triển. Đó chính là kết quả của chính sách giáo dục của Pháp ở thuộc địa: thực hiện ngu dân đối với số đông dân chúng để dễ thống trị.

Nhìn tổng quát bộ mặt nông thôn Đà Nẵng, thấy rõ cảnh trái ngược với đô thị về sự đầu tư của Nhà nước thực dân và mức độ phát triển xã hội. Trong khi Đà Nẵng được đầu tư để xây dựng thành thành phố thương mại lớn nhất miền Trung với cuộc sống đô thị náo nhiệt, đông đúc trên một hạ tầng hiện đại cho quan chức và các tư sản Pháp thì trái lại, vùng nông thôn của người Việt, nhà nước thực dân hầu như "bỏ quên", không đầu tư cho phát triển.

Câu ca địa phương nói lên sự cách biệt chỉ hai bên bờ một con sông Hàn:

Đứng bên tê Hàn ngó bên ni Hà Thân thấy nước xanh như tàu lá,

Đứng bên ni Hà Thân ngó sang bên tê Hàn phố xá nghênh ngang.

III. CÁC PHONG TRÀO YÊU NƯỚC ĐẦU THẾ KỶ XX

1. Phong trào Duy tân, Đông du

Sau khi phong trào Cần Vương lắng xuống, phong trào yêu nước ở Đà Nẵng diễn ra dưới một hình thức mới, có tính ôn hòa.

Nổi bật lên trong khoảng thời gian này là cuộc đấu tranh của nhân dân làng Nghi An chống bọn thực dân Pháp cướp đất lập đồn điền. Dựa vào một Nghị định ký năm 1899 của chính quyền thực dân cho phép khai thác các nhàn điền (đất bỏ hoang) ở Trung Kỳ, các tên thực dân đua nhau làm đơn xin

www.thuvien247.net

"nhượng đất" tại Hoà Vang, trong đó có Bujon Philippe đang ở Paris. Đơn của Bujon Philippe được Khâm sứ Trung Kỳ Luce chấp thuận ngày 6/12/1902, nhượng cho một lô đất 50 ha nằm cuối chân núi Phước Tường, thuộc địa phận làng Nghi An. Y uỷ nhiệm cho tên chủ kho bạc Đà Nẵng Gravelle đem dân phu lên chiếm ngọn đồi Nghi An khai đất trồng cà phê. Hành động cướp đất này bị nhân dân Nghi An phản đối kịch liệt. Người đứng ra chỉ huy cuộc đấu tranh là Thái Phiên. Ông có tên ban đầu là Thái Văn Soạn, biệt hiệu Nam Xương, sinh năm 1882 tại làng Nghi An (nay thuộc xã Hoà Phát). Lúc nhỏ học chữ Hán, nhưng vì người cha bị bọn Pháp đóng đồn ở địa phương áp chế, lại ngôn ngữ bất đồng không thể đầu lý được bèn cho ông chuyển sang học chữ Pháp và thụ giáo với một thầy kiện người Việt. Với vốn tiếng Pháp đã học được tại trường Pháp - Việt ở Đà Nẵng và đã thực hành khi làm thư ký thương chánh ở Hiệp Hòa (Tam Kỳ), một mặt Thái Phiên giúp dân làng của mình viết đơn kiện lên tận Phủ Toàn quyền Đông Dương, một mặt ông huy động nhân dân kéo lên đồi trực diện đấu tranh không cho chúng đào hố trồng cà phê, mỗi hố vừa mới đào liền có một người dân nhảy xuống ngồi, và thẳng thừng tuyên bố bắt trói ngay tức khắc tên Pháp nào còn dám đào thêm. Vụ tranh chấp này kéo dài suốt 3 năm, cuối cùng tên chủ kho bạc đành phải trả lại đất cho dân làng Nghi An.

Sang đầu thế kỷ XX, công cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp càng được đẩy mạnh, làm cho xã hội Việt Nam có những biến đổi trong cơ cấu kinh tế, chính trị, xã hội. Giữa lúc đó thì tin tức về cuộc chính biến năm Mậu Tuất 1898 ở Trung Hoa, rồi Nhật Bản nhờ duy tân tự cường đã chiến thắng được Nga hoàng trong cuộc chiến tranh Nga - Nhật năm 1905, cùng những tân thư (sách mới) chứa đựng những kiến thức mới, nhất là những tư tưởng mới của các nhà tư tưởng dân chủ tư sản Phương Tây như *Dân ước*

www.thuvien247.net

luận của J.J Rousseau. *Vạn pháp tinh lý* của Montesquier và những tân văn là những tờ *Thời vụ báo*, *Thanh Nghị báo*, *Tân dân tùng báo* đăng tải những bài vở của các nhà duy tân Trung Quốc như Lương Khải Siêu, Khang Hữu Vi cũng dồn dập chuyển vào Đà Nẵng, Hội An rồi lần lượt chuyển về nông thôn, tác động mạnh mẽ đến các sĩ phu yêu nước bấy giờ. Cũng qua đó, nó ảnh hưởng đến tính chất cuộc đấu tranh diễn ra trong những năm đầu thế kỷ XX, mà Quảng Nam là nơi khởi phát của 2 phong trào: Phong trào Duy tân do Phan Châu Trinh khởi xướng và việc thành lập Duy tân hội ở sơn trang Nam Thạnh[1] của Tiểu La Nguyễn Thành vào tháng 5/1904 với chủ trương bạo động đánh Pháp, dẫn đến công cuộc Đông du đưa học sinh sang Nhật học nhằm chuẩn bị nhân tài cho việc khôi phục nền độc lập và kiến thiết nước nhà. Chủ trương này do Nguyễn Thành khởi xướng với Phan Bội Châu.

Phong trào Duy tân là một cuộc vận động cải cách trên các mặt văn hóa, xã hội, kinh tế, với các nội dung chủ yếu được đúc gọn trong khẩu hiệu 9 chữ là "khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh".

Trong hàng ngũ những nhà lãnh đạo phong trào, ngoài Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng là bộ ba lãnh đạo chung, Lê Cơ, Phan Thúc Duyện là những nhà thực hành cải cách, phải kể đến Lê Bá Trinh ở Đà Nẵng cũng là một người có vai trò quan trọng. Lê Bá Trinh tự là Hàn Hải, vốn quê làng Hải Châu. Ông thi đỗ Cử nhân năm 1900 (lúc 22 tuổi), nhưng chỉ ở nhà kết giao cùng các nhà khoa bảng có tư tưởng thức thời, nhận lãnh trách nhiệm cổ xúy cho phong trào duy tân tại địa phương mình. Không chỉ giữ một vai trò quan trọng cổ súy duy tân ở Quảng Nam, Lê Bá Trinh

[1] Nay thuộc xã Bình Quý, huyện Thăng Bình.

www.thuvien247.net

còn liên lạc với các sĩ phu cùng chí hướng ở những tỉnh khác. Khi Trần Chánh Chiếu đứng ra hô hào thực hiện duy tân ở Nam kỳ, Lê Bá Trinh có thư từ trao đổi chủ trương, kinh nghiệm với nhà thực hành cải cách này[1].

Nội dung diễn thuyết cổ động cho phong trào Duy tân của các sĩ phu nhằm vào bài xích khoa cử, kêu gọi mở trường tân học dạy theo lối mới, bài trừ hủ tục, bỏ tính xa hoa, cắt tóc ngắn, mặc đồ ngắn, ăn ở hợp vệ sinh, bỏ cờ bạc rượu chè, những tệ cưới xin quá lãng phí, đơm cúng quá linh đình, và kích thích tinh thần tự tôn dân tộc trong nhân dân, kêu gọi mọi người bỏ vốn ra làm ăn chung, vỡ hoang trồng các loại cây có giá trị kinh tế, lập các xưởng thủ công, dùng hàng nội hoá... Những hoạt động này của các ông tác động mạnh mẽ đến nhận thức của nhân dân bấy giờ, còn chính quyền thực dân thì hết sức lo lắng. Trong mật báo lên cấp trên số 167, ngày 7/11/1907, viên Công sứ Quảng Nam Charles nhận định rằng, nội dung những cuộc vận động của các nhà cải cách "chính là một cuộc chiến đấu chống lại ảnh hưởng và quyền lực của nước Pháp mà họ phát động, và khi họ tấn công vào quan lại thì họ không chỉ nhằm vào những kẻ tham nhũng (mà ở nước nào, bộ máy cai trị nào cũng có) mà họ nhằm vào những kẻ phục vụ cho nước Pháp là chính. Và khi tấn công những người này thì chính họ nhằm vào chúng ta"[2]. Đối với chủ trương lập hội thương của Lê Bá Trinh và Phan Thúc Duyện, Nguyễn Đình Tán thì Charles báo cáo rằng: "Tuy nhiên tôi phải báo cáo hành động của một nhóm nhà nho đã

---

[1] Phạm Long Điền: *Vai trò của Nông cổ mín đàm trong phong trào duy tân miền Nam*. Giai phẩm Bách khoa, số 24/3/1975. Dẫn theo Lê Thị Kinh: *Phan Châu Trinh qua những tài liệu mới*. Q1, T1. Nxb Đà Nẵng, 2001, tr. 228.

[2] Dẫn theo Lê Thị Kinh: *Phan Châu Trinh qua những tài liệu mới*. Nxb Đà Nẵng, 2001. Q1. T1. tr. 48.

www.thuvien247.net

lợi dụng danh nghĩa để theo đuổi một mục đích tôi chưa xác định rõ ràng nhưng thấy đến lúc nào đó sẽ tạo ra cho chúng ta những khó khăn lớn nếu chúng ta không chú ý đề phòng"[1].

Về giáo dục, đến nay chúng ta mới biết một số trường tân học ở Hòa Vang. Ngoài trường dạy chữ nho và quốc ngữ của Lê Bá Trinh mở tại làng Quán Khái dưới chân Ngũ Hành Sơn cho học trò trong làng và các làng lân cận, còn có trường Vân Dương do Tú tài Lê Quang Vĩ mở[2] và một số làng khác như Lỗ Giáng, Cẩm Toại. Khương Mỹ, An Tân, Túy Loan, Bồ Bản cũng có trường[3]. Nổi bật hơn cả là trường Cẩm Toại do ông Lâm Hữu Mẫn giao lại cho con trai là ông Lâm Quang Tự phụ trách.

Nội dung và chương trình giảng dạy của trường Cẩm Toại cũng giống như các trường tân học khác trong huyện, trong tỉnh. Cùng với học chữ Hán, học sinh được học chữ quốc ngữ và những môn học khác như toán, sử ký, địa dư, vẽ, các môn cách trí (khoa học thường thức). Sách vở bấy giờ chưa có nhiều, chủ yếu là các sách như *Bác vật chí* viết về các môn khoa học thường thức như gió, mưa, sấm chớp... *Dinh hoàn chí lược* là một cuốn sách viết về địa lý thế giới của Trung quốc, *Đại Nam nhất thống chí* của Quốc sử quán triều Nguyễn viết về địa lý và nhân vật của các tỉnh, cùng những bài vè, bài ca do các nhà nho tham gia phong trào sáng tác. Trong các buổi học, học sinh được giáo viên giáo dục cho ý thức trọng thực nghiệp, có tinh thần yêu nước, chí hướng tự lập tự cường để đi đến giành lại độc lập cho nước nhà. Học trò trường Cẩm Toại còn

---

[1] Sđd, tr. 53.

[2] Đảng bộ huyện Hòa Vang - Ban Sưu tầm lịch sử: *Lịch sử đấu tranh cách mạng huyện Hòa Vang 1928 - 1954*. Nxb Đà Nẵng, 1985, tr. 30. Tú tài Lê Quang Vĩ sinh năm 1880, mất ngày 24/8/1950.

[3] Theo sách: *Hòa Phong, lịch sử đấu tranh cách mạng 1930 - 1945*. Đảng uỷ xã Hòa Phong xuất bản năm 1996, tr. 29.

www.thuvien247.net

được học những môn thủ công như đan rổ rá, làm xe đạp nước, đóng cối xay lúa, lại có luyện tập thể dục. Lịch học của trường cũng theo phương châm chung "thả học thả canh" của tất cả các trường duy tân trong tỉnh Quảng Nam, tức là tập trung dạy vào những lúc nông nhàn, nghỉ vào những ngày mùa để lo việc gặt hái. Ngoài giờ dạy của thầy giáo, nhà trường còn tổ chức những buổi bình văn, diễn thuyết tuyên truyền tư tưởng dân chủ, dân quyền cho nhân dân.

Về việc lập Nông hội, ở Hòa Vang có mấy cơ sở mà hiện nay chúng ta biết được là nông hội tại vùng Lâm Viên - Hậu Vực, nông hội tại Đồng Xanh - Đồng Nghệ và nông hội Yến Nê.

Sau khi giao trường lại cho con, ông Lâm Hữu Mẫn tập họp một số thanh niên các làng của tổng An Phước lên vùng Đồng Xanh, Đồng Nghệ và Lâm Viên - Hậu Vực tổ chức khai hoang trồng các loại cây ngũ cốc như sắn, khoai, bắp, đậu. Diện tích của nông hội Lâm Viên - Hậu Vực khá rộng, đến 10 ha. Thực chất của việc lập nông hội này, tuy có làm kinh tế nhưng nội dung bên trong là "dĩ nông hợp quần" (lấy việc lập nông hội để tập họp nhau lại cùng lo việc nước).

Nông hội tại Yến Nê[1] diện tích ước hơn hai mẫu, ở giữa các vùng Hà Thanh, Quang Châu, Dương Sơn, do các ông Trần Quý Cáp, Nguyễn Đình Tán, Phan Thúc Duyện, Lê Bá Trinh, Hồ Thanh Vân, Trần Huỳnh Sách sau khi thấy khai khẩn làm sở rẫy Cờ Vĩ (vùng tây Quế Sơn hiện nay) quá xa xôi, lại phải nơi nước độc, bèn quay về Hòa Vang lập nông hội này. Chủ trương này được lý hương sở tại hưởng ứng tự ý cắt một phần đất và một số người khá giả thức thời bỏ tiền ra mua hiến cho phong trào. Người có công nhiều ban đầu là ông Học

[1] Nay thuộc xã Hòa Tiến, huyện Hòa Vang.

www.thuvien247.net

Băng[1]. Trần Quý Cáp là người chỉ đạo chung, các ông Học Băng, Tú Diêu, Hương Bung nhận trách nhiệm trực tiếp quản trị. Nông hội trồng sắn, khoai, bắp, có cả cây dương liễu dọc theo hai bờ sông Yên[2].

Chính tại nông hội Yến Nê này, Trần Quý Cáp đã viết bài *Khuyến nông ca* với tất cả niềm hân hoan về một tương lai gần của nông hội, qua đó khuyến khích mọi người chăm lo nông tang:

Mặc dầu ta nông phố vẫn phong lưu
Xuân rồi hạ, hạ rồi thu
Mía đương tơ, dâu đứng trái, lúa con gái, bắp chân chàng.
...
Nói chi nữa đến ngày hoa vụ
Gà lộn, cu quay, xôi vò, rượu hũ
Vui cùng nhau ăn cơm mới, nói chuyện xưa!
Khi Lịch Sơn, lúc Tân Giả cày bừa
Nghĩ cho hết biết bao mùi kinh tế[3].

Về mặt xã hội, công cuộc duy tân đã tạo nên một phong khí mới, nó đã cải biến được bộ mặt xã hội ở nhiều làng xã của Hòa Vang, tạo nên một nếp sống thuần phong mỹ tục. Một số làng xã đã đưa những nội dung tiến bộ vào trong hương ước của làng xã mình.

Chẳng hạn, bản hương ước của làng Lỗ Giáp lập trong thời gian này có những khoản như sau:

- Tiết giảm chi tiêu, phù phiếm, xa xỉ trong việc cúng tế ma chay, cưới hỏi, tiệc tùng.

---

[1] Ông Học Băng quê làng Quan Châu, là cha vợ Thái Phiên.

[2] Nguyễn Văn Xuân: *Phong trào Duy tân*. Nxb Đà Nẵng, 1995, tr. 161.

[3] Chữ "kinh tế" ở đây có nghĩa là kinh bang tế thế.

www.thuvien247.net

- Lập quỹ để trợ giúp đội tuần sương có điều kiện tuần tra canh gác bảo vệ mùa màng ngoài đồng, trật tự an ninh trong khu dân cư.

- Lập quỹ công cộng cho vay nhẹ lãi để nông dân có vốn sản xuất, giúp nhân dân khi thiên tai hoả hoạn, hạn hán mất mùa đói kém xảy ra.

- Nghiêm cấm trộm cắp, cờ bạc, rượu chè be bét, cấm hút thuốc phiện, mại dâm, bài trừ mê tín dị đoan, đồng bóng, bói toán, đốt vàng mã.

- Nhà có đám tang, dân làng tự nguyện đến giúp đỡ mai táng mà không đòi hỏi ăn uống hay trả công.

- Không được đánh lộn, la chửi, mọi xích mích trong cộng đồng dân cư do hương chức của làng giải quyết.

- Không được thả trâu bò đến ăn bờ ruộng lúa, hoa màu, không được bắt cá cạn, đơm đó bờ ruộng.

- Không được trồng hoa màu trên mồ mả hoặc cuốc xén phần đất sát mồ mả để canh tác.

- Khu dân cư nhà vườn ở gần nhau thì trồng cây cao không quá 3 mét để không làm ảnh hưởng đến việc canh tác của phần đất nhà bên cạnh, hễ cây ngã về vườn khác phải chặt bỏ.

- Cấm tảo hôn, cha mẹ gia đình không được ép buộc con cái lập gia đình trước tuổi thành niên. Hôn nhân giảm xuống còn 3 lễ thay vì 6 lễ như xưa.

- Đường công hương (đường làng) được mở rộng cho việc chuyên chở đi lại, không được tự tiện làm máng sòng tát nước, trổ nước qua đường làm xói lở gây trở ngại giao thông. Hằng năm sau mùa mưa lụt hoặc gần tết Nguyên đán làng huy động dân tu bổ đường sá.

- Tái thiết đình làng và nhà thờ tiền hiền[1].

---

[1] Dẫn theo Hồ Tấn Tuấn: *Làng Lỗ Giáng*. Tạp chí *Văn nghệ dân gian Đất Quảng*, số 1-2002, tr. 21-22.

www.thuvien247.net

Những nội dung trên cho thấy công cuộc duy tân đã đem lại những ích lợi thiết thực cho nhân dân. Cũng tại xã Lỗ Giáng, cho đến năm 1932, tức hơn 20 năm sau, nhân dân còn dựng bia ghi nhớ những kết quả của công cuộc cải cách một thời ở địa phương mình. Nội dung văn bia cho biết, nhân dân trong xã đã cải biến bộ mặt xã hội ở địa phương, bước đầu thu được kết quả đáng khích lệ, như mở thêm trường lớp đào tạo nhân tài, xây dựng nghĩa địa, làm thêm đường sá, tổ chức canh phòng ngăn ngừa trộm cướp, mở nguồn khai thác tài nguyên, tăng thêm công quỹ, thực hành tiết kiệm, bỏ mọi hủ tục v.v..., được Triều đình ban tặng sắc khen ngợi.

Mặt khác, công cuộc duy tân đã tác động mạnh mẽ đến nhận thức của nhân dân bấy giờ, nó làm cho người dân ý thức được dân chủ, dân quyền để rồi đưa đến một hệ quả là phong trào chống sưu cao thuế nặng nổ ra vào năm 1908.

Cũng cùng trong thời gian diễn ra phong trào Duy tân còn có phong trào Đông du. Tuy nhiên, chúng ta hiện có quá ít những tư liệu rạch ròi về phong trào này ở Hòa Vang - Đà Nẵng. Hơn nữa, nhiều yếu nhân của phong trào Duy tân lại cũng là những người ủng hộ phong trào Đông du của Phan Bội Châu, như Trần Huỳnh Sách cho biết mục đích việc lập nông hội Yến Nê là "để lấy hoa lợi tiếp tế cho anh em du học"[1], và Lê Bá Trinh cũng là người quyên góp tiền bạc ủng hộ du học sinh[2]. Trong phong trào này, Thái Phiên là một nhân vật có mặt ngay từ những ngày đầu lập Duy tân

---

[1] Nguyễn Văn Xuân. Sđd, tr. 159.

[2] Nguyễn Thế Anh: *Phong trào chống thuế miền Trung năm 1908 qua các châu bản triều Duy Tân*. Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh Niên xuất bản, 1973, tr. 150.

www.thuvien247.net

hội. Sau khi Nguyễn Thành và Châu Thượng Văn bị bắt trong phong trào chống thuế, Thái Phiên đảm nhận nhiệm vụ lo tài chính cho những người Đông du và giữ liên lạc với Phan Bội Châu.

Đà Nẵng là một hải cảng, nhiều tàu thuyền các nước đến buôn bán nên trở thành một địa điểm xuất dương cho những chiến sĩ Đông du. Ở "nhượng địa" Đà Nẵng có một người nhiệt tâm ám trợ phong trào là ông Châu Chế (tức Châu Thành) người làng Nại Hiên Đông, vốn là "một nhà cựu học, tính tình cương trực và liêm khiết, lại hiếu hỷ ít ai bì... các nhà ái quốc trong Nam ra, ngoài Bắc vào đều lấy chỗ nhà ông Châu Thành và cụ Lê Bá Trinh làm căn cứ". Ông Châu Chế đã giúp cho Duy tân hội đưa nhiều thanh niên Đông du, chuyển tiền bạc cuả những người ám trợ ở các tỉnh miền Trung sang Nhật cho Phan Bội Châu, và cũng đã có lần định giúp cho Trần Quý Cáp xuất dương sang Nhật[1].

2. Phong trào chống thuế

Chế độ sưu thuế của thực dân Pháp và Nam triều ở Trung Kỳ hết sức nặng nề đối với người dân. Từ năm 1898 trở đi thực dân Pháp tổ chức đo đạc phân hạng lại ruộng đất, thống kê dân số để tiện bề bóc lột sưu thuế. Ngoài thuế đinh, thuế điền chúng còn đặt ra rất nhiều thứ thuế khác, như thuế chợ, thuế rượu, thuế kiểm lâm, thuế muối, thuế thuốc lá..., mà biểu thuế mỗi năm lại một tăng. Theo Dụ ngày 14/8/1898 thì ruộng đất ở Trung kỳ chia ra làm 4 hạng: hạng nhất 1$50/1mẫu/1năm; hạng nhì 1$20/1mẫu/1năm; hạng ba 0$80; hạng tư 0$60. Đất chia làm 6 hạng: hạng nhất 1$50; nhì 0$70; ba 0$50; tư 0$40; năm 0$20; sáu 0$10. Đất dùng

[1] Dẫn theo Nguyễn Văn Xuân: *Phong trào Duy tân*. Nxb Đà Nẵng, 1995, tr. 92, 93

www.thuvien247.net

để ở xếp vào hạng thứ sáu và cũng tính đồng niên trên một mẫu ta (0.4970 ha).

Thuế đinh và lao dịch rất nặng nề. Số tiền thuế trong một năm đối với một tráng đinh tương đương với giá một tạ gạo bấy giờ. Từ năm 1904 trở đi, mỗi người dân ngoài tiền thuế đinh còn phải chịu 10 ngày đi xâu. Cái nạn xâu dịch hà khắc này luôn luôn là nỗi ám ảnh, hãi hùng đối với người dân. Tuy theo Nghị định ngày 1/1/1908 của Toàn quyền Đông Dương là 10 ngày, nhưng trên thực tế nếu tính tất cả các loại dịch, nào đón rước quan Pháp, quan Nam, tu bổ đường sá, khiêng vác hàng hóa... thì trong một năm họ phải bỏ mùa vụ đi phục dịch hết 5, 6 tháng: tạp dịch vừa xong, tiếp theo là quan dịch, quan dịch xong lại đến hương dịch, hương dịch xong lại có lệnh đến cố dịch (dịch trả nợ cũ). Đã thế, họ lại còn phải chịu bao tệ trạng khác do xâu dịch gây ra. Chỉ riêng bọn quan lục lộ (công chánh) cũng đã gây sách nhiễu rất nhiều. Nhân dân Hòa Vang càng kiệt sức vì đây là huyện giáp với "nhượng địa" Đà Nẵng, có nhiều biệt thự và đồn điền của bọn quan Pháp nên luôn bị chúng bắt đi mở và tu bổ các con đường. Hết đi làm xâu mở đường lại tiếp đến đi xâu đào nối sông Vu Gia với sông Cẩm Lệ khiến cho nhân dân kiệt quệ. Trong *Đông Dương chính trị luận*, Phan Châu Trinh tố cáo: việc đào nối sông Vu Gia với sông Cẩm Lệ thì "quan hệ đến nhân mạng cả tỉnh, đến nay người Việt còn thù ghét đến tận xương tủy. Như ở miền nguồn nơi giáp giới ba huyện Đại Lộc, Diên Phước, Hòa Vang mười năm trước có đào một con kênh từ Đại Lộc chảy thông qua sông Cẩm Lệ (Hòa Vang). Khi mới khởi công từ đầu nguồn đã hủy hoại vô số ruộng vườn, nhà cửa của nhân dân, còn mồ mả của người nghèo dời đi không kịp đều bị đào lên... Trong 2, 3 năm liền như thế, công dịch rất nhiều, nhân dân đồ thán, oán trách xôn xao đây

www.thuvien247.net

đó. Vả lại những nơi vừa kể là nơi thâm sơn chướng khí, nước độc vô cùng, nhân dân vì thế bị chết vô số"[1]. Trong *Bản án chế độ thực dân Pháp*, Nguyễn Ái Quốc cũng lên tiếng "Công việc làm các con đường đi Đà Nẵng, đi Trấn Ninh và đi Lào còn để lại cho mọi người biết bao kỷ niệm đau đớn. Dân phu phải đi bộ hàng trăm ki lô mét mới đến công trường. Đến nơi, họ phải chui rúc trong những túp lều tranh thảm hại. Không có mảy may vệ sinh, không có tổ chức y tế. Trên đường không trạm nghỉ chân, không nhà tạm trú. Họ chỉ được một suất cơm ăn không đủ no với một chút cá khô và phải uống nước bẩn, thứ nước khe núi mà họ rất sợ. Bệnh hoạn, cực nhọc, hành hạ tồi tệ gây nên chết chóc khủng khiếp"[2].

Nỗi khổ về xâu thuế đã hằn sâu vào cuộc sống của người dân, hằn sâu vào câu hát, lời ru:

- Kể từ ngày Tây lại, Sứ sang,
Đi xâu, nộp thuế, làm đàng khổ thân.
- Chiều chiều mây phủ Hải Vân,
Chim kêu gành đá gẫm thân lại buồn,
Canh chầy hạt lụy nhỏ tuôn,
Sưu cao thuế nặng thiếp bán buôn đỡ chàng.

Cái thảm trạng thuế khóa ngày một tăng, công xâu ngày một nặng đã gây cho người dân nỗi phẫn uất thì việc làm con đường 14 từ Hòa Vang, Đại Lộc lên Bến Giằng cực nhọc, lại phải tên lãnh binh Điềm gian ác càng làm cho sự phẫn uất đó đến lúc nước đã tràn ly, dẫn đến cuộc kháng sưu, cự thuế trong tháng 3 năm 1908.

---

[1] Dẫn theo Nguyễn Q. Thắng: *Phan Châu Trinh, cuộc đời và tác phẩm*. Nxb Văn học, 1992, tr. 199-200.

[2] Nguyễn Ái Quốc: *Bản án chế độ thực dân Pháp*. Nxb Sự Thật. H, 1985. tr. 93.

www.thuvien247.net

Tuy nhiên, cuộc vận động chống thuế vốn đã được tiến hành từ trước đó. Các ông Lê Bá Trinh, Ông Ích Đường là những người tích cực đi vận động nhân dân liên danh ký chỉ phản đối chế độ sưu thuế hà khắc. Gặp lúc ở các xã miền tây Đại Lộc, những nho sinh cũng bàn nhau làm đơn lấy chữ ký đưa lên huyện, xin quan huyện đề đạt đơn lên trên để được giảm bớt cho dân. Việc làm này được nhân dân hưởng ứng mạnh mẽ. Lúc này nhân dân các làng xã Hòa Vang cùng với số người đang làm xâu ở đoạn đường Túy Loan, Cẩm Toại liền hòa vào đoàn biểu tình. Ông Ích Đường dẫn đầu đoàn biểu tình đi lùng bắt tên Lãnh Điềm tại chợ Túy Loan, nhưng trước đó nửa giờ Lãnh Điềm đã bỏ trốn nên cuộc vây bắt không thành. Một cánh biểu tình khác do em ông Ông Ích Đường là Ông Ích Mắng dẫn đầu hòa cùng đoàn biểu tình của hai huyện Đại Lộc và Hòa Vang kéo xuống vây Tòa Công sứ Pháp tại Hội An rồi tiến đến vây dinh Tổng đốc Quảng Nam đòi giảm thuế thân và xâu dịch.

Tại Tòa sứ, viên Công sứ một mặt tìm cách thoái thác trả lời yêu sách của đoàn biểu tình, một mặt cấp báo ra Tòa Khâm sứ. Chúng cho lính khố xanh tại tỉnh bủa vây dùng roi, gậy, báng súng đánh đập đàn áp dã man những người biểu tình.

Những ngày sau đó, chúng điều thêm 220 lính từ Đà Nẵng, Huế, Quảng Bình, Nghệ An, Thanh Hóa vào đàn áp. Quân Pháp tỏa xuống các xã khủng bố nhân dân. Chúng triệt phá các cơ sở duy tân, bắt bớ những người yêu nước, chủ yếu là những người lãnh đạo công cuộc duy tân ở địa phương đưa xuống nhà lao Hội An giam giữ rồi bày đặt ra đủ thứ "tội trạng" để làm án. Rất nhiều người Hòa Vang bị bắt giam, kết án. Lê Bá Trinh bị xử trượng 100 (đánh 100 gậy), đày 3000 dặm ra Côn Đảo do là "người trong danh sắc" (có học vị) mà "rủ ký hợp thương, khuyến dụ cải trang, tụ hội diễn thuyết.

www.thuvien247.net

đồng thời cùng ký giấy tờ", và " đi các xã thôn dụ dỗ các đoàn lấy chữ ký, mà diễn thuyết tại các trường học trong hạt phần nhiều là lời cuồng nghịch bậy bạ". Lê Quang Vỹ bị kết tội không chịu đi hiểu thị (khuyên can dân) trong lúc nổ ra cuộc biểu tình. Tú tài Đỗ Tự bị tước phẩm hàm danh sắc, chịu sưu thuế do có tham gia Hội thương, diễn thuyết[1]. Gia đình họ Ông bị chúng trả thù nặng nhất. Ông Ích Mắng bị xử trượng 100 gậy, đày 3000 dặm, cải hạn khổ sai 9 năm, anh ông là Ông Ích Đường bị án chém do "khích biến lương dân" (kích động nhân dân chống thuế)[2]. Địch hành quyết Ông Ích Đường tại chợ Túy Loan trong lúc chợ đang đông để uy hiếp tinh thần dân chúng. Ông Ích Đường ung dung nói: "Dân nước Nam như cỏ cú, giết Đường này còn trăm nghìn Đường khác sẽ nổi lên. Bao giờ hết mía mới hết Đường!". Cái chết oanh liệt của người thanh niên yêu nước mới 18 tuổi, cháu nội danh tướng Ông Ích Khiêm, đã từng tháp tùng Phan Châu Trinh ra Bắc vận động duy tân, đến tận chiến khu Yên Thế gặp Hoàng Hoa Thám, đã từng ngày đêm luyện tập võ nghệ cho thanh niên trong vùng để chuẩn bị cho một cuộc quật khởi làm cho nhân dân vô cùng thương tiếc.

Khi Ông Ích Đường tuẫn nạn, ngay tại chợ Túy Loan nhiều người dân tự để tang ông, có người đang bán hàng xén ở chợ tự động xé cả gánh vải trắng của mình phát không cho

---

[1] Nguyễn Thế Anh: *Phong trào chống thuế miền Trung năm 1908 qua các châu bản triều Duy Tân*. Bộ Văn hóa giáo dục và Thanh niên xuất bản, 1973, tr. 43 - 46.

[2] Nguyễn Thế Anh. Sđd, tr. 37.

Có tài liệu ghi Ông Ích Mắng (Ông Ích Mén) bắt giết Chánh tổng Trần Quát, nhưng theo Châu bản triều Duy Tân thì những người giết Trần Quát là Nguyễn Cương, Nguyễn Dực và Phan Tham "thừa lúc hạt dân náo động, ban ngày ru đảng vây bắt phải viên nịch sát" (tức dìm nước cho chết).

www.thuvien247.net

những người tưởng niệm. Tên đao phủ chém ông trên đường về bị nhân dân đón đánh, về nhà ốm liền 3 tháng thì chết. Dân chúng xung quanh chợ Tuý Loan còn tự quyên tiền lập miếu thờ "Cậu Đường" với hai câu đối điếu để trước miếu: "Tinh thần thiên bất tử; Nghĩa khí thế trường sanh" (Tinh thần còn mãi mãi; Nghĩa khí sống đời đời), cùng với bài văn tế ca ngợi, xót thương:

Nhớ linh xưa, con nhà nghĩa sĩ, cháu bậc trung thần,

Từ thuở xưa ông giúp Nguyễn Triều, giữ lũy Bắc, dẹp giặc ngoài, tiếng tiết liệt dậy vang trời đất.

Đến sau lại cha phò Nghĩa hội, ngăn người Tây, trừ kẻ tà, trung trinh rung động quỷ thần.

....

Sống thương nước chết cùng thương nước, non sông kia dễ một khắc hững hờ.

Sống vì dân thác cũng vì dân, đồng hào ấy cứ một lòng thắm thiết...

Cuộc biểu tình chống xâu nhiều, thuế nặng của nông dân Hòa Vang nằm trong phong trào chung của cả tỉnh Quảng Nam, và tiếp đến nó lan ra cả Trung Kỳ.

3. Cuộc vận động khởi nghĩa của Thái Phiên và Trần Cao Vân

Sau khi phong trào chống xâu thuế bị đàn áp khốc liệt, "gây ra một cái án đại ngục trên lịch sử nước Nam thuở nay chưa từng có"[1], phong trào yêu nước ở Đà Nẵng cũng như cả Quảng Nam có lắng xuống một thời gian, nhưng các sĩ phu yêu nước không bị giặc bắt vẫn nuôi chí căm thù, ngấm ngầm

---

[1] Phan Thúc Duyện: *Thư gửi Bộ trưởng thuộc địa Pháp Reynaud*. Dẫn theo Tổng tập văn học Việt Nam. T21. Nxb KHXH. H. 1996. tr. 806.

www.thuvien247.net

chuẩn bị cho một cuộc quật khởi mới. Trong số đó có Thái Phiên, một yếu nhân của Duy tân hội đã tìm cách gây dựng lại phong trào ở Quảng Nam và liên lạc với các nhà yêu nước các tỉnh miền Trung. Về vai trò của Thái Phiên trong thời gian này, Phan Bội Châu ghi nhận: "Năm Dậu, năm Tuất (1909 - 1910) đảng ta ở trong nước đã cơ hồ không còn ai, chỉ còn một mình Nam Xương tiên sinh; nhưng đến lúc việc Duy Tân [khởi nghĩa năm 1916], tiên sinh lại là người trọng yếu ở trong đảng"[1]. Từ thất bại của chủ trương hoạt động công khai trong phong trào Duy tân, xu hướng cứu nước lúc này chuyển sang chuẩn bị lực lượng để bạo động giành chính quyền.

Đầu năm 1914, Thái Phiên mời Lê Ngung, một nhà yêu nước của Quảng Ngãi ra Đà Nẵng tổ chức một cuộc họp nhằm nghe báo cáo về chuyến đi sang Xiêm (Thái Lan) bắt liên lạc với Việt Nam Quang Phục hội[2] của các phái viên và thảo luận đường lối cách mạng, cùng những nhiệm vụ trước mắt. Khi được biết Việt Nam Quang Phục hội đã tan rã, những người dự họp quyết định "dứt khoát không trông chờ ỷ lại vào bên ngoài nữa, phải nhìn vào thực lực trong nước là chính"[3]. Sau cuộc họp, Thái Phiên và Hoàng Công Mậu nhận nhiệm vụ phát triển lực lượng ở Quảng Nam, đồng thời nhận gây tài chính cho tổ chức. Cuộc hội nghị ở Đà Nẵng là "một bước tiến quan trọng trong công tác vận động cách mạng ở Quảng Nam. Quảng Ngãi lúc bấy giờ vì nó đánh dấu bước chuyển biến tư tưởng của những người lãnh đạo biết nhìn vào

---

[1] Phan Bội Châu: Toàn tập. T6. Nxb Thuận Hoá, 1990, tr. 248

[2] Do Phan Bội Châu thành lập năm 1912.

[3] Lê Trọng Khánh, Đặng Huy Vận: *Cuộc khởi nghĩa của Việt Nam quang phục hội ở miền Nam Trung bộ năm 1916*. Nghiên cứu Lịch sử, số 22, tháng 1/1961, tr. 35.

www.thuvien247.net

thực lực trong nước là chính, do đó đặt được công tác cụ thể để tiến hành"[1].

Thái Phiên cũng liên lạc mời được Trần Cao Vân vừa ra tù tham gia phong trào. Từ đây, hai ông trở thành hai nhân vật chủ chốt trong cuộc vận động khởi nghĩa của toàn miền Trung.

Tại Hoà Vang quê hương của Thái Phiên, cuộc vận động diễn ra mạnh mẽ, nhất là khi một số sĩ phu của phong trào Duy tân bị bắt tù hết hạn trở về tham gia, như Lê Bá Trinh, Đỗ Tự, Lâm Nhĩ làm tăng thêm lực lượng lãnh đạo tại địa phương. Các đội nghĩa binh thành lập ngày một nhiều, cuộc vận động lạc quyên tiền bạc, rèn sắm vũ khí, may quân trang quân dụng càng sôi nổi.

Lúc này đang diễn ra cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất, mà Pháp là một nước tham chiến. Do đó, cuộc chiến tranh thế giới này tác động mạnh mẽ đối với Việt Nam. Ở Trung Kỳ, thực dân Pháp chỉ đạo cho Hội đồng Phụ chính Nam triều ra lời kêu gọi thanh niên Việt Nam tòng quân "giúp mẫu quốc dẹp tan Đức tặc" để rồi ngay sau đó chúng tập trung được 5000 lính chiến và hơn 13.000 lính thợ, tuyển lựa trong số hơn 60.000 thanh niên ở Trung Kỳ chuẩn bị đưa sang Pháp[2].

Một câu ca nói lên cảnh chia ly, tiễn biệt đầy oán hận này:

Bước lên tàu, tàu thổi xúp lê,
Khoác khăn xéo lại hiểu em về nuôi con.
Đầu hè có buồng chuối non,
Để dành xáo, ghế cho con qua ngày.

---

[1] Lê Trọng Khánh... Tlđd, tr. 35-36.

[2] Dương Kinh Quốc: *Việt Nam, những sự kiện lịch sử 1858-1918*, Nxb Giáo Dục, 1999, tr. 361, 362.

www.thuvien247.net

Bớ em ơi,
Ráng mà nuôi con chim chuyền cho biết liệng, biết bay,
Lỡ mai sau anh có thác, hắn giữ lấy ngày tiên linh.

Binh lính người Việt do đó trở thành một đối tượng quan tâm của những người vận động khởi nghĩa.

Đến cuối năm 1915 cuộc chiến tranh thế gới ngày càng trở nên quyết liệt. Lợi dụng lúc nước Pháp đang bị quân Đức vượt sông Seine tiến công ồ ạt vào Paris, Lê Ngung gởi thư cho Thái Phiên đề nghị chớp lấy thời cơ này để xúc tiến công việc khởi nghĩa: "Đức, Pháp khởi hấn chi nhật, tức Việt Nam độc lập chi thời!" (Ngày Đức, Pháp đánh nhau cũng là thời cơ độc lập của nước Việt Nam) và thúc giục: "Thời hồ, thời bất tái lai! Kim thời bất phấn cô trì hà thời?" (Thời là đây, thời đi không trở lại! Nay không khởi sự còn đợi đến bao giờ?). Tháng 9/1915 và tiếp đến tháng 2/1916 Thái Phiên triệu tập hai cuộc họp tại Huế để nắm tình hình chuẩn bị ở các tỉnh, tiếp tục phân công nhiệm vụ mới cho từng người. Quyết định mời vua Duy Tân tham gia cuộc khởi nghĩa để an lòng dân (Phụng kim thượng vi an dân cơ sở) và mật giao với Thiếu tá Harmandes người Đức đang chỉ huy quân Pháp ở đồn Mang Cá (Huế) làm nội ứng.

Trước cuộc họp lần hai ở Huế, những người lãnh đạo tại Quảng Nam gồm Thái Phiên, Trần Cao Vân, Phan Thành Tài, Đỗ Tự, Lâm Nhĩ, Lê Cơ... có một cuộc họp tại nhà Lâm Nhĩ ở Cẩm Toại. Cuộc họp được tổ chức dưới hình thức đi đám giỗ tại nhà ông Lâm Nhĩ để che mắt chính quyền sở tại. Ngay sau đó, các nhà yêu nước bí mật họp kín trên một chiếc đò dưới dòng sông Yên. Nội dung cuộc họp tập trung bàn bạc một số vấn đề sẽ đưa ra tại Hội nghị ở Huế lần hai, cử người đi giúp Thừa Thiên xúc tiến hơn nữa việc xây dựng lực lượng, phân

www.thuvien247.net

công người vận động lính khố xanh và 1.500 lính thợ Pháp mới tập trung đưa đến Đà Nẵng, ráo riết chuẩn bị lương thực, khí giới, các căn cứ sào huyệt và tổ chức thêm các đội dân binh. Hội nghị cũng bàn việc định cờ khởi nghĩa sẽ là 5 ngôi sao màu trắng quay quanh một vòng tròn trên nền đỏ. Hội nghị này còn quyết định thành lập Ban khởi nghĩa của Quảng Nam, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng người, trong đó có một số người quê Hòa Vang và Đà Nẵng:

- Đỗ Tự, Lê Văn Bính (tức Tú Bính, người Thạc Gián), Ông Văn Long (người Phong Bắc) nắm nghĩa quân đánh thành tỉnh Quảng Nam và liên lạc vận động 1500 lính thợ người Việt mà Pháp vừa mới mộ đóng ở Đà Nẵng.

- Lâm Nhĩ (người Cẩm Toại), Trần Ngọc Đạm (người Khuê Trung), Hồ Cẩm Vinh, Lê Tường (người Thạc Gián) đánh chiếm Cửa Hàn và tiếp nhận viện trợ vũ khí của Đức.

- Trong lúc khởi nghĩa, dân binh hai làng Nghi An và Phong Lệ sẽ chặt cây, lấy gỗ chặn đường ngăn quân Pháp từ Hội An ra.

- Nếu thất bại sẽ rút về phía tây chiếm vùng rừng núi Bà Nà hoặc lên sâu hơn ở vùng núi Phú Túc, dựa vào địa thế hiểm trở lập căn cứ làm hậu thuẫn cho những cuộc phản công.

Đến lúc này mọi công việc chuẩn bị khởi nghĩa ở Đà Nẵng cũng như cả Quảng Nam đã bước vào giai đoạn nước rút. Nhân dân được vận động đóng góp lúa gạo, tiền bạc, quân trang quân dụng cho nghĩa quân. Các thợ rèn được vận động lên vùng Đồng Xanh, Đồng Nghệ ngày đêm đỏ lửa rèn sắm vũ khí, chủ yếu là mã tấu. Công nhân các đồn điền Hòa An, Tùng Sơn được vận động đều sẵn sàng tham gia khởi nghĩa.

Tại Đà Nẵng, lực lượng khởi nghĩa xây dựng được 2 cơ sở quan trọng:

www.thuvien247.net

- Cơ sở sản xuất, đồng thời cũng là một trạm gác bí mật tại Cửa biển Sơn Trà do Ngô Thoại (quê Cẩm Lệ) phụ trách.

- Cơ sở tại truông Thầy Huệ ở làng Phú Sơn[1] do Xã Hiển phụ trách. Cơ sở này có chu vi ước chừng 15 mẫu, bên ngoài có lũy tre bao bọc, lại đào giao thông hào sâu, 4 góc có hầm rộng. Bên trong nghĩa quân tổ chức thao trường luyện tập. Dự định đến khi khởi nghĩa sẽ bắt quan binh Pháp đưa về giam giữ.

Tháng 2/1916 Thái Phiên lại mời các nhà yêu nước ra Huế. Hội nghị lần này chính thức bàn bạc và đi đến thống nhất những vấn đề trọng yếu nhất của cuộc khởi nghĩa.

Do tình thế bức bách, số lính mộ sắp phải xuống tàu sang Pháp nên các nhà lãnh đạo khởi nghĩa quyết định phải khởi nghĩa sớm hơn dự định. Theo kế hoạch mới, khi Thái Phiên và Trần Cao Vân phát lệnh khởi nghĩa tại Huế bằng súng thần công thì tại Huế lực lượng khởi nghĩa sẽ đánh chiếm những vị trí trọng yếu. Cùng lúc, khi nghe pháo lệnh ở Huế, tại đỉnh đèo Hải Vân các ông Phạm Tà, Phạm Hanh, Nguyễn Nồi người làng Xuân Thiều, nguyên là lính của trạm Nam Ô - Đồn Nhất trực sẵn sẽ đốt lửa báo hiệu cho Đà Nẵng. Đà Nẵng chuyền tiếp tín hiệu cho Quảng Nam. Quảng Nam sẽ truyền hiệu lệnh vào Quảng Ngãi và các tỉnh phía trong nhất loạt khởi nghĩa. Các tỉnh phía bắc Trung Kỳ cũng theo phương thức truyền hiệu lệnh này.

Nhưng do cuộc khởi nghĩa chuẩn bị chưa thật chín muồi, thời gian khởi nghĩa phải thay đổi nhiều lần dẫn đến bị động, kế hoạch khởi nghĩa đã bị lộ nên không có hiệu lệnh từ kinh thành. Vụ mưu khởi nghĩa đã thất bại. Tại Huế, Thái Phiên bị bắt cùng với vua Duy Tân, Trần Cao Vân. Thái

---

[1] Nay thuộc xã Hoà Khương

www.thuvien247.net

Phiên và Trần Cao Vân nhận lãnh hết trách nhiệm về mình. Hai ông bị xử chém tại làng Đốc Sơ (Huế) vào ngày 17/5/1916. Tại Đà Nẵng, các tốp nghĩa binh đã sẵn sàng trong tư thế chiến đấu nhưng vì không được hiệu lệnh khởi nghĩa nên phải tự giải tán. Các nhà yêu nước Đỗ Tự, Lâm Nhĩ, Lê Bá Trinh... bị địch bắt đày Lao Bảo. Nhiều người khác bị bắt giam tại nhà lao Quảng Nam. Trong số này có Nguyễn Đức Đạt (tức Thừa Ngung) uống thuốc độc tự vẫn tại nhà lao.

Tuy không thành, nhưng cuộc mưu khởi nghĩa này thể hiện sự tiếp nối truyền thống yêu nước, bất khuất của nhân dân ta. Trong đó có sự tham gia tích cực của nhân dân Hòa Vang - Đà Nẵng và vai trò chủ chốt của Thái Phiên.

Cảm kích sự hy sinh oanh liệt của Thái Phiên, Phan Bội Châu có bài thơ khóc ông. Trong có hai câu:

Chúng ta cũng vẫn giòng Hồng Lạc,
Xin hỏi Nam Xương được mấy ai?

www.thuvien247.net

Chương III

ĐÀ NẴNG TỪ CUỘC KHAI THÁC THUỘC ĐỊA LẦN THỨ HAI CỦA THỰC DÂN PHÁP ĐẾN KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1919 - 1945)

I. NHỮNG CHUYỂN BIẾN MỚI VỀ ĐỜI SỐNG CHÍNH TRỊ, KINH TẾ, XÃ HỘI, VĂN HOÁ

1. Những điều chỉnh mới trong chính sách cai trị của Pháp

Sau khi cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc, thực dân Pháp lại tiếp tục công cuộc khai thác đang dang dở của chúng ở thuộc địa (lịch sử gọi là cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai) mà lần này lại được thực hiện mạnh mẽ hơn lần thứ nhất. Nhưng để tiếp tục công cuộc khai thác này, Chính phủ Pháp đã có những điều chỉnh mới trong chính sách thuộc địa. Với riêng Đà Nẵng, chính quyền Pháp cũng có những điều chỉnh quan trọng.

Về mặt chính trị, trên phạm vi toàn xứ Đông Dương, Tổng thống Pháp ra sắc lệnh tổ chức lại Hội đồng thuộc địa tối cao. Ở Trung kỳ Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định phê chuẩn đạo dụ ngày 19/4/1920 về việc thành lập cái gọi là Hội đồng Tư vấn Trung Kỳ nhằm "giúp vua liên hệ được với nguyện vọng của dân chúng". Nhưng vai trò tư vấn này, trước

www.thuvien247.net

khi đưa những "nguyện vọng của dân chúng" ra Hội đồng bản bạc để đệ lên nhà vua đều phải được sự cho phép của viên Khâm sứ Pháp. Đến ngày 24/2/1926 Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định đổi tên Hội đồng này thành Viện Nhân dân đại biểu Trung kỳ, mà về thực chất thì như lời của vị Viện trưởng đầu tiên Huỳnh Thúc Kháng khi từ chức đã nói thẳng, đó chẳng qua là một "lớp tuồng nhân dân đại biểu dở mùa". Đối với đất "nhượng địa" Đà Nẵng, để mỵ dân, Toàn quyền Đông Dương cho mở rộng thành phần đại biểu người Việt trong Hội đồng thành phố; một số công chức người Việt được đưa vào bộ máy hành chính, được hưởng lương theo chế độ công chức người Pháp; khuyến khích người Việt vào quốc tịch Pháp, nhưng người vào ngạch dân Pháp phải có một số tài sản nhất định, có học vấn cao, phải nộp một số tiền trong ngân hàng Pháp..., khác với người dân nhượng địa chỉ là thuộc dân Pháp. Theo qui chế chính trị của nhượng địa còn cho phép người dân liên hệ trực tiếp với nhà cầm quyền Pháp không qua trung gian quan lại Nam Triều và được hưởng tất cả những quyền lợi bảo đảm liên quan tài phán của Pháp, nhằm củng cố chỗ dựa và cổ động cho thuyết "Pháp - Việt đề huề".

Ngày 20/1/1931 Quyền Toàn quyền Đông Dương Rene Robin ra Nghị định tổ chức lại Uỷ ban thành phố Đà Nẵng. Nghị định qui định Uỷ ban thành phố cũng gồm 7 người, trong đó có 5 người Pháp và 2 người Việt. Nhiệm kỳ của Uỷ ban 3 năm theo nhiệm kỳ của Đốc lý thành phố. Đốc lý có trách nhiệm phụ trách toàn bộ công việc hành chính của khu vực lãnh thổ Đà Nẵng, luật pháp, các chế định và thanh quyết toán ngân sách. Khi Đốc lý đi vắng, Phó chủ tịch Hội đồng thành phố sẽ điều hành công việc hành chính của thành phố. Nghị định còn nêu rõ và cụ thể tiêu chuẩn của các uỷ viên Uỷ ban thành phố phải là những địa chủ ở nhượng địa Pháp, những thương nhân có thuế môn bài và những công

www.thuvien247.net

dân danh tiếng. Những người khác các đối tượng trên thì phải có các điều kiện sau: tuổi đời dưới 25 tuổi, không là cá nhân đứng địa vị thầu khoán một công việc, hoặc nhân viên một công sở, không bị ràng buộc vào Hội đồng thành phố bởi một hợp đồng hành chính nào; được hưởng những quyền dân sự và chính trị. Những công việc của các uỷ viên uỷ ban không được trả lương[1].

Về tổ chức tư pháp, năm 1930 Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định bãi bỏ Toà hoà giải mở rộng, tái lập lại Toà án sơ thẩm.

Chính quyền Pháp cho lập ra nhà lao giam cầm những người nghi ngờ có hoạt động chống đối chính sách cai trị của chúng. Đồng thời tăng cường lực lượng quân đội, mật thám, cảnh sát. Sự có mặt của những lực lượng này, đặc biệt là những đơn vị chính quy của Pháp không chỉ làm cho giới quan chức mà cả giới tư sản Pháp lấy làm an tâm vì nó bảo vệ đắc lực cho quyền lợi của bọn thực dân tại đất "nhượng địa". Đó là lý do giải thích vì sao đến năm 1929, khi có sự điều động các đơn vị lính khố đỏ (lính người Việt) ở Bắc Kỳ vào Đà Nẵng thay cho lính chính quy Pháp chuyển ra đóng ở Huế thì giới thương gia Pháp ở Đà Nẵng đã phản ứng kịch liệt, chính quyền thực dân lại phải cho lính Pháp đóng ở Đà Nẵng như trước kia. Chính Bernus với tư cách đại diện Hội đồng thành phố về quyền lợi kinh tài Pháp đã phản ánh với Khâm sứ Trung kỳ: "Từ bao lâu, thành phố Đà Nẵng và miền này (Quảng Nam) vốn bị các phần tử phiến loạn bao quanh, nếu không có quân Pháp thì bọn đó sẽ cám ơn chúng ta rất nhiều, bằng một cú ngoạn mục... Thành phố này lại là hải cảng chính của xứ Trung kỳ, điểm giao lưu kinh tế với chính quốc, hội sở

---

[1] *Journal officiel de l'Indochine Française 1931* tr. 346-348.

www.thuvien247.net

của hai ngân hàng và rất nhiều cơ sở của các nhà thương mãi, cho nên sẽ không bảo đảm với sự hiện diện của lính khố đỏ"[1].

Năm 1931 Sở An ninh thành phố được tăng thêm số nhân viên, gồm 50 người Việt dưới sự điều khiển trực tiếp của 2 viên phụ trách người Pháp. Cũng trong năm này, ở Đà Nẵng còn thành lập thêm một sở mật thám đặc biệt về an ninh biên giới biển do 1 viên kiểm sát an ninh đặc biệt điều khiển và 1 sở kiểm soát cảng với 1 thanh tra mật thám, 9 nhân viên người Việt, được trang bị 1 thuyền cao tốc phục vụ cho việc kiểm soát trên biển. Đến năm 1935, theo Nghị định của Quyền Toàn quyền Đông Dương, Sở cảnh sát đặc biệt về an ninh của Đà Nẵng không chỉ có quyền hạn trong phạm vi "nhượng địa" mà còn theo dõi cả hải phận từ Đà Nẵng vào Quảng Nam[2].

Với vùng nông thôn Hoà Vang, cũng như các làng xã khác của Trung Kỳ, từ năm 1935 trở đi chịu sự điều chỉnh của Nam triều về việc bầu cử chức lý trưởng và các chức sắc khác. Đến ngày 5/1/1942 Bảo Đại lại ra đạo dụ về cải cách bộ máy quản lý làng xã. Trong cơ cấu Hội đồng kỳ mục có lập ra Ủy ban thường trực. Ủy ban này gồm các kỳ mục có cấp bậc cao nhất của hội đồng kỳ mục, là cơ quan điều hành giải quyết công việc hàng ngày của làng xã. Các chức dịch (Lý trưởng, Phó lý và một số nhân viên khác) là người giúp việc và thực hiện những quyết định của Hội đồng kỳ mục và Ủy ban thường trực. Lý trưởng đại diện cho làng xã thực hiện quan hệ đối ngoại và với chính quyền cấp trên là tổng, huyện. Cấp tổng, đứng đầu là Chánh tổng, dưới có Phó tổng giúp việc cho Chánh tổng điều hành công việc của tổng. Đây là sự

---

[1] Dẫn theo Võ Văn Dật. Sđd. tr. 303.

[2] *Journal officiel de l'Indochine Française 1935*. tr 2462.

www.thuvien247.net

thay đổi chung cho cả Trung Kỳ, huyện Hoà Vang cũng nằm trong phạm vi điều chỉnh này.

Về địa giới hành chính, theo niên giám thống kê Đông Dương năm 1921, vùng tiểu khu hành chính Annam của Đà Nẵng có đến 20 xã, tức là tăng thêm 1 xã. Đến năm 1936 chỉ còn lại 19 xã như trước đó. Ngày 17/12/1942 Toàn quyền Đông Dương Decoux ra Quyết định quy định tổng thể về quy hoạch và mở rộng các vùng dân cư của thành phố Đà Nẵng. Theo Quyết định này, phạm vi thành phố sẽ gồm hai vùng: vùng I gồm tất cả các làng thuộc nhượng địa Pháp, vùng II gồm các xã Bình Thuận, Liên Trì, Phúc Đáng, Khuê Trung, Nại Hiên của tổng Bình Thái thuộc tỉnh Quảng Nam. Ban Trung ương về đô thị hoá và Kiến trúc Đông Dương chịu trách nhiệm lập kế hoạch tổng thể để thực hiện việc mở rộng này trong vòng 2 năm[1].

Do công cuộc khai thác thuộc địa, mở rộng thành phố Đà Nẵng của chính quyền Pháp, từ năm 1920 trở đi dân số Đà Nẵng ngày một tăng nhanh, diện mạo đô thị có sự thay đổi lớn.

2. Khai thác thuộc địa của Pháp tại Đà Nẵng sau chiến tranh thế giới thứ nhất

Tại Đà Nẵng thực dân Pháp đẩy mạnh việc khai thác như xây dựng nhà máy, lập thêm nhiều hãng buôn, các công ty khai thác, lập thêm đồn điền, làm thêm các con đường... Cảng Đà Nẵng được nâng cấp, đáp ứng việc bốc dỡ hàng hoá dễ dàng, có sân rộng 1.800 m2, có 3 cần trục câu những kiện hàng lớn. Việc nạo vét lòng sông được tiến hành một lần nữa trong năm 1932. Năm 1933 cảng được trang bị tàu cuốc Cuillemoto để nạo vét sông. Việc nạo vét lòng sông và cửa sông thường xuyên đã duy

---

[1] *Journal officiel de l'Indochine Française 1941*, tr 2625.

www.thuvien247.net

trì được độ sâu cần thiết cho tàu thuyền hoạt động. Sông Hàn cũng được nạo vét đảm bảo cho tàu có trọng tải 1.500 tấn có thể ra vào được. Về giao thông, tại nam Trung Kỳ với việc hoàn thành hàng loạt cây cầu bắc qua các sông lớn, đến tháng 5/1929 tuyến đường bộ từ Đà Nẵng vào Nha Trang đã được khai thông hoàn toàn. Với đường sắt có muộn hơn, đoạn Đà Nẵng đi Khánh Hoà dài 532 km thi công từ tháng 11/1931 nhưng phải đến ngày 2/10/1936 mới thông tàu. Việc hoàn thành hai tuyến đường này càng tạo điều kiện thuận lợi cho Pháp khai thác tài nguyên ở miền Trung. Cũng nhờ có đường giao thông thông suốt này mà hãng Société des transports automobiles du centre An nam (gọi tắt là STACA) đóng trụ sở tại Đà Nẵng được xem là một doanh nghiệp kiểu mẫu đem lại một nguồn lợi lớn cho giới đầu tư Pháp về vận chuyển bằng ô tô. Hãng này có số xe lên đến 59 chiếc, chạy các tuyến từ Đà Nẵng đi Nha Trang và từ Đà Nẵng lên Kon Tum, Pleiku, Đà Lạt, Đaklak.

Cùng với việc xây dựng lớn hải cảng và đẩy mạnh giao thông đường sắt, đường bộ, ngày 2/5/1926 sân bay dân dụng Đà Nẵng cũng được khánh thành. Rõ ràng "chỉ nhìn tổng quát hệ thống giao thông đường thuỷ, đường bộ, đường sắt và đường hàng không người ta cũng có thể khẳng định vị trí trung tâm quan trọng của Đà Nẵng đối với đời sống kinh tế - chính trị của toàn bộ khu vực và cả xứ Đông Dương đương thời"[1].

Ngoài Chi nhánh Ngân hàng Đông Dương đã được thiết lập từ năm 1891, năm 1927 có Ngân hàng Pháp - Hoa (Banque Franco-Chinois), năm 1930 có thêm Ngân hàng Nông tín bình dân (Banque de Crédit populaire agricole). Tư sản tài chính thông qua các ngân hàng thực sự là "ông chủ" của hoạt động kinh tế ở Đà Nẵng và cả Trung kỳ. Theo Niên giám kinh tế

[1] Phạm Quang Trung: *Góp thêm về vị trí kinh tế - xã hội của Đà Nẵng thời cận đại*. Tham luận tại Hội thảo khoa học kỷ niệm 140 năm ngày Đà Nẵng đánh Pháp.

www.thuvien247.net

1920 - 1929, những công ty và tổ chức kinh doanh sau đây đã đăng ký trụ sở tại Đà Nẵng: 1. Affreteus Indochinois; 2. Banque Franco - Chinois; 3. Banque de l'Indochine; 4. Café de la Victoire; 5.Chargeurs Rénis (Cie); 6. Cinéma Morin Freres; 7.Consignataires; 8. Côtière de l'Annam (Cie); 9. J. Guenine; 10. Cusieng (G.T); 11. Delignon (L); 12. Société anonyme des établissements; 13. Denis Frères; 14. Descours Cabaud; 15. Fiard; 16. Focrfe; 17. Franco - Asiatique du Pétroles (Cie); 18. Gratry; 19 Cuenin; 20. Société Industrielle et Commerciale de l'Annam; 21. Industries et commerce Réunies de l'Annam; 22. Messageries Maritimes (Service constructuel des); 23. Messageries Maritimes (Cie des); 24. Morin Frères; 25. Pelissier (A); 26. Rizerie de l'Annam central; 27. Standard Oil Company New - York; 28. Stanilas J.; 29. Soieries de l'Indochine (Société des); 30. Thés de l'Indochine (Société des); 31. L'Union Commercial Indochinoise et Affricaine (gọi tắt là L'UCIA)[1].

Các công ty, tổ chức kinh doanh của tư bản Pháp đặt trụ sở ở Đà Nẵng nhưng nó như một con bạch tuộc vươn dài những cái vòi ra khai thác các nguồn lợi then chốt ở khắp các tỉnh miền Trung. Các nguồn lợi thương nghiệp đều do các công ty độc quyền Pháp như hãng Denis Frères, Descours et Cabaud, L'UCIA, Fiard, O'ptorg nắm.

Thông qua hoạt động xuất, nhập khẩu của cảng Đà Nẵng sẽ thấy rõ bức tranh thương mại trong những năm này. Nếu như trong năm 1914 là khi chiến tranh thế giới bắt đầu bùng nổ, khối lượng hàng hóa xuất nhập cảnh qua cảng Đà Nẵng chỉ 67.000 tấn thì đến năm 1919, sau khi cuộc chiến tranh này kết thúc, con số xuất nhập khẩu đã lên 75.000 tấn. Năm 1920 có đến 428 chuyến tàu vào ra cảng Đà Nẵng với tổng số trọng tải đến 526.000 tấn.

---

[1] Dẫn theo Phạm Quang Trung. Bài đã dẫn.

www.thuvien247.net

Sau chiến tranh (1919-1922) hoạt động buôn bán tăng dần. Số liệu thống kê những năm 1919-1922 cho thấy tổng số hàng hóa được vận chuyển bằng tàu vận tải biển ven bờ chiếm tỷ trọng lớn hơn tàu vận tải biển đường dài và việc buôn bán ven bờ tỏ ra ổn định hơn. Nhưng cán cân xuất - nhập khẩu giữa hai tuyến buôn bán này lại khác nhau. Tuyến đường dài hàng năm xuất đều cao hơn nhập, ngược lại tuyến ven bờ nhập cao hơn xuất. Quá trình buôn bán hàng ra hàng vào luôn biến động lên - xuống. nhưng trong khoảng thời gian dài thì vẫn theo xu hướng phát triển đi lên.

Trong những năm ổn định tạm thời của chủ nghĩa tư bản (1924-1928), tư bản Pháp tăng cường đầu tư khai thác Việt Nam, việc buôn bán hoạt động thương mại ở Đà Nẵng cũng tăng tiến rõ rệt. Điều này thể hiện qua số liệu thống kê hàng hóa buôn bán ở cảng Đà Nẵng từ 1923-1929:

Tuyến đường		1923	1924	1925	1926	1927	1928	1929	Đơn vị
Đường dài	Hàng nhập	16	16	10	11	13	11	10	Ngàn tấn
	Hàng xuất	26	17	07	22	21	19	12	Ngàn tấn
	Tổng số	42	33	17	33	34	30	22	Ngàn tấn
Ven bờ	Hàng nhập	27	55	58	40	20	40	14	Ngàn tấn
	Hàng xuất	27	25	27	42	22	32	20	Ngàn tấn
	Tổng số	54	80	85	82	42	72	34	Ngàn tấn

Annuaire Statistique de l'Indochine 1923 - 1929. IDEO 1931. tr. 186.

www.thuvien247.net

Hàng hóa nhập do tàu buôn đường dài chuyển về tăng giảm trong khoảng trên dưới 10 ngàn tấn. Nhưng hàng nhập do tàu ven bờ vận chuyển thì biến động đáng kể: năm cao nhất (1925) là 58 ngàn tấn, năm thấp nhất (1929) chỉ còn 14 ngàn tấn, bằng 25% năm cao nhất. Hàng hóa nhập giảm đáng kể. Hàng xuất cảng giảm dần ở cả hai tuyến. Trong đó, hàng hóa kinh doanh tuyến ven bờ hoạt động mạnh hơn tuyến đường dài xa bờ. Tuyến đường dài xa bờ vào năm 1923 đạt 26 ngàn tấn, năm 1929 còn 12 ngàn tấn. Tuyến ven bờ năm cao nhất (1926) 42 ngàn tấn, năm thấp nhất (1929) chỉ 20 ngàn tấn. Nhìn chung, hoạt động thương mại biến động theo chiều hướng giảm dần từ 1923 đến 1929, nhưng tổng trọng lượng hàng hóa ở giai đoạn 1923-1929 vẫn tăng lên rất nhiều so với giai đoạn 1913-1922.

Từ tình hình hoạt động thương mại ở cảng Đà Nẵng thời gian 1919-1929 có thể rút ra một số nét sau đây:

1, Hoạt động thương mại của Đà Nẵng phát triển nhanh và thị trường khá rộng với hai tuyến buôn bán rõ rệt là tuyến giao thương quốc tế và tuyến giao thương cảng nội địa.

Với tuyến giao thương quốc tế, Đà Nẵng góp phần quan trọng vào đẩy mạnh hoạt động ngoại thương của Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX. Tàu buôn lớn của nhiều quốc tịch châu Âu đã đến Đà Nẵng trao đổi hàng hóa. Họ đưa hàng hóa của châu Âu đến Đà Nẵng, rồi lại đưa hàng hóa của Việt Nam từ Đà Nẵng sang châu Âu (Pháp, Đức, Thụy Điển, Hà Lan), trong đó tàu hàng của Pháp hoạt động thường xuyên. Các tàu buôn từ Trung Hoa, Hồng Kông đưa hàng của Trung Hoa đến cho thương gia Đà Nẵng, rồi lại đưa hàng hóa của Đông Dương từ Đà Nẵng trở lại Trung Hoa. Nhiều bạn hàng lớn của Việt Nam đều có làm ăn buôn bán với cảng Đà Nẵng.

www.thuvien247.net

Tuyến giao thương nội địa của Đà Nẵng góp phần rất lớn vào đẩy mạnh hoạt động nội thương của Việt Nam. Hàng hóa từ miền Nam ra, miền Bắc vào, giữa các cảng miền Trung khác chiếm tỷ trọng khá lớn. Sự giao lưu hàng hóa giữa các miền trong nước đến miền Trung tập trung phần lớn ở Đà Nẵng.

Căn cứ vào số lượng tàu thuyền ra vào cảng thì Đà Nẵng đứng thứ ba sau Hải Phòng, Sài Gòn. Nhưng dựa vào lượng hàng hóa vận chuyển thì Đà Nẵng đứng thứ tư sau Sài Gòn, Hải Phòng, Hòn Gai.

2, Khác với những năm cuối thế kỷ XIX nhập nhiều hơn xuất, nửa đầu thế kỷ XX hoạt động ngoại thương thời gian này xuất lớn hơn nhập, còn buôn bán ven bờ thì nhập lớn hơn xuất. Nhìn tổng quát thì xuất lớn hơn nhập. Điều này phù hợp với mục đích xâm lược của thực dân Pháp là khai thác, vơ vét tài nguyên của Việt Nam để xuất khẩu làm giàu cho tư bản Pháp.

3, Cơ cấu hàng xuất - nhập khẩu rất đa dạng. Hàng hóa nhập từ ngoại quốc vào chủ yếu là sản phẩm công nghiệp, xuất ra chủ yếu là sản phẩm nông nghiệp và tài nguyên thiên nhiên. Hàng hóa nhập - xuất qua cảng nội địa Bắc – Trung - Nam chủ yếu là nông sản (lúa gạo) và các nhu yếu phẩm thông dụng (diêm, bạc ...).

Cùng với khai thác các nguồn lợi về hàng hoá, thực dân Pháp còn đặt ra quốc trái để bòn rút những đồng tiền ít ỏi kiếm được của người dân. Nhân dân Đà Nẵng bị cưỡng bức về tài chính như các tỉnh khác do Nghị định của Toàn quyền Đông Dương ra ngày 27/3/1920 bắt buộc phải thi hành "chế độ lưu hành cưỡng bức tờ giấy bạc Đông Dương". Nguyên nhân có Nghị định này là, mặc dù Sắc lệnh ngày 16/5/1900 chỉ cho phép tổng mức giấy bạc phát hành không vượt quá 3

www.thuvien247.net

lần so với tổng số kim khí quý và ngoại tệ tồn quỹ, nhưng do lợi dụng đặc quyền phát hành giấy bạc để thu cho được nhiều lợi nhuận, Ngân hàng Đông Dương cho lưu hành lượng giấy bạc quá lớn, đưa tỷ lệ trên leo đến mức 12,6 lần, dẫn đến lạm phát nghiêm trọng trong những năm 1919-1920. Do sự chênh lệch này, dân chúng đổ xô đến ngân hàng đòi đổi tiền lấy kim khí quý. Để bảo vệ cho giới tư bản tài chính Pháp trước mối đe dọa bị phá sản, Toàn quyền Đông Dương Maurice Long bèn ra Nghị định cưỡng bức trên toàn cõi Đông Dương kể từ ngày 28/3/1920 là 1 đồng Đông Dương ăn 15 frăng (mặc dù trên thực tế chỉ ăn 8 frăng), và còn cho phép Ngân hàng Đông Dương được lưu hành thêm 25 triệu đồng ngoài khối lượng đã phát hành, cũng như được phép không phải chuyển trả bằng kim khí quý cho những người mang giấy bạc đến đổi. Như vậy, với Nghị định trên, thực dân Pháp "đã trút gánh nợ của Ngân hàng Đông Dương lên đầu dân bản xứ, đồng thời vẫn bảo vệ được tồn quỹ kim khí quý và ngoại tệ của bọn trùm tư bản tài chính"[1]. Phải đến ngày 31/12/1920 chế độ "lưu hành cưỡng bức" đồng bạc Đông Dương này mới được bãi bỏ. Cuối năm 1932 lại cho đổi tiền, phát hành đồng bạc mới nhẹ hơn đồng bạc cũ (đúc bằng bạc ròng 7 gram), cướp không của nhân dân ta một món tiền lớn.

Trong trường hợp bị cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới tác động làm cho phần lớn các hãng buôn Pháp ở Đà Nẵng không đứng vững, tình hình Hoa kiều cũng ở trong tình trạng phá sản và khánh tận, các hiệu buôn đều giảm nhân viên. Các nhà buôn người Việt chỉ thực hiện được 50% doanh số buôn bán của những năm bình thường[2] thì Chính quyền thực dân

---

[1] Dẫn theo Dương Trung Quốc: *Việt Nam những sự kiện lịch sử (1919-19..5)*. Nxb Giáo Dục. H. 2000. tr. 22.

[2] *Báo cáo chính trị ngày 1/3/1935 của Sở Mật thám Đà Nẵng.*

www.thuvien247.net

dùng ngân sách Đông Dương cho vay dài hạn giúp các tư bản Pháp đang có nguy cơ phá sản và chèn ép những tư sản người Việt, tạo thuận lợi cho tư sản Pháp được độc quyền về muối, rượu, thuốc phiện, quy định trong tộc họ nào có người nấu rượu lậu thì Tộc biểu, Lý trưởng, Hương kiểm trong làng phải chịu trách nhiệm. Khâm sứ Trung kỳ ra lệnh cho các quan tỉnh, thành phải tuyên truyền, giải thích cho dân phải dùng và bán rượu của hãng SICA Pháp. Nhà buôn Pháp mua muối của dân 0,3 - 0,40$ một tạ, nhưng đem bán lại với giá từ 3,4 - 3,6$ một tạ. Tơ nhân tạo bên Pháp được tự do nhập khẩu, làm cho tơ tằm nội địa mất giá. Chính quyền Pháp còn ra nghị định không cho xe đò tranh khách với xe lửa khi đoạn đường sắt Đà Nẵng - Nha Trang hoàn thành.

Nguồn thu vào ngân sách thành phố luôn được bổ sung bằng hàng loạt loại thuế mới. Chỉ tính hai thời điểm: năm 1923 và năm 1924, số tiền thu được từ các loại thuế từ 30.000$ đã tăng lên 35.000$ (16,6%).

Một biểu thuế năm 1925 bao gồm rất nhiều mục: thuế ban công, mái che, thuế quy tập vật liệu trên đường, thuế chiếm lĩnh thường xuyên công lộ, thuế giấy phép cập bến các loại ghe, thuyền bè, thuế cho phép đốt pháo đối với các đoàn hát, thuế lưu giữ tạp phẩm, thuế cấp giấy chứng minh cho nhân viên tạp vụ, cho công nhân hoặc phu xe, thuế thân hằng tháng, hằng năm, thuế bản sao địa bạ.

Theo Nghị định ngày 20/1/1931 của Toàn quyền Đông Dương, biểu thu thuế cho ngân sách thành phố tăng lên 16 khoản, bao gồm các hoa lợi về thuế môn bài, thuế thân của người Việt và công ích, thuế thân của người Âu, thuế đất trong thành phố, thuế tỷ lệ phần trăm gia tăng và thuế trực thu, bán động sản và bất động sản thuộc về thành phố, thuế đậu xe, thuế ghe và cầu bến, thuế qua phà, cầu, thuế trang trại, thuế chợ,

www.thuvien247.net

thuế nhà ở, thuế nhà mồ....[1] Đến năm 1935 lại đặt thêm lệ phí lưu trú đối với người Việt từ 18 - 60 tuổi sống tại Đà Nẵng. Năm 1944 chính quyền thành phố còn được thu vào ngân sách các loại thuế như: cho thuê các vật dụng thuộc sở hữu thành phố, vật liệu mai táng và bảo quản các ngôi mộ, thuế nhà hát, rạp chiếu phim, sàn nhảy, nhà ả đào, nhà thổ, thuế đốt pháo, lễ hội, đám cưới của người Việt, thuế quảng cáo...

Tuy trong những năm khủng hoảng kinh tế thế giới (1929-1933), tình hình kinh tế Việt Nam bị ảnh hưởng nặng nề, nhưng hoạt động thương mại ở Đà Nẵng không giảm, trái lại còn tăng cao hơn những năm trước khủng hoảng kinh tế. Hoạt động kinh doanh buôn bán, xuất, nhập ở cảng Đà Nẵng vẫn diễn ra nhộn nhịp. Tàu đến, tàu đi lên đến 5-6 ngàn chiếc. Có tàu hơi nước trọng tải lớn, thuyền buồm trọng tải nhỏ, tàu quốc tế từ các hải cảng châu Âu, châu Á đến, tàu chạy ven bờ biển từ Bắc vào, từ Nam ra, để rồi lại từ Đà Nẵng ra Bắc, vào Nam, đi ra các nước.

Năm 1931 có 59 tàu buôn quốc tế đến cảng Đà Nẵng[2]. Trong đó có 31 tàu vào cảng trả hàng và 28 tàu bốc hàng rời cảng đi các hải cảng khác. Tàu vận tải quốc tế toàn là tàu chạy hơi nước, không có thuyền buồm. Trọng tải của 31 tàu nhập cảng là 44.686 tấn, nhưng chỉ chở có 11.880 tấn hàng hóa, xấp xỉ bằng 1/4 trọng tải tàu; 28 tàu xuất cảng, trọng tải là 33.912 tấn, nhưng chỉ chở 4.449 tấn hàng hóa. Nhìn chung hàng hóa chuyên chở rất nhỏ so với trọng tải tàu.

Tàu chạy ven bờ số lượng gấp nhiều lần số tàu chạy tuyến quốc tế. Tàu nhập cảng đến 3.290 chiếc[3]. Trong đó có

---

[1] *Journal officiel de l'Indochine Française 1931*, tr. 346-348.

[2] *Annuaire Statistique de l'Indochine 1931 - 1932*. IDEO 1933, tr. 140.

[3] *Annraire Statistique de l'Indochine 1931 - 1932*. IDEO 1933, tr. 140.

www.thuvien247.net

238 tàu chạy hơi nước với trọng tải 99.638 tấn và đã chở 36.393 tấn hàng hóa; có 3.052 thuyền buồm với trọng tải 29.501 tấn, chở 16.801 tấn hàng hóa.

Tàu xuất cảng lên đến 3.566 chuyến[1], trong đó có 239 tàu máy hơi nước có trọng tải 1.001.145 tấn, chở 11.028 tấn hàng hóa, bằng 1/99 trọng tải tàu. Có 3.327 thuyền buồm có trọng tải 23.251 tấn, chở 12.842 tấn hàng, được hơn 50% trọng tải của tàu. Như vậy thuyền buồm ra, vào Đà Nẵng được sử dụng tỏ ra có năng suất hơn tàu vận tải biển chạy máy hơi nước[2].

Số liệu thống kê trên cho thấy số lượng tàu hoạt động và lượng hàng hóa vận chuyển qua cảng Đà Nẵng năm 1931 lên đến 1.915 tàu thuyền với tổng trọng tải là 1.242.944 tấn, tổng lượng hàng hóa vận chuyển xuất - nhập khẩu là 93.393 tấn. Trong đó phương tiện vận chuyển thô sơ (thuyền buồm) chiếm ưu thế về số lượng: 6.379/6.915 để vận chuyển hàng hóa ven bờ.

Cân đối giữa xuất và nhập thì hàng hóa nhập vào 65.074 tấn, hàng hóa xuất ra 28.319 tấn. Như thế, hàng nhập vào gấp hơn hai lần hàng xuất ra.

Có thể tổng hợp lượng hàng hóa vận chuyển qua cảng Đà Nẵng trong những năm khủng hoảng kinh tế (1929-1933) như sau:

Xuất - nhập	1929	1931	1932	1933	Ghi chú
Xuất	32	28	32	23,8	Đơn vị ngàn tấn
Nhập	24	65	57	53,5	
Tổng cộng	56	93	89	77,3	

[1] *Annuaire Statistique de l'Indochine 1931 - 1932*. IDEO 1933 tr. 140.

[2] *Annuaire Statistique de l'Indochine 1931 - 1932*. IDEO 1933, tr. 140.

www.thuvien247.net

Số liệu thống kê trên cho thấy, trong những năm khủng hoảng kinh tế thế giới (1929-1933) lượng hàng hóa xuất - nhập khẩu qua cảng Đà Nẵng vẫn giữ được mức hoạt động khá đều đặn. Năm 1929 bắt đầu khủng hoảng, hàng hóa giảm mạnh đáng kể so với năm 1928 (56 tấn/102 tấn). Nhưng đến năm 1931, 1932 hàng hóa lại tăng lên xấp xỉ mức trước khủng hoảng. Trong đó hàng nhập khẩu nhiều hơn hàng xuất khẩu.

Từ 1934 đến 1938, kinh tế thế giới vượt qua cuộc khủng hoảng, từng bước phục hồi, thì việc buôn bán kinh doanh qua cảng Đà Nẵng càng có cơ hội phát triển.

Tình hình hoạt động tàu thuyền ra vào cảng Đà Nẵng vận tải hàng hóa trong các năm 1934-1938 thể hiện trong niên giám thống kê Đông Dương như sau:

Năm	1934[1]	1935[2]	1936[3]	1937[4]	1938[5]
Số lượng tàu	5.451	5.593	5.753	4.755	5.967
Trọng tải (tấn)	2.119.600	2.182.600	2.423.600	2.272.600	2.240.500
Hàng hóa (tấn)	124.400	83.400	101.300	125.100	111.100

Như vậy, số lượng tàu hoạt động ở cảng Đà Nẵng trong những năm kinh tế phục hồi lại ít hơn trong thời kỳ khủng hoảng, nhưng trọng tải tàu lại tăng lên. Điều đó chứng tỏ tàu thuyền ngày càng có trọng tải lớn hơn. Đặc biệt là hàng

---

[1] *Annuaire Statistique de l'Indochine 1934 - 1935*. IDEO 1937, tr. 128, 127, 129.

[2] *Annuaire Statistique de l'Indochine 1934 - 1935*. IDEO 1937, tr. 128, 127, 129.

[3] *Annuaire Statistique de l'Indochine 1936 - 1937*. IDEO 1938, tr. 122, 131.

[4] *Annuaire Statistique de l'Indochine 1937 - 1938*. IDEO 193, tr. 128.

[5] *Annuaaire Statistique de l'Indochine 1937-1938*. IDEO 1939, tr. 131.

www.thuvien247.net

hóa vận chuyển tăng lên ít nhiều, đạt trên một trăm ngàn tấn/năm. Năm 1937 đạt 125.000 tấn, là đỉnh cao nhất của quá trình hoạt động thương mại ở Đà Nẵng thời thuộc Pháp.

Việc buôn bán xuất - nhập khẩu hàng hóa tăng tương ứng với khả năng vận tải của tàu thuyền. Đường buôn bán quốc tế và nội địa qua cảng Đà Nẵng những năm 1934-1938 như sau:

Tàu buôn bán quốc tế (Navigation Internationale)						
Năm	Nhập			Xuất		
	Số lượng	Trọng tải tàu (tấn)	Hàng hóa (tấn)	Số lượng	Trọng tải tàu (tấn)	Hàng hóa (tấn)
1934[1]	23	33.789	20.212	21	31.189	20.587
1935[1]	29	38.398	5.443	29	38.398	18.500
1936[2]	26	35.353	6.354	26	35.354	37.251
1937[3]	21	36.750	4.758	21	36.750	52.817
1938[4]	20	45.698	7.623	20	45.698	42.608
Hàng hóa nhập xuất ven bờ (cabotage)						
1934	2576	1.000.172	59.839	2.816	963.903	23.729
1935	2619	1.042.018	50.468	2.907	1.001.547	18.993
1936	2753	1.126.035	43.139	2.932	1.125.467	14.548
1937	2277	1.035.932	54.367	2.418	1.009.993	13.006
1938	2855	1.032.950	44.953	3.072	1.042.734	15.847

[1] *Annuaire Statistique de l'Indochine 1934-1935*. IDEO 1937, tr. 128, 127, 129.

[2] *Annuaire Statistique de l'Indochine 1936-1937*. IDEO 1938, tr. 122, 123.

[3], [4] *Annuaire Statistique de l'Indochine 1937-1938*. IDEO 1939, tr. 128, 131.

www.thuvien247.net

Số liệu trên cho thấy, trên tuyến buôn bán quốc tế ở Đà Nẵng thì hàng hóa nhập vào cảng hàng năm ít hơn rất nhiều so với lượng hàng xuất từ cảng Đà Nẵng ra thế giới. Có những năm tàu hàng rời bến đã phải chở quá tải, như năm 1936: trọng tải 26 tàu là 35.354 tấn, nhưng đã chở đến 37.251 tấn, quá tải 1.897 tấn hàng. Điều này cho thấy hoạt động ngoại thương của Đà Nẵng nặng về xuất khẩu. Nhưng cán cân xuất-nhập của tuyến buôn bán ven bờ lại nặng về nhập khẩu. Lượng hàng nhập vào Đà Nẵng gấp 3 lần hàng xuất từ Đà Nẵng đi các miền duyên hải khác.

Từ tháng 9/1939 đến năm 1945 cả thế giới bị lôi cuốn vào cơn lốc của cuộc chiến tranh thế giới thứ 2 tàn khốc do chủ nghĩa phát xít gây ra. Trong những năm này kinh tế Việt Nam sa sút nghiêm trọng. Chính phủ Pháp ở Đông Dương mở cuộc công trái 33 triệu đồng để tổ chức "phòng thủ Đông Dương" từ năm 1938, đến năm 1941 lại được Chính phủ Pháp cho phát hành "công khố phiếu" để tăng thêm ngân sách.

Hoạt động thương mại ở Đà Nẵng giảm sút. Số liệu thống kê các năm 1939, 1940 cho thấy rõ điều này:

Số lượng tàu ra vào:

Năm	Tàu quốc tế			Tàu ven bờ			Tàu dừng		Tổng số		Đơn vị
	Số tàu	Trọng tải (ngàn tấn)	Hàng hóa (ngàn tấn)	Số tàu	Trọng tải (ngàn tấn)	Hàng hóa (ngàn tấn)	Số tàu	Trọng tải (ngàn tấn)	Số tàu	Trọng tải (ngàn tấn)	Hàng hóa (ngàn tấn)
1938[1]	40	91,4	50,2	5927	2075,6	60,9	10	79,4	5967	2246,5	111,1
1939[2]	32	98,7	34,5	3707	2145,5	60,0	20	54,2	3760	2798,4	94,5
1940[3]	50	148,1	22,5	2832	1233,6	48,3	8	29,4	2890	144,0	70,4

[1] *Annuaire Statistique de l'Indochine 1939 - 1940.* IDEO 1942. tr. 118, bảng XIX

[2-3] *Annuaire Statistique de l'Indochine 1939 - 1940.* IDEO 1942. tr. 120, bảng XIX

www.thuvien247.net

Cán cân xuất - nhập khẩu:

Năm	Xuất		Nhập		Đơn
	Tàu quốc tế	Tàu ven bờ	Tàu quốc tế	Tàu ven bờ	
1938	42.608	15.897	7.623	44.953	Tấn
1939	25.017	14.818	9.486	45.216	
1940	10.856	12.595	11.327	35.674	

Bản thống kê trên cho thấy, tàu, thuyền hoạt động ở cảng Đà Nẵng từ 5.977 chiếc năm 1937, giảm xuống còn 3.759 chiếc năm 1939 và 2.890 chiếc năm 1940. Lượng hàng hóa vận chuyển qua hải cảng này đến năm 1940 chỉ còn bằng 2/3 năm 1938. Trong đó, tuyến buôn bán quốc tế thì hàng xuất nhiều hơn nhập, còn tuyến ven bờ ngược lại, nhập nhiều gấp 3 lần xuất. Đến ngày 5/11/1941 thì hoạt động thương mại của Pháp tại cảng Đà Nẵng chấm dứt vì đường hàng hải nối liền Đông Dương với nước Pháp đã bị cắt đứt hoàn toàn.

Tuy hoạt động thương mại có giảm hẳn xuống trong những năm này, tốc độ tăng trưởng do đó chững lại, nhưng nhìn cả một quá trình từ năm 1920 cho đến năm 1940 thì bức tranh thương mại của Đà Nẵng vẫn khá hấp dẫn, sôi động nhộn nhịp, thể hiện rõ một trung tâm thương mại của miền Trung Việt Nam.

3. Gia tăng dân số và diện mạo mới của đô thị Đà Nẵng

Dân số Đà Nẵng ngày một tăng. Năm 1921 cả Trung Kỳ có 4.933.000 người thì riêng Đà Nẵng có 16.000 người Việt, 355 người Âu, trong đó người Pháp là 348[1].

[1] *Annuaire statistique de l'Indochine 1921.*

www.thuvien247.net

Cơ cấu giới và độ tuổi như sau:

Trong số 16.000 người Việt: có 7.800 nam, trong đó: 3.500 người dưới 15 tuổi, 4.300 người từ 15 tuổi trở lên. Nữ có 8.200 người, trong đó: 3.300 người dưới 15 tuổi, 4.900 người từ 15 tuổi trở lên.

Ở thời điểm năm 1929 trong số 435 người Âu có 307 nam, 128 nữ, 106 trẻ em dưới 15 tuổi, 329 người từ 15 tuổi trở lên.

Như vậy dân cư Đà Nẵng rất trẻ: 42,5% dưới 15 tuổi, 57,5% trên 14 tuổi.

Năm 1936 dân số Đà Nẵng lên đến 25.000 người[1].

Đến năm 1943 dân số Đà Nẵng 50.900 người[2].

Có thể thấy sự biến động dân số Đà Nẵng như sau:

Thời gian	Ban đầu	1921	1936	1943
Số dân	9.892	16.355	25.000	50.900

So sánh số liệu ban đầu (1888) với số liệu năm 1943 thì sự gia tăng dân số ở Đà Nẵng khá nhanh, sau nửa thế kỷ phát triển, dân số tăng hơn 5 lần. So sánh thời điểm từ 1921 với 1936, số liệu thống kê cho thấy dân số tăng lên 30%, trung bình một năm tăng 2% dân số.

Từ những năm 1920 trở đi, Đà Nẵng đã có một diện mạo mới: dinh thự, công sở, nhà máy, nhà ở mọc lên ngày càng nhiều. Chỉ trong vòng 5 năm, từ 1923 đến 1928 đã có 210 ngôi nhà được xây cất[3], trong 9 tháng đầu năm 1929 đã có đến 50 ngôi nhà mới của người Việt được xây dựng[4]. Thành phố

---

[1] *Annuaire statistique de l'Indochine 1936.*

[2] *Annuaire statistique de l'Indochine 1943-1946.*

[3] *Lịch sử thành phố Đà Nẵng*. Sđd, tr. 70.

[4] *Báo cáo chính trị quý 3 năm 1929 của Sở Mật thám Đà Nẵng.*

www.thuvien247.net

có điện thắp sáng từ tháng 7/1920 thay cho năng lượng carbure và dầu lửa dùng trong gia đình và công sở. Đến năm 1929, coi như thực dân Pháp đã hoàn thành về cơ bản cơ cấu của một thành phố, là trung tâm kinh tế, chính trị lớn nhất của cả miền Trung. Một người đương thời hồi ức về Đà Nẵng những năm này: "Nếu ta bỏ một vài giờ trong một buổi chiều nào đó lái một chiếc xe đạp đi vòng quanh thành phố từ Cổ viện Chàm xuống tuốt đến Trẹm[1] ngừng lại từng chặng mà xem, chặng cầu Thương Chánh, chặng cầu Quảng Hòa Mỹ, chặng hãng L'UCIA[2], thì ta sẽ thấy nào công chức, nào tư chức, nào thợ thuyền, nào lao động từ các công sở, các trụ sở, các bến tàu tuôn ra nườm nượp... So với tất cả các thị xã, thành phố của miền Trung hồi bấy giờ (nói cả xứ Trung Kỳ) thì Đà Nẵng quả thật đông đúc và náo nhiệt hơn bất cứ nơi nào khác. Đà Nẵng là xứ sở của thợ thuyền và lao động miền Trung"[3].

Chỉ riêng khu vực cư trú của người Âu đến năm 1931 đã có 13 dãy phố với những công sở cao tầng, vi la, biệt thự hiện đại. Phần còn lại về phía tây là khu bản xứ. Chính quyền thành phố "nghiêm cấm xây dựng nhà ở, nhà kho, rào xung quanh bằng tranh, ván gỗ, phên tre, đất nhồi rơm; sân khấu, kịch trường bằng tường đất hoặc trát toóc xi, trong phần địa vực của thành phố Đà Nẵng"[4]. Việc thiết kế, xây dựng nhà cũng phải theo những quy định nghiêm ngặt, kể cả nhà tranh của người Việt ở khu bản xứ. Việc nuôi súc vật như trâu bò, gia cầm bị cấm trong khuôn viên thành phố.

---

[1] Cuối con đường Bạch Đằng bây giờ.

[2] Cạnh Văn phòng Thành uy bây giờ.

[3] Nguyễn Sơn Trà: *Công việc thầm lặng*. Bài in trong sách *Buổi đầu gieo hạt* (Hồi ký). Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng và Hội Văn nghệ Quảng Nam-Đà Nẵng xuất bản, 1980. tr. 160-161.

[4] *Journal officiel de l'Indochine française 1931*, J.1148 (p 4449 - 4462).

www.thuvien247.net

Thành phố được mở rộng về phía Tây và phía Nam. Đến năm 1931 về cơ bản đã hoàn chỉnh hệ thống đường giao thông nội thị. Hàng chục con đường mới được trải nhựa. Đến năm 1935 đã có 40 khu đường phố[1].

4. Phân hoá xã hội ngày một gay gắt

Trên cơ sở những biến đổi kinh tế, cơ cấu giai cấp trong xã hội Đà Nẵng cũng biến đổi, đẳng cấp xã hội cũng thay đổi. Cùng với bộ phận kinh tế tư bản, xuất hiện nhóm tư sản Đà Nẵng, trong đó có cả tư sản nước ngoài và tư sản Việt Nam. Đó là các ông chủ của các công ty, các văn phòng đại diện của các hãng buôn lớn, có cả tư sản kiêm địa chủ.

Căn cứ vào số đóng thuế môn bài để hình dung ra nhóm tư sản người Âu ở Đà Nẵng so với một số tỉnh trong khu vực trong các năm 1920, 1921, 1922.

Số nộp lợi tức của người Âu[2]:

Địa phương	1920		1921		1922		Ghi chú
	Số lượng nộp thuế	Lợi tức bắt buộc	Số nộp thuế	Lợi tức bắt buộc	Số nộp thuế	Lợi tức bắt buộc	
Bình Định	60	200	58	219	73	225	Đơn vị ngàn đồng (tiền Đông Dương)
Quảng Ngãi	20	30	21	33	19	71	
Quảng Nam	30	80	28	87	19	70	
Đà Nẵng	116	369	114	393	118	456	
Huế	102	309	101	327	125	543	
Thừa Thiên	1	5	1	5	1	5	

[1] *Báo cáo chính trị của Sở Mật thám Đà Nẵng ngày 26/3/1935*. Bản sao lưu tại Ban Tuyên giáo Thành uỷ Đà Nẵng.

[2] *Annuaire statistique de l'Indochine 1913-1922*. IDEO 1927, tr. 212, 211.

www.thuvien247.net

Số người đóng thuế[1]:

Địa phương	1922				1921			
	Số người		Số thuế (đồng)		Số người		Số thuế (đồng)	
	Âu	Việt	Âu	Việt	Âu	Việt	Âu	Việt
Bình Định	23	325	1.795	4.054	24	262	1.750	4.134
Quảng Ngãi	6	106	167	2.000	6	112	167	2.144
Quảng Nam	11	215	445	3.246	10	224	427	3496
Đà Nẵng	28	295	6.763	6.071	26	297	6.683	4.999
Huế	19	111	1.972	6.723	20	114	1.920	8.285
Thừa Thiên	5	41	621	607	5	40	661	609

Theo thống kê trên thì ở Đà Nẵng tầng lớp doanh thương tư sản đông hơn các tỉnh khác ở miền Trung, kể cả tư sản mại bản và tư sản dân tộc. Đương nhiên là thế lực kinh tế của tư sản Pháp vẫn chiếm ưu thế. Số thuế của 28 tư sản Pháp đóng 6.763$, nhiều hơn số thuế của 295 doanh thương Việt Nam (6.071$).

Trong số tư sản Pháp có những nhà tư sản kiêm địa chủ như Brousmiche, Darni Gravelle, Bertrand... Tuy số đất sở hữu rất lớn, chỉ riêng Brousmiche đã chiếm đến 2.400 ha ở khu Tiên Sa, nhưng số diện tích đất nông nghiệp tư sản Pháp khai thác phải nộp thuế chỉ 650 ha, với số thuế 3.548$[2].

Kéo theo công cuộc khai thác của tư bản thực dân Pháp là sự xuất hiện của những tư sản người Việt và tư sản Hoa kiều.

---

[1] *Annuaire statistique de l'Indochine 1913-1922*. IDEO 1927, tr. 212, 211

[2] *Annuaire statistique*. Tlđd, tr. 209.

www.thuvien247.net

Tư sản Hoa kiều có nhiều vốn, lại nhanh nhẹn trong việc tổ chức mạng lưới thương mại làm đại lý tiêu thụ và thu mua hàng cho các công ty Pháp và đặt được quan hệ thương mãi với các hãng buôn lớn ở Hồng Kông nên có nhiều thanh thế. Nổi lên là các hiệu buôn Quảng Hòa Mỹ, La Thiên Thái, Vĩnh Xương Long, Quảng Triều Hưng, Đồng Lợi Hưng, Vạn Phát, Diệp Hòa Hưng, Ving Chéong Seng, Tôn Xương Ký, Wung cheong Long, Tchong-Hong, Tuyên Hiệp Hiên. Tuy nhiên, những tư sản Hoa Kiều này cũng muốn tìm cách thoát ra khỏi sự phụ thuộc đối với tư bản Pháp nên giữa họ với tư bản Pháp không tránh khỏi những lần va chạm, tranh chấp nhau.

Tư sản người Việt tăng lên khá nhanh. Căn cứ vào bảng thống kê trên thì đã có đến 295 người Việt đóng thuế trong năm 1922. Có thể kể ra đây một số nhà tư sản người Việt như: Lý Quý lập công ty bông vải sợi có xe đưa hàng đến các thành phố lớn Hà Nội, Hải Phòng, Sài Gòn; Lê Văn Tập, Trương Côn, Nguyễn Hữu Thí, Kim Quy là những nhà tư sản buôn gạo và xuất khẩu nông thổ sản; nhà buôn Nghĩa Lợi buôn bán đồ sắt, nhà buôn Nguyễn Tấn Hà buôn sơn; y sỹ Phạm Doãn Điềm mở cửa hàng thuốc tây; các nhà thầu lớn, các công ty cổ phần lần lượt xuất hiện. Nhà thầu Bùi Huy Tín nhận lãnh thầu những công trình mở mang thành phố, xây cất nhà cửa và làm thủy nông tại các huyện Duy Xuyên, Điện Bàn, Đại Lộc. Công ty này có 600 cổ phần, số vốn lên tới 60.000$; công ty Hòa Hưng kinh doanh vận tải ô tô với số vốn ban đầu vào năm 1927 là 1.200$, năm 1928 lên 7.200$, năm 1929 vọt lên 60.000$[1]. Đến năm 1929 xuất hiện Hội Trung kỳ công thương liên hiệp do Võ Doãn Gia

[1] Dẫn theo Liên hiệp Công đoàn Quảng Nam - Đà Nẵng. Sđd, tr. 14.

www.thuvien247.net

đứng ra vận động thành lập, có 2000 cổ phần với số vốn cố định 50.000$[1].

Mặc dù đã có nhiều cố gắng vươn lên trong kinh doanh, nhưng nhìn chung khả năng cạnh tranh của tư sản người Việt kém xa so với tư sản Hoa kiều, và cũng như Hoa kiều, họ cũng bị sự chèn ép mạnh của tư bản Pháp về mặt kinh tế, mặt khác họ còn bị giới chức thực dân giở trò răn đe về mặt chính trị nên yếm thế. Nhất là trong những năm 1939-1945, do chính sách kinh tế thời chiến của Pháp rồi đến Nhật khiến cho nhiều hiệu buôn của người Việt ở Đà Nẵng bị thua lỗ phải đóng cửa. Một tư sản Đà Nẵng là Châu Quang Cự than vãn: "Đời nào Pháp cho tư sản bản xứ ngóc đầu dậy, giàu như cỡ Bạch Thái Bưởi cũng khánh tận gia tài".

Các nhà máy, công sở, các hãng khai thác lập nên ngày càng nhiều thì sự tập trung lao động, công chức cũng ngày một tăng lên. Số công nhân này không chỉ có người gốc Đà Nẵng, mà còn ở nhiều nơi khác: Quảng Nam, Huế, xa hơn nữa là Bình Định, Khánh Hòa, cả ở Thanh-Nghệ-Tĩnh, có cả người từ Hà Nội, Sài Gòn đến làm ăn tại Đà Nẵng. Mỗi một công, tư sở, mỗi một bến tàu, thuyền có ít nhất 20-30 người, nhiều nhất có đến hàng trăm người, như ở hãng ô tô STACA có từ 150-200 công nhân; nhà máy xay xát gạo và nhà hàng Morin, Bưu điện, mỗi nơi có khoảng 50 công nhân; cảng Đà Nẵng có 100 công nhân; các công ty chế biến nông sản Denis Frères và Desccours et Cabaud mỗi nơi có trên 200 công nhân. Tổng số lao động sản xuất nông nghiệp và lao động ngư nghiệp ở Đà Nẵng trong năm 1924 là 6.873 người, vậy mà số công nhân trong năm này đã lên tới 9.459 người[2].

---

[1] Báo Tiếng Dân, số 186 ngày 8/6/1929.

[2] Số liệu 10 năm sau ngày giải phóng (1976-1985) do Phòng Thống kê thành phố Đà Nẵng phát hành. Dẫn lại từ bản thảo *Lịch sử Đà Nẵng* của Nguyễn Trung.

www.thuvien247.net

Chất lượng đội ngũ công nhân Đà Nẵng cũng giống như công nhân Việt Nam nói chung: lao động đơn giản, sản xuất bằng tay là chính. Thợ chuyên môn được đào tạo rất hiếm hoi. Trong số 60 công nhân điện năm 1932 chỉ có 2-3 người được đào tạo qua trường kỹ nghệ, còn lại từ nông dân và thị dân vào làm tay ngang. Đời sống của bộ phận cư dân này rất thấp. Lương công nhật của họ được nhà nước thực dân quy định ở mức tối thiểu. Theo Nghị định của Khâm sứ Trung Kỳ ra ngày 17/12/1938 mức lương công nhật tối thiểu của công nhân và những người làm công ở Đà Nẵng được tính như đối với Huế, Bình Định, Phú Yên: đàn ông 0$22, đàn bà 0$17, trẻ em từ 16-18 tuổi 0$16, từ 12-15 tuổi 0$12. Với vùng nông thôn Hoà Vang thuộc Quảng Nam tính như các địa phương Thanh Hoá, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Ngãi: đàn ông 0$20, đàn bà 0$15, trẻ em từ 16-18 tuổi 0$14, từ 12-15 tuổi 0$11. Thời gian lao động từ 10-12 giờ, có khi phải làm đến 18 giờ nên rất vất vả mà đời sống lại rất bấp bênh, làm được ngày nào chi tiêu cho ngày nấy, không biết được ngày hôm sau có công việc để làm tiếp hay không. Vật giá ngày càng leo thang, nhưng lương thì không tăng, hoặc có tăng cũng chỉ để chiếu lệ. Nếu lấy thời điểm năm 1934 và năm 1938 thì giá gạo tăng từ 3,09$ lên 10,09$/1 tạ, tức là tăng gấp 3 lần, nhưng lương công nhân chỉ tăng 26%. Nếu theo mức lương tối thiểu mà Khâm sứ Trung Kỳ quy định trong một ngày cho công nhân vào thời điểm năm 1938 thì cũng như công nhân miền Trung nói chung, mỗi nam công nhân Đà Nẵng nếu được lãnh đủ 20 xu một ngày cũng không đủ chi tiêu tối thiểu, trong một năm họ lại phải nhịn ăn một số ngày mới dành dụm đủ tiền nộp thuế.

Trong những năm 1941-1945, chính sách kinh tế thời chiến của Nhật, Pháp còn buộc công nhân các ngành hỏa xa,

www.thuvien247.net

bưu điện phải tăng giờ làm mà không được tăng lương, không được thôi việc. Trái lại, có một số ngành nghề công nhân không đủ việc làm hoặc việc làm lúc có lúc không. Đồng lương của công nhân bị giảm sút nặng, nhưng thời lượng lao động của họ lại bị tăng lên. Với công nhân bốc vác ở bến tàu từ chỗ cao nhất 17 xu/1 ngày, đến những năm 1940-1941 chỉ còn 7xu/1ngày, những ngày nghỉ không có lương. Hằng ngày nhà thầu cấp cho 2 vắt cơm với muối mè (khoảng nửa lon gạo thì trừ tiền 5xu). Như vậy tiền lương chỉ còn lại 2xu/1ngày. Thời gian làm từ 6 giờ sáng đến 12 giờ đêm, chỉ nghỉ xả hơi ăn uống trong 10-15phút[1].

Cùng với sự phát triển của đô thị, tầng lớp thị dân cũng ngày một nhiều lên. Họ bao gồm những tiểu thương, tiểu chủ, thợ thủ công, công chức trong các công sở, giáo viên, học sinh. Chỉ riêng thầy trò trường tiểu học Pháp - Việt năm 1922 đã đến 418 người. Trong số này, phần lớn có tinh thần tự tôn dân tộc, là bộ phận xã hội năng động và nhạy cảm nhất trong các lực lượng xã hội tiếp thu những trào lưu tư tưởng mới, nhưng cũng có một số đua đòi, học theo lối sống Tây, thích ăn vận đồ Tây, tập nói tiếng Tây để ra vẻ "dân Tây".

Ở thôn quê, địa chủ tiếp tục giàu lên do bóc lột địa tô, cho vay lãi nặng.

Giữa chốn thị thành công nhân bị bóc lột, sống cơ cực thì ở chốn thôn quê nông dân cũng sống nghèo đói do thiên tai hạn hán, do mùa màng thất bát, và nhất là do cảnh sưu thuế ngày một nặng mà bọn thực dân đặt ra trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai này tiếp tục đè nặng lên vai họ. Các trận đói nghiêm trọng diễn ra trong các năm 1920, 1924

---

[1] Lời kể của Lê Văn Hỷ ở phường An Hải Tây. Tài liệu lưu tại Liên đoàn Lao động thành phố Đà Nẵng.

www.thuvien247.net

khiến nhiều người bị chết, nhiều người phải rời bỏ quê hương tha phương cầu thực. Người chết đói nằm la liệt đầu đường góc chợ nhưng bọn thực dân Pháp vẫn bỏ mặc để tiện bề bắt phu và chúng cũng không hề nương tay trong việc xâu thuế. Năm 1928 một người dân phải đóng 2,5$ một suất đinh, thêm 20% phụ thu, thành 3$. Năm 1932 tăng mỗi suất 0,5$[1], năm 1935 tăng lên 2,9$ cộng 0,14$ phụ thu[2] và năm 1938 là 2,9$[3]. Tổng số tiền đóng thuế đinh trong một năm tương đương với 30kg gạo giá năm 1928 và 50kg giá năm 1931[4]. Thuế khoá là một dấu ấn nặng nề khó phai mờ đối với những người cao tuổi hiện nay: "Thuế thân, thuế điền thổ, các loại thuế khác, sưu cao thuế nặng là tiếng than truyền kiếp của dân Việt Nam từ năm 1945 về trước. Tù tội giam cầm, đánh đập, bắt trâu, dắt bò, bán con, bán chó, thiếu thuế, trễ hạn thanh toán đều đắc tội với nhà nước cả. Thậm chí bán con gái thân yêu của mình cho bọn giàu có làm vợ bé, tôi mọi để trả nợ, nộp thuế. Mọi nỗi bất hạnh đổ dồn cho người dân nghèo khó phải chịu chẳng biết kêu ca với ai, cũng chẳng ai cứu giúp mình nổi"[5].

Người nông dân lại còn tiếp tục bị bóc lột thậm tệ bởi thủ đoạn cho vay nặng lãi của địa chủ và tư sản tài chính Pháp. Vay của Nông khố ngân hàng phải trả lãi đúng kỳ từ 10-20% số tiền vay. Nếu không trả kịp sẽ dẫn đến lãi mẹ đẻ lãi con, nợ nần sẽ trở nên chồng chất. Trong những năm dân

---

[1] Báo *Tiếng Dân* ngày 18/5/1932

[2] Báo *Tiếng Dân* ngày 15/5/1935

[3] Báo *Tiếng Dân* ngày 11/5/1938

[4] *Báo Tiếng Dân ngày* 21/1/1932

[5] Lời kể của ông Nguyễn Tường, cán bộ hưu trí huyện Hoà Vang.

www.thuvien247.net

đói kém, thực dân Pháp vẫn tiếp tục việc bắt xâu, nếu không đủ số lượng, chúng không ngần ngại bắt cả trẻ em bổ sung vào. Viên Công sứ Thị trưởng Đà Nẵng không hề giấu giếm khi báo cáo với cấp trên của y rằng: "Một số người được tuyển mộ hình như quá trẻ, do đó, khá nhiều cha mẹ đã đến gặp tôi để đòi lại con họ... Tôi xin phép về vấn đề này lưu ý ngài về sự kiện có khi những người được tuyển mộ tuy khai là 18 tuổi nhưng thật ra chỉ đúng 14 hay 15 tuổi"[1].

Nhất là trong những năm xảy ra khủng hoảng kinh tế của hệ thống tư bản chủ nghĩa, thực dân Pháp thực hiện chính sách kinh tế mới làm cho tình trạng sản xuất kinh doanh ở Đà Nẵng ngày càng sa sút dẫn đến nạn thất nghiệp tràn lan của công nhân. Hàng hóa do nhân dân lao động làm ra thứ gì cũng rẻ. Gạo của nông dân bán không được vì giá quá hạ. Một ang lúa năm 1931 là 0,30$, năm 1932 là 0,18$, năm 1933 là 0,09$[2]. Gạo rẻ nhưng người lao động không có việc làm và làm không ra tiền, nên đời sống hết sức vất vả. Những năm xảy ra chiến tranh thế giới đời sống nông dân càng thêm khốn quẫn, do hàng hóa thiết yếu của nước ngoài giá tăng vọt, trong khi giá nông sản ở thuộc địa lại rất hạ vì nạn độc quyền của bọn thống trị. Người nông dân bán một ký lúa chỉ được 1$ nhưng mua một thước vải phải mất 3$.

Đời sống khốn quẫn dẫn đến sự phân hóa sâu sắc ở chốn thôn quê. Nhiều nông dân phải bỏ ruộng vườn tìm ra thành phố xin vào làm công trong các công xưởng, nhà máy,

---

[1] Dẫn theo: Liên hiệp Công đoàn Quảng Nam - Đà Nẵng: *Phong trào công nhân và Công đoàn Quảng Nam - Đà Nẵng từ khi thành lập đến năm 1954*. Nxb Đà Nẵng, 1987. tr. 21.

[2] Báo Tiếng Dân số 579, ngày 13.4.1933.

www.thuvien247.net

trở thành công nhân chuyên nghiệp hoặc công nhân theo mùa vụ. Một số người xoay sang làm các nghề phụ như đan lát, làm mộc, làm nề, hoặc chuyển sang buôn bán nhỏ.

5. Sinh hoạt văn hoá, giáo dục

Ở thành phố "nhượng địa" có nhiều hoạt động văn hoá nghệ thuật. Những kịch trường, sân khấu, rạp chiếu phim (rạp Lạc Khoanh, hay còn gọi rạp Nguyễn Khôn Lệ) được xây dựng để thỏa mãn nhu cầu sinh hoạt văn hóa của thị dân. Các đoàn cải lương danh tiếng miền Nam ra, như gánh hát của Năm Châu - Phùng Há, các đoàn ca kịch từ Huế vào, rồi các gánh xiếc của Tạ Duy Hiển, Long Tiên cũng từng đến đây, được người xem cổ vũ. Có lần một gánh xiếc của người Anh cũng đã đến đây biểu diễn. Nhân dân vẫn mê nhất là hát tuồng (hát bội). Tại thành phố có các rạp hát Thông Quang, Hoà Bình và Vĩnh Lạc. Lúc này ở Hoà Vang xuất hiện gánh hát bội La Bông[1] diễn những vở tuồng cổ như "Tam Quốc", "Ngũ Hổ", "Sơn Hậu", "Lý Mã Hiền", "Đào Phi Phụng"... Ngoài Hoà Vang, gánh hát còn đi diễn ở một số làng của tỉnh Quảng Nam.

Nhưng cũng tại "nhượng địa" Đà Nẵng, nhiều loại sách kiếm hiệp, bói toán được phát hành. Nhiều sòng bạc, tiệm hút, tiệm nhảy, nhà chứa... phát triển.

Từ năm 1940 trở đi, Chính quyền Pháp ở Đà Nẵng càng đẩy mạnh phong trào thể thao nhằm đánh lạc hướng chính trị của nhân dân. Thoạt đầu ở thành phố có sân túc cầu và một đội bóng đá mang tên "Đội bóng đá Tourane". Hoạt động thể dục thể thao được chính quyền thực dân khuyến

---

[1] Gánh hát này của thôn La Bông, nay thuộc xã Hoà Tiến.

www.thuvien247.net

khích và bảo trợ, nó nằm trong chủ trương lôi kéo thanh niên Đông Dương bằng các hoạt động thể dục, thể thao của viên đại tá Ducouroy. Sân vận động thành phố, cầu nhảy được xây dựng. Đội bóng đá Tourane đi thi đấu ở các tỉnh, thành, tham gia tranh giải bóng đá Đông Dương hàng năm. Đội đua xe đạp cũng được thành lập, có vận động viên tham gia đội đua xe đạp vòng quanh Đông Dương. Từ năm 1941 trở đi, khi quân đội phát xít Nhật vào Đà Nẵng, bộ máy thông tin Nhật cũng ra sức tuyên truyền văn hoá Nhật, mở lớp dạy tiếng Nhật, truyền bá tư tưởng "Đại Đông Á" vào quần chúng, nhất là vào thanh niên, trí thức.

Thiên Chúa giáo, Tin Lành, Phật giáo phát triển mạnh. Nhà thờ, đền chùa xây dựng nhiều nơi. Nhà thờ chính tòa Thiên Chúa giáo xây dựng năm 1923. Năm 1933, khi Hội chấn hưng Phật giáo ở Trung kỳ ra đời thì Hội Phật học ở Đà Nẵng cũng được thành lập. Phong trào Phật giáo Đà Nẵng đã vươn lên về mặt tổ chức và cải tiến sinh hoạt. Tăng học đường được thành lập đào tạo lớp tăng sĩ mới một cách có tổ chức và hệ thống. Thượng tọa Thích Bích Liên và Thượng tọa Thích Giáo Phong đứng ra lập tạp chí Tam Bảo để khuếch trương Phật pháp.

Cao Đài Đà Nẵng thuộc phái Minh Chơn Đạo Hậu Giang. Năm 1937 Chưởng pháp Trần Đạo Quang từ Hậu Giang ra Quảng Nam kêu gọi các tín đồ và chức sắc Minh Sư quy hiệp Cao Đài. Tiếp đến, năm 1938 Chưởng pháp Lê Kim Tỵ cùng với một số chức sắc của phái Tiên Thiên cũng được cử ra cùng với Chưởng pháp Trần Đạo Quang vận động các tín đồ xây dựng tại Đà Nẵng một thánh thất, đặt cơ sở cho việc truyền đạo ở miền Trung. Ngày 7/5/1938 thánh thất Trung Thành của Cao Đài trên đường Đỗ Hữu Vị khánh thành, có gần 200 tín đồ Cao Đài từ miền Nam ra dự nhằm

www.thuvien247.net

khuếch trương thanh thế cho đạo. Ngày 3/3/1939 (rằm tháng giêng) các chức sắc Cao Đài tuyên bố thành lập Quyền Hội thánh Trung Kỳ tại Trung Thành thánh thất. Năm 1940, tại Nam Kỳ thực dân Pháp đàn áp các giáo phái Cao Đài thân Nhật thì tại Đà Nẵng Chưởng pháp Lê Kim Tỵ cũng bị bắt giam tại Phú Bài, Trung Thành thánh thất bị đóng cửa cho đến sau ngày 9/3/1945 mới hoạt động trở lại.

Với Tin Lành, do phái bộ của giáo phái này điều đình được với Khâm sứ Trung Kỳ, được Khâm sứ thỏa thuận sẽ làm ngơ cho các mục sư hoạt động truyền bá đức tin nên năm 1921 giáo phái này mở trường Thánh Kinh Đà Nẵng đào tạo lớp thánh kinh đầu tiên. Năm 1923 một chi hội nhánh của Tin Lành Đà Nẵng được thành lập tại Hội An. Năm 1927 Tin Lành đã có 5000 tín đồ ở Đà Nẵng. Đến năm 1930 trường Thánh Kinh Đà Nẵng đã đào tạo được hơn 300 tín đồ, trong đó có 230 tín đồ hoạt động truyền giáo đắc lực.

Trong những năm này, đời sống văn hoá, tư tưởng ở Đà Nẵng có những nét mới. Thành phố có câu lạc bộ văn chương, đã có một số người hoạt động báo chí, viết tiểu thuyết, một số người dân bắt đầu chơi cây cảnh, một số phụ nữ cắt tóc ngắn. Bấy giờ, tiểu thuyết *Đông Tây mỹ nhơn* của Huỳnh Thị Bảo Hoà in năm 1927 "biểu dương cái gương tiết nghĩa" (chữ dùng của tác giả) của người phụ nữ, được người đọc đương thời rất hoan nghênh. Huỳnh Thị Bảo Hoà còn viết nhiều bài đăng trên các tờ *Thực nghiệp dân báo*, *Nam Phong*, *Tiếng Dân*, *Phụ nữ tân văn*. Bà còn viết ký sự *Bà Nà du ký* và biên soạn *Chiêm Thành lược khảo*[1]. Nguyễn Sơn Trà viết bài gửi đăng trên nhiều báo

[1] Huỳnh Thị Bao Hoà là người phụ nữ đầu tiên ở Đà Nẵng viết tiểu thuyết và biên khảo. Ở nước ta thời bấy giờ, trước Huỳnh Thị Bao Hoà có nữ sĩ Đạm

www.thuvien247.net

như: *Phụ nữ Tân văn*, *Công luận*, *Nghe thấy*, *Essor Indochinois*, *Ánh sáng*....

Ở Đà Nẵng bấy giờ có tờ báo tiếng Pháp *Les Pays d'Annam* (Xứ An Nam) và tờ *Vệ sinh báo*, nhưng *Vệ sinh báo* sớm tự đình bản. Báo chí trong Nam, ngoài Bắc chuyển đến ngày một nhiều, như *Tiểu thuyết thứ bảy*, *Phụ nữ thời đàm*, báo *Tiếng Dân* của Huỳnh Thúc Kháng ở Huế viết nhiều bài về thực trạng thôn quê, *Thực nghiệp dân báo* ở Hà Nội với nhiều bài viết về phong trào đấu tranh đòi trả tự do cho Phan Bội Châu, khích lệ tinh thần yêu nước của các giới đồng bào, *Chuông rè* (La Cloche Félee) của Nguyễn An Ninh phê phán chế độ thuộc địa Pháp, đăng cả *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* của Mác và Ăngghen, một số bài viết trên báo *Nhân Đạo* của Đảng Cộng sản Pháp. Các sách của nhà sách Ấm Băng (Trung Quốc) như *Hồi trống tự do*, *Tiếng chuông truy hồn* có nội dung tư tưởng tiến bộ do Trần Hữu Độ dịch; cả các sách báo viết về chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn cũng đến Đà Nẵng, Hoà Vang.

Luồng từ Pháp gửi sang qua đường bưu điện Đà Nẵng, qua tay những thủy thủ người Việt là hội viên Hội Người Việt Nam yêu nước lập ở Pháp chuyển vào bến cảng Đà Nẵng, hoặc vào Sài Gòn rồi đưa ra gồm sách của các nhà tư tưởng Pháp Diderot, Romain Rolland, Victor Hugo. Đặc biệt là sự xuất hiện của báo *Việt Nam hồn*, và nhất là báo *Người cùng khổ* lên án cái gọi là khai hóa văn minh của chủ nghĩa đế quốc nói chung và thực dân Pháp nói riêng, truyền bá tư tưởng cộng sản, Cách mạng Tháng Mười Nga và kêu gọi các dân tộc thuộc địa đoàn kết lại để đấu tranh tự giải phóng. Trong một báo cáo mật, viên Đốc lý Đà Nẵng cho rằng an ninh ở

Phương viết tiểu thuyết *Kim Tú cầu* (thể loại bi tình tiểu thuyết) đăng nhiều kỳ trên *Trung hòa tân văn* (từ tháng 5 - 7/1923).

www.thuvien247.net

dây đang bị đe dọa bởi sự du nhập ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga, rằng đã có một chuyến tàu viễn dương chạy từ Sài Gòn ghé qua cảng Đà Nẵng phân phát cho công nhân bốc vác và những thủy thủ ở đây 27 tờ báo *Nhân đạo*, 12 tờ truyền đơn và những tờ báo có bài kỷ niệm ngày Quốc khánh Pháp 14/7, trong đó lại lên tiếng kêu gọi nhân dân Đông Dương chống cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai và truyền đơn của Quốc tế Cộng sản kêu gọi nhân dân Đông Dương gia nhập Đảng Cộng sản.

Về giáo dục, ngoài trường dành riêng cho con người Pháp (nay là trường Phan Châu Trinh), do số học sinh của trường dành cho con em người Việt ngày một đông nên chính quyền thành phố tách học sinh ra làm hai trường: trường dành cho con trai (nay là trường Kim Đồng) và trường dành cho con gái (nay là trường Phù Đổng). Chương trình dạy gồm có một lớp trọn khóa, một lớp sơ học yếu lược. Ở thời điểm năm 1922 giáo viên trực tiếp giảng dạy có 12 người, trong đó có 1 người Âu và 11 người Việt (5 thầy cô giáo và 6 giảng tập viên), có 406 học sinh, trong đó có 340 học sinh nam và 66 học sinh nữ. Loại trường này ở Đà Nẵng ít hơn rất nhiều so với các nơi khác. Huế có 4 trường với 29 giáo viên; Quảng Nam 113 trường, với 139 giáo viên và 2990 học sinh. So với Huế ở phía Bắc, Quảng Nam ở phía Nam, số trường lớp, học sinh, giáo viên của Đà Nẵng đều ít hơn.

Với loại trường tiểu học được trợ cấp bằng ngân sách bản xứ, trong 16 tỉnh thành ở miền Trung, Đà Nẵng đứng thứ 13 từ trên xuống và thứ 4 từ dưới lên về số trường. Đà Nẵng không có loại trường hoạt động do làng xã chịu trách nhiệm.

Tại trường Pháp - Việt thực dân Pháp bắt học sinh phải nhận mình là người Pháp, là "dân Tây", ở lớp nhì và lớp nhất

www.thuvien247.net

học sinh phải học tiếng Pháp, lịch sử Pháp với những câu như: "Tổ quốc ta là nước Gaule. Tổ tiên ta là người Gauloi" (tức nước Pháp, dân tộc Pháp), vào lớp phải hát bài hát ca ngợi "công ơn" nước Pháp.

Đà Nẵng không có bậc giáo dục trung học công lập. Học sinh sau khi học xong tiểu học, muốn học lên phải ra Huế hoặc vào Sài Gòn, ra Hà Nội, hoặc vào Quy Nhơn. Đối với học sinh người Việt đi học xa như thế quả là không dễ.

Theo báo cáo chính trị của Sở Mật thám Đà Nẵng tháng 3/1933, ở Đà Nẵng có 9 trường tư thục: Trường Phước Thạnh có 60 học sinh, trường Văn Thiên có khoảng 50 học sinh, trường Đồng Nam có khoảng 30 học sinh, trường Hải Học có 70 học sinh, trường Khai Trí có 50 học sinh, trường Minh Trí có 10 học sinh, trường Đồng Mỹ có 20 học sinh, trường Quảng Trị có 20 học sinh, trường Nam Dương, trường Phú Quốc (của Hoa kiều) có khoảng 60 học sinh. Năm 1937 có trường tư thục bổ túc Thành Chung (Institution primaire complémentaire) được thành lập do sáng kiến và tâm huyết của một số cán bộ cách mạng và trí thức ở Quảng Nam và Đà Nẵng không muốn đi làm công chức cho Pháp và Nam triều. Năm 1940 có một trường trung học tư thục mang tên Chấn Thanh. Trong năm học đầu tiên, trường có 2 lớp đệ nhất niên, một lớp đệ nhị, 1 lớp đệ tam niên[1].

Tổng hợp các loại trường tiểu học Pháp - Việt thì hoạt động giáo dục ở Đà Nẵng không phong phú bằng các tỉnh khác. Nhưng nhìn ở số người đi học trên tổng số dân thì lại khác. So với một số tỉnh có số trường nhiều vào loại nhất nhì thì Đà Nẵng là địa phương có số người đi học cao nhất: Chỉ

---

[1] Ban liên lạc cựu học sinh trường trung học Chấn Thanh Đà Nẵng: *Hồi ký về trường Chấn Thanh (1940-1941)*. Nxb Đà Nẵng, 2001, tr. 38.

www.thuvien247.net

tính thời điểm năm 1922 với 2 trường công dành cho con em người Việt đã có 406 học sinh trên tổng số dân 16.000 người, bình quân 39 người có 1 người đi học.

Theo Nghị định của Toàn quyền Đông Dương, năm 1931 tại Đà Nẵng chính quyền thực dân cho mở trung tâm dạy ngôn ngữ phương Đông, dạy tiếng Việt cho binh lính Pháp. Đây là một trong 6 tỉnh, thành của Trung Kỳ được mở trung tâm này (cùng với Huế, Vinh, Thanh Hoá, Hội An, Đà Lạt).

Với Hoà Vang, có thể thấy rõ một điều là dưới thời thuộc Pháp, giáo dục ở đây chủ yếu là dân lập, do dân tự mở lớp, mở trường, không có sự đầu tư của nhà nước thực dân.

Năm 1926 đánh dấu bước ngoặt lớn của trường An Phước: từ trường dân lập chuyển thành trường công lập, thu nhận học sinh cả tổng An Phước. Chính quyền thực dân đã công nhận trường này thành trường của tổng An Phước. Đây là bước tiến của giáo dục Hòa Vang. Trường có 2 lớp: lớp Đồng ấu (lớp năm), lớp Dự bị (lớp tư). Các lớp cao luôn tiếp tục được mở ở các năm sau: lớp Sơ đẳng (lớp ba), năm 1932 có lớp Nhì nhất niên. Cũng trong năm này trường tổng An Phước đổi tên thành Trường Sơ học An Phước. Trường thu hút cả học sinh của các tổng Phước Tường, Thanh An, An Thới. Năm 1938 trường mở thêm lớp Nhì nhị niên. Học sinh ngày càng đông. Nhân dân đã lạc quyên, góp tiền cùng chính quyền địa phương xây dựng trường An Phước thành trường tiểu học hoàn chỉnh. Năm 1939 trường có lớp nhất và cũng trong năm này, trường đổi tên thành Trường Tiểu học An Phước có đủ 5 lớp của hệ tiểu học và tổ chức thi bằng sơ học yếu lược cho học sinh các trường trong huyện Hòa Vang[1].

---

[1] Ban Liên lạc cựu học sinh trường An Phước: *Trường tiểu học An Phước 95 năm truyền thống*. Nxb Giáo Dục, 2003, tr. 13-16.

www.thuvien247.net

II. CÁC CUỘC VẬN ĐỘNG DÂN CHỦ VÀ PHONG TRÀO CÁCH MẠNG TIẾN TỚI KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN

1. Các cuộc vận động dân chủ và sự ra đời của các tổ chức chính trị theo xu hướng cách mạng vô sản

Chiến tranh thế giới kết thúc, một số lính thợ bị Pháp bắt đi tham chiến ở chiến trường châu Âu được hồi hương đem theo những thông tin như: về bản yêu sách do một nhóm người Việt Nam yêu nước ở Pháp thay mặt nhân dân Việt Nam viết, được Nguyễn Ái Quốc trực tiếp mang đến gửi Hội nghị Versailles; về Đảng Cộng sản Pháp đã thành lập; về việc Phan Châu Trinh viết thư gởi Khải Định và cho đăng lên báo cùng với rải truyền đơn ngay tại Pháp kể 7 tội đáng chém của ông vua này, rồi những bài báo của Nguyễn Ái Quốc vạch trần chuyến đi Pháp dự Hội chợ triển lãm thuộc địa tại Marseille làm nhục quốc thể của vua Khải Định.

Việc chính trị phạm trong các phong trào chống thuế, mưu khởi nghĩa 1916 hết hạn tù trở về cũng tác động không nhỏ đến bầu không khí chính trị của thành phố, bởi từ khi ở Côn Đảo những người này đã bàn cách khi ra tù trở về đất liền sẽ tiếp tục hoạt động, như trong văn bản thông báo của Quyền Khâm sứ Trung kỳ gửi Công sứ, Đốc lý Đà Nẵng và Đà Lạt lưu ý về mục đích của những người này là "tổ chức việc các đồng chí vượt ngục và khi được trả tự do lại tuyên truyền làm loạn chống chính phủ bảo hộ"[1]. Các nhà yêu nước như Lê Bá Trinh, Cử Luyện, Khóa Hàng khi được ra tù trở về thường gặp thanh niên nói chuyện thời sự, kể về những hoạt động bôn ba cứu nước của mình. Những câu chuyện này góp

---

[1] Dẫn theo Đinh Trần Dương: *Ý chí cứu nước của nhóm sĩ phu bị tù ở Côn Đảo đầu thế kỷ XX*. Nghiên cứu Lịch sử số 2 (327), tháng 3-4/2003, tr. 71.

www.thuvien247.net

phần kích thích tinh thần yêu nước cho học sinh, thanh niên, cho nhân dân lao động ở thôn quê, công nhân ở thành phố.

Tiếp đến là sự kiện Phan Bội Châu bị thực dân Pháp bắt đưa về xử án trong nước bất thành, phải quản thúc tại Huế. Khi cụ Phan vào Đà Nẵng ở nhà dược sĩ Phạm Doãn Điềm, một số trí thức, thanh niên yêu nước đến thăm, được nghe nhà yêu nước lão thành nói về trách nhiệm cứu nước cứu dân. Theo hồi ký của Phan Văn Định, khi mọi người đến thăm cụ Phan Bội Châu có nói rằng: "Anh em làm nghề gì bây giờ cũng là nô lệ. Ngay bác sĩ Điềm ở đây cũng là nô lệ của chúng. Anh em trẻ, sức dài vai rộng, nên tìm cách thoát cho được ách nô lệ này". Có một hôm cụ lại đột ngột nói: "Ta với Pháp nên đề huề với nhau cho nước giàu dân mạnh". Nhưng khi nghe hỏi "đề huề" với Pháp là như thế nào thì Cụ im lặng không trả lời. Điều này làm cho mọi người lúc đầu có băn khoăn, nhưng sau đó tự hiểu rằng, cụ Phan Sào Nam nói "đề huề" như vậy chẳng qua chỉ là để tránh tai mắt bọn mật thám hằng ngày vẫn rình rập dò la quanh Cụ mà thôi[1].

Bầu không khí chính trị ở Đà Nẵng đã có những chuyển biến khác hẳn trước. Những vấn đề thời sự, chính trị được đem ra thảo luận sôi nổi. Một số trí thức, nhà buôn, công chức có tư tưởng tiến bộ, yêu nước thường gặp nhau bàn luận như Nguyễn Văn Tùng (Hội trưởng Hội đồng thành phố, thường gọi Hội đồng Tùng), bác sĩ Lê Đình Thám, Lê Đình Thuần, y sĩ Thịnh (thường gọi Đốc Thịnh), dược sĩ Phạm Doãn Điềm, thầy thuốc Bắc Bốn Xáng; các công chức trong ngành bưu điện như Lê Văn Hiến, Nguyễn Tường; những người lái xe như Nguyễn Hữu Trợ, Nguyễn Bình, Phan Hữu

---

[1] Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng và Hội Văn nghệ Quảng Nam - Đà Nẵng: *Buổi đầu gieo hạt* (Hồi ký, nhiều tác giả), tr. 44-45.

www.thuvien247.net

Mỹ, Trần Đình Hồng, Phan Văn Định. Trong phong trào phụ nữ có Trần Thị Loan, Huỳnh Thị Bảo Hòa tổ chức diễn thuyết về trí đức của nữ giới.

Một hiện tượng nổi bật lúc này là sự ra đời và hoạt động của một số hội quần chúng: Hội Ái hữu lái xe Trung Kỳ được thành lập vào đầu năm 1926, do Phạm Phú Phò làm Hội trưởng. Điều lệ Hội nêu rõ mục đích lập hội nhằm tương trợ lẫn nhau khi bị tai nạn hay mất việc. Hội đẩy mạnh các hoạt động như tổ chức sinh hoạt báo chí, lập các nhà trọ cho anh em lái xe và hành khách có chỗ nghỉ trọ trên đường Đà Nẵng - Nha Trang. Tiếp đến là Đà Thành nữ công học hội thành lập ngày 29/7/1928, do Huỳnh Thị Bảo Hòa làm hội trưởng[1]. Hội đề ra chương trình giảng dạy và diễn thuyết cho hội viên về nữ công gia chánh, tổ chức đọc sách báo, bàn luận về luân lý, bổn phận người phụ nữ trong gia đình và ngoài xã hội. Năm 1929 có Hội Trường Xuân tương tế của những người công nhân chung vốn lập tiệm buôn, nhưng hội này mới mở được mấy cuộc họp đề ra yêu sách đòi tăng lương đã bị nhà cầm quyền giải tán. Ngoài ra còn có một số hội khác. Đến năm 1932 có Đà thành Bắc Kỳ bảo trợ hội tập họp những người quê ở các tỉnh miền Bắc làm việc và sinh sống tại Đà Nẵng, Hoà Vang, do Tri huyện Hoà Vang Phạm Kính Tế làm Hội trưởng.

Năm 1925 Phan Châu Trinh về nước, ở tại Sài Gòn, vừa mới diễn thuyết hai lần về *Đạo đức và luân lý Đông Tây*, về *Dân trị chủ nghĩa và Quân trị chủ nghĩa* thì bị bệnh qua đời. Sự ra đi của nhà chí sĩ đã gây xúc động mạnh mẽ trong nhân dân khắp ba kỳ, góp phần làm thức tỉnh tinh thần dân tộc. Một cuộc vận động để tang Phan Châu Trinh kết hợp với đòi

---

[1] Đây là một hội thành viên của Nữ công học hội Trung Kỳ do bà Đạm Phương sáng lập.

www.thuvien247.net

tự do dân chủ, chống chủ trương "Pháp - Việt đề huề" của đảng Lập Hiến và đòi nhà cầm quyền Pháp phải thả nhà yêu nước Nguyễn An Ninh đang bị chúng giam giữ được quần chúng nhân dân cả nước nhiệt liệt tham gia. Tại Đà Nẵng, ông Nguyễn Văn Tùng nhân danh ủy viên Hội đồng thành phố viết đơn cùng với các ông Phan Diêm, Thúc Ký làm việc ở Sở Thương chánh đến gặp viên Công sứ Thị trưởng thành phố Garnia xin tổ chức lễ truy điệu. Ban này được thành lập gồm có Nguyễn Văn Tùng, Phạm Doãn Điềm, Nguyễn Đình Thuần, Lê Khắc Nhơn, Bùi Châu, Đặng Văn Tế, Huỳnh Thị Bảo Hòa... Ngày 3/4/1926, một buổi lễ truy điệu với hơn 300 người tham dự diễn ra tại trường Cự Tùng. Ngày hôm sau, đúng vào ngày đưa tang Phan Châu Trinh (4/4), học sinh các trường tại Đà Nẵng tổ chức bãi khóa, còn tại trụ sở Hội đồng thành phố diễn ra buổi lễ truy điệu trọng thể, có đến mấy ngàn người tham dự để tang nhà chí sĩ, nhân dân đứng cả hai bên đường trước mặt nhà thương Đà Nẵng. Điếu văn trong buổi lễ ghi nhận những hoạt động vì dân vì nước của Phan Châu Trinh với lời văn cảm động, gây ấn tượng mạnh mẽ đối với những người tham dự. Tại Hòa Vang, một số thanh niên công chức và nhà giáo cũng đứng ra vận động thanh niên các xã làm lễ truy điệu nhà chí sĩ.

Từ sau buổi lễ truy điệu Phan Châu Trinh, các cuộc vận động chính trị tiến dần đến công khai, với các hoạt động chống đối chủ người Pháp, đòi dân sinh dân chủ. Các phong trào dùng hàng nội hóa, đọc sách báo diễn ra sôi nổi. Hội Ái hữu lái xe Trung Kỳ phát triển lên đến 200 hội viên. Từ những hoạt động này, nhóm thanh niên cốt cán Phan Văn Định tiến tới bàn biện pháp tổ chức các buổi bãi công, đòi chủ không được cúp lương, tăng giờ làm, đánh đập anh em lái xe; chuyền tay nhau đọc sách báo bí mật, bàn chuyện chính trị,

www.thuvien247.net

qua đó tuyên truyền giáo dục tinh thần yêu nước, chống Pháp xâm lược cho hội viên. Từ Hội Ái hữu này, ban trị sự giao cho lái xe làm việc ở các công sở lập ra chi hội ái hữu của công sở mình. Do đó, chỉ sau một thời gian số hội viên của hội tăng lên rất nhanh.

Cũng trong thời gian này tại Đà Nẵng còn diễn ra việc thành lập Việt Nam Tấn bộ dân hội (nhưng tên chữ Pháp lại là Parti Progressite Annamite, tức Việt Nam Tấn bộ Đảng[1]). Việc thành lập này bắt đầu từ ý đồ của Phạm Quỳnh muốn thành lập một tổ chức chính trị hợp pháp. Gặp lúc Toàn quyền Varene, đảng viên Đảng Xã hội Pháp đang muốn thi hành chính sách mỵ dân, nên ý định này được một số nhân sĩ trí thức tiến bộ có tinh thần dân tộc như Ngô Đức Kế, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Đình Nam, Lê Thước, Nguyễn Đình Ngạn... ở hầu hết các tỉnh Trung kỳ và một vài đại biểu các tỉnh Bắc kỳ hưởng ứng nhằm tranh thủ tính công khai hợp pháp để hoạt động chính trị. Sau nhiều cuộc vận động ở cả ba kỳ, 40 người tham gia sáng lập đã họp đại hội tại một bãi cát ở Đà Nẵng vào ngày 10/9/1926[2] để thành lập tổ chức này. Đây là một tổ chức chính trị hợp pháp, hướng vào mở mang dân trí, chấn hưng kinh tế cho đất nước. Phan Bội Châu được mời làm Hội trưởng. Các đảng viên Hưng Nam cũng cử Lê Văn Huân, Hoàng Đức Thi, Đào Duy Anh tham gia hội nghị với dụng ý lợi dụng hoạt động công khai của Việt Nam Tấn bộ dân hội để phát triển đảng bí mật của mình. Đại hội thông qua điều lệ, cương lĩnh và dự định chọn đất "nhượng địa"

---

[1] Theo Đào Duy Anh trong hồi ký *Nhớ nghĩ chiều hôm*. Nxb Tre, 1981, tr. 21. Cũng theo Đào Duy Anh thì thời gian thành lập lại vào khoảng đầu mùa hè 1927. Có thể ông nhớ không chính xác.

[2] Theo tài liệu của Sở Mật thám Đông Dương. Nguyễn Ngọc Cư dịch, đăng trên tập san Sử - Địa, xuất bản tại Sài Gòn, số 22/1971, tr. 151.

www.thuvien247.net

Tourane làm nơi đặt trụ sở. Trần Đình Nam và Lê Văn Huân được giao nhiệm vụ đứng tên Phan Bội Châu làm thủ tục báo cáo với Toàn quyền Đông Dương về việc lập hội của mình. Nhưng bấy giờ Varene bị gọi về Pháp, Pasquier sang thay liền ra lệnh giải tán tổ chức này.

Việt Nam Tấn bộ dân hội bị giải tán liền ngay sau ngày thành lập khiến cho các đảng viên Hưng Nam rơi vào tình trạng bất hợp pháp, buộc phải đổi tên thành Việt Nam Cách mệnh đảng. Cũng từ đây diễn ra một bước ngoặt trong tư tưởng các nhà yêu nước. Họ buộc phải dứt khoát từ bỏ hoạt động chính trị công khai để đi vào con đường cách mạng hợp pháp chống lại chế độ thuộc địa, giành độc lập cho nước nhà.

Như vậy, đầu những năm 20 của thế kỷ XX bầu không khí chính trị ở Đà Nẵng đã có những biến chuyển, phong trào yêu nước và dân chủ vẫn tiếp tục. Một nét mới nữa trong những năm này là đã xuất hiện các hội, có hội hoạt động mang màu sắc chính trị, chứng tỏ rằng quần chúng rất có ý thức trong việc thành lập tổ chức để qua đó tương trợ lẫn nhau, bồi dưỡng nâng cao tinh thần yêu nước. Tuy nhiên, về mặt tư tưởng vẫn chưa thật sự định hình vì hiện có nhiều luồng tư tưởng thâm nhập vào Đà Nẵng. Trong đó, tư tưởng Tam dân chủ nghĩa và dân chủ tư sản đều không trụ lại được bởi tính không triệt để, không thực tế của nó. Tư tưởng xã hội chủ nghĩa thì cũng chỉ mới gây được dấu ấn bước đầu ở đây qua một ít sách báo có tư tưởng Mác xít từ Pháp chuyển đến. Chính vì vậy nên cũng chưa thể có một tổ chức cách mạng theo một đường lối cứu nước rõ ràng. Điều này không phải chỉ do hạn chế của phong trào yêu nước, dân chủ ở Đà Nẵng mà nó còn phải phụ thuộc vào tình hình chính trị chung của cả nước lúc bấy giờ.

www.thuvien247.net

Nửa cuối những năm 20 của thế kỷ XX phong trào yêu nước và dân chủ mang tính tự phát đã phát triển đến một đỉnh cao, phong trào công nhân cũng ngày càng lan rộng trong cả nước. Đã nổ ra nhiều cuộc đấu tranh của công nhân ngay tại các thành phố lớn, là những trung tâm kinh tế, chính trị của thực dân Pháp. Qua đó, ý thức giai cấp và tính tổ chức của công nhân được nâng lên trong quá trình đấu tranh. Nhiều cuộc đấu tranh của nông dân chống địa chủ cường hào cướp đoạt ruộng đất, chống phù thu lạm bổ cũng diễn ra ở nhiều nơi. Đây cũng là thời gian diễn ra cuộc đấu tranh giữa hai đường lối, đường lối của giai cấp vô sản và đường lối của giai cấp tư sản, hay là đường lối cách mạng và đường lối cải lương, đề huề, "hòa bình cách mạng".

Chính trong bối cảnh trên, từ 1925-1927 ba tổ chức cách mạng đã ra đời: Hội Việt Nam cách mệnh thanh niên, Tân Việt cách mệnh đảng (gọi tắt là Tân Việt) và Việt Nam quốc dân đảng.

Sự ra đời của ba tổ chức cách mạng trên chứng tỏ cách mạng Việt Nam "đương qua buổi giao thời với những chuyển biến gấp rút, vươn tới một giai đoạn cao hơn"[1].

Trong lúc yêu cầu bức thiết đang đặt ra đối với quần chúng Đà Nẵng là cần phải hình thành một tổ chức cách mạng có đường lối cứu nước rõ ràng thì gặp lúc cả ba tổ chức cách mạng trên cùng đưa chương trình của mình ra tranh thủ quần chúng, nhưng chỉ có Hội Việt Nam cách mệnh thanh niên và Tân Việt phát triển được vào Đà Nẵng. đẩy phong trào yêu nước ở đây chuyển lên một giai đoạn mới, dẫn đến sự ra đời hai tổ chức cách mạng tiền thân ở Đà Nẵng và Quảng Nam.

---

[1] Trần Huy Liệu: *Lịch sử tám mươi năm chống Pháp*. Q1. Ban Nghiên cứu Văn Sử Địa xuất bản, 1956. tr. 263.

www.thuvien247.net

Ngay sau khi thành lập, Hội Việt Nam cách mệnh thanh niên liền mở lớp huấn luyện chính trị cho cán bộ cốt cán những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối cứu nước, phương pháp cách mạng, tiếp đến cử người về nước vận động hình thành tổ chức. Tại Đà Nẵng, tổ chức này được phát triển từ hai đầu mối: thông qua hoạt động của Đỗ Quang và một số học sinh ở Nhà hội Quảng Nam tại Huế và thông qua Nguyễn Tường trong Hội Ái hữu lái xe miền Trung.

Từ những năm 1917 trở đi, số học sinh Đà Nẵng, Quảng Nam ra Huế học ngày càng đông, phần lớn ăn ở tại Nhà hội Quảng Nam do những nhân sĩ, trí thức, những nhà hằng tâm hằng sản của quê nhà góp tiền lập ra. Được kích thích bởi tinh thần cách mạng quật cường của quê nhà, nhất là những sự kiện còn nóng hổi như cuộc biểu tình chống xâu thuế, rồi vụ mưu khởi nghĩa năm 1916 với sự hy sinh oanh liệt của những nhà chí sĩ Thái Phiên, Trần Cao Vân, lại nhạy cảm với nỗi nhục mất nước nên tinh thần yêu nước, ý thức chính trị sớm được hun đúc trong số học sinh này. Họ lại thường đến thăm và nghe cụ Phan Bội Châu nói chuyện, cũng tại đây họ được nghe người con rể của cụ là Vương Thúc Oánh phái viên của Hội Việt Nam cách mệnh thanh niên tuyên truyền giác ngộ nên sớm tiếp thu được tư tưởng cách mạng.

Tháng 4/1927 ở Huế nổ ra cuộc bãi khóa lớn, bắt đầu từ trường Quốc học với những người chủ chốt là Nguyễn Khoa Văn (Huế), Phan Bôi (Quảng Nam)..., rồi nhanh chóng lan sang trường Dòng và trường Đồng Khánh là các trường có nhiều học sinh Quảng Nam, Đà Nẵng theo học, nhằm chống chế độ giáo dục hà khắc, phản đối thái độ miệt thị của giáo viên người Pháp đối với học sinh, đòi được tự do đọc sách báo. Sự kiện này trở thành ngọn lửa châm ngòi cho một phong trào bãi khóa rộng lớn lan ra cả 12 trường tiểu học ở

www.thuvien247.net

Huế. Tất cả học sinh Quảng Nam, Đà Nẵng đều tích cực tham gia cuộc bãi khóa và nhận đi vận động để cuộc bãi khóa được duy trì. Tại quê nhà các bậc phụ huynh và những nhân sĩ, trí thức, công chức đồng tình bằng việc tổ chức lạc quyên góp tiền bạc ủng hộ con em mình. Do đó, cuộc bãi khóa tuy nổ ra ở Huế nhưng lại tác động mạnh đến thái độ chính trị của nhân dân Đà Nẵng, Quảng Nam.

Lo sợ trước sự lan rộng của phong trào, tại Huế nhà cầm quyền Pháp mở cuộc đàn áp, khủng bố, đóng cửa trường, bắt giam hàng loạt học sinh. Đúng lúc này, phái viên của Hội Việt Nam cách mệnh thanh niên là Đỗ Quang, sau khi dự lớp huấn luyện ở Quảng Châu do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc mở trở về nước đã tìm đến gặp, tuyên truyền trong số học sinh Quảng Nam, Đà Nẵng bãi khóa hiện còn có mặt ở nhà Hội rồi làm lễ kết nạp những người này vào Hội Việt Nam cách mệnh thanh niên và thành lập Ban Vận động Hội Việt Nam cách mệnh thanh niên Quảng Nam, gồm: Đỗ Quang, Đỗ Quỳ, Lê Quang Sung, Thái Thị Bôi.

Tháng 6/1927 toàn bộ Ban Vận động Hội Việt Nam cách mệnh thanh niên Quảng Nam chuyển về đứng chân hoạt động tại Đà Nẵng, do Đỗ Quang phụ trách chung.

Nhờ Lê Văn Hiến cựu học sinh tại Huế đang làm việc ở bưu điện Đà Nẵng giới thiệu, Ban Vận động được Nguyễn Văn Tùng ủy viên Hội đồng thành phố cho mượn một căn nhà trên đường Mả Tây[1] và đứng ra xin mở trường dạy học (thường gọi tên là trường Cự Tùng). Các thành viên trong Ban Vận động lấy đây làm chỗ đứng chân hoạt động và làm cơ quan liên lạc bí mật cho Kỳ bộ. Chỉ sau một thời gian ngắn, số học sinh của trường tăng lên khoảng 100, chia ra 5 lớp. Thông qua các bài

[1] Nay là nhà số 54 đường Trần Bình Trọng, quận Hải Châu, Đà Nẵng.

www.thuvien247.net

giảng và tổ chức các buổi tham quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, thầy giáo lồng vào nội dung yêu nước, căm thù giặc Pháp xâm lược để giáo dục cho học sinh và khéo léo tuyên truyền cách mạng ra ngoài quần chúng.

Từ những tháng cuối năm 1927 sang đầu năm 1928, Ban vận động tổ chức cơ quan in ấn tài liệu bằng đông sương cho Kỳ bộ Thanh niên Trung kỳ tại một cơ sở gần Giếng Bộng. Đó là Điều lệ của Hội Việt Nam cách mệnh thanh niên, những truyền đơn truyên truyền cách mạng trong những ngày lễ Quốc tế lao động, Quốc tế chống chiến tranh, một số sách mỏng như *Chủ nghĩa Mã Khắc Tư* (chủ nghĩa Mác), *Phê bình Tam dân chủ nghĩa* của Tôn Dật Tiên, *Phê bình chủ nghĩa Gandi*, *Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản* của Lênin, *Đường Kách mệnh* của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và thơ ca cách mạng để chuyển di tuyên truyền tại các địa phương.

Việc in và phát hành tác phẩm *Đường Kách mệnh* có tác dụng hết sức to lớn đối với tuổi trẻ Đà Nẵng, Quảng Nam đang khao khát có một đường lối cứu nước đúng đắn. Với tác phẩm này, quần chúng thanh niên hiểu được cách mạng tư sản là cách mạng không đến nơi đến chốn, nó chỉ đem lại quyền lợi cho một số ít người, chỉ có cách mạng Nga là cuộc cách mạng đến nơi; nhân dân Việt Nam muốn làm cách mạng thì phải theo con đường cách mạng vô sản. Đúng như mục đích viết sách của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, tác phẩm *Đường Kách mệnh* khi được những thanh niên yêu nước chuyền tay nhau đọc đã đem đến cho họ nền móng lý luận, vũ trang cho họ những kiến thức cách mạng và tư tưởng chính trị cần thiết nhất, làm cho họ khi "xem rồi thì nghĩ lại, nghĩ rồi thì tỉnh dậy, tỉnh rồi thì đứng lên đoàn kết nhau mà làm cách mệnh"[1].

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t2, Nxb CTQG, H, 2000, tr. 262.

www.thuvien247.net

Nhờ thông qua việc in và phát hành các tác phẩm trên, Ban Vận động Hội Việt Nam cách mệnh thanh niên thuận lợi trong việc phát triển hội viên. Tháng 9/1927, chi bộ đầu tiên của Hội Việt Nam cách mệnh thanh niên ở Đà Nẵng được thành lập do Đỗ Quang làm bí thư. Thành phần hội viên chủ yếu là học sinh bãi khóa, còn lại một ít là công nhân, viên chức. Trong số 13 hội viên lúc đầu, có 7 nguyên là học sinh, 1 làm ở Bưu điện, 1 làm ở Sở Lục lộ, 1 làm ở nhà máy xay gạo, 1 làm ở hãng STACA, 1 làm nữ hộ sinh.

Cũng tại Đà Nẵng, trong thời gian Ban Vận động của Đỗ Quang hoạt động tuyên truyền, tổ chức quần chúng thì Nguyễn Tường sau khi được kết nạp vào Hội Việt Nam cách mệnh thanh niên tại trường Kỹ thuật Huế, lúc học xong vào Đà Nẵng làm thợ máy đã tích cực tuyên truyền vận động cho thanh niên, trước tiên là nhóm cốt cán của Hội Ái hữu lái xe miền Trung, rồi mở rộng vào công nhân lao động, người làm công cho các hãng buôn, các công sở của Pháp để phát triển tổ chức. Từ cơ sở quần chúng do Nguyễn Tường tuyên truyền vận động được, tháng 11/1927 Nguyễn Đức Tịnh từ Huế vào thành lập tổ chức Hội Việt Nam cách mệnh thanh niên, do Nguyễn Tường làm tổ trưởng. Cho đến cuối tháng 7/1928 Nguyễn Tường đã hình thành được 3 tổ Thanh niên tại Đà Nẵng. Trong số hội viên thống kê được, có 2 người làm ở bưu điện; 9 lái xe; 1 làm công nhân hãng STACA; 1 người bán thuốc bắc; 1 lính khố đỏ, 1 làm ở Ngân hàng Đông Pháp; 1 làm ở Sở Lục lộ (Sở Công chính).

Lúc này, ở Quảng Nam do bắt mối từ Quảng Trị, cũng đã thành lập được một chi bộ Hội Việt Nam cách mệnh thanh niên ở Hội An vào tháng 10/1927 do Phan Thêm (tức Cao Hồng Lãnh) làm bí thư. Tại Tam Kỳ cũng có một nhóm học sinh bãi khóa chịu ảnh hưởng của Hội Việt Nam cách mệnh

www.thuvien247.net

thanh niên như Nguyễn Thế Khải, Khưu Thúc Cự... ở Huế về thông qua nhóm đọc sách Chiêu thư anh quán để truyền bá tư tưởng cách mạng trong số thanh niên tiên tiến.

Mặc dầu xuất phát từ nhiều đầu mối khác nhau nhưng thông qua Kỳ bộ, các đầu mối này liên lạc được với nhau. Sang đầu năm 1928, các chi bộ trên đi đến một cuộc hội nghị thống nhất tại Đà Nẵng, lập ra Tỉnh bộ Hội Việt Nam cách mệnh thanh niên Quảng Nam (bao gồm cả Đà Nẵng). Ban chấp hành Tỉnh bộ gồm có: Đỗ Quang, Phan Thêm, Nguyễn Tường, Nguyễn Thái, Phan Long, Thái Thị Bôi, Lê Văn Hiến, do Đỗ Quang làm bí thư. Vương Thúc Oánh thay mặt Kỳ bộ đến dự đại hội thống nhất này. Sau đó bí thư Kỳ bộ là Nguyễn Sĩ Sách đến kiểm tra và có nhiều cuộc họp với Ban chấp hành.

Tỉnh bộ Hội Việt Nam cách mệnh thanh niên Quảng Nam được thành lập là một sự kiện có ý nghĩa quan trọng đối với phong trào cách mạng tại Đà Nẵng và Quảng Nam, vì từ đây các đầu mối tổ chức Hội Việt Nam cách mệnh Thanh Niên của Đà Nẵng và Quảng Nam đã có chung một tổ chức thống nhất lãnh đạo. Sau khi thành lập, Tỉnh bộ nhanh chóng bắt tay vào chỉ đạo các mặt hoạt động mà nhiệm vụ trọng yếu nhất là tuyên truyền kết nạp hội viên, lập các tổ chức quần chúng và hướng dẫn quần chúng đấu tranh.

Sau sự kiện Quảng Châu công xã thất bại, chính phủ Lý Tế Thâm ở Trung Quốc phản bội liên minh Quốc - Cộng, bắt giam những người cộng sản. Theo chủ trương của Tổng bộ, hai chi bộ Hội Việt Nam cách mệnh thanh niên ở Đà Nẵng và Quảng Nam viết thư, phát truyền đơn vận động Hoa kiều đánh điện về nước đòi chính phủ Lý Tế Thâm phải thả những cán bộ của Tổng bộ Hội Việt Nam cách mệnh thanh niên bị chúng bắt giam do hưởng ứng cuộc khởi nghĩa này. Tiếp theo là vụ rải truyền đơn nhân kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động

www.thuvien247.net

1/5/1928 dọc các đường phố Đà Nẵng nơi có đông người như trường học, bót tù, các trại lính khố xanh, khố đỏ, trong rạp chiếu bóng và cả ở xung quanh Sở Cảnh sát thành phố. Vụ rải truyền đơn tuyên truyền cách mạng này làm chấn động dư luận của quần chúng thành phố lúc bấy giờ.

Trong năm này, Tổng bộ Hội Việt Nam cách mệnh thanh niên đề ra chủ trương "vô sản hóa", đưa hội viên đi vào các nhà máy, xí nghiệp, hầm mỏ, đồn điền của tư bản để cùng ăn, cùng ở, cùng lao động với công nhân, qua đó giác ngộ cách mạng cho công nhân, nhằm đẩy phong trào công nhân tiến mau từ tự phát lên tự giác, từ giác ngộ dân tộc lên giác ngộ giai cấp. Cũng qua đó những người trí thức cách mạng có điều kiện rèn luyện mình, thực sự trở thành những người đại biểu trung thành với lý tưởng và sự nghiệp của giai cấp công nhân.

Tiếp thu chỉ thị của Tổng bộ, tháng 9/1928 Tỉnh bộ Hội Việt Nam cách mệnh thanh niên Quảng Nam tổ chức cho một số hội viên thực hiện "vô sản hóa " như giới thiệu Lê Quang Sung ra Huế làm tại xưởng vôi Bognert, Lê Thanh Tửu vào làm ở nhà máy điện Đà Nẵng. Nhiều hội viên Hội Việt Nam cách mệnh thanh niên của các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Trị, Thừa Thiên cũng được Kỳ bộ giới thiệu vào Đà Nẵng thực hiện "vô sản hóa" trong các nhà máy, xí nghiệp, như Hồ Sĩ Thiều (Kỳ bộ) vào làm ở hãng STACA, Hoàng Thị Ái (Quảng Trị) làm công nhân xưởng chè The Indochinois có nhiệm vụ liên lạc cho Kỳ bộ..., nhờ đó hoạt động của Hội Việt Nam cách mệnh thanh niên Đà Nẵng được đẩy mạnh hơn, công nhân và nhân dân lao động thành phố có thêm điều kiện tiếp nhận tôn chỉ, mục đích của Hội.

Cuối năm 1928 Tổng bộ tiếp tục mở lớp huấn luyện ở nước ngoài. Tỉnh bộ Quảng Nam tổ chức 2 chuyến đi dự cho các ủy viên Ban Chấp hành. Đỗ Quỳ, Phan Thêm được cử đi

www.thuvien247.net

dự lớp ở Hương Cảng, Lê Quang Sung được cử đi dự lớp ở Xiêm (Thái Lan); Tôn Gia Huồng và Trần Đình Phù đi dự lớp ở Quảng Châu. Sau chuyến đi về, Lê Quang Sung tổ chức lớp huấn luyện trở lại cho các hội viên trong tỉnh những vấn đề chính trị cốt yếu đã được học.

Nhận thấy số hội viên Hội Việt Nam cách mệnh thanh niên Quảng Nam ngày một tăng, tháng 3/1929 Kỳ bộ quyết định tách Đà Nẵng ra khỏi Quảng Nam. Tổ chức Hội ở Đà Nẵng do Đỗ Quang phụ trách, trực thuộc Kỳ bộ. Chi bộ Đà Nẵng đẩy mạnh tuyên truyền phát triển hội viên, lãnh đạo các cuộc đấu tranh của quần chúng đòi quyền lợi dân sinh dân chủ. Đến tháng 5/1929 Đà Nẵng và Hòa Vang đã có 2 chi bộ Hội Việt Nam cách mệnh thanh niên với số hội viên lên tới 50.

Mặt khác, là "nhượng địa Pháp", nên tính chất dân chủ tư sản về chính trị, xã hội ở đây là điều kiện để báo chí tiến bộ từ Trung Quốc, từ Pháp sang nhiều. Nhờ đó giới trí thức, học sinh, thanh niên Đà Nẵng có dịp tiếp xúc với những tư tưởng tiến bộ nên việc tuyên truyền của Hội Việt Nam cách mệnh thanh niên và Tân Việt được thuận lợi.

Các hội viên Hội Việt Nam cách mệnh thanh niên còn thâm nhập và hướng mạnh vào việc xây dựng thêm các tổ chức quần chúng biến tướng như Công hội, Nông hội, Hội Cứu tế, giúp đỡ các hội quần chúng này hoạt động theo quỹ đạo của mình. Các tổ công hội được phát triển ở hãng STACA, Sở Bưu điện, nhà máy đèn, nhà máy chè, bến cảng, Sở Hỏa xa... Chi bộ cử cán bộ trực tiếp thành lập và hướng dẫn các tổ chức này hoạt động, như Thái Thị Bôi thâm nhập hướng dẫn hoạt động của Đà Thành nữ công học hội; Lê Thị Thuyền, Phạm Thị Kỳ, Phạm Thị Cảnh lập ra và trực tiếp phụ trách 3 tổ phụ nữ... Theo nhận xét của Nguyễn Thiệu, ủy viên Kỳ bộ Trung kỳ, "phong trào cách mạng ở Tourane và Quảng

www.thuvien247.net

Nam trong thời gian này là khá nhất so với các tỉnh Trung kỳ; có nhiều cơ quan, có cả đoàn thể phụ nữ, có các cụ lão thành tham gia".

Đang lúc tổ chức Hội Việt Nam cách mệnh thanh niên Đà Nẵng tích cực hoạt động lại được tin ở Đại hội Tổng bộ đang có sự phân liệt, tiếp đến các đại biểu Bắc Kỳ bỏ đại hội về thành lập Đông Dương Cộng sản Đảng, cử phái viên vào Đà Nẵng rải truyền đơn kêu gọi giải tán Hội Việt Nam cách mệnh thanh niên và gia nhập Đông Dương Cộng sản đảng, khiến các hội viên ở đây phân vân không biết nên tham gia tổ chức nào. Trong Hồi ký của mình, Lê Văn Hiến nói rõ lý do phân vân là lúc bấy giờ phái viên của Đông Dương Cộng sản đảng từ ngoài Bắc vào rải truyền đơn phê phán Hội Việt Nam cách mệnh thanh niên có nhiều sai lầm, phải giải tán để tổ chức Đảng Cộng sản, nhưng khi Lê Văn Hiến và Đỗ Quang hỏi vì sao không có đồng chí Vương (tức Nguyễn Ái Quốc) dự đại hội, cũng như vì sao phong trào do Hội Việt Nam cách mệnh thanh niên vận động đang lên mạnh lại phải giải tán thì không được giải thích rõ ràng nên Lê Văn Hiến và Đỗ Quang thấy cần phải đợi đến lúc các đại biểu chính thức của Kỳ bộ Trung kỳ đi dự đại hội về giải thích rồi mới quyết định[1].

Đang lúc phân vân như vậy thì gặp lúc tỉnh bộ Quảng Trị bể vỡ, thực dân Pháp khủng bố lây vào Đà Nẵng, trường Cự Tùng bị chúng đóng cửa. Đỗ Quang bị bắt, Lê Văn Hiến và Thái Thị Bôi bị tình nghi, chuyển công tác vào Nha Trang. Lê Quang Sung, Đỗ Quỳ phải lánh khủng bố, vào Sài Gòn hoạt động. Số hội viên Hội Việt Nam cách mệnh thanh niên còn lại chờ đợi sự liên lạc của cấp trên.

---

[1] *Hồi ký* của Lê Văn Hiến (1925-1939). Lưu tại Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng.

www.thuvien247.net

Trước khi có hoạt động của Hội Việt Nam cách mệnh thanh niên ở Đà Nẵng, từ mùa hè năm 1926 đã có hoạt động của Việt Nam cách mệnh đảng do Bùi Châu (quê Hà Tĩnh) đang làm việc ở Bưu điện Đà Nẵng được Hoàng Đức Thi và Trần Đình Thanh từ Nghệ An, Hà Tĩnh vào tuyên truyền kết nạp. Tiếp theo, Đặng Văn Tế (quê Thanh Hóa) đang làm giáo học, Trần Thị Loan (em Trần Phú, quê Hà Tĩnh) đang làm trợ giáo ở trường nữ Đà Nẵng cũng được Hoàng Đức Thi và Trần Đình Thanh kết nạp vào Hội. 3 đảng viên này hợp lại lập thành một tổ Việt Nam cách mệnh đồng chí hội đầu tiên ở Đà Nẵng do Bùi Châu phụ trách. Nhận được *Điều lệ, Cương lĩnh* của Đảng và một số tài liệu như *Lịch sử Phạm Hồng Thái, Bài ca bảo vệ Đảng,* Bùi Châu tuyên truyền phát triển thêm hội viên trong Bưu điện, Sở Hỏa xa, hãng SICA (Sociéte industrielle commerciale et artisanele), Sở L'UCIA, trường học, nâng tổng số đảng viên lên 8 người, hình thành 1 chi bộ.

Sau nhiều lần liên lạc bàn việc hợp nhất với Hội Việt Nam cách mệnh thanh niên không thành, ngày 14/7/1928 Việt Nam cách mệnh đồng chí hội họp đại hội thường kỳ tại Huế quyết định đổi tên thành Tân Việt cách mệnh đảng (gọi tắt là Tân Việt) để trở thành một đảng "tự lập"[1]. Bùi Châu được bầu vào Ban Chấp hành Kỳ bộ và có chân trong Ban Chấp hành liên tỉnh, được phân công phụ trách Quảng Nam (gồm cả Đà Nẵng) và liên lạc với Bình Định.

Sau đại hội trên của Tổng bộ, tổ chức Tân Việt ở Đà Nẵng được củng cố, chuyển lên thành Tỉnh bộ Tân Việt

---

[1] Tổ chức này đổi tên nhiều lần. Tiền thân của nó là Phục Việt, đầu năm 1926 đổi thành Hưng Nam. Tháng 7/1926 đổi thành Việt Nam cách mệnh đảng. Tháng 7/1927 đổi thành Việt Nam cách mệnh đồng chí hội. Tháng 7/1928 mới đổi thành Tân Việt.

www.thuvien247.net

Quảng Nam. Ban Chấp hành gồm có Bùi Châu, Đặng Văn Tế, Lê Khắc Nhơn, Nguyễn Kim, do Bùi Châu làm Bí thư.

Hoạt động của Tân Việt lúc này tập trung vào phát triển tổ chức, giáo dục huấn luyện đảng viên, hình thành các nhóm đọc sách báo, cứu tế, học nghề để tập hợp quần chúng. Bùi Châu, Đặng Văn Tế góp tiền hỗ trợ cho Đào Duy Anh mở Quan hải tùng thư và cùng với các đảng viên Tân Việt Đà Nẵng mở hiệu sách Trung Tâm trên đường Marc Pourpre (nay là đường Phan Châu Trinh) làm đại lý phát hành các sách biên dịch và khảo cứu có khuynh hướng tiến bộ của Quan hải tùng thư, như *Lịch sử nhân loại*, *Xã hội luận*, *Lịch sử các học thuyết kinh tế*, *Tôn giáo là gì?*, *Dân tộc là gì?*, *Xã hội là gì?*... nhằm mục đích thông qua việc phát hành hợp pháp các sách này để "gieo vào tâm trí của thanh niên ta một ít kiến thức sơ đẳng về chủ nghĩa Mác, lẫn với một ít kiến thức về khoa học, nhất là khoa học xã hội, là những điều cần thiết để hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin hơn"[1].

Từ cuối năm 1928, trong lúc Hội Việt Nam cách mệnh thanh niên thực hiện "vô sản hóa" thì Tân Việt cũng chủ trương mở lớp huấn luyện và tổ chức cho đảng viên đi vào các công xưởng, trường học, nông thôn đẩy mạnh tuyên truyền vận động quần chúng. Lê Cao Phong ở Đại Lộc ra làm việc tại Đà Nẵng được Tỉnh bộ cử ra Huế dự lớp huấn luyện của Tổng bộ, rồi vào làm phụ lái tàu hỏa. Bùi Châu, Nguyễn Soạn xin vào làm việc ở Sở Hỏa xa cũng nhằm thực hiện "vô sản hóa" tự cải tạo mình và thâm nhập vào công nhân tuyên truyền phát triển Đảng.

Về công tác quần chúng, các đảng viên Tân Việt đẩy mạnh tuyên truyền vào trường học, tổ chức được các nhóm

---

[1] Đào Duy anh: *Nhớ nghĩ chiều hôm* (Hồi ký). Nxb Trẻ, 1989. tr. 34.

www.thuvien247.net

tương tế, đọc sách báo, học nghề trong phụ nữ, nông dân, công nhân.

Những hoạt động tuyên truyền của Tân Việt, nhất là do tài liệu huấn luyện của Tổng bộ đưa xuống phổng theo hoặc lấy nguyên xi của Hội Việt Nam cách mệnh thanh niên nên các đảng viên Tân Việt có điều kiện tiếp thu những kiến thức về chủ nghĩa Mác - Lênin, về đường lối cách mạng Việt Nam do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đề xướng, tạo được cơ sở cho sự phát triển của phong trào cách mạng ở Đà Nẵng và Quảng Nam những năm về sau. Tuy nhiên, ở Đà Nẵng (cũng như cả Trung Kỳ), so với Hội Việt Nam cách mệnh thanh niên thì Tân Việt cách mệnh đảng hoạt động không mạnh bằng, số hội viên ít và chưa tổ chức được các cuộc đấu tranh của quần chúng.

Như vậy, trong những năm 1925-1927, trong bối cảnh chung của tình hình chính trị cả nước xuất hiện 3 tổ chức cách mạng thì ở Đà Nẵng cũng ra đời các chi bộ và chuyển lên thành lập Tỉnh bộ của hai trong ba tổ chức này là Tỉnh bộ Hội Việt Nam cách mệnh thanh niên và Tỉnh bộ Tân Việt cách mệnh đảng. Một đặc điểm của Đà Nẵng những năm này là không có mặt các đảng phái phản động. Việt Nam quốc dân đảng theo xu hướng cách mạng quốc gia cũng không gây được ảnh hưởng tại địa bàn này. Việt Nam tấn bộ dân hội là một đảng cổ khuynh hướng quốc gia cải lương bị bắt thành ngay sau ngày thành lập. Vì vậy, hoạt động của hai Tỉnh bộ trên tiến hành thuận lợi, không phải tiến hành cuộc đấu tranh tư tưởng gay gắt với đường lối của giai cấp tư sản.

Trong quá trình hoạt động, Hội Việt Nam cách mệnh thanh niên và Tân Việt cách mệnh đảng đều thông qua những trí thức yêu nước để đưa những tư tưởng cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin vào giai cấp công nhân và nhân dân lao

www.thuvien247.net

động. Đây là những cố gắng lớn nhằm tạo cơ sở tốt cho việc phát triển phong trào về sau.

Một đặc điểm nữa là giữa hai tỉnh bộ không hề có mâu thuẫn gay gắt, không tranh giành ảnh hưởng lẫn nhau, lại từng đặt vấn đề thống nhất nhưng chưa đi đến kết quả, đến khi Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập thì các đảng viên của hai đảng đứng chung trong một tổ chức, cùng là đảng viên cộng sản. Do đó, cũng như cả nước, hai tổ chức này giữ vai trò là tổ chức cách mạng tiền thân cho sự ra đời của Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam.

2. Phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân những năm 1927 - 1929

Từ sau thất bại của vụ mưu khởi nghĩa năm 1916 cho đến năm 1925, ở Đà Nẵng không có những cuộc đấu tranh lớn. Nó như một sự âm ỉ để rồi sau những cuộc vận động chính trị, đến sự ra đời và hoạt động của hai tổ chức cách mạng Hội Việt Nam cách mệnh thanh niên và Tân Việt cách mệnh đảng, nhất là với những hoạt động tích cực của Hội Việt Nam cách mệnh thanh niên đã có tác động to lớn, làm cho sự âm ỉ đó đến lúc bùng lên thành những cuộc đấu tranh trong những năm 1927-1929, tập trung nhất là trong công nhân.

Cuộc bãi công có quy mô lớn đầu tiên nổ ra tại hãng STACA đã mở đầu cho những cuộc đấu tranh tiếp theo của công nhân tại Đà Nẵng. Đây là nơi có những thành viên nòng cốt của Hội Ái hữu lái xe Trung Kỳ và trong số những hội viên này lại có nhiều người đã là hội viên của Hội Việt Nam cách mệnh thanh niên, hoặc quần chúng công hội do Hội Việt Nam cách mệnh thanh niên vận động tổ chức.

www.thuvien247.net

Tại hãng này, chủ xưởng người Pháp rất hống hách, không chỉ bóc lột thậm tệ mà còn thường hay đánh đập công nhân. Nhân sự phẫn uất đó của công nhân, Đỗ Quang và Nguyễn Tường là hai người nòng cốt của hai đầu mối Hội Việt Nam cách mệnh thanh niên tại Đà Nẵng liền vận động một số công nhân đứng ra rải truyền đơn kêu gọi bãi công phản đối hành động ngược đãi của cai người Pháp. Cuộc bãi công nổ ra vào ngày 28/12/1927. Tất cả công nhân tham gia bãi công đồng loạt đưa yêu sách buộc giới chủ phải thực hiện những đòi hỏi về tăng lương, cải thiện đời sống, tôn trọng công nhân. Trước thái độ kiên quyết, lại đồng tâm nhất trí của những người bãi công, tên chủ Pháp đành phải chấp nhận những yêu sách của họ đưa ra. Lương công nhân được tăng từ 1 hào lên 1,2 hào. Thắng lợi này là một "sự kiện báo trước bước nhảy vọt của phong trào đấu tranh của công nhân Quảng Nam - Đà Nẵng, chứng tỏ sự trưởng thành của đội ngũ công nhân"[1]. Nó làm chấn động dư luận thành phố, khiến viên Đốc lý bối rối phải đổi tên chủ hãng STACA đi nơi khác.

Từ thắng lợi trên, các hội viên Hội Việt Nam cách mệnh thanh niên tiếp tục giác ngộ cho công nhân ý thức giai cấp, tinh thần chống áp bức bất công nên đến tháng 3/1928 tại nơi đây lại bùng phát một cuộc đấu tranh mới, mà cuộc đấu tranh lần này lại diễn ra mạnh mẽ hơn lần đầu. Do vận động tốt, hơn 50 lái chính và lái phụ của hãng đồng loạt bãi công đòi phụ cấp thêm trong những ngày đi xe và đòi sau mỗi chuyến đi về phải cho nghỉ dưỡng sức một ngày có lương để tránh gây tai nạn vì mệt mỏi. Những người lái xe ở Đà Nẵng đã báo trước với anh em cùng nghề ở Quy Nhơn, Nha Trang cùng phối hợp. Đến ngày bãi công tất cả lái xe đều đồng loạt hành

---

[1] *Phong trào công nhân và Công đoàn Quảng Nam - Đà Nẵng từ khi hình thành đến năm 1954*. Nxb Đà Nẵng, 1987, tr. 47.

www.thuvien247.net

động. Lái xe Đà Nẵng không chịu chạy vào, lái xe Quy Nhơn, Nha Trang không chịu chạy ra. Lúc đầu chủ hãng không chịu chấp nhận yêu sách vì hy vọng như thế có thể làm cho lái xe buộc phải quay lại làm việc. Nhưng những người lái xe vẫn kiên quyết kéo dài cuộc bãi công suốt 3 ngày, khiến cho giao thông giữa Đà Nẵng và Quy Nhơn hoàn toàn tê liệt. Hành khách và hàng hóa bị ứ đọng, tác động lớn đến nguồn thu của chủ hãng và có tiếng vang ra các địa phương. Chủ hãng đành phải nhượng bộ, chịu tăng phụ cấp đi đường cho cả lái chính và lái phụ mỗi ngày thêm 5 hào và sau mỗi chuyến đi được nghỉ dưỡng sức một ngày vẫn có lương.

Hai cuộc đấu tranh trên thắng lợi có tiếng vang rất lớn đối với tất cả công nhân trong các hãng buôn, các công xưởng, nhà máy của giới tư bản Pháp. Từ sau hai cuộc đấu tranh này, "ở Đà Nẵng chỗ nào bị bọn Pháp chửi bới, đánh đập, ở đó có sự chống đối", và đã "có nhiều nhân tố mới xuất hiện trong phong trào"[1].

Tại hãng SACRIC (Socété anonymc de chalandage et remorquage de l'Indochine) ngày 26/1/1929 khoảng 100 công nhân bốc vác đình công đòi đổi tên chủ Conpia, đòi thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội.

Tại xưởng chế biến chè Th'Indochinois, nữ công nhân được Hoàng Thị Ái cán bộ kỳ bộ Hội Việt Nam cách mệnh thanh niên vào thực hiện "vô sản hóa" tuyên truyền vận động nhất loạt đình công đòi tăng lương và không được ngược đãi. Chủ xưởng Cuenin phải tăng tiền công mỗi ngày cho công nhân từ 0,5 lên 0,8$.

Đầu tháng 7/1929, tại hãng STACA lại nổ ra cuộc đình công thứ ba của công nhân, mà ngòi nổ ban đầu là việc chống

---

[1] *Buổi đầu gieo hạt*. Sđd. tr. 51.

www.thuvien247.net

lại tên cai Plein người Pháp đánh một công nhân trẻ. Người cha là Tài Lý cùng với 3 người bạn lái xe là Bốn Nại, Nguyễn Văn Hỷ, Ba Huê lên tiếng phản ứng. Ngay lập tức, 150 công nhân hưởng ứng bằng cách đình công. Tên chủ hãng lo sợ, tìm cách thuyết phục công nhân đi làm. Nhưng tất cả công nhân đình công đều kiên quyết kéo dài cuộc đấu tranh để đòi những quyền lợi thiết thân. Do đó, "những lời khuyên bảo của ông chủ hãng không đem lại kết quả nào cả"[1]. Ngay khi cuộc đấu tranh nổ ra, Tỉnh bộ Hội Việt Nam cách mệnh thanh niên liền cử cán bộ theo dõi, hướng dẫn nội dung đấu tranh và tích cực vận động giúp đỡ bằng cách mở các cuộc lạc quyên. Những cán bộ của Hội là Thái Thị Bôi, Lưu Thị Yến Ngọc, Phạm Thị Kỳ được giao nhiệm vụ tích cực đi quyên tiền ủng hộ. Ngay ngày đầu đã thu được số tiền 35$. Những ngày tiếp theo cuộc đấu tranh càng trở nên quyết liệt thì mức độ lạc quyên ủng hộ càng cao. Truyền đơn kêu gọi lạc quyên ủng hộ được rải nhiều nơi trong thành phố mà tác giả của nó là Đỗ Quang bí thư Tỉnh bộ, Nguyễn Thiệu ủy viên Kỳ bộ, Trợ Dung giáo viên trường Cự Tùng và Lê Khắc Khoan, Nguyễn Công Chánh nguyên là những người ở Hội Trường Xuân. Hội Ái hữu lái xe miền Trung xuất tiền quỹ 300$ để duy trì cuộc đấu tranh. Chủ xưởng Nguyễn Văn Chiểu ủng hộ đến 200$. Công nhân Nhà máy đèn, Nhà máy gạo, Sở Hỏa xa..., cả các hội viên Đà Thành nữ công học hội đều tích cực góp tiền ủng hộ duy trì cuộc đấu tranh của công nhân hãng STACA. Cuối cùng, chủ hãng lại một lần nữa nhượng bộ trước những yêu sách của công nhân.

Tuy xét về số lượng, các cuộc đấu tranh không nhiều, nhưng những cuộc đấu tranh những năm 1925-1927 lại có

---

[1] Theo báo cáo của Nguyễn Đình Ghị và Lê Khương ngày 7/9/1929 (có lẽ cho Khâm sứ Trung Kỳ). Bản dịch tài liệu lưu tại Tiểu ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng.

www.thuvien247.net

một ý nghĩa quan trọng, bởi nó nổ ra ngay tại trung tâm kinh tế, chính trị của thực dân Pháp. Các cuộc đấu tranh lớn đều của công nhân, nhiều hơn cả là công nhân hãng STACA. Đây là một lợi thế của công nhân buộc giới chủ không thể không đáp ứng bởi sự kiên quyết của những người bãi công. Những cuộc bãi công này cho thấy vai trò hướng dẫn hết sức quan trọng của Tỉnh bộ Hội Việt Nam cách mệnh thanh niên, vì hầu hết đều được Tỉnh bộ cử hội viên theo dõi, lái phong trào đi đúng hướng.

Chính sự tuyên truyền vận động công nhân của các hội viên Hội Việt Nam cách mệnh thanh niên đã làm cho ý thức giai cấp, tinh thần tranh đấu chống lại giới chủ từ đòi quyền lợi kinh tế như tăng lương, giảm giờ làm đến đòi cải thiện điều kiện làm việc, đòi thực hiện bảo hiểm xã hội... của quần chúng được nâng cao. Cũng qua các cuộc đấu tranh công nhân biểu dương tinh thần đoàn kết và vị trí của mình trong guồng máy kinh tế của giới chủ thực dân. Một nét đặc sắc của những cuộc đấu tranh này là không chỉ bó hẹp trong phạm vi một công xưởng, một ngành hay một địa phương mà nó đã sớm có sự liên kết, phối hợp hành động giữa công nhân cùng ngành ở nhiều địa phương, cả sự phối hợp của công nhân nhiều công xưởng, hãng buôn, cũng như sự ủng hộ của các hội quần chúng do Tỉnh bộ Hội Việt Nam cách mệnh thanh niên đứng ra làm đầu mối vận động. Chính nhờ có sự kiên quyết, liên kết, phối hợp hành động chặt chẽ như vậy nên giới chủ buộc phải sớm nhượng bộ. Tất cả những cuộc đấu tranh trên thể hiện "quá trình chuyển biến nhận thức của công nhân, đánh dấu sự trưởng thành của công nhân, phản ánh sinh động xu thế đi lên tất yếu của phong trào"[1].

---

[1] *Phong trào công nhân và công đoàn Quảng Nam - Đà Nẵng*. Sđd. tr. 53.

www.thuvien247.net

Đối với nông dân trong thời gian này ở các làng xã vẫn nổ ra các cuộc đấu tranh chống địa chủ cường hào cướp đất nhưng không có những cuộc đấu tranh tiêu biểu, không phát triển rầm rộ như công nhân. Sự ít ỏi về số lượng và phạm vi, mức độ đấu tranh nhỏ hẹp của nông dân cũng cho thấy sự tuyên truyền vận động của Thanh niên cũng như Tân Việt đối với nông dân chưa được sâu rộng bằng công nhân

3. Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam thành phố Đà Nẵng ra đời và phong trào cách mạng thời kỳ 1930 - 1935

Đến năm 1929, tình hình cách mạng trong nước đã có những chuyển biến quan trọng. Những điều kiện để thành lập một chính đảng cách mạng của giai cấp công nhân cũng đã chín muồi. Chỉ trong vòng nửa năm, từ Hội Việt Nam cách mệnh thanh niên hình thành 2 tổ chức cộng sản: Đông Dương Cộng sản đảng thành lập vào ngày 17/6/1929 và An Nam Cộng sản đảng thành lập tháng 11/1929.

Sau khi thành lập, Đông Dương Cộng sản đảng phân công một số cán bộ lãnh đạo vào Trung kỳ và Nam kỳ để xây dựng tổ chức đảng trong cả nước.

Ở Đà Nẵng, từ giữa tháng 5/1929 đã xuất hiện truyền đơn tuyên bố về việc bỏ Hội nghị Hương Cảng, kêu gọi thành lập Đảng Cộng sản của đoàn đại biểu Hội Việt Nam cách mệnh thanh niên Bắc Kỳ, tiếp đến là truyền đơn mời hội viên Hội Việt Nam cách mệnh thanh niên tại Đà Nẵng gia nhập Đông Dương Cộng sản đảng. Sau khi thành lập, tháng 6/1929 Xứ ủy lâm thời Trung Kỳ của Đông Dương Cộng sản đảng cử nhiều đảng viên đi "vô sản hoá" tại Đà Nẵng. Thời gian này, cả An Nam Cộng sản đảng cũng phái đại biểu đến Đà Nẵng vận động thành lập chi bộ và đảng Tân Việt cũng ra sức

www.thuvien247.net

phát triển đảng viên làm cho quần chúng cách mạng ở Đà Nẵng và cả Quảng Nam hết sức xôn xao.

Dựa vào lực lượng cán bộ của Xứ uỷ hoạt động ở Đà Nẵng, Nguyễn Phong Sắc thành lập Phân xứ uỷ Trung kỳ đóng tại đây.

Khi được Lê Quang Sung giải thích về chủ trương thành lập Đảng Cộng sản, hầu hết hội viên Hội Việt Nam cách mệnh thanh niên ở Đà Nẵng đều tán thành chuyển sang Đông Dương Cộng sản đảng.

Cuối năm 1929, Nguyễn Phong Sắc dựa vào số cán bộ trong cơ quan Phân xứ uỷ chỉ định thành lập Thị uỷ lâm thời Đông Dương Cộng sản Đảng Đà Nẵng gồm Hồ Sĩ Thiều, Nguyễn Văn Thông, Lê Thị Giảng, do Hồ Sĩ Thiều làm bí thư. Tổng Công hội Đà Nẵng cũng được thành lập đáp ứng yêu cầu bức thiết về tổ chức của phong trào công nhân lúc bấy giờ.

Cùng thời gian với Đà Nẵng, tháng 10/1929 Tỉnh bộ Đông Dương Cộng sản đảng Quảng Nam được thành lập, do Phan Văn Định làm bí thư. Đảng viên cũng do số hội viên Hội Việt Nam cách mệnh thanh niên chuyển sang.

Như vậy, cuối năm 1929 tại Đà Nẵng có tổ chức Thị uỷ lâm thời Đông Dương Cộng sản đảng, tại Quảng Nam có Đảng bộ Đông Dương Cộng sản đảng với Ban Chấp hành tỉnh uỷ lâm thời và một số chi bộ. Cả hai nơi này, Đông Dương Cộng sản đảng được phát triển từ cơ sở của tổ chức Hội Việt Nam cách mệnh thanh niên.

Cũng từ cuối năm 1929 nội bộ Tân Việt ngày càng phân hóa. Một số chịu ảnh hưởng khá nặng của chủ nghĩa quốc gia tư sản, một số thuộc hàng ngũ những người giác ngộ chuyển sang gia nhập Hội Việt Nam cách mệnh thanh

www.thuvien247.net

niên. Đang lúc này thực dân Pháp lại tiến hành khủng bố trắng, những người lãnh đạo chủ chốt của Tân Việt ở Tổng bộ bị bắt. Đến ngày 1/1/1930, những đại biểu chân chính còn lại của Tân Việt quyết định thành lập Đông Dương Cộng sản liên đoàn.

Do đang bị địch khủng bố, ngại bị bể vỡ lây nên các đảng viên Tân Việt ở Đà Nẵng và Quảng Nam một số phân tán đi làm ăn các nơi khác, số còn lại như Bùi Châu, Nguyễn Soạn, Lê Cao Phong nằm im chờ liên lạc với cấp trên.

Ngày 3/2/1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời. *Chánh cương vắn tắt của Đảng* nêu rõ: Tính chất cuộc cách mạng Việt Nam là "tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản"[1]. *Sách lược vắn tắt của Đảng* khẳng định Đảng là đội tiên phong của giai cấp vô sản, đoàn kết đại đa số nông dân, dựa vào dân cày nghèo, lôi kéo tầng lớp tiểu tư sản trí thức và trung nông, phú nông, tư sản, thực hiện đoàn kết dân tộc và đoàn kết với các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản thế giới, nhất là vô sản Pháp. *Điều lệ vắn tắt của Đảng* quy định: "Ai tin theo chủ nghĩa cộng sản, chương trình Đảng và Quốc tế Cộng sản, hăng hái đấu tranh và dám hy sinh phục tùng mệnh lệnh đảng và đóng kinh phí, chịu phấn đấu trong một bộ phận đảng thời được vào đảng" [2].

Sau khi được phái viên của Đảng Cộng sản Việt Nam báo tin thắng lợi của Hội nghị thành lập đảng và phổ biến cương lĩnh chính trị của đảng, Tỉnh bộ lâm thời Đông Dương Cộng sản đảng Quảng Nam nhất trí thực hiện chủ trương hợp nhất của Trung ương Đảng.

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. T3. Nxb CTQG. H, 1995, tr. 1

[2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. T3. Nxb CTQG. H, 1995, tr. 5

www.thuvien247.net

Ngày 28/3/1930, Ban Chấp hành lâm thời tỉnh Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng Nam ra thông cáo thành lập Đảng bộ.

Bản Thông cáo viết:

.....

Các đồng chí và anh chị em lao khổ!

Chúng tôi bố cáo cùng các đồng chí cộng sản, các đồng chí đảng Tân Việt biết Ban Tỉnh uỷ lâm thời tỉnh Quảng Nam của Đảng Cộng sản Việt Nam đã thành lập, để hướng đạo công nông binh và những người lao khổ bị áp bức tranh đấu thực hiện Chánh cương của Đảng. Các đồng chí trong chi bộ An Nam Cộng sản đảng và chi bộ Tân Việt Cách mạng đảng ở Tourane từ nay được coi như là chi bộ của Tỉnh uỷ lâm thời Quảng Nam, cấm mọi hoạt động biệt phái.

Công nông binh liên hiệp đánh đổ đế quốc Pháp và phong kiến Nam triều!

Đông Dương hoàn toàn độc lập muôn năm!

Đảng Cộng sản Việt Nam muôn năm!"[1]

Đối với thành phố Đà Nẵng, Thị uỷ lâm thời do Xứ uỷ Trung Kỳ của Đông Dương Cộng sản đảng lập ra trước đó vẫn được giữ nguyên[2]. Ban Chấp hành Thị ủy vẫn là Hồ Sĩ Thiều, Nguyễn Văn Thông và Lê Thị Giảng, do Hồ Sĩ Thiều làm bí thư. Thị uỷ Đà Nẵng tích cực hoạt động phát triển tổ chức. Đến khoảng tháng 9/1930 đã có 3 chi bộ với 10 đảng viên.

---

[1] Trích theo bản đánh máy do Bảo tàng tỉnh sao chép bản chính ở Cục Lưu trữ Trung ương cung cấp cho Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng thuộc Ban Tuyên giáo Thành uỷ Đà Nẵng.

[2] Thị uỷ lâm thời Đông Dương Cộng sản Đảng của Đà Nẵng thành lập cuối năm 1929, nay theo thông báo trên cũng lấy mốc ngày 28/3/1930 coi như ngày chính thức thành lập Thị uỷ Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam của Đà Nẵng.

www.thuvien247.net

Đối với Tân Việt, sau khi Tỉnh bộ Quảng Nam của Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập, các đảng viên Tân Việt còn lại ở Đà Nẵng như Bùi Châu, Nguyễn Soạn, Lê Cao Phong được các đảng viên cộng sản bắt liên lạc, liên chuyển sang sinh hoạt trong tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trực thuộc Thị uỷ Đà Nẵng.

Tỉnh Đảng bộ xúc tiến việc tuyên truyền về đảng, thành lập các tổ chức quần chúng. Ở Đà Nẵng, tại những cơ sở Nhà máy đèn, Hỏa xa, Nhà máy gạo, hãng STACA đều có Công hội đỏ, số hội viên 12 người.

Sự ra đời của Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam thành phố Đà Nẵng vào ngày 28/3/1930 là tất yếu khách quan, đủ điều kiện và đã chín muồi. Điều đó chứng tỏ cơ bản ở những điểm sau:

- Từ những năm 20 của thế kỷ XX, do chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp, nhiều cơ sở công nghiệp ở Đà Nẵng phát triển, lực lượng công nhân công nghiệp ở đây tập trung đông nhất so với các tỉnh miền Trung.

- Tư tưởng cách mạng vô sản theo con đường của Lênin và ảnh hưởng của Cách mạng Tháng Mười Nga theo sách báo tiến bộ từ Pháp sang được mảnh đất nhượng địa Đà Nẵng tiếp thu nhanh chóng, ngày càng nhiều. Đồng thời, những năm 1927-1929 một số đông hội viên Hội Việt Nam cách mệnh thanh niên từ Nghệ An, Hà Tĩnh vào đây lao động thực hiện "vô sản hoá", đem theo tư tưởng cách mạng vô sản tuyên truyền vào trong công nhân ở các nhà máy, công xưởng. Hầu hết công nhân, đa số thanh niên, học sinh trung học, một số công chức, trí thức từ tư tưởng yêu nước đã hướng theo xu hướng cách mạng vô sản, hướng theo Cách mạng Tháng Mười Nga.

www.thuvien247.net

- Về tổ chức, Đà Nẵng đã thành lập được Tỉnh bộ Hội Việt Nam cách mệnh thanh niên và Tỉnh bộ Tân Việt. Đây là hai tổ chức tiền thân của Đảng bộ. Đà Nẵng cũng có các tổ chức quần chúng như Công hội, Nông hội, Hội cứu tế do Tỉnh bộ Hội Việt Nam cách mệnh thanh niên vận động lập nên.

- Hoạt động của Kỳ bộ Hội Việt Nam cách mệnh thanh niên và tiếp theo là Xứ uỷ Trung kỳ Đông Dương Cộng sản đảng trực tiếp ảnh hưởng tích cực đến việc thành lập Đảng bộ Đảng Cộng sản ở Đà Nẵng.

Thành lập Đảng bộ là bước ngoặt lịch sử của phong trào đấu tranh cách mạng tại Đà Nẵng. Từ đây nhân dân Đà Nẵng có một tổ chức cộng sản trực tiếp lãnh đạo, dưới sự lãnh đạo thống nhất của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Nhân dân Đà Nẵng cùng nhân dân cả nước đấu tranh giành độc lập tự do theo *Chánh cương*, *Sách lược* của Đảng và học thuyết Mác - Lênin. Đà Nẵng và Quảng Nam trở thành nơi đứng chân của Xứ uỷ Trung kỳ để lãnh đạo phong trào cách mạng các tỉnh miền Trung.

Sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, phong trào cách mạng trong nước lên mạnh và trở thành cao trào với đỉnh điểm là Xô viết Nghệ - Tĩnh.

Hòa nhịp với cao trào cách mạng trên, được sự chỉ đạo của Thị ủy Đà Nẵng, trong 2 đêm 30/4 và 1/5/1930, đảng viên và cơ sở cách mạng ở Đà Nẵng rải truyền đơn, treo biểu ngữ và cờ đỏ búa liềm ở nhiều nơi trong thành phố, ngay cả nóc nhà Sở Cảnh sát và trong rạp chiếu bóng Lạc Khoanh. Ở các xã Hòa An, Hòa Mỹ, Hưởng Phước, Vân Dương, Quan Nam, Trung Nghĩa, một số thanh niên được Nguyễn Như Hạnh tuyên truyền tổ chức hưởng ứng các hoạt động do Thành uỷ Đà Nẵng lãnh đạo.

www.thuvien247.net

Nguyễn Như Hạnh sinh năm 1916 tại làng Hoà An, nay thuộc xã Hoà Phú, huyện Hoà Vang. Ông giác ngộ cách mạng trong thời gian học tại Huế, làm Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Huế năm 1931, bị Pháp bắt kết án dày Lao Bảo đến năm 1936 mới ra tù. Về quê nhà ông tiếp tục hoạt động trong phong trào Mặt trận dân chủ Đông Dương, phụ trách Ban Thanh vận của Xứ uỷ Trung Kỳ. Năm 1939 ông vào hoạt động ở Nam Kỳ, được bầu vào Thành uỷ Sài Gòn - Chợ Lớn, giữ chức vụ Bí thư Thành uỷ Sài Gòn từ tháng 7-10/1940. Cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ (11/1940) thất bại, ông bị địch bắt, kết án tử hình, sau giảm xuống chung thân dày ra Côn Đảo. Từ năm 1945-1954 ông giữ nhiều cương vị quan trọng về công tác Đảng của các Tỉnh uỷ Cần Thơ, Rạch Giá, Thường vụ Khu uỷ VII. Năm 1954 ông tập kết ra Bắc làm công tác Đảng ở Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp, trường Đại học Bách Khoa và Tổng cục Dạy nghề. Ông mất tại Hà Nội năm 1996.

Giữa tháng 5/1930, thực dân Pháp ở Đà Nẵng chủ mưu tháo đường ray tại ga xe lửa Hòa Mỹ (Hoà Vang) nhằm làm đổ đoàn tàu để vu khống cho Đảng Cộng sản Việt Nam muốn sát hại Vua Xiêm (Thái Lan) trong chuyến sang Việt Nam ký điều ước bí mật với Pháp, qua đó mượn tay nhà cầm quyền Xiêm trục xuất những người cách mạng Việt Nam trú ngụ ở đất Xiêm. Sau đó, chúng tiến hành khủng bố bắt hàng chục người dân làng Kim Cư tra tấn. Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức rải truyền đơn vạch mặt và cực lực phản kháng hành động vu cáo này của thực dân Pháp. Tiếp đến, nhân kỷ niệm ngày Quốc tế chống chiến tranh, Thị uỷ lâm thời Đà Nẵng lại tổ chức rải truyền đơn kêu gọi nhân dân Đà Nẵng ủng hộ cuộc đình công của công nhân Bến Thuỷ và vận động binh lính Pháp đang bị tập trung ở Đà Nẵng không chịu đi đàn áp phong trào đấu tranh của nhân dân Nghệ - Tĩnh. Thị ủy còn bí mật cho lưu hành tờ báo "Còi nhà máy" cùng với tờ

www.thuvien247.net

"Lưỡi cày" của Tỉnh ủy Quảng Nam. Hai tờ báo này trở thành người tuyên truyền tập thể đắc lực cho phong trào cách mạng ở thành phố.

Những hoạt động trên cho thấy từ khi thành lập Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam, phong trào cách mạng ở Đà Nẵng đã phát triển lên một bước mới về quy mô và tính chất. Tuy nhiên, trong cao trào cách mạng chung của cả nước, phong trào ở Đà Nẵng cũng như cả Quảng Nam nói chung không có những cuộc đấu tranh lớn, ngay cả việc hưởng ứng xô viết Nghệ - Tĩnh cũng chỉ dừng ở hình thức rải truyền đơn, treo cờ Đảng. Điều này có thể giải thích được khi chúng ta biết rằng, khi bị bắt giam tại nhà lao Hội An, chi bộ nhà lao mà phần đông là những cán bộ cốt cán của Tỉnh uỷ Quảng Nam đã soạn một tài liệu quan trọng với tên gọi *Bước đường đi* thể hiện được những quan điểm đúng đắn về vấn đề giai cấp, tập hợp lực lượng, không thống nhất với chủ trương "thanh đảng" của Xứ uỷ Trung Kỳ và phê bình lối tranh đấu bạo động thái quá "làm cho quần chúng sinh ra tư tưởng đột tiến và hiếu sát, mất hẳn tính chất quần chúng"[1].

Lo sợ trước khí thế đấu tranh sôi sục, quyết liệt của nhân dân ta, chính quyền thực dân Pháp và Nam triều tay sai đưa mật thám, binh lính truy lùng khắp các phủ, huyện Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng, thẳng tay đàn áp, bắt bớ, đánh phá tổ chức Đảng Cộng sản và tổ chức quần chúng của Đảng.

Cuối tháng 10/1930 cơ quan Tỉnh ủy Quảng Nam ở Hội An bị địch vây bắt. Ngày 7/11/1930 mật thám Pháp khám xét cơ quan Phân xứ ủy Trung Kỳ đóng ở Đà Nẵng. Hồ Sĩ Thiều, Nguyễn Văn Thông, Nguyễn Thị Giang trong Ban

---

[1] Ngô Văn Minh: *Cách mạng tháng Tám tại các tỉnh ven biển Nam Trung bộ*. Nxb Đà Nẵng, 2005, tr. 35.

www.thuvien247.net

chấp hành Thị uỷ cùng một số đảng viên, cơ sở cách mạng ở Hoả xa, Bưu điện, STACA và một số xí nghiệp khác bị địch bắt. Phong trào và tổ chức Đảng ở Đà Nẵng và Hoà Vang bị tổn thất nặng.

Ngày 31/12/1930, 228 chiến sĩ cách mạng ở Quảng Nam và Đà Nẵng bị tuyên án cầm tù. Sau đó địch bắt thêm 60 cán bộ về "tội" tuyên truyền cộng sản và âm mưu xây dựng lại tổ chức cộng sản. Các tổ chức quần chúng cũng theo đó tan vỡ.

Sự bể vỡ các tổ chức Đảng ở Đà Nẵng là một tổn thất lớn, không chỉ đối với phong trào cách mạng ở Đà Nẵng, mà cả các tỉnh ở trung Trung bộ. Trong Báo cáo ngày 1/7/1931 của Sở Mật thám Trung kỳ khi phản ánh sự kiện trên, chúng cho là "đã gây thiệt hại nghiêm trọng cho Đảng Cộng sản".

Sở Mật thám Pháp ở Đà Nẵng tiến hành lập hồ sơ theo dõi chặt chẽ các hội đoàn thể quần chúng, các trường học tư thục của người Việt đang hoạt động trên địa bàn thành phố. Trong mỗi tổ chức, địch lập hồ sơ theo dõi số lượng hội viên, số lượng học sinh, người lãnh đạo, xu hướng chính trị, nội dung các cuộc hội họp. Chỉ từ đoạn đường Đà Nẵng vào Điện Bàn, địch đã lập đến 5 trạm kiểm soát: Hòa Vang, Cẩm Lệ, Quá Gián, Miêu Bông, Ngũ Giáp để ngăn ngừa cộng sản hoạt động. Đối với công nhân, chúng lập phiếu quản lý do chính quyền thành phố, tỉnh, huyện cấp, quy định khi làm việc với cơ sở nào phải đến quan chức địa phương đăng ký thời gian hợp đồng làm việc để quản lý. Mật thám Pháp còn tăng cường theo dõi, quản lý và thường xuyên làm báo cáo gửi cho Sở Mật thám Trung Kỳ về các trường học. Chúng không chỉ chú trọng theo dõi học sinh trường công (trường con trai và trường con gái), mà còn theo dõi các thầy dạy và học sinh các trường học tư và các hội ái hữu trong thành phố.

www.thuvien247.net

Đi đôi với chính sách đàn áp khủng bố, thực dân pháp thực hiện một số chính sách lừa bịp mị dân. Nhân việc Bảo Đại hồi loan trong năm 1932, chúng tuyên truyền chương trình cải cách: lập nội các bù nhìn mới, cải tổ nền giáo dục sơ học, cải tổ ngành tư pháp bản xứ, cải tổ lại "cơ quan dân cử" Viện Dân biểu Trung kỳ.

Không khí chính trị ở nông thôn Đà Nẵng càng trở nên ngột ngạt. Số tù chính trị cộng sản quản thúc tại địa phương bị quản lý rất chặt. Hằng tháng họ phải ra phủ, huyện trình diện, những ngày lễ cách mạng như 1/5, 7/11 ban đêm phải ra ngủ tại các điếm canh. Mặc dầu vậy, địch vẫn không ngăn được tinh thần cách mạng của cán bộ và nhân dân. Trong nhà tù đế quốc, phong trào đấu tranh của những chiến sĩ cộng sản trở nên mạnh mẽ. Cuộc đấu tranh trong nhà tù trở thành môi trường tập dượt cho một phong trào đấu tranh công khai sôi nổi ngoài xã hội. Ở bên ngoài, trước sự kìm kẹp của kẻ thù nhưng quần chúng cách mạng vẫn tiếp tục hoạt động.

Từ giữa năm 1931 trở đi, một số tù chính trị cộng sản trốn thoát trên đường đi đày và số bị trục xuất ở Nam Kỳ, số được giảm án lần lượt trở về, bắt đầu nhen nhóm lại phong trào tại địa phương.

Năm 1933, Ban lâm thời Tỉnh uỷ Quảng Nam được thành lập lại. Tỉnh uỷ phân công một tỉnh uỷ viên chuyên trách Đà Nẵng. Về tình hình chung, tại cuộc họp ngày 27-28/2/1933 Tỉnh uỷ lâm thời Quảng Nam đánh giá: "Ai nấy đều giận đế quốc phong kiến", "thợ thuyền dân cày, binh lính, học sinh, và các hạng người lao khổ không sợ cộng sản mà còn xu hướng cộng sản". Về tình hình nhân dân, Hội nghị Tỉnh uỷ nhận xét: "Lao khổ càng cực khổ bao nhiêu lại xu hướng cách mạng thêm lên, hoàn cảnh thế này làm cho đồng chí ta dễ đường vận động"[1].

---

[1] Tài liệu lưu tại Ban Tuyên giáo Thành uỷ Đà Nẵng.

www.thuvien247.net

Do lệ kiểm điện ở huyện được bãi bỏ, việc quản thúc lơi dần, sự đi lại của chính trị phạm có phần dễ dãi hơn nên phong trào có chuyển biến mới. Địa phương nào có nhiều chính trị phạm cộng sản, ở đó phong trào được phục hồi nhanh. Nhóm thanh niên yêu nước ở Thanh Khê, Hà Khê được Trần Xuân Lê tổ chức tuyên truyền giác ngộ. Tiếp đến, Nguyễn Sơn Trà ở tù Lao Bảo về viết sách, báo tuyên truyền cách mạng. Nguyễn Ngọc Kinh cùng nhiều cán bộ khác cũng ra tù trở về chắp nối, vận động quần chúng và một số lý hương thực hiện các chủ trương của Đảng như mở rộng việc dạy chữ quốc ngữ; tổ chức các hội tương tế, hội tân hương; vận động nhân dân và một số chánh phó tổng thực hiện những cải cách văn hoá hương thôn.

Tỉnh uỷ lâm thời Quảng Nam chủ trương lập một Ban cán sự đặc biệt ở Đà Nẵng; chú trọng xây dựng các tổ chức công hội đỏ trong các xí nghiệp, công sở, phát động phong trào đấu tranh đòi dân sinh dân chủ, chống xâu thuế, đòi thả chính trị phạm để tập hợp quần chúng chống đế quốc và phong kiến. Qua quá trình xây dựng, theo báo cáo của Tỉnh uỷ tháng 3/1933 về tổ chức đảng, nội thị Đà Nẵng có 2 chi bộ: 1 ở Hoả xa và bến tàu có 3 đảng viên, 1 ở Bưu điện và STACA có 3 đảng viên.[1]

Tháng 11/1935, Lê Văn Hiến được mãn hạn tù về lại Đà Nẵng cùng với vợ là Thái Thị Bôi đã được ra tù trước tham gia hoạt động. Theo dõi việc gây dựng lại phong trào cách mạng ở Đà Nẵng, trong báo cáo chính trị ngày 26/3/1935, Sở Mật thám Đà Nẵng nhận định: "Từ vài ngày nay tuyên truyền cộng sản và những âm mưu để tổ chức lại Đảng Cộng sản Đông Dương hình như đã hoạt động lại như xưa qua nhiều

[1] Theo *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng tập I (1930-1945)*, tr. 136.

www.thuvien247.net

công văn mật của mật thám Huế và những tài liệu bổ sung... Hoạt động của chúng [những người cộng sản] đến nay hạn chế một cách xa xa trong những cuộc họp nhỏ bí mật"[1].

Các hội quần chúng cũng được thành lập. Ở Đà Nẵng lúc này các hội đã thành lập tiếp tục hoạt động và có thêm một số hội mới: Hội Thể thao, Hội Hướng đạo sinh vừa mới được thành lập, Hội Thể dục chữ thập đỏ hoạt động từ tháng 9/1934. Trong số các hội đã thành lập từ trước chỉ Đà thành Nữ công học hội đang gặp nhiều khó khăn, từ năm 1932 Hội này không có cuộc họp nào, còn các hội khác đều bắt đầu hoạt động lại. Hội Ái hữu những người lái xe ô tô với 50 hội viên tại Đà Nẵng. Hội Tương trợ của những người Bắc kỳ ở Đà Nẵng có 81 hội viên. Hội Vận tải và xe khách Hào Hưng. Hội Ái hữu nhân viên Sở Thương chánh và Bưu điện. Hội Ái hữu những người Công giáo có 100 hội viên[2]. Thực dân Pháp lập danh sách từng tổ chức hội và cho người theo dõi những hội viên có nghi vấn hoạt động cộng sản.

Phong trào đấu tranh của công nhân từng bước được phục hồi. Nội dung tranh đấu trong thời gian này chủ yếu là đòi tăng lương, trả lương đúng kỳ, giảm giờ làm, chống phát hành trái phiếu, chống lạc quyên phục vụ chiến tranh đế quốc... Đặc biệt là những cuộc đấu tranh chính trị với hình thức rải truyền đơn, treo biểu ngữ vào dịp kỷ niệm những ngày lễ cách mạng như ngày thành lập Đảng, ngày Quốc tế lao động, kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười Nga diễn ra ở nhiều nơi. Cuộc mít tinh của trên 50 công nhân các Sở Lục lộ, Hoả xa, Bưu điện và những người làm ở các hãng buôn, những người làm cu ly tại núi Sơn Trà kỷ niệm ngày Cách

---

[1] Bản sao tài liệu lưu tại Liên đoàn Lao động thành phố Đà Nẵng.

[2] Theo *Báo cáo chính trị của Sở Mật thám Đà Nẵng* ngày 26/3/1935. Tlđd.

www.thuvien247.net

mạng Tháng Mười Nga diễn ra vào ngày 7/11/1933 là sự kiện có ý nghĩa chính trị đặc biệt bấy giờ.

Hưởng ứng cuộc đấu tranh của công nhân làm đường sắt ở Tam Kỳ ngày 12/3/1932, toàn bộ công nhân làm trên tuyến đường sắt từ Phú Vang (Thừa Thiên) trở vào, trong đó có công nhân làm đường sắt Đà Nẵng, Hoà Vang nhất loạt nghỉ việc, đòi chủ trả thêm tiền công.

Năm 1933 nổ ra 2 cuộc đấu tranh của công nhân cảng đòi tăng lương, trả lương đúng hạn, giảm giờ làm, tăng phụ cấp, chống ngược đãi. Về sau công nhân cảng phối hợp với công nhân các ngành khác tổ chức những cuộc đấu tranh rộng lớn hơn.

Ở Hoà Vang, nông dân kêu kiện về nạn cường hào tham nhũng, xin hoãn thu thuế, xin miễn đi xâu, đòi cấp lại công thổ công bằng, phản đối cường hào bao chiếm bao tá ruộng đất, ăn hối lộ ...

Những diễn biến trên cho thấy cũng như với cả nước, ở Đà Nẵng những năm 1932-1935 là thời kỳ bước đầu hồi phục lại phong trào cách mạng.

4. Đà Nẵng trong phong trào đấu tranh đòi dân sinh dân chủ thời kỳ 1936 - 1939

Thời kỳ này tình hình chính trị thế giới và trong nước có những chuyển biến mới: hoạ phát xít và nguy cơ chiến tranh thế giới bùng nổ; Quốc tế cộng sản đại hội; Mặt trận Bình dân Pháp giành thắng lợi... Tháng 7/1936, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương họp tại Thượng Hải (Trung Quốc), quyết định chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng. Hội nghị xác định mục tiêu trước mắt là đấu tranh chống chế độ phản động thuộc địa, chống phát xít

www.thuvien247.net

và chống chiến tranh; đòi tự do cơm áo và hoà bình. Phương pháp đấu tranh là kết hợp các hình thức công khai và bí mật, hợp pháp và không hợp pháp. Hội nghị đề ra khẩu hiệu "Ủng hộ Mặt trận nhân dân Pháp" và quyết định thành lập Mặt trận thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương (sau đổi thành Mặt trận dân chủ Đông Dương) để tập hợp mọi lực lượng tán thành cải cách dân chủ và tiến bộ xã hội.

Việc thành lập Mặt trận nhân dân Pháp chống phát xít ảnh hưởng đến đời sống chính trị của thành phố. Một số chính sách được chính quyền thực dân thực hiện như ân xá chính trị phạm, ban hành quyền tự do dân chủ, quyền tự do lập nghiệp đoàn, cải thiện điều kiện làm việc của người lao động... làm cho tình hình chính trị trong thành phố dễ thở hơn. Nhiều đoàn thể chính trị và tổ chức quần chúng được thành lập, việc phát hành báo chí được nới rộng. Nhiều chính trị phạm ra tù về lại địa phương tham gia hoạt động. Phong trào nhân dân đấu tranh chống phát xít, chống chiến tranh, đòi quyền dân sinh dân chủ theo chủ trương của Đảng Cộng sản nổ ra nhiều nơi. Tuy nhiên, chính quyền thuộc địa và tay sai ở Đà Nẵng, Hoà Vang vẫn tìm mọi cách để ngăn cản. Chúng tăng cường mạng lưới mật thám, gián điệp theo dõi các hoạt động chính trị trên địa bàn thành phố, trong phong trào nhân dân, theo dõi các đối tượng nghi vấn... Các thế lực thù địch, đảng phái phản động như phái 1884 của Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Khôi; số Tờ rốt kít... cũng tìm cách lôi kéo quần chúng.

Trong bối cảnh trên, ở Đà Nẵng trong năm 1936, nhiều chiến sĩ cộng sản bị địch bắt giam tiếp tục được ra tù trở về. Đây là điều hết sức thuận lợi cho phong trào cách mạng.

Được sự chỉ đạo của Xứ uỷ Trung kỳ, Lê Văn Hiến, Thái Thị Bôi, Nguyễn Sơn Trà... liên lạc, tập hợp các chiến sĩ cách mạng vừa mới ra tù về hoạt động. Để tạo cơ sở vừa có

www.thuvien247.net

điều kiện hoạt động chính trị, vừa làm ăn kinh tế, tháng 2/1936 Nguyễn Sơn Trà, Lê Văn Hiến, Thái Thị Bôi đứng ra thành lập hiệu sách Việt Quảng làm đại lý bán các sách báo xuất bản ở Trung, Nam, Bắc, trong đó có nhiều sách báo tiến bộ và cách mạng. Việt Quảng còn kinh doanh buôn bán các mặt hàng lâm thổ sản như sắn, bắp, lúa với các hãng buôn Pháp như Denis Frères, Descours et Cabaud, L'UCIA... Về sau Việt Quảng hùn vốn mở rộng liên kết làm ăn với Lò chén Hòa Lộc (Quảng Nam)[1], làm đại lý cho hiệu thuốc Đông - Tây y (Hà Nội), hiệu đồ gỗ Thái Yên (Vinh), rượu Dâu (Quảng Bình), thu mua trứng vịt ở Quảng Ngãi. Mạng lưới nhân viên của Việt Quảng gồm toàn những chính trị phạm cộng sản ở Đà Nẵng, Quảng Nam và các tỉnh miền Trung. Việt Quảng với danh nghĩa là buôn bán, nhưng chính là cơ quan kinh tài của Xứ uỷ Trung kỳ, là cơ quan đầu não chỉ đạo phong trào công khai của Đảng ở Đà Nẵng. Đây là nơi tiếp xúc, gặp gỡ của cán bộ cộng sản các tỉnh miền Trung. Về sau còn có Lê Thế Tiết, Hoàng Anh, Lê Duẩn... và nhiều cán bộ Trung ương về ăn ở, hoạt động. Thông qua việc mua bán ở các tỉnh cán bộ đi lại liên lạc, nắm tình hình, tiếp xúc xây dựng cơ sở trong công nhân và các tầng lớp nhân dân, tránh được sự theo dõi của mật thám Pháp. Ngoài ra, lúc này ở Đà Nẵng còn có cơ sở xe khách của ông Ba Chung hoạt động đóng góp tài chính cho Xứ uỷ Trung kỳ.

Đà Nẵng là đất "nhượng địa" nên một số sách báo bị Nam triều cấm vẫn được lưu hành. Sách báo tiến bộ như: *Hà Nội báo*, *Hà Thanh Ngọ báo*, *Trung Nhật chiến tranh*, *Nhật Nga chiến kỷ*. *Hà Nội soir*; báo phía Nam có *Dân chúng*, *Công quyền Sài Gòn*; ở miền Trung có báo *Tiếng Dân* đăng

[1] Nay thuộc xã Tiên Sơn, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam.

www.thuvien247.net

nhiều bài viết về đời sống nông dân... nhanh chóng trở thành món ăn tinh thần và là vũ khí đấu tranh của quần chúng cách mạng. Nhiều nhóm thanh niên đọc sách báo ra đời. Nhiều người dân hiểu được thời cuộc, tham gia đấu tranh đòi nhà cầm quyền cải thiện đời sống và đòi các quyền lợi khác.

Trong phong trào công khai hợp pháp ở Đà Nẵng, Hoà Vang còn có phong trào truyền bá quốc ngữ. Phong trào này thu hút được nhiều tầng lớp nhân dân tham gia đi học để biết chữ đọc sách báo, nâng cao sự hiểu biết về chính trị. Ở Đà Nẵng, trường Thành Chung được thành lập do tâm huyết của một số cán bộ cách mạng và trí thức Quảng Nam, Đà Nẵng. Nguyễn Sĩ Huân là hiệu trưởng của trường được Tỉnh uỷ Quảng Nam giao nhiệm vụ ra hoạt động công khai. Giáo viên phần lớn là những người có hoạt động chính trị hoặc có xu hướng tiến bộ như Trần Tống, Nguyễn Xuân Nhĩ, Nguyễn Đức Thiệu, Huỳnh Lý, Xuân Phương, Bùi Công Trọng, Nguyễn Như Đãi, Nguyễn Như Hạnh... Đến năm 1939 trường bị thực dân Pháp đóng cửa không cho hoạt động. Ngoài trường Thành Chung còn có trường Thanh Huy do nhóm thanh niên dân chủ ở Thanh Khê đứng ra thành lập vào năm 1935 cũng nhằm mở mang dân trí và giáo dục lòng yêu nước cho học sinh. Tháng 10/1939, tại trường tư thục sơ học An Mỹ (gần chợ Cồn), một số thầy giáo thành lập Ủy ban dạy chữ quốc ngữ cho công nhân và nông dân trong thành phố (sau đổi tên là Hội truyền bá quốc ngữ Đà thành) do Nguyễn Sĩ Huân làm chủ tịch.

Ở Hoà Vang, trường An Phước trở thành nơi dạy học và tuyên truyền cách mạng cho thanh niên trong xã. Phong trào truyền bá quốc ngữ ở Hoà Vang phát triển mạnh. Các xã đều thành lập Hội truyền bá quốc ngữ, Hội đọc sách báo tiến bộ... Cán bộ vận động thanh niên đóng góp tiền ra hiệu sách Việt

www.thuvien247.net

Quảng mua các sách *Ngục Kon Tum* của Lê Văn Hiến, *Người mẹ* của Maxim Gorky, *Việc làng* của Ngô Tất Tố... về lập tủ sách ở xã. Phong trào truyền bá quốc ngữ có ý nghĩa quan trọng, vừa góp phần nâng cao dân trí, vừa tập hợp được lực lượng thanh niên tiến bộ vào trong tổ chức, đẩy mạnh phong trào đấu tranh công khai hợp pháp trong giai đoạn này.

Chớp lấy việc Quốc hội Pháp tuyên bố cử một phái đoàn do Godart dẫn đầu sang điều tra tình hình Đông Dương, Đảng Cộng sản phát động phong trào Đại hội Đông Dương. Các chiến sĩ cộng sản Nguyễn Trác, Phạm Văn Đồng đến Đà Nẵng tổ chức phát động phong trào Đại hội Đông Dương ở đây.

Tháng 8/1936 Nguyễn Trác, Trịnh Quang Xuân, Trần Học Giới... họp tại bãi cát gần nhà ga Đà Nẵng lập ra Uỷ ban vận động Đại hội Đông Dương tỉnh Quảng Nam, đề ra chương trình làm việc, vận động thực hiện các mặt công tác. Cán bộ tổ chức tuyên truyền vận động nhân dân thành lập các uỷ ban hành động tập hợp lực lượng các tầng lớp nhân dân, đấu tranh đòi chính quyền thực hiện 12 yêu cầu về các quyền tự do dân chủ do Đảng Cộng sản đề ra.

Tỉnh uỷ Quảng Nam tổ chức cuộc họp tại làng Tân Hạnh (Hoà Phước, Hoà Vang) phổ biến các chủ trương của Đảng, đẩy mạnh các phong trào. Nguyễn Trác được Tỉnh uỷ phân công trực tiếp phụ trách Đà Nẵng. Sau hội nghị, công tác phát triển đảng, xây dựng các tổ chức quần chúng được đẩy mạnh. Nhiều hội ái hữu, hội tương tế, nhóm đọc sách báo được thành lập. Các đảng viên cộng sản tận dụng hoạt động công khai phát động quần chúng, đẩy mạnh phong trào đấu tranh theo khẩu hiệu của Mặt trận dân chủ, ủng hộ cuộc đấu tranh của công nhân ngành xe lửa, ủng hộ các tờ báo tiến bộ, vận động nhân dân Đà Nẵng, Hoà Vang ký vào bản dân nguyện.

www.thuvien247.net

Song song với tổ chức công khai, Đảng bộ Đà Nẵng lo củng cố đường dây hoạt động bí mật lãnh đạo phong trào công nhân trong các xí nghiệp, công xưởng, nhà máy ở Đà Nẵng. Ở công ty Quảng Hoà Mỹ, Hà Văn Tính hoạt động tuyên truyền tổ chức nhiều cơ sở cách mạng trong công nhân rồi tiến đến thành lập chi bộ đảng. Tiếp đó, Nguyễn Đức Thiệu thành lập chi bộ thợ may và bồi bếp.

Ở Hoà Vang, các tổ chức quần chúng biến tướng lần lượt ra đời. Ở tổng An Phước, nhiều nhóm thanh niên ở xã Phú Sơn, Hương Lam, Cẩm Toại, Tuý Loan được thành lập. Thanh niên Hoà Vang tiếp thu ảnh hưởng cách mạng từ các chính trị phạm, từ đảng viên cộng sản và quần chúng cảm tình của Đảng trong các công sở Hoả xa, đạt điền; từ một số học sinh ở các trường Quy Nhơn, Hội An về làng đã tập hợp lại hoạt động dưới hình thức công khai hợp pháp như Hội đá bóng, Nhóm đọc và nghiên cứu sách báo cách mạng, Hội hát bội. Thanh niên tổng An Phước vận động Chánh tổng, Phó tổng, Lý trưởng tham gia trong hội hát bội để thuận lợi trong việc lôi cuốn đông đảo quần chúng hưởng ứng. Tiền thu được trang trải những chi phí, phần còn lại góp vào mở rộng trường học An Phước. Ở các tổng Hoà An, Bình Thái, thanh niên Trung Nghĩa, Phú Lộc, Hoà An, Xuân Thiều, Đa Phước. Quan Nam, Vân Dương, Nam Ô, Thuỷ Tú cũng thành lập nhiều hội biến tướng để hoạt động. Thanh niên các tổng này còn khai phá đất công, đất hoang cùng nhau hợp tác làm ăn. Những tổ chức này trở thành hạt nhân tập hợp nhân dân đấu tranh đòi các quyền lợi dân sinh, dân chủ ở Hoà Vang.

Các chiến sĩ cộng sản ra tù về ở Đà Nẵng, Quảng Nam đi dự Đại hội Đông Dương chi nhánh miền Trung được tổ chức tại Huế tích cực đấu tranh vạch trần âm mưu của viên Khâm sứ Pháp Graffeuil cố phá phong trào Đại hội Đông

www.thuvien247.net

Dương ở Trung kỳ. Trong Đại hội, tiếng nói của cựu chính trị phạm cộng sản và những người tiến bộ chiếm ưu thế. Lực lượng cựu chính trị phạm cộng sản ở Đà Nẵng góp phần làm nên thành công của Đại hội. Mặc dầu sau đó, chính quyền thực dân ra lệnh cấm và đàn áp phong trào Đại hội Đông Dương, nhưng phong trào đó đã khởi đầu cho không khí chính trị mới, một tinh thần đấu tranh cách mạng trong công nhân, các tầng lớp lao động nghèo khổ ở Đà Nẵng và Hoà Vang trong cuộc xuống đường đón phái bộ Godard.

Hiệu sách Việt Quảng là cơ quan đầu não phát động và tổ chức phong trào đón Godart ở Đà Nẵng. Một ban vận động được hình thành gồm những cựu chính trị phạm là những đảng viên cộng sản và những người có tư tưởng tiến bộ từ trí thức đến những người lao động như Phạm Văn Đồng, Phan Bôi, Lê Văn Hiến, Nguyễn Sơn Trà, Đinh Trọng Khánh, Lê Văn Quý, Đoàn Bá Từ, Nguyễn Như Hạnh, Trịnh Quang Xuân, Lê Văn Mậu, Lê Công Mong, Nguyễn Sĩ Huân... do Lê Văn Hiến làm Trưởng ban. Ban vận động nhờ Jean Bonneau bí thư chi nhánh Đảng Xã hội Pháp tại Đà Nẵng đứng ra xin phép chính quyền thành phố tổ chức cuộc mít tinh đón Godart.

Ban vận động đón Godart có bức thư ngỏ gởi đi khắp nơi trong thành phố, vận động các tầng lớp nhân dân tham gia cuộc đón tiếp Godart. Sau đó từng thành viên đi đến các khu bến tàu, các ban ghe chài, các ban buôn bán hàng rong, vào trong các chợ, tiếp xúc các giới lao động, học sinh, công chức... để cổ động. Cuốn sách *Ngục Kon Tum* của Lê Văn Hiến được phát hành rộng rãi nhằm tố cáo chế độ lao tù hà khắc của nhà cầm quyền Đông Dương. Nhân dân được vận động ký vào bản *Dân nguyện* đòi bãi bỏ thuế thân, tự do nghiệp đoàn, tự do ngôn luận. toàn xá tù chính trị gởi lên ban

www.thuvien247.net

tổ chức. Phan Bôi được phân công dịch tài liệu tố cáo chính quyền thuộc địa ra tiếng Pháp gởi lên phái bộ Godart.

Ngày 28/2/1937, được tin phái bộ Godart trên đường đến Đà Nẵng sẽ đi qua Thanh An, hàng ngàn nhân dân ở các nơi trong huyện Hoà Vang tập trung về đây đưa *Dân nguyện* tố cáo chế độ thuế khoá hà khắc, sưu cao thuế nặng mà nông dân phải gánh chịu và lên án hành động bóc lột của giới chủ Pháp đối với những người lao động.

Ở Đà Nẵng, 2 giờ chiều ngày 28/2/1937, gần 5000 người dân các nơi tập trung về đứng chật cả 2 bên đường phố, từ ga xe lửa xuống dọc bờ sông Hàn, đến toà Đốc lý. Mỗi đoàn đại diện cho một tầng lớp lao động như công nhân, nông dân, tiểu thương, xe kéo, thợ may, thợ máy, phu khuân vác, trí thức, công chức... Mỗi giới đều ăn mặc đồng phục, mang theo phù hiệu, đứng theo hàng ngũ của giới mình. Thợ may, thợ hớt tóc đeo phù hiệu có hình cái kéo, thợ giày mang phù hiệu chiếc giày, công nhân hoả xa mang hình đầu máy xe lửa, công nhân khuân vác mang chiếc khăn vải lót vai, ngư dân mang hình con cá, tiểu thương đội nón có quai đen... Đoàn biểu tình trương biểu ngữ "Ủng hộ Mặt trận bình dân Pháp", "Đòi quyền lập nghiệp đoàn". Cuộc xuống đường đã lôi kéo nhiều tầng lớp nhân dân tham gia, được tổ chức quy củ đã nói lên uy tín của Ban lãnh đạo thành phố, mà đa phần là những chiến sĩ cộng sản vừa từ các nhà tù ra. Qua đó ý thức về sức mạnh của sự đoàn kết giới thợ thuyền trong thành phố đã được nhen lên trong cuộc đấu tranh. Khi đoàn xe của phái bộ Godart đến ngã tư đường Pigneau de Béhaine - Jules Ferry (nay là ngã tư Lê Duẩn - Trần Phú), nhân dân hô vang khẩu hiệu: "Hoan hô Mặt trận bình dân Pháp", "Hoan hô Đại sứ Gô đa". Các đại biểu đại diện nhân dân tranh thủ đưa đơn cho phái bộ. Tại khách sạn Morin, một số giới chủ Pháp trong khách sạn, đứng đầu là một

www.thuvien247.net

tên chủ đồn điền hô "Đả đảo chính trị xuống đường", "Đả đảo Mặt trận Bình dân", "Đả đảo những kẻ lợi dụng", "Đả đảo Gô đa". Lập tức, Phan Bôi, Trịnh Quang Xuân hô áp đảo lại bằng tiếng Pháp: "Mặt trận Bình dân muôn năm", "Đả đảo phát xít". Cả đoàn biểu tình hô theo vang dậy. Tại toà Đốc lý, Lê Văn Hiến và Phan Bôi đại diện nhân dân trao đơn kiến nghị và trao đổi trực tiếp với Godard.

Cuộc xuống đường sôi động của nhân dân Đà Nẵng đón Godart là một cuộc biểu dương chính trị của quần chúng. So với lễ truy điệu chí sĩ Phan Châu Trinh năm 1926 do các nhà ái quốc và nhân sĩ tổ chức tại Đà Nẵng thì cuộc đón tiếp Godart lần này lớn rộng hơn, cả về mặt tổ chức cũng như về ảnh hưởng chính trị. Báo *Tiếng Dân* đưa ra nhận xét về cuộc biểu tình này một cách hình ảnh: "Nắm tay đưa ra hoan nghênh đại sứ không khác nào một rừng cây trụi lá"[1].

Cuộc đón tiếp Godart góp tiếng nói của người dân Đà Nẵng tố cáo chính sách đàn áp bóc lột hà khắc của thực dân Pháp tại Việt Nam, đòi chính phủ Bình dân Pháp thả tù chính trị và giải thoát cho một số người bị quản thúc. Chính phủ Pháp đã ban hành một số nghị định về quyền lợi công nhân, quy định thời gian lao động, chế độ phép, quy định mức lương tối thiểu cho người lao động. Từ sau tháng 8/1937, các tổ chức ái hữu, các hội biến tướng tiếp tục xuất hiện, phong trào đấu tranh đòi các quyền lợi dân sinh, dân chủ theo chủ trương của Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương tiếp tục phát triển.

Ở Đà Nẵng, sau cuộc xuống đường đón Godart, tình hình có nhiều thay đổi: khí thế phong trào đấu tranh cách mạng lên mạnh, Việt Quảng ngày càng đóng vai trò quan

---

[1] Báo *Tiếng Dân* số 1030, ngày 9/3/1937.

www.thuvien247.net

trọng trong hoạt động công khai của Đảng bộ Cộng sản Quảng Nam tại Đà Nẵng. Theo chủ trương của Xứ uỷ, để tạo điều kiện hơn nữa cho hoạt động công khai ở thành phố nhượng địa, Lê Văn Hiến, Nguyễn Sơn Trà tham gia vào chi nhánh Đảng Xã hội Pháp ở Đà Nẵng để phong trào cách mạng ở đây có thêm chỗ dựa "pháp lý" trong hoạt động công khai, cũng như chống lại sự khủng bố và đàn áp của nhà cầm quyền thực dân.

Nhưng cũng từ sau cuộc xuống đường đón Godart, không chỉ mật thám Pháp ở Đà Nẵng mà cả mật thám Quảng Nam cũng theo dõi hoạt động của Việt Quảng. Chúng nghi ngờ những người đứng đầu Việt Quảng là "thuộc dân Pháp" nhưng lại quan hệ với những người "dân của Nam triều", là những đảng viên cộng sản ở Quảng Nam và các tỉnh miền Trung.

Bất chấp sự theo dõi, ngăn cản của mật thám Pháp, phong trào đấu tranh cách mạng của các tầng lớp nhân dân Đà Nẵng, Hoà Vang vẫn phát triển mạnh. Phong trào đòi thành lập các hội ái hữu - nghiệp đoàn liên tục nổ ra trong thời gian này. Ngày 12/12/1937, Uỷ ban lâm thời Hội Ái hữu thợ may Đà Nẵng được thành lập. Hội ra lời kêu gọi những người thợ may đoàn kết đấu tranh chống nhà cầm quyền Pháp ở Trung Kỳ trì hoãn trong việc xét đơn cho lập hội.

Đầu năm 1938, Ban trị sự Hội Ái hữu công nhân khuân vác được thành lập gồm 10 người do Nguyễn Văn Sanh làm Hội trưởng, Nguyễn Cương Hội phó và Hà Văn Tính thư ký[1]. Lúc đầu Hội có 1000 hội viên, bao gồm công nhân viên chức các hiệu buôn Quảng Hoà Mỹ, Trương Côn, Lê Văn Tập, Nguyễn Hữu Thí. Sau phong trào mở rộng, kết nạp thêm công nhân trong các hiệu buôn của người Pháp như SACRIC,

[1] Theo công văn mật số 459/s ngày 11/7/1936 của Sở Mật thám Đà Nẵng.

www.thuvien247.net

Descours Cabaud, Denis Frères. Tổng số hội viên lên gần 2000 người[1]. Hội hoạt động hữu hiệu, cán bộ hội nhân dám ma chay, cưới xin để gặp gỡ hội viên giáo dục tinh thần đoàn kết giai cấp, không để cho chủ lợi dụng chia rẽ. Hội không chỉ tổ chức những cuộc đấu tranh đòi quyền lợi kinh tế mà còn huy động công nhân tham gia các cuộc vận động chính trị ở Đà Nẵng. Công nhân, thợ thủ công một số ngành nghề khác như đóng giày, bồi bếp và tiểu thương các chợ cũng đấu tranh đòi lập hội ái hữu.

Trước phong trào xin lập hội ái hữu ngày càng nhiều, chính quyền đương thời lo sợ tìm mọi cách trì hoãn, bác đơn. Những người đứng đơn bị Sở Mật thám bắt đến chụp ảnh, ghi tên vào sổ để răn đe. Tuy vậy, các Hội Ái hữu thợ giặt, nhà đèn, lái xe vẫn được thành lập[2]. Hội Nữ công Đà thành sau một thời gian ngừng hoạt động, nay kêu gọi hội viên củng cố lại tổ chức hội. Công chức Hoả xa thành lập Hội chơi bóng vượt. Tiểu thương ở chợ Hàn chưa lập hội ái hữu nhưng đã thành lập các nhóm nòng cốt hướng dẫn nhau đấu tranh.

Vào cuối năm 1938 đầu năm 1939, khi tình hình khó khăn, thực dân Pháp không cho thành lập các hiệp hội ái hữu, thực hiện chủ trương của Đảng bộ Đà Nẵng, Nguyễn Sơn Trà cùng với đồng chí của mình để nghị dân biểu Đặng Thai Mai can thiệp được với chính quyền thành phố trong việc thành lập hàng loạt hội thể thao của công nhân lao động ở Đà Nẵng như Hội Thể thao thợ may, Hội Thể thao Thanh Khê, Hội Thể thao thuyền chèo... Theo dõi hoạt động của những người cộng sản trong việc lập Hội Ái hữu, trong một báo cáo mật gửi cho Tổng Thanh tra Sở Mật thám, chánh Sở Cảnh sát

---

[1] Theo Hồi ký của Hà Văn Tính.

[2] Theo tài liệu Sơ Liêm phóng Pháp ở Đà Nẵng, ngày 18/4/1939.

www.thuvien247.net

Trung Kỳ, ủy viên Sở Mật thám Faifo và Đốc lý Đà Nẵng về việc Nguyễn Sơn Trà, Đinh Khánh và Nguyễn Hạnh vừa mới thành lập ở Đà Nẵng 3 hội ái hữu là Hội Thể thao thợ may, Hội Thể thao Thanh Khê và Hội Thể thao thuyền chèo, viên Phó Sở Mật thám đặc biệt Đà Nẵng nhận định rằng: Nguyễn Sơn Trà đã chuyển tất cả các hội ái hữu thành Hiệp hội thể thao vì các hội ái hữu của các giới này bị chính quyền thành phố không cho phép nên đã đổi hình thức và tên gọi[1].

Ở Hoà Vang, các tổ chức cách mạng công khai hợp pháp như Hội Ái hữu, Hội Phụ nữ tiên tiến... được thành lập ở các xã. Lực lượng thanh niên hăng hái đi đầu phong trào. Nhiều nhóm thanh niên ở Phú Sơn, Hương Lam, Cẩm Toại, Tuý Loan, Khương Mỹ... lập Hội Bóng đá, nhóm Nghiên cứu sách báo cách mạng, Hội Hát bội, Hội Thuốc bắc, Hội Võ dân tộc, Hội Dệt vải... hoạt động tích cực, tập hợp đông đảo các tầng lớp nhân dân nông thôn. Riêng Hội Dệt vải đã tích cực hoạt động, tuyên truyền về cách mạng và tổ chức cho hội viên hợp tác làm ăn tập thể.

Các hội đoàn thể được thành lập trở thành hạt nhân trong phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân ở Đà Nẵng, Hoà Vang trong suốt những năm 1936-1939. Đây là sự linh động sáng tạo của Đảng bộ Cộng sản thành phố Đà Nẵng biết phát huy lợi thế của một thành phố nhượng địa, tạo thành sức mạnh của những người lao động mà trong giai đoạn trước chưa có được. Khi phong trào đấu tranh mới dấy lên, Chánh Mật thám Pháp ở Đà Nẵng đã lo sợ và thừa nhận với cấp trên của mình: "Dịch bãi công hình như đang hoành hành trong các tổ hợp công nghiệp và công nhân ở Bắc Kỳ và Nam Kỳ,

---

[1] Bản sao tài liệu dịch *Công văn mật số 664/s của Sở Mật thám đặc biệt Đà Nẵng, ngày 19/9/1939*. Tài liệu lưu tại Liên đoàn Lao động thành phố Đà Nẵng.

www.thuvien247.net

dang lan dần ra Đà Nẵng. Tôi đã hành động để đề phòng sự việc nói trên chung quanh một số chủ xí nghiệp và nhà buôn để quét sạch mọi việc tuyên truyền và tránh được trong phạm vi có thể tất cả mọi kích khởi"[1].

Trong những năm này, phong trào đấu tranh của nhân dân diễn ra quyết liệt. Ở Đồng Xanh, Ô Ray công nhân phá kho An Lợi, đốt nhà máy chè Phú Thượng phản đối việc Pháp đàn áp tù chính trị cộng sản tại Bà Nà. Ở Thổ Sơn, nhân dân Kinh, Thượng biểu tình đòi tên chủ Mic người Pháp phải trả lại ruộng đất. Ngày 22/2/1937, toàn thể công nhân hãng vận tải ô tô STACA đấu tranh nghỉ việc. Đây là công ty được chính quyền thực dân nâng đỡ tạo điều kiện hoạt động. Do giới chủ nâng giờ công lao động quá cao trong khi lương công nhân rất thấp, lại không thi hành chế độ lao động do Chính phủ Bình dân Pháp ban hành nên công nhân tổ chức đấu tranh với các yêu sách: tăng lương 30%, mỗi ngày làm 9 giờ, khi ốm đau được hưởng lương, tiền nằm nhà thương do chủ chịu, nghỉ chủ nhật và nghỉ lễ được trả lương, không được đuổi thợ vô cớ, muốn giảm thợ phải báo trước 15 ngày, mỗi năm nghỉ 15 ngày có lương; thi hành luật lao động theo nghị định đã ban hành. Giới chủ nhận đơn nhưng trì hoãn không chịu giải quyết nên tất cả công nhân nghỉ việc, kéo đến Toà Đốc lý đấu tranh. Mặc dầu cuộc đấu tranh chưa giành được thắng lợi nhưng ảnh hưởng rất lớn đến công nhân cả Trung Kỳ.

Ngày 10/7/1937, hưởng ứng cuộc đấu tranh của công nhân nhà máy xe lửa Trường Thi, gần 1000 công nhân Sở Hoả xa Đà Nẵng cùng với công nhân các tỉnh ven biển Nam Trung Kỳ tổ chức bãi công đòi tăng lương và tăng phụ cấp

---

[1] *Báo cáo chính trị của Sở Mật thám Đà Nẵng ngày 26/11/1936.*

www.thuvien247.net

cho những công nhân làm việc ở vùng nước độc, đòi phải thu nhận những công nhân bị sa thải trở lại làm việc. cho phép lập nghiệp đoàn. Toàn bộ công việc trên tuyến đường sắt Đà Nẵng - Nha Trang hầu như bị tê liệt. Cuộc đấu tranh này thể hiện sự đoàn kết chặt chẽ ngày càng cao của công nhân các ngành, các xí nghiệp ở Đà Nẵng và giữa công nhân ở Đà Nẵng với công nhân các địa phương khác cùng đấu tranh chống lại sự áp bức, bóc lột của giới chủ người Pháp.

Tiếp theo là cuộc đấu tranh của trên 950 công nhân khuân vác cảng Đà Nẵng. Cuộc đấu tranh này xuất phát từ cuộc đấu tranh của trên 100 công nhân của hãng xuất nhập khẩu Quảng Hoà Mỹ đòi tăng lương và cải thiện điều kiện lao động trong ngày 1/9/1938, được sự hưởng ứng của hơn 700 công nhân các hãng Nguyễn Hữu Thi, Trương Côn, Lê Văn Tập và các hãng buôn Pháp như SACRIC, Descours Cabaud, Denis Frères, L'UCIA... ủng hộ, làm cho công việc bốc vác trên cảng hầu như bị ngưng trệ. Cuộc đấu tranh giành được thắng lợi càng cổ vũ tinh thần đoàn kết đấu tranh của công nhân ở Đà Nẵng.

Các đảng viên cộng sản còn tổ chức các cuộc mít tinh công khai kỷ niệm các ngày lễ cách mạng như kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động 1/5/1938 tại rạp hát Hoà Bình có hàng ngàn người đến tham dự, hai cuộc mít tinh bí mật ở bãi biển sau nhà ga Đà Nẵng và bãi biển Mỹ Khê. Nhân dân còn được vận động quyên góp cứu đói đồng bào Bắc bộ, ủng hộ cuộc kháng chiến của nhân dân Trung Hoa chống Nhật, ủng hộ chính trị phạm cộng sản ở Côn Đảo và ở nhà tù Buôn Ma Thuột.

Được sự hướng dẫn của cán bộ cách mạng, ngày 25/2/1938 tiểu thương chợ Hàn tổ chức bãi thị, những người đánh xe kéo bãi công đòi giảm thuế, đòi tự do lập hội. Trước phong trào đấu tranh của nhân dân, chính quyền thực dân hứa

www.thuvien247.net

giải quyết đơn xin lập hội ái hữu, hạ mức thuế và đổi người thu thuế. Cuộc đấu tranh còn thu hút được một số người tầng lớp trên ủng hộ. Những người này trực tiếp gặp tên Đốc lý Valet đưa yêu sách, buộc viên Đốc lý phải hạ mức thuế từ 7,5$ xuống còn 2,5$.

Đến giữa năm 1938, Khâm sứ Trung kỳ và Nam triều đưa ra bản dự án tăng thuế, buộc Viện Dân biểu Trung Kỳ phải thông qua. Nhân dân Đà Nẵng, Hoà Vang làm kiến nghị chống lại bản dự án này. Ở Đà Nẵng chỉ trong vòng 3 ngày, từ ngày 4 đến ngày 6/9/1938 đã có 5 đoàn đại biểu nhân dân đến gặp nghị viên Quang Cự yêu cầu chuyển đạt nguyện vọng của dân lên Viện Dân biểu. Ở Hoà Vang, Lý trưởng Nguyễn Ngọc Cầu làng Tân Hạnh đi vận động các hào lý tổng Thanh An ký vào đơn chống thuế. Cuối năm 1938, chính quyền tay sai bắt lý trưởng 2 làng Tân Hạnh và Quá Gián lên huyện đường hăm doạ vì tội "đã ký vào đơn phản đối dự án thuế thân thứ 2 của Chính phủ"[1]. Trả lời câu hỏi ai là người chủ mưu trong việc phản đối, họ đồng thanh trả lời: "Chính toàn thể dân chúng trong làng buộc họ phải đệ đơn phản đối"[2].

Cùng với phong trào trên, nhân dân còn được vận động tham gia trên mặt trận đấu tranh nghị trường. Tháng 8/1937 Viện Dân biểu Trung kỳ mở cuộc tuyển cử khoá 3. Xứ ủy Trung kỳ chủ trương đưa Phan Thanh là một trí thức tiến bộ ra ứng cử để lôi kéo dân biểu, mở rộng lực lượng Mặt trận Dân chủ, vạch trần chính sách áp bức bóc lột của thực dân Pháp, bênh vực quyền lợi nhân dân. Ngô Đình Khôi, Ngô Đình Diệm muốn liên kết với lực lượng cách mạng ở Quảng Nam và Đà Nẵng để đưa người của "phái 1884" vào Viện

---

[1] Báo *Dân chúng* số 40, ngày 20.12.1938.

[2] Tlđd.

www.thuvien247.net

Dân biểu. Nhân dân đấu tranh buộc "phái 1884" phải chấp nhận việc đưa Phan Thanh vào danh sách ứng cử viên và đưa yêu sách đòi đại xá chính trị phạm vào chương trình hành động chung.

Xứ uỷ Trung kỳ dựa vào Việt Quảng để chỉ đạo cuộc bầu cử. Hiệu sách Việt Quảng là nơi công khai cổ động cho Phan Thanh. Nhiều sách báo tiến bộ, trong đó có tờ báo *Dân* của Xứ uỷ Trung Kỳ là phương tiện tuyên truyền cổ động Phan Thanh. Báo chí công khai của Đảng Cộng sản và của các lực lượng dân chủ liên tiếp tố cáo chế độ bầu cử bất công, đòi phổ thông đầu phiếu, mở rộng quyền lực của các cơ quan dân cử, trách nhiệm của nghị viên trong việc đề đạt nguyện vọng của nhân dân. Đồng thời kêu gọi nhân dân chọn những ứng cử viên có đủ đức đủ tài để bầu.

Các tổ chức Đảng bí mật tuyên truyền cổ động cho ứng cử viên do Đảng đưa ra. Về phía chính quyền thực dân, để tạo điều kiện cho Nguyễn Quốc Tuý tranh cử với Phan Thanh, đêm 1/8/1937 nhà cầm quyền thành phố mở cuộc vận động tuyên truyền cho Nguyễn Quốc Tuý ở rạp hát Vĩnh Lạc nhưng đã bị hơn 400 thính giả có mặt trong rạp phản ứng, nhiều đại biểu lên án Nguyễn Quốc Tuý làm tay sai cho Pháp.

Ở Hoà Vang, mặc dầu địch canh phòng nghiêm ngặt nhưng biểu ngữ vận động cho Phan Thanh vẫn được treo trước cổng huyện đường. Kết quả, ứng cử viên Phan Thanh giành được thắng lợi với số phiếu áp đảo.

Phan Thanh trúng cử cùng với nhiều dân biểu khác góp phần mở đường cho cuộc đấu tranh sôi nổi ở nghị trường Viện Dân biểu Trung Kỳ, càng thúc đẩy phong trào chống thuế của nhân dân Đà Nẵng, Hoà Vang lên cao trong những năm 1938 -1939.

www.thuvien247.net

Trước áp lực phản đối của quần chúng nhân dân và giới báo chí, ngày 16/9/1938 Viện Dân biểu Trung kỳ phải thông qua một Nghị quyết bác bỏ dự án tăng thuế. Phan Thanh dùng tài hùng biện đấu tranh bác bỏ dự án này và lên án thái độ trịch thượng của Toà Khâm sứ. Tờ báo *France - Annam* đưa tin về kết quả phiên họp: "Nghị án thuế, đa số nghị viên không tán thành". Sau đó, Phan Thanh về nói chuyện tại nhà hát Hoà Bình ở Đà Nẵng về thắng lợi chống dự án tăng thuế. Chính quyền Pháp ở Đà Nẵng dùng mọi thủ đoạn trì hoãn cuộc tiếp xúc cử tri của Phan Thanh. Tên Chánh mật thám Đà Nẵng Gazagne đến ngăn cản không cho người vào nghe nhưng bị quần chúng phản đối. Dưới sự hướng dẫn của Nguyễn Sơn Trà, lực lượng nòng cốt hô "Đả đảo độc tài" vang dậy giữa lòng thành phố. Với sự can thiệp của Jean Boneau, bí thư chi nhánh Đảng Xã hội Pháp ở Đà Nẵng, chính quyền thành phố phải nhượng bộ. Nhân dân đã nghe Phan Thanh vạch rõ chính sách thâm độc trong việc tăng thuế của thực dân: dân đóng thuế nhưng ngân sách nhà nước chi tiêu lại dành xây nhà tù nhiều hơn trường học và mở mang các công trình xã hội; lên án chính sách áp bức bóc lột của nhà cầm quyền. Đây là lần đầu tiên nhân dân được dự nghe một diễn giả người Việt Nam lớn tiếng chỉ trích chính phủ bảo hộ Pháp.

Sau cuộc đấu tranh trên, Mặt trận Dân chủ càng có ảnh hưởng lớn trong nhân dân thành phố.

Ngày 23/2/1938, Thái Thị Bôi từ trần sau một thời gian lâm bệnh nặng. Đám tang của nữ chiến sĩ cách mạng, người chủ Việt Quảng được Đảng bộ Cộng sản tỉnh Quảng Nam tổ chức trang trọng, có hàng ngàn người dân Đà Nẵng, Hoà Vang và các huyện Quảng Nam đến dự. Tại lễ tang, những vòng hoa kết dải băng với dòng chữ "Vết thương tâm", ngầm lên án tội ác của bọn thực dân, đế quốc về cái chết của

www.thuvien247.net

Thái Thị Bôi do hậu quả của sự tra tấn tù đày dã man của chúng đối với phụ nữ. Từ Huế, cụ Phan Bội Châu gởi bài văn điếu thương tiếc người nữ chiến sĩ cách mạng kiên cường. Nhận thấy đây là một đám tang mang tính chính trị cao, có ảnh hưởng sâu rộng trong lòng nhân dân Đà Nẵng, Hoà Vang nên chỉ 3 ngày sau, trong khi gia đình đang làm lễ mở cửa mả người quá cố, chánh mật thám Gazagne dẫn lính xông vào nhà khám xét bắt Lê Văn Hiến (chồng của Thái Thị Bôi).

> Thái Thị Bôi sinh năm 1911, quê làng Nghi An, huyện Hoà Vang. Sau thời gian hoạt động trong Ban vận động thành lập Hội Việt Nam cách mệnh thanh niên tỉnh Quảng Nam và là uỷ viên Ban Chấp hành Tỉnh hội (từ 1926-1928), năm 1929 do cơ sở cách mạng bị vỡ, bà cùng chồng là Lê Văn Hiến chuyển vào Nha Trang hoạt động. Năm 1930 bà gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam. Năm 1931 bị địch bắt giam ở nhà lao Nha Trang rồi đưa vào Khám Lớn Sài Gòn. Sau đó bà bị chuyển sang tạm giam ở Tân Đảo rồi được đưa về Đà Nẵng. Tại Đà Nẵng bà hoạt động tích cực trong phong trào Mặt trận Dân chủ cho đến ngày lâm trọng bệnh qua đời.

Tháng 5/1939, Phan Thanh lâm bệnh và từ trần. Nhân dân Đà Nẵng tiếc thương tổ chức trọng thể lễ truy điệu. Cán bộ và hội viên Hội Ái hữu ở Đà Nẵng vào Bảo An (Điện Bàn) làm lễ truy điệu, tưởng nhớ người chiến sĩ xuất sắc trên mặt trận đấu tranh chính trị công khai hợp pháp.

Sau khi Phan Thanh mất, để bổ sung người vào Viện Dân biểu, Đảng Cộng sản đưa Đặng Thai Mai ra ứng cử và cử Võ Nguyên Giáp vào hoạt động tại Việt Quảng để hướng dẫn tuyên truyền bầu cử. Ban vận động tuyển cử được thành lập gồm có Nguyễn Sĩ Huân, Nguyễn Tấn Hà, Nguyễn Ngọc Châu, Nguyễn Như Hạnh. Với khí thế đấu tranh ngày càng cao của phong trào cách mạng, một số nhân sĩ, trí thức Đà Nẵng tích cực ủng hộ cuộc vận động. Kết quả Đặng Thai Mai

www.thuvien247.net

trúng cử vào Viện Dân biểu Trung kỳ. Tờ báo *Thời nay* xuất bản ở Hà Nội đưa tin: "10 giờ sáng ngày 31/7/1939, chúng tôi nhận bức điện của các anh Tourane (Đà Nẵng) đánh ra như sau: mặc dầu bị đàn áp, nhờ sự giác ngộ rất cao của các cử tri, đồng chí Đặng Thai Mai của chúng ta trúng cử thay anh Phan Thanh 884 phiếu, chống với 708 phiếu của candidat (ứng cử viên) chính phủ, cuộc tuyển cử gay go cảm động vô cùng !".

Thắng lợi trên chứng tỏ ý thức chính trị cao của nhân dân Đà Nẵng, Quảng Nam.

Những tháng cuối năm 1938, tình hình thế giới biến chuyển theo chiều hướng xấu, Chính phủ Pháp càng ngả về phía hữu, ban hành các đạo luật tăng thuế, bóp nghẹt các chế độ của người lao động, kiểm duyệt báo chí, giải tán các hội ái hữu... Số phản động ở thuộc địa thẳng tay đàn áp phong trào cách mạng. Trước tình hình trên, ngày 10/3/1939, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương ra thông báo khẩn kêu gọi toàn Đảng chống khủng bố, và chỉ thị cho cán bộ đang hoạt động hợp pháp, nửa hợp pháp nhanh chóng rút vào hoạt động bí mật.

Ở Đà Nẵng, sau khi Nguyễn Trác bị bắt trong phong trào chống thuế năm 1938, tháng 8/1939 Tỉnh uỷ quyết định cử Nguyễn Đức Thiệu ra phụ trách Đà Nẵng. Tháng 5/1939 Nguyễn Đức Thiệu, Hà Văn Tính, Nguyễn Ngọc Châu họp thành lập Thành uỷ lâm thời do Nguyễn Đức Thiệu làm bí thư. Lúc này đảng bộ thành phố có 3 chi bộ. Thành uỷ tiếp tục lãnh đạo nhân dân đấu tranh, nhưng cuối năm 1939 Nguyễn Đức Thiệu bị địch bắt, các chi bộ hoạt động hết sức khó khăn.

Một số cuộc đấu tranh của công nhân tiếp tục nổ ra. Ngày 1/1/1939, công nhân xe kéo Đà Nẵng nghỉ việc phản đối chủ tăng giá cho thuê xe kéo từ 0,30$ lên 0,40$. Cũng trong tháng này công nhân hãng Richsa bãi công phản đối tăng tiền

www.thuvien247.net

thuê nhà. Ngày 6/3 công nhân khuân vác hãng buôn Nguyễn Hữu Thí đấu tranh đòi tăng lương trong giờ làm ca đêm. Tiếp đến là các cuộc đình công của 400 công nhân hãng STACA (14/5), 50 công nhân cảng Đà Nẵng (9/6). Ngày 28/7/1939 tất cả thợ lái tàu kéo ở hiệu buôn Quảng Hoà Mỹ đình công phản đối hành động đánh đập của cai, phản đối chủ vô cớ đuổi thợ.

Tháng 5/1939, khai trương gian hàng hội chợ tại Hội An, Tỉnh uỷ Quảng Nam chủ trương tổ chức một gian hàng trong hội chợ để tuyên truyền cách mạng. Hưởng ứng chủ trương này, nhân dân Đà Nẵng, Hoà Vang đưa hàng vào tham gia trưng bày. Trên mỗi sản phẩm đều có viết dòng chữ "Đả đảo chiến tranh", "Ủng hộ hòa bình"...

Trong khi đó, hoạt động của hiệu sách Việt Quang[1] bị mật thám Pháp theo dõi sát sao. Báo cáo của Gagzane chánh mật thám Đà Nẵng về hiệu sách này như sau: "Chính ở mưu thất ấy bản doanh của Đảng Cộng sản công khai và bí mật tạo nên những cuộc biểu tình quần chúng, tất cả những cuộc bãi công của công nhân trong những năm gần đây. Chính hiệu sách ấy đã phân phát một số lượng rất lớn các sách báo phiến loạn đã bị chính phủ Nam triều và chính phủ Đông Dương cấm. Cũng tại hiệu sách ấy mà ở Đà Nẵng và Quảng Nam xuất hiện nhiều tổ chức cộng sản(...) Số người chịu ảnh hưởng của 2 tên đó [tức Nguyễn Sơn Trà và Lê Văn Hiến] rất là đông đảo vì trong tất cả những nhà bị lục soát người ta bắt được nhiều tác phẩm hay trích tác phẩm của Nguyễn Sơn Trà như: *Ngục Kon Tum, Giai cấp là gì? Chính trị là gì?...*"[2].

---

[1] Việt Quảng đổi thành Việt Quang.

[2] *Công văn số 491/s Đà Nẵng, ngày 3.5/1941. Chánh mật thám đặc biệt Đà Nẵng gửi ông chánh Toà án Đà Nẵng.* Ban dịch lưu tại Ban Tuyên giáo Thành uỷ Đà Nẵng. Đúng ra thì tác phẩm *Ngục Kon Tum* của Lê Văn Hiến.

www.thuvien247.net

Ngày 28/9/1939 Toàn quyền Đông Dương ra sắc lệnh giải tán các hội ái hữu và cấm mọi hoạt động của các tổ chức cộng sản. Ngày 5/10/1939 Bảo Đại ra đạo dụ cấm hội họp và tuyên truyền cộng sản ở Trung kỳ. Nhiều cuộc bắt bớ khám xét diễn ra làm hạn chế phong trào đấu tranh cách mạng ở thành phố. Trong công văn mật số 318 ngày 28/10/1939 báo cáo về việc bắt 3 người nòng cốt trong Hội Ái hữu khuân vác Đà Nẵng gửi Khâm sứ Trung kỳ, Tổng thanh tra an ninh tại Hà Nội và các Chánh mật thám Hà Nội, Sài Gòn, Phompenh, Vientain, viên mật thám Pesroche đắc thắng ghi hàng chữ lớn "Tiêu diệt cộng sản" trong công văn: "Hội Ái hữu bí mật của cu li khuân vác Đà Nẵng theo sự xúi giục của Nguyễn Sơn Trà, chủ hiệu sách Việt Quang ở Đà Nẵng, chiến sĩ tích cực của Đảng Cộng sản, những người cu li khuân vác ở Đà Nẵng đứng ra xin ông Công sứ Thị trưởng Đà Nẵng cho phép họ tổ chức Hội Ái hữu cu li khuân vác Đà Nẵng. Trong khi đang chuẩn bị tổ chức, hội ấy tỏ ra có tính chất phá hoại, Chính phủ đã bác đơn không cho thành lập. Tuy không được phép, những cu li khuân vác Đà Nẵng cứ tiếp tục nhóm họp với thái độ khinh thường pháp luật. Ông dự thẩm Toà án Đà Nẵng vừa khởi tố và bắt 3 người cầm đầu chính của cái hội bất hợp pháp ấy..."[1].

Mặc dù đã có chủ trương chuyển hướng hoạt động bước đầu của Xứ uỷ Trung Kỳ do Lê Duẩn vào truyền đạt, nhưng do sự khủng bố khốc liệt của thực dân Pháp và cũng do có sự chậm trễ trong việc thực hiện nên tổ chức Đảng Cộng sản ở Đà Nẵng bị địch đánh phá. Trong đợt khủng bố cuối tháng 12/1939 của địch, cả Ban Tỉnh uỷ Quảng Nam và Nguyễn Đức Thiệu Bí thư Thành uỷ lâm thời Đà Nẵng đều bị

[1] Bản sao tài liệu dịch lưu tại Liên đoàn Lao động thành phố Đà Nẵng.

www.thuvien247.net

địch bắt. Các hội Ái hữu cũng bị khủng bố. Những người tham gia Hội Ái hữu khuân vác Đà Nẵng đều bị đưa ra xử án ở Toà tiểu hình Đà Nẵng[1].

Nhìn lại cả thời kỳ 1936-1939, là thời kỳ phong trào cách mạng ở thành phố có những bước phát triển mới. Được sự lãnh đạo của tổ chức đảng Cộng sản, ở Đà Nẵng đã xây dựng được các hình thức đấu tranh công khai hợp pháp, qua đó các tầng lớp nhân dân được tập hợp lại trong tổ chức để tiến hành các cuộc đấu tranh giành các quyền lợi về dân sinh dân chủ, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ cho phong trào đấu tranh của thời kỳ tiếp theo. Phong trào đấu tranh công khai hợp pháp trong thời kỳ này thể hiện được sức mạnh to lớn của sự đoàn kết các tầng lớp nhân dân lao động trong thành phố "nhượng địa" mà phong trào các giai đoạn trước không có.

Trái lại với ý đồ của chính quyền thực dân, đời sống kinh tế khó khăn, chính sách khủng bố, đàn áp bóc lột, lừa bịp của chúng tạo nên một bầu không khí chính trị hết sức ngột ngạt nóng bỏng từ thành thị đến nông thôn, đang nung nấu sẽ bùng lên những đợt sóng đấu tranh mới.

5. Đà Nẵng trong cao trào cách mạng giải phóng dân tộc thời kỳ 1939 - 1945

Khi Chiến tranh thế giới thứ hai nổ ra, ở Đông Dương thực dân Pháp thực hiện phát xít hoá về chính trị. Chúng thi hành chính sách cai trị thời chiến trên mọi mặt đời sống xã hội, đàn áp, khủng bố những người yêu nước, ra lệnh tổng động viên bắt lính, vơ vét sức người, sức của phục vụ cho chiến tranh đế quốc. Trừ số tay sai cho đế quốc, phong kiến, còn lại

---

[1] Bản sao tài liệu dịch *báo cáo của nhân viên Sở Mật thám Đà Nẵng số 980/s, ngày 21/12/1939*. Tài liệu lưu tại Liên đoàn Lao động thành phố Đà Nẵng.

www.thuvien247.net

mọi giai cấp, tầng lớp nhân dân đều bị khốn khổ vì chính sách phát xít và động viên chiến tranh của đế quốc Pháp.

Ngày 22/9/1940, phát xít Nhật cho quân vượt biên giới Việt - Trung đánh vào Lạng Sơn và theo đường biển đổ bộ lên Đồ Sơn (Hải Phòng), chính thức xâm lược Việt Nam. Thực dân Pháp nhanh chóng đầu hàng, dâng Đông Dương cho Nhật. Ngày 28/7/1941, quân đội Nhật chiếm đóng thành phố Đà Nẵng. Chúng chiếm giữ Toà Đốc lý thành phố, sân bay, bến cảng, Cầu Vồng, Thanh Khê, Hà Khê, Hòa An, xây hầm cất giấu máy bay ở chân núi Phước Tường, bãi biển Xuân Thiều, chiếm dụng hải cảng Đà Nẵng, biến Đà Nẵng thành căn cứ hậu cần lớn tiếp tế cho quân Nhật ở miền Nam Trung Kỳ. Ngoài sân bay Đà Nẵng được mở rộng vành đai ra vùng Nghi An - Đông Phước và vùng An Khê, Nhật còn xây dựng thêm sân bay mới ở Thanh Quýt (thường gọi là Trảng Nhật).

Để mị dân, phô trương thanh thế hùng mạnh về quân sự và gây ảnh hưởng chính trị, phát xít Nhật ra sức rêu rao các thuyết "Đại Đông Á", "Trật tự mới", "Khu thịnh vượng chung", cho lính Nhật làm nhục người Pháp để thu phục nhân tâm, truyền bá tư tưởng Nhật, dạy chữ Nhật, bí mật sắp xếp một số phần tử thân Nhật ra mặt hoạt động tâng bốc Nhật, nắm quần chúng. Chịu ảnh hưởng của những luận điệu tuyên truyền phản động này, một số người trong giới quan lại, trí thức, học sinh có phần sợ Nhật, phục Nhật.

Nhân dân lâm vào cảnh một cổ ba tròng áp bức của Nhật, Pháp, phong kiến. Pháp phải ra sức vơ vét thóc gạo, bông, dầu phụng, dầu rái, gỗ tốt (để đóng tàu) của nhân dân Việt Nam cung ứng cho Nhật. Chúng còn ra lệnh bắt dân phải lấy đất trồng lương thực để trồng đậu phụng. Ai không khai báo hay không bán dầu phụng sẽ bị quy vào tội làm lậu, bị

www.thuvien247.net

tịch thu, phạt nặng. Tại Hòa Vang, quân Nhật mở đến 4 cơ sở ép dầu ở Hóa Quê, Thạch Nham, Nam Ô, Quan Nam. Chỉ riêng năm 1942, Pháp đã chuyển giao cho Nhật 18 tấn dầu phụng thu được của nông dân Đà Nẵng và Quảng Nam.

Tại các công trường dân đi làm xâu cho Nhật bị chúng hành hạ, đánh đập, có người bị thương tật hoặc phải bỏ mạng. Quân Nhật hết sức tàn ác. Một nhân chứng từng bị Nhật bắt đi làm xâu kể lại: Tại công trường làm sân bay Đà Nẵng, giặc Nhật bẻ ngược cổ một thanh niên, vặn đầu ra sau. Khi anh chết, chúng phun vôi lên người rồi dùng cọc tre đâm từ hậu môn lên, cắm tại chỗ và đeo lên xác anh một tấm biển "làm biếng sẽ bị như thế"[1].

Tuy phải phục vụ chiến tranh cho Nhật, nhưng thực dân Pháp vẫn ngấm ngầm đối phó, trông chờ có cơ hội thì khôi phục lại vị trí của Pháp ở Đông Dương. Bằng nhiều thủ đoạn, Pháp tìm cách vơ vét của cải, lúa gạo tích trữ riêng, bắt dân đi phu mở dài đường 14, lập căn cứ bí mật trên núi chuẩn bị đánh Nhật.

Về mặt chính trị, thực dân Pháp ca tụng Petain là nhân vật "cứu tinh của mẫu quốc", cổ động phong trào "Thanh niên Pháp quốc hải ngoại" (JEP), khuyến khích tổ chức Hướng đạo và cả Quốc Anh đoàn để thu hút thanh niên, lôi kéo tuổi trẻ vào các cuộc thi tài thể thao theo cái gọi là "Phong trào Ducouroy" nhằm che đậy nỗi nhục mất nước, ngăn ngừa ảnh hưởng của Nhật và tách lực lượng thanh niên ra khỏi phong trào cách mạng. Chúng còn tìm cách khủng bố đạo Cao Đài và bí mật bắt giam một số phần tử thân Nhật.

---

[1] Lời kể của ông Đặng Linh. Tài liệu lưu tại Ban sử Liên đoàn Lao động thành phố Đà Nẵng.

www.thuvien247.net

Bên cạnh việc sử dụng các thủ đoạn mỵ dân, đối phó với Nhật, thực dân Pháp vẫn không nới lỏng chính sách đàn áp, khủng bố phong trào cách mạng của nhân dân.

Ngay từ khi quân Nhật vào Đà Nẵng, phong trào cách mạng ở Đà Nẵng và Hoà Vang vẫn tiếp tục diễn ra sôi nổi dưới nhiều hình thức phong phú, với sự tham gia của nhiều tầng lớp, giai cấp trong xã hội.

Tháng 2/1940 Xứ uỷ Trung Kỳ cử Hồ Tỵ, Bùi San, Lê Chưởng, Hoàng Thị Ái, Nguyễn Thị Nậu vào Đà Nẵng xây dựng phong trào, bắt liên lạc với Quảng Nam. Cũng trong thời gian này, Xứ uỷ Nam Kỳ phái Nguyễn Như Đãi đứng chân tại Quảng Nam tổ chức mối liên lạc từ Huế vào Quảng Ngãi. Tại đây, cán bộ Xứ uỷ Trung Kỳ cùng với Nguyễn Như Đãi phối hợp gầy dựng lại được 4 chi bộ đảng ở đêpô xe lửa, Thanh Khê, Thanh Hà, Trung Nghĩa - Phú Lộc. Cùng với sự phục hồi lại của tổ chức Đảng là sự xuất hiện của các tổ chức biến tướng như Hội Nhà vàng (trợ tang), Hội truyền bá quốc ngữ, Hội đá bóng và các tổ chức phản đế như: Nông dân phản đế, Thanh niên phản đế, Phụ nữ tân tiến.

Phong trào cách mạng được nhen nhóm lại. Thơ ca, hò vè, các tài liệu cách mạng từ trong nhà tù gởi ra được phổ biến rộng rãi, có cả những bài hát hò khoan nam nữ đối đáp mang nội dung tuyên truyền cách mạng, chống chiến tranh đế quốc, chống đưa lính người Việt sang làm bia đỡ đạn tại chiến trường Châu Âu.

Đầu năm 1941, một số cán bộ Xứ ủy ở Đà Nẵng bị bắt. Các chi bộ Thanh Khê, Phú Lộc, đêpô xe lửa, Thanh Hà cũng bị vỡ, 28 đảng viên cộng sản và quần chúng cách mạng bị địch bắt đưa ra nhà giam Hoả Lò (Hà Nội). Dù vậy, tổ chức Đảng cấp trên vẫn tìm cách bắt liên lạc với Đà Nẵng, Quảng Nam. Ở Quảng Nam, đến giữa năm 1941 Võ Toàn,

www.thuvien247.net

Nguyễn Sắc Kim củng cố lại được các chi bộ và liên lạc được với Đà Nẵng.

Tháng 7/1941, Tỉnh ủy Quảng Nam họp quyết định đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động trong tỉnh cho kịp với phong trào chung và cử phái viên đi tìm bắt liên lạc với cấp trên.

Tháng 10/1941 Xứ ủy lâm thời Trung kỳ được thành lập do Lê Chưởng làm bí thư, cơ quan đóng di động tại Quảng Nam, có lúc đóng ở Đà Nẵng. Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ VIII (tháng 5/1941) được Xứ ủy phổ biến cho các tỉnh. Nghị quyết xác định "nhiệm vụ giải phóng dân tộc, giành độc lập cho đất nước là nhiệm vụ hàng đầu của Đảng và của cách mạng Đông Dương". Chương trình, điều lệ Việt Minh, thư của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc kêu gọi đồng bào cả nước "đoàn kết lại đặng đánh đổ bọn đế quốc và Việt gian, đặng cứu giống nòi ra khỏi nước sôi lửa bỏng" cùng nhiều tài liệu của Trung ương như Thông báo *Cuộc chiến tranh Thái Bình Dương và nhiệm vụ cần kíp của Đảng*, *Chuẩn bị võ trang khởi nghĩa*... được in phát khắp các cơ sở ở Quảng Nam và Đà Nẵng.

Dưới ánh sáng của Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ VIII (tháng 5/1941) và sự lãnh đạo, chỉ đạo của Xứ ủy lâm thời Trung kỳ, nhân dân Đà Nẵng, Hoà Vang tiếp tục tiến bước lên một cao trào cách mạng mới - cao trào chuẩn bị võ trang khởi nghĩa giành chính quyền.

Để khôi phục tổ chức Đảng Cộng sản và phát triển thực lực cách mạng ở Đà Nẵng, Bí thư Xứ uỷ Lê Chưởng bắt liên lạc với Nguyễn Sĩ Huynh, Hứa Toản ở trường Trung học tư thục Chấn Thanh, Nguyễn Đậu Tân làm ở Sở Pháo binh Pháp lập thành chi bộ Đảng, đồng thời phát triển các cơ sở cứu quốc vào số học sinh trường Chấn Thanh và hai ngành hỏa xa, công chính.

www.thuvien247.net

Do sự truy lùng gắt gao của thực dân Pháp, Bí thư Xứ uỷ Lê Chưởng và Xứ uỷ viên Trương Hoàn bị mật thám bắt ở Đà Nẵng. Phong trào cách mạng ở Đà Nẵng và Quảng Nam một lần nữa bị vỡ. Trong báo cáo chính trị hàng tháng, ký ngày 12/7/1942, viên Phó Sở Mật thám đặc biệt Quảng Nam Reynaud báo cáo với Chánh Mật thám Trung Kỳ và báo tin cho Sở Mật thám các địa phương Trung Kỳ biết: "Trong giai đoạn dự kiến việc đàn áp tiếp tục ở Quảng Nam đã tiêu diệt hạ tầng cơ sở của đảng Cộng sản Đông Dương, đã làm tan rã những phủ uỷ và huyện uỷ còn đang hoạt động, đặc biệt đã bắt được ở Đà Nẵng lãnh tụ chính của đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo việc cơ động ở Quảng Nam và Trung Kỳ. hiện nay còn hai tỉnh uỷ viên đang trốn thoát là Nguyễn Sắc Kim và Võ Nghiêm"[1].

Võ Toàn, Nguyễn Sắc Kim trong Ban Tỉnh uỷ Quảng Nam thoát được, tạm lánh vào các tỉnh phía Nam hoạt động một thời gian rồi quay về thành lập Liên tỉnh - Thành ủy Quảng Nam - Hội An - Đà Nẵng vào cuối tháng 8/1942. Liên tỉnh-Thành uỷ quyết định thành lập lại Thành ủy lâm thời Đà Nẵng, phân công Hứa Toản làm bí thư.

Chi bộ cộng sản ở trường Chấn Thanh được khôi phục lại, có 9 đảng viên. Số học sinh cứu quốc ở đây tăng lên 30 hội viên. Trong công chức có 1 tổ đảng và 10 hội viên cứu quốc ở các công sở, hiệu buôn.

Tháng 1/1943, Liên tỉnh - Thành uỷ họp chủ trương đẩy mạnh phong trào cứu quốc theo kịp đà phát triển của phong trào chung. 3 đảng bộ Đà Nẵng, Hội An, Quảng Nam hợp nhất thành một đảng bộ dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Quảng Nam, do Võ Toàn làm bí thư.

---

[1] *Báo cáo chính trị hàng tháng của Sở Mật thám Faifo*, số 1312 - SP/C. Bản dịch lưu tại Ban Tuyên giáo Thành uỷ Đà Nẵng.

www.thuvien247.net

Theo chủ trương chuẩn bị khởi nghĩa đã được Xứ uỷ Trung Kỳ đề ra từ những năm 1940-1941, công việc chuẩn bị khởi nghĩa lại được Tỉnh uỷ Quảng Nam đặt ra. Thực hiện chủ trương này, Thành uỷ lâm thời Đà Nẵng tổ chức thu nhặt sắt thép vụn để rèn vũ khí.

Đầu tháng 4/1943, phong trào cách mạng Quảng Nam bị vỡ, bắt đầu từ Duy Xuyên rồi lan ra diện rộng. Ở Đà Nẵng, Nguyễn Sĩ Huynh bị bắt, nhà của Nguyễn Sĩ Huynh là nơi đóng cơ quan Thành uỷ bị mật thám khám xét. Một số tài liệu và danh sách đảng viên bị địch phát hiện. Thành uỷ Đà Nẵng bị vỡ, chỉ còn lại cơ sở đảng trong ngành Hoả xa và Công chính. Viên Phó Sở Mật thám Đà Nẵng Gazazne báo cáo với Chánh sở Mật thám Trung Kỳ rằng: "Việc đàn áp bắt đầu từ Đà Nẵng đã làm tan rã "Thành uỷ của nhượng địa Pháp"[1].

Mặt dù cố sức khuếch trương thanh thế nhưng trên thực tế các tổ chức do chính quyền thực dân Pháp lập ra nhằm nắm quần chúng ngày càng trở nên vô hiệu. Tổ chức Quốc Anh Đoàn hầu như không hoạt động được, chỉ là sự ghi danh bắt buộc, nhiều giáo viên bị buộc phải tham gia thì lánh trớ bằng cách bỏ đi dạy ở những địa phương khác. Cũng viên Chánh Sở Mật thám Đà Nẵng báo cáo với Chánh Sở Mật thám Trung Kỳ: "Phong trào Quốc Anh Đoàn trong ấy có 1.200 hội viên chỉ gồm cỏ học sinh các trường công và tư ở Đà Nẵng đang nằm im từ hè, mặc dù các lớp học đã mở lại. Phong trào ấy không có hoạt động nào. Nguyên nhân là phong trào ấy không có người chỉ huy được đào tạo ở trường cán bộ thanh niên liên

---

[1] *Báo cáo chính trị hàng tháng số 607 ngày12/5/1943 của Sở Mật thám Đặc biệt Đà Nẵng gửi Chánh Sở Mật thám Trung Kỳ*. Bản dịch tài liệu lưu tại Ban Tuyên giáo Thành uy Đà Nẵng

www.thuvien247.net

tỉnh ở Thuận An (Huế) và những đội trưởng không ai khác là những giáo viên bỏ đi dạy ở các tỉnh khác"[1]. Sở Mật thám Pháp ở Đà Nẵng cũng ghi nhận rằng dư luận chung trong nhân dân địa phương đã tỏ ra không tin vào những điều tuyên truyền của Nhật. Trong bản báo cáo chính trị đề ngày 14/4/1943 gửi Chánh Sở Mật thám Trung Kỳ, viên Phó Sở Mật thám Đà Nẵng nhận định: "Các giới An Nam bắt đầu lo ngại hiện nay về sự "hợp tác" Nhật Bản trong công thức thịnh vượng chung của Đại Nam Á. Chính sách lấy cơ sở là kinh tế được nhận xét là cũng nguy hiểm như là nạn mất nước"[2].

Do mâu thuẫn Nhật - Pháp và mưu đồ độc chiếm Đông Dương, để bài trừ mối hậu họa bị đánh sau lưng khi quân Đồng minh đổ bộ vào, đêm ngày 9/3/1945 quân Nhật làm cuộc đảo chính Pháp, độc chiếm toàn cõi Đông Dương. Ở Đà Nẵng trong đêm này, quân Nhật mật phục bắt gọn tất cả công chức và sĩ quan, binh lính Pháp bỏ tù; bắt và theo dõi các công chức thân Pháp nhưng vẫn sử dụng lại toàn bộ bộ máy cai trị của Pháp để khống chế, bóc lột và đàn áp nhân dân ta. Trần Đình Nam ra làm thị trưởng Đà Nẵng chỉ hơn một tháng rồi cùng với Nguyễn Hữu Thí ra Huế tham gia Nội các Trần Trọng Kim. Chính phủ này bổ nhiệm Nguyễn Khoa Phong thay làm thị trưởng Đà Nẵng.

Liền ngay sau cuộc đảo chính Pháp, phát xít Nhật ra bố cáo kêu gọi dân chúng Việt Nam và các đảng viên cộng sản "hợp tác với tân chính phủ" Trần Trọng Kim do Nhật dựng lên.

---

[1] *Báo cáo chính trị hàng tháng của Sở Mật thám Đà Nẵng*, số 1146-SP/C ngày 11/10/1944. Ban dịch lưu tại Ban Tuyên giáo Thành uỷ Đà Nẵng.

[2] *Theo Báo cáo chính trị hàng tháng của Sở Mật thám Đặc biệt Đà Nẵng*. Ban dịch tài liệu lưu tại ban Tuyên giáo Thành uỷ Đà Nẵng.

www.thuvien247.net

Bản Bố cáo viết:

"Dân chúng Việt Nam!

...Các bạn chớ có tham gia vào các cuộc có tính cách bạo động và làm rối cuộc trị an.

Cùng hiệp với Chính phủ các bạn hãy chống lại với tất cả sự cưỡng bách đe doạ không chính đáng.

Phải thành (thực) hợp tác với Chính phủ.

Sự hạnh phúc của những ngày mai đây sẵn sàng chờ các bạn.

Đại Nhật Bản quân"[1].

Lời tuyên truyền lừa bịp của phát xít Nhật và chính sách mỵ dân của chính phủ Trần Trọng Kim có làm cho một số người, nhất là thanh niên và trí thức cả tin. Họ tổ chức mít tinh chào mừng "độc lập" vừa được Nhật ban cho và tham gia vào các tổ chức chính trị thân Nhật như Đại Việt, nhóm thanh niên Cường Để, nhóm Mai Trọng Tánh, nhóm Phụ nữ Việt Nam do Hoàng hậu Nam Phương làm hội trưởng. Đối với những công chức, tư sản không hợp tác với Nhật thì bị Nhật bắt giam.

Cũng ngay sau ngày Nhật lật Pháp, hàng loạt tù chính trị cộng sản ở các nhà lao đấu tranh đòi trả tự do, một số thoát tù về địa phương tiếp tục hoạt động. Đến tháng 5/1945 thì hầu như tù chính trị ở Quảng Nam, Đà Nẵng đã về hết. Nhờ đó Tỉnh uỷ Quảng Nam được bổ sung thêm.

Tại Hội nghị mở rộng vào tháng 5/1945, Tỉnh uỷ Quảng Nam phân công Huỳnh Ngọc Huệ trực tiếp phụ trách Đà Nẵng và tăng cường cán bộ cho thành phố. Về sau có thêm Nguyễn Hồng Minh (Phú), Nguyễn Thị Phi (Hương)

---

[1] Xem thêm Ngô Văn Minh: *Cách mạng tháng Tám tại các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ*. Nxb Đà Nẵng, 2005, tr. 114.

www.thuvien247.net

được Tỉnh uỷ tăng cường thêm. Sau đó, Lê Văn Hiến, Lê Văn Quý được ra tù. Quân Nhật cố mời Lê Văn Hiến tham gia chính phủ Trần Trọng Kim nhưng Lê Văn Hiến từ chối.

Tháng 7/1945, Mặt trận Việt Minh thành phố ra đời với tên gọi "Mặt trận Việt Minh thành Thái Phiên" gồm có Huỳnh Ngọc Huệ, Lê Văn Quý, Nguyễn Thị Phi, Nguyễn Xuân Lâm, Nguyễn Văn Tôn, Lê Văn Mậu. Các đoàn thể cứu quốc được xây dựng đều khắp ở các khu phố và các xã ngoại thành, thu hút đông đảo công nhân, nông dân, thanh niên, phụ nữ, thợ thủ công, ngư dân. Mỹ Khê, An Hải thuộc khu Đông và Thanh Khê, Hà Khê ở khu Tây là những xã có phong trào mạnh. Riêng tại trung tâm thành phố tổ chức được 20 Uỷ ban cứu quốc trong các công sở, xí nghiệp quan trọng như Sở Công chánh, đêpô xe lửa, hãng Shell, Nhà máy đèn, Kho Bạc, bệnh viện, Nhà thuốc trung tâm. Việt Minh còn nắm được lực lượng hướng đạo sinh thành phố và toàn bộ đoàn Thanh niên Phan Anh từ thủ lĩnh đến hội viên, lập được uỷ ban cứu quốc trong đồn lính bảo an và xây dựng được cơ sở trong số tín đồ Thiên chúa giáo, Phật giáo, trong Sở Hiến binh Nhật. Các đội tự vệ được thành lập, bí mật luyện tập quân sự, rèn sắm các loại vũ khí. Lúc này lực lượng tự vệ cứu quốc Đà Nẵng có đến 500 đội viên, gồm 4 đại đội trong các công sở lớn: đêpô xe lửa, Sở Công chánh, Thanh Khê và Hà Khê, An Hải và Mỹ Khê, 3 trung đội ở Xuân An, Xuân Hoà và Xuân Đán, Liên Trì, một tiểu đội ở Sở Đoan. Sát đến ngày khởi nghĩa, các công sở, các xã còn lại đều kịp tổ chức các đội tự vệ. Thành phố còn lập thêm 2 đại đội thanh niên để giữ gìn trật tự thành phố thay thế cho lực lượng hiến binh của Nhật khi khởi nghĩa thắng lợi. Trang bị vũ khí của tự vệ chủ yếu là dao găm, mã tấu. Súng rất ít, mỗi trung đội chỉ có vài ba khẩu do mua và do cơ sở Việt Minh trong doanh trại Nhật lấy được.

www.thuvien247.net

Ở Hòa Vang, các đảng viên cộng sản bị tù cũng lần lượt trở về nhanh chóng bắt tay vào hoạt động. Tù chính trị cộng sản liên hệ đến đâu, phong trào cách mạng được phục hồi và phát triển đến đấy. Tháng 5/1945 Ban Vận động Việt Minh huyện được thành lập, gồm có Nguyễn Minh, Nguyễn Hữu Tú, Nguyễn Như Gia, Trà Chu. Sau đó, các Ủy ban Việt Minh được thành lập ở các tổng, xuống đến các xã. An Phước là tổng có phong trào mạnh hơn cả. Ở đây có 9 xã lập được uỷ ban cứu quốc, hội nông dân cứu quốc và đội tự vệ.

Một số học sinh quê Hòa Vang đi học xa tham gia phong trào học sinh cứu quốc ở Huế và các nơi trở về địa phương tích cực hoạt động. Cùng với các đảng viên cộng sản, số thanh niên này trở thành những cán bộ nòng cốt cho phong trào cách mạng ở Hòa Vang. Quần chúng nhân dân được cán bộ Việt Minh tuyên truyền chính sách, đường lối của Mặt trận Việt Minh, vận động vào các tổ chức cứu quốc. Phong trào truyền bá quốc ngữ được đẩy mạnh. Việt Minh huyện còn đưa người vào lợi dụng tổ chức thanh niên Phan Anh, Hội truyền bá quốc ngữ để lái hoạt động của những tổ chức này theo hướng có lợi cho cách mạng.

Các đội tự vệ được thành lập, ngày đêm tập luyện quân sự chuẩn bị khởi nghĩa. Nhiều xã có một trung đội trở lên. Riêng huyện xây dựng được những trung đội du kích mật để sẵn sàng đối phó với hoạt động của các tổ chức đối lập khác.

Càng gần đến ngày khởi nghĩa, mọi việc chuẩn bị càng trở nên gấp rút. Lực lượng công nhân cứu quốc Đêpô xe lửa, Sở Công chánh, Sở Pháo thủ ngày đêm rèn mã tấu, dao găm cho tự vệ, dập hàng ngàn chiếc huy hiệu để phát cho lực lượng thanh niên chuẩn bị giữ gìn trật tự thành phố. Các lò rèn, xưởng mộc tư nhân được huy động sản xuất vũ khí thô sơ cho tự vệ. Hội viên Phụ nữ cứu quốc tích cực may cờ, công

www.thuvien247.net

nhân nhà máy in Cécillon bí mật in truyền đơn, biểu ngữ và 10 chính sách của Việt Minh để phục vụ hoạt động chuẩn bị khởi nghĩa. Quần chúng Việt Minh làm việc trong các công sở bí mật lấy máy chữ, máy in rô-nê-ô, giấy mực và các bản vẽ hầm chôn vũ khí của Pháp ở vùng ngoại ô Đà Nẵng và Huế cung cấp cho Việt Minh tỉnh. Với Hoà Vang, Mặt trận Việt Minh huyện phân công một số cán bộ gấp rút đến gây cơ sở, tổ chức các đoàn thể cứu quốc ở các làng Phú Túc, Ô Rây, Đồng Xanh, Đồng Nghệ, xây dựng những nơi này thành vùng căn cứ địa.

Ngày 20/7/1945 Nhật tuyên bố trao trả cho Chính phủ Trần Trọng Kim Đà Nẵng cùng hai thành phố "nhượng địa" khác của Pháp là Hà Nội và Hải Phòng. Rõ ràng, sự trao trả này chẳng có ý nghĩa gì, đó chỉ là một việc làm mỵ dân cuối cùng của quân đội phát xít Nhật khi đã nhận thấy thời gian tồn tại của chúng trên đất nước Việt Nam không còn bao lâu nữa. Chính Trần Trọng Kim thừa nhận: "Sự điều đình của chúng tôi được ổn thoả dễ dàng, có lẽ vì người Nhật tự biết họ sắp thua, nên họ đổi thái độ để mua chuộc lòng người"[1].

Chiến tranh thế giới thứ hai đi đến thời điểm cuối. Ngày 9/5/1945 ở châu Âu phát xít Đức đầu hàng Hồng quân Liên Xô. Ở châu Á, phát xít Nhật liên tiếp bị thất bại trên vùng biển Thái Bình Dương, tiếp đến bị Mỹ ném 2 quả bom nguyên tử xuống 2 thành phố lớn Hirosima và Nagasaki, rồi đội quân Quan Đông thiện chiến bị Hồng quân Liên Xô đánh bại trong vòng không đầy một tuần. Biết không thể chống cự nổi, trưa ngày 15/8 Nhật hoàng cho Đài Tokyo chính thức phát đi lời tuyên bố đầu hàng quân Đồng minh. Tại Đà Nẵng,

---

[1] Trần Trọng Kim: *Một cơn gió bụi* (Hồi ký). Nxb Vĩnh Sơn, 1969, tr. 83.

www.thuvien247.net

nhận được thông tin cực kỳ quan trọng này từ Nguyễn Văn Mai làm trong Sở Hiến binh Nhật, Huỳnh Ngọc Huệ cấp tốc vào Quảng Nam tìm gặp Tỉnh uỷ đang họp để báo tin. Căn cứ vào Chỉ thị của Thường vụ Trung ương đảng Cộng sản Đông Dương ra ngày 12/3/1945 có dự kiến trường hợp: "Nếu giặc Nhật mất nước như Pháp năm 1940 và quân đội viễn chinh Nhật mất tinh thần thì khi ấy dù quân Đồng minh chưa đổ bộ, cuộc tổng khởi nghĩa của ta vẫn có thể bùng nổ và thắng lợi". Tỉnh uỷ Quảng Nam quyết định thành lập ngay Uỷ ban bạo động tỉnh (Uỷ ban khởi nghĩa) và bàn kế hoạch lãnh đạo nhân dân trong tỉnh nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền. Kế hoạch chung là chuyển ngay lực lượng cứu quốc thành lực lượng quần chúng vũ trang làm nòng cốt cho toàn dân nổi dậy khởi nghĩa, chuyển các Uỷ ban Việt Minh, Uỷ ban cứu quốc thành các Uỷ ban bạo động.

Để chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa tại Đà Nẵng, tối 16/8/1945 Thành bộ Việt Minh Thái Phiên họp mở rộng do Huỳnh Ngọc Huệ chủ trì. Cuộc họp bầu ra Ban khởi nghĩa của thành phố gồm: Lê Văn Hiến, trưởng ban; Huỳnh Ngọc Huệ, phó ban thường trực. Các uỷ viên gồm có: Nguyễn Trác phụ trách quân sự; Lê Văn Quý, Nguyễn Thị Phi có nhiệm vụ lo xúc tiến thành lập ủy ban khởi nghĩa ở các xã còn lại. Thành bộ còn phân công: Nguyễn Xuân Lâm phụ trách khởi nghĩa trong ngành công chính; Cao Thành Cát, Võ Sĩ Đồng, Lâm Quang Thự phụ trách khởi nghĩa ở ngành hoả xa; Huỳnh Đình Thoại phụ trách hải quân; Đội Kế phụ trách đồn lính khố đỏ; Cai Cương phụ trách đồn lính bảo an; Phạm Công Sâm phụ trách hải quan và đội trinh sát; Nguyễn Đăng Khoa phụ trách kho bạc; Lê Văn Tùng phụ trách bưu điện.

Ở Hoà Vang, Ban khởi nghĩa huyện được thành lập ngày 15/8/1945, gồm: Nguyễn Hồng Minh, Nguyễn Hữu

www.thuvien247.net

Tú, Nguyễn Xuân Diệp, Nguyễn Như Gia, Trà Chu, Chế Viết Tấn, Lê Đình Siêu, Trần Hữu Dũ, Mai Lương..., do Nguyễn Hồng Minh làm trưởng ban, Nguyễn Hữu Tú làm phó ban.

Theo kế hoạch của Uỷ ban bạo động huyện Hoà Vang, toàn huyện chia làm 4 khu vực, mỗi khu vực phân công một số ủy viên trong Ban bạo động huyện cùng với Ban bạo động tại chỗ lãnh đạo:

- Khu A: tổng An Lưu, do Nguyễn Xuân Diệp phụ trách.
- Khu B: tổng An Phước, do Nguyễn Hữu Tú phụ trách.
- Khu C: tổng Thanh An và huyện đường, do Nguyễn Minh và Chế Viết Tấn phụ trách.
- Khu D: tổng Bình Phước và tổng Giáo, do Nguyễn Như Gia phụ trách, về sau có tăng cường thêm Chế Viết Tấn và Lê Đình Siêu.

Kế hoạch của Ban bạo động huyện là sẽ lãnh đạo giành chính quyền ở các tổng, xã trước, huyện lỵ tiến hành sau.

Khởi nghĩa giành chính quyền ở Hoà Vang được bắt đầu từ tổng An Phước. Sáng 16/8/1945, quần chúng các xã Phú Sơn, Hương Lam, Cẩm Toại, La Châu, Dương Sơn... được huy động võ trang gậy gộc, giáo mác, hô vang khẩu hiệu "Đánh đổ Nhật, Pháp", "Việt Minh muôn năm", rầm rộ kéo đến vây nhà chánh tổng, bắt giao nộp triện đồng, giấy tờ, sổ sách. Sau đó, quần chúng khởi nghĩa mít tinh tại sân vận động Cẩm Toại và chuyển thành cuộc biểu tình thị uy, kéo đến các xã trong tổng tuyên bố xoá bỏ bộ máy lý hương, thành lập Uỷ ban Nhân dân cách mạng lâm thời. Thắng lợi của khởi nghĩa tại tổng An Phước là thắng lợi đầu tiên trong khởi nghĩa giành chính quyền của tỉnh Quảng Nam.

www.thuvien247.net

Giành chính quyền xong ở tổng An Phước. Uỷ ban bạo động tổng tiếp tục chỉ huy đoàn biểu tình hơn 200 quần chúng tiến lên chiếm lĩnh khu nghỉ mát Bà Nà. Trước khí thế áp đảo của quần chúng và sự khéo léo thuyết phục của cán bộ chỉ huy, trung đội lính bảo an canh giữ khu nghỉ mát Bà Nà chấp nhận giao nộp cho lực lượng khởi nghĩa 19 khẩu súng trường và 1 khẩu súng lục.

Ngày 17/8 nhân dân tổng An Lưu nổi dậy giành chính quyền. Quần chúng khởi nghĩa kéo đến các đình làng, bắt lý hương ra nộp triện đồng, đốt giấy tờ, nghe đọc lệnh khởi nghĩa và giải thích 10 điểm chương trình hành động của Việt Minh, tuyên bố lập chính quyền cách mạng.

Được tin nhân dân An Phước và An Lưu đã khởi nghĩa thắng lợi, ngay trong đêm 17/8 Uỷ ban bạo động tổng Thái Hoà (Hoà An và một phần Bình Thái) cấp tốc huy động quần chúng chuẩn bị giành chính quyền. Sáng ngày 18/8 quần chúng khởi nghĩa vũ trang gậy gộc, giáo mác chia làm hai cánh: một cánh ra phía Nam Ô, Thuỷ Tú, lên Xuân Thiều, Trung Sơn...; một cánh lên Thanh Vinh, Vân Dương, Hưởng Phước, Tân Ninh, Quan Nam, Trường Định... Có nơi khởi nghĩa giành chính quyền do đoàn biểu tình tiến hành, cũng có những xã tự động giành chính quyền trước khi đoàn biểu tình kéo đến. Các xã giành chính quyền xong đều thành lập Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời xã. Chỉ trong ngày 18/8/1945 cuộc khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn tổng đã hoàn thành thắng lợi. Những ngày tiếp theo, nhân dân được huy động bí mật vào kho hậu cần của Nhật lấy gạo và xăng dầu chuyển về cất giấu, giao nộp cho huyện.

Giành xong chính quyền ở các xã của tổng Thái Hoà, ngày 19/8 Ban bạo động huyện huy động lực lượng biểu tình

www.thuvien247.net

của các xã Hương Phước, Quan Nam, Đa Phước, Thanh Vinh, Trung Sơn kéo đến khởi nghĩa tại tổng Giáo. Tại đây nhờ khéo giải thích, cán bộ khởi nghĩa đã vận động được cha xứ nhà thờ Phú Thượng cùng đông đảo giáo dân tham dự cuộc mít tinh do Uỷ ban bạo động tổ chức, qua đó giải thích 10 điểm trong chính sách của Mặt trận Việt Minh, nêu rõ chính sách tự do tín ngưỡng và tuyên bố xoá bỏ chính quyền cũ. Ngay sau đó Uỷ ban nhân dân cách mạng lâm thời của tổng Giáo được thành lập, tiếp đến thành lập Uỷ ban nhân dân cách mạng lâm thời các xã trong tổng.

Ngày 19/8 quần chúng tổng Thanh An được huy động khởi nghĩa. Uỷ ban nhân dân cách mạng lâm thời nhanh chóng được thiết lập từ tổng đến các xã.

Tại tổng Bình Thái Hạ khởi nghĩa giành chính quyền diễn ra nhanh gọn, do trong những ngày 17-19/8 nhiều xã nhân dân đã nổi dậy khởi nghĩa dưới sự chỉ huy của Uỷ ban bạo động tổng Thái Hoà, và Uỷ ban bạo động Đà Nẵng. Đến ngày 19/8 các xã còn lại và một số xã thuộc tổng Phước Tường đều thiết lập xong chính quyền cách mạng. Đến ngày 21/8, Phước Tường là tổng cuối cùng trong số các tổng của huyện Hoà Vang khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi.

Việc giành chính quyền tại huyện đường Hoà Vang có liên quan trực tiếp đến giành chính quyền ở Đà Nẵng, vì huyện đường này ở sát nách Đà Nẵng[1], nếu giải quyết không tốt quân Nhật sẽ can thiệp, có thể dẫn đến đổ máu. Trong khi đó, nắm được tin Huyện trưởng Hoà Vang đang trông chờ Việt Minh đến để giao chính quyền, Ủy ban Khởi nghĩa nhận thấy không nhất thiết phải huy động quần chúng tiến

[1] Khu vực chợ Hoà Thuận bây giờ.

www.thuvien247.net

đến huyện đường như đã làm ở các tổng của Hoà Vang. Theo phân công của Uỷ ban khởi nghĩa Đà Nẵng, sáng sớm ngày 22/8 hai đội viên tự vệ vũ trang bằng súng ngắn đi vào huyện đường, buộc Huyện trưởng tự giao chính quyền và lệnh cho lính hạ cờ quẻ ly xuống, treo cờ đỏ sao vàng lên. Bằng cách này, việc lấy chính quyền ở huyện đường Hoà Vang diễn ra rất êm thấm, không hề gây náo động đối với quân Nhật ở Đà Nẵng.

Như vậy, chỉ trong một thời gian ngắn, Hoà Vang, vùng đất vành đai thành phố Đà Nẵng đã diễn ra cuộc khởi nghĩa thắng lợi. Trong điều kiện của một địa bàn có đông quân Nhật chiếm đóng, lãnh đạo Uỷ ban bạo động huyện đã có phương thức khởi nghĩa thích hợp và kiên quyết giành chính quyền ở tổng, xã trước. Đồng thời, cũng hết sức nhạy bén trong việc khai thác sự hoang mang của quân Nhật ở thời điểm Nhật Hoàng đầu hàng Đồng Minh và tổng khởi nghĩa cả nước, cả tỉnh đang dâng cao, tranh thủ giành chính quyền ở cơ sở mà không khiêu khích quân Nhật nên chúng vẫn án binh bất động chờ ngày về nước. Trong khi khởi nghĩa ở vùng đông dân công giáo, Uỷ ban bạo động thực hiện lương giáo đoàn kết cùng khởi nghĩa, thuyết phục những người đứng đầu giáo xứ ủng hộ Việt Minh, thành lập chính quyền cách mạng ở các xã thuộc tổng Giáo mà không gây chấn động về tâm lý, tín ngưỡng đối với đồng bào theo đạo.

Khởi nghĩa thắng lợi ở Hội An và các phủ, huyện của Quảng Nam trong 2 ngày 18 và 19/8, trong đó có các tổng của Hoà Vang tác động mạnh đến tình hình thành phố Đà Nẵng. Đà Nẵng hiện đang có đến 2000 quân Nhật, là căn cứ quân sự lớn thứ hai của Nhật ở miền Trung, sau Cam Ranh. Vấn đề đặt ra đối với Uỷ ban bạo động tỉnh Quảng Nam và Uỷ ban khởi nghĩa thành phố Đà Nẵng là làm sao tiến hành

www.thuvien247.net

khởi nghĩa ở đây thu được thắng lợi mà không đổ máu như ở một số địa phương tại Quảng Nam. Vì ở Quảng Nam, tuy Uỷ ban bạo động tỉnh không có chủ trương tấn công quân Nhật, nhưng lại không có kế hoạch thương thuyết rõ ràng nên tại một số nơi như Vĩnh Điện, Tam Kỳ, Ái Nghĩa quần chúng khởi nghĩa va chạm với quân Nhật, bị chúng bắn chết và bị thương gần 60 người. Rút kinh nghiệm từ tổn thất đó, ngày 19/8 Uỷ ban bạo động tỉnh chỉ thị cho các Uỷ ban bạo động cấp dưới phải "đề phòng và kịp thời đập tan mọi cuộc võ trang khiêu khích của quân Nhật trong bất cứ trường hợp nào, nhưng khôn khéo dàn xếp sao cho đỡ tốn xương máu là biện pháp tiên quyết"[1]. Lúc này, khí thế của quần chúng ở Đà Nẵng đang lên rất cao, đã có nơi định đánh đồn Nhật cướp súng nhưng Uỷ ban khởi nghĩa thành phố kịp thời can ngăn. Vấn đề đặt ra là phải có phương thức khởi nghĩa sao cho tránh được va chạm với quân Nhật mà vẫn giành được chính quyền.

Ngày 21/8/1945 quân Nhật ở Đông Dương mới được lệnh của Tư lệnh tập đoàn quân 38 về thực hiện ngừng bắn. Viên Tư lệnh Nhật ở Đà Nẵng liền lệnh cho Thị trưởng Nguyễn Khoa Phong cho người tìm gặp đề nghị Lê Văn Hiến làm trung gian giúp thêm cho việc điều đình giữa quân Nhật với Việt Minh Quảng Ngãi.

Điều kiện điều đình do Nhật đưa ra là:

1, Việt Minh Quảng Ngãi để đường cho quân Nhật tập kết ra Đà Nẵng.

2, Giúp quân Nhật tìm hài cốt các lính Nhật bị du kích Quảng Ngãi diệt trước khi rút quân về nước.

---

[1] Tài liệu gốc lưu tại Ban Tuyên giáo Huyện uy Tiên Phước, Quảng Nam.

www.thuvien247.net

3, Đạt được yêu cầu trên, quân Nhật sẽ không can thiệp vào công cuộc khởi nghĩa của Việt Minh.

Sau khi thảo luận kỹ đề nghị của viên Tư lệnh Nhật, Uỷ ban khởi nghĩa Đà Nẵng nhất trí cử Lê Văn Hiến vào gặp Tỉnh uỷ Quảng Ngãi đề nghị thôi không tấn công quân Nhật để bù lại, quân Nhật sẽ không can thiệp vào cuộc khởi nghĩa sắp tới ở Đà Nẵng và việc ra mắt chính quyền cách mạng tại tỉnh lỵ Quảng Ngãi cũng được thuận lợi.

Uỷ ban khởi nghĩa thành phố cũng đồng thời có chủ trương cho các xã ngoại ô khởi nghĩa giành chính quyền trước.

Cùng ngày với giành chính quyền tại huyện đường Hoà Vang, tại khu Đông thành phố, cán bộ Việt Minh biến cuộc mít tinh của thanh niên Phan Anh ở đây thành diễn đàn cách mạng, vạch trần độc lập giả hiệu của phát xít Nhật trao cho Chính phủ Trần Trọng Kim. Diễn thuyết xong, cán bộ Việt Minh phất cờ đỏ sao vàng, chuyển cuộc mít tinh thành cuộc tuần hành thị uy dọc khu Đông thành phố. Ngay sau đó, nhân dân Mỹ Khê được huy động tiến hành khởi nghĩa giành chính quyền. Đây là xã giành chính quyền sớm nhất ở khu Đông Đà Nẵng. Các xã Thanh Khê, Hà Khê, An Khê, Thuận An, Liên Trì cũng tiến hành khởi nghĩa thắng lợi. Qua diễn biến khởi nghĩa ở những xã này cho thấy quân Nhật án binh, không can thiệp.

Trong lúc nhân dân đang khởi nghĩa ở các xã thì ở nội ô, một nhóm tay sai thân Nhật do Mai Trọng Tánh cầm đầu âm mưu mượn danh Việt Minh huy động quần chúng biểu tình cướp chính quyền. Uỷ ban khởi nghĩa thành phố kịp thời đối phó, cho tự vệ bí mật đến bắt Mai Trọng Tánh, không để cho quân Nhật hay biết.

Nhận thấy thời cơ khởi nghĩa trong thành phố đã đến lúc chín muồi, Uỷ ban khởi nghĩa thành phố họp quyết định

www.thuvien247.net

sẽ tiến hành khởi nghĩa vào ngày 23/8. Thế nhưng, đến ngày đã định Lê Văn Hiến vẫn chưa về. Tối ngày 25/8, Uỷ ban khởi nghĩa quyết định, không thể chần chờ thêm mà sẽ tiến hành giành chính quyền toàn thành phố vào ngày 26/8/1945. Cuộc họp còn đang tiếp tục thì Lê Văn Hiến cũng kịp về tham gia bàn tiếp kế hoạch khởi nghĩa.

Vì đã bố trí sẵn cán bộ phụ trách khởi nghĩa và uỷ ban khởi nghĩa ở từng công sở, nhà máy, khu phố nên theo hiệu lệnh định sẵn, sáng ngày 26/81945, khi tiếng còi tầm làm việc của thành phố vừa cất lên, ở tất cả các công sở, nhà máy: Bưu điện, Toà án, Kho bạc, Sở liêm phóng, Hoả xa, nhà lao, các cơ sở kinh doanh như nhà hàng Morin Frères, L'UCIA, Denis... và các khu phố, cán bộ Việt Minh tại chỗ tập hợp công nhân viên chức và nhân dân đồng loạt treo cờ đỏ sao vàng, giăng biểu ngữ, đọc lệnh khởi nghĩa, tuyên bố xoá bỏ bộ máy điều hành cũ, thiết lập Ban điều hành mới của cách mạng. Tại Toà Thị chính, Thị trưởng Nguyễn Khoa Phong do đã được vận động trước, nên khi Lê Văn Hiến cùng lực lượng tự vệ vũ trang đến liền nhanh chóng trao chính quyền cho Uỷ ban khởi nghĩa thành phố. Cờ quẻ ly bị hạ xuống, cờ đỏ sao vàng được kéo lên trên đỉnh cột cờ Toà Thị chính. Chính quyền thành phố từ tay phát xít Nhật đã về tay nhân dân.

Nhờ làm tốt công tác vận động, tuyên truyền từ trước nên tại đồn bảo an, từ lính đến cai đội đều hưởng ứng Việt Minh, giao cho Uỷ ban khởi nghĩa 20 khẩu súng. Tại một số nơi khác như Toà án, Sở Cảnh sát, Sở Mật thám, nhà tù, Bưu điện... sau khi giành chính quyền đều có lực lượng tự vệ canh gác. Riêng kho bạc và Ngân khố Đông Dương, lấy lý do phải canh giữ chờ quân Đồng minh vào mới bàn giao, quân Nhật không cho ta tiếp quản. Qua thương lượng, quân Nhật đồng ý

www.thuvien247.net

để tự vệ treo cờ đỏ sao vàng lên công sở. Đến 9 giờ sáng, lực lượng khởi nghĩa đã hoàn toàn chiếm lĩnh tất cả các công sở trong thành phố.

Lê Văn Quý trong Ban khởi nghĩa hồi ức lại:

> "Tiếng còi tầm buổi sáng vừa rú lên báo hiệu cho ngày hội lớn của nhân dân thành phố bắt đầu, nhà nhà đều treo cờ, toàn thành phố rực màu cờ đỏ sao vàng, mặt nước sông Hàn rực đỏ bóng cờ của ghe thuyền đi lại trên sông. Về sau [sau ngày khởi nghĩa thắng lợi], tiếng còi tầm giống giả báo hiệu giờ chào cờ của toàn thể nhân dân thành phố. Nghe tiếng còi rú lên, đồng bào đều đứng nghiêm tại chỗ mặt nhìn về phía toà Đốc lý [toà nhà Uỷ ban thành phố] chào cờ cho đến khi tiếng còi chấm dứt. Hình thức này nhanh chóng trở thành nếp sống tinh thần dân tộc của nhân dân thành phố, từ trẻ em cho đến người già, gái cũng như trai đang làm việc gì, đang lúc xe chạy, mua bán...đều xuống đường đứng nghiêm tại chỗ chào cờ khi nghe tiếng còi tầm buổi sáng của thành phố. Hình thức này được duy trì cho đến ngày toàn quốc kháng chiến mới thôi, nó góp phần giáo dục một cách rộng rãi cho nhân dân Đà Nẵng về ý thức dân tộc độc lập rất sâu sắc..."[1].

Diễn biến trên cho thấy, quá trình khởi nghĩa giành chính quyền ở Hoà Vang - Đà Nẵng có những đặc điểm nổi bật. Đó là sự chủ động chớp thời cơ, quyết định lãnh đạo nhân dân khởi nghĩa của Uỷ ban bạo động tổng An Phước ngay từ ngày 16/8/1945, không chờ đến khi có lệnh khởi nghĩa của Uỷ ban bạo động tỉnh mới hành động. Với Đà Nẵng, quá trình vận động của cuộc khởi nghĩa ở đây có khởi nghĩa nhảy ở các vùng phụ cận để thăm dò phản ứng của quân Nhật, có vận động trước viên Thị trưởng và nhất là có

[1] Hồi ký Lê Văn Quý, do ông Phan Vịnh cung cấp.

www.thuvien247.net

điều đình trước với quân Nhật để đảm bảo khởi nghĩa nổ ra thắng lợi. Phương thức khởi nghĩa ở Đà Nẵng có nét độc đáo riêng là không theo trình tự tiến hành biểu tình thị uy tiến lên dùng lực lượng tự vệ đột nhập các công sở, hay đưa quần chúng khởi nghĩa tiến thẳng đến chiếm công sở chính quyền địch, sau đó chuyển sang giành chính quyền ở những nơi còn lại, hoặc từ cơ sở lên như nhiều địa phương khác, mà là đồng loạt nổi dậy tuyên bố giành chính quyền trong từng nhà máy, công sở, khu phố trên cơ sở đã bí mật bố trí sẵn lực lượng, sau đó quần chúng mới xuống đường giành thắng lợi.

Sáng ngày 28/8/1945, tại sân vận động Chi Lăng, nhân dân thành phố kéo về tham dự cuộc mít tinh mừng độc lập do Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời thành phố tổ chức. Huỳnh Ngọc Huệ thay mặt Thành bộ Việt Minh tuyên bố xoá bỏ chính quyền bù nhìn của Nhật, thành lập chính quyền nhân dân, công bố các chính sách lớn của Việt Minh, thực hiện nam nữ bình quyền, xoá bỏ mọi bất công trong chính sách thuế..., Lê Văn Hiến thay mặt Uỷ ban khởi nghĩa giới thiệu danh sách Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời thành phố. Cuộc mít tinh kết thúc bằng cuộc biểu tình tuần hành của quần chúng nhân dân qua các đường phố lớn.

Lê Văn Hiến sinh năm 1904, quê làng Phước Ninh, Đà Nẵng. Ông chỉ giữ chức Chủ tịch Uỷ ban Nhân dân Đà Nẵng một tuần rồi được cử tham gia Đoàn đại diện Chính phủ dự lễ thoái vị của vua Bảo Đại tại Huế, tiếp đến làm đặc phái viên Chính phủ đi kiểm tra việc xây dựng chính quyền địa phương và kinh lý các mặt trận Trung Bộ và Nam Bộ. Cuối tháng 2/1946 ông được cử giữ chức Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bí thư Việt Minh đoàn các cơ quan Chính phủ. Năm 1961 nhận nhiệm vụ Đại sứ đặc mệnh Việt Nam tại Lào cho đến năm 1977. Lê Văn Hiến qua đời ngày 15/11/1997 tại Hà Nội.

www.thuvien247.net

Khởi nghĩa giành chính quyền ở Đà Nẵng và Hoà Vang thắng lợi đã góp phần cùng nhân dân cả nước kết thúc thắng lợi Tổng khởi nghĩa giành chính quyền, khẳng định nền độc lập, chủ quyền của nước ta đã thuộc về nhân dân, trước khi quân Tưởng tiến vào thành phố giải giáp quân Nhật bại trận.

www.thuvien247.net

KẾT LUẬN

1. Đà Nẵng có một bề dày lịch sử, mảnh đất này được nhập vào bản đồ Đại Việt từ năm 1306 và nó là quà sính lễ của vua Chăm Chế Mân cho Đại Việt. Tuy nhiên, từ năm 1471 trở đi, sau khi vua Lê Thánh Tông nam chinh đại thắng thì Đà Nẵng cũng như vùng đất Quảng Nam (vào đến tận Bình Định) mới thật sự bình ổn. Lưu dân từ các tỉnh phía Bắc vào sinh cơ lập nghiệp, biến nơi đây thành một nơi tụ cư lâu đài. Nhưng cho đến thế kỷ XVII, XVIII thì Đà Nẵng vẫn là một vùng thôn dã cửa sông ven biển như bao làng quê ven biển khác với tên gọi "Hàn".

Bấy giờ, Đà Nẵng với vịnh của nó chỉ được biết đến ở vai trò của một tiền cảng (avant port) cho Hội An. Và như vậy, cho đến cuối thế kỷ XVIII nơi đây vẫn chưa có quy mô của một đô thị. Đến nửa đầu thế kỷ XIX, khi con sông Cổ Cò như một cái cuống rốn nối Đà Nẵng với Hội An bị bồi lấp thì Đà Nẵng với lợi thế cảng biển sâu kín gió, lại gần kinh đô Huế mới vươn lên thể hiện vai trò, vị trí của mình là một cảng ngoại giao, ngoại thương và đặc biệt là một cảng tiền đồn của đất nước. Triều Nguyễn ngay từ vị vua đầu tiên là Gia Long đã xem đây là nơi "rất quan yếu" của đất nước. Dưới thời Minh Mạng, Thiệu Trị, nhiều cơ sở quân sự được xây dựng, củng cố lại như nâng bảo An Hải, Điện Hải lên thành thành (1834), đắp thêm pháo đài Phòng Hải (1840), xây thêm Trấn dương thất bảo (1847).

www.thuvien247.net

Tuy cảng Đà Nẵng được độc quyền đón nhận thương thuyền phương Tây, nhưng với chính sách ngoại giao phòng ngừa của triều Nguyễn, nhiều lần tàu phương Tây đến đặt quan hệ buôn bán bị triều đình từ chối nên hoạt động thương mại ở đây cũng không phải là sôi động lắm. Điều này cho thấy cảng biển Đà Nẵng dưới thời các vua đầu triều Nguyễn hãy còn nặng tính quân cảng, còn cư dân sống ở Đà Nẵng vẫn thuần nông và đánh cá, như lời người nước ngoài lúc ấy gọi bằng một mệnh danh "làng đánh cá".

Lịch sử Đà Nẵng chuyển sang một bước ngoặt trọng đại khi tàu chiến Pháp và Tây Ban Nha nổ súng xâm lược Việt Nam tại đây vào ngày 1/9/1858.

Đà Nẵng trở thành dột phá khẩu trong cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân phương Tây đối với nước ta bởi vị trí chiến lược quan trọng của nó không chỉ đối với Việt Nam mà còn đối với cả vùng biển Đông. Khi liên quân Pháp - Tây Ban Nha nổ súng mở đầu cuộc xâm lược tại Đà Nẵng thì cũng là thời điểm quân dân Đà Nẵng - Quảng Nam sát cánh cùng quân đội triều đình nổ súng mở đầu cuộc chiến tranh vệ quốc trước một kẻ thù mới - kẻ thù thực dân phương Tây với những chiến hạm vượt đại dương được trang bị những vũ khí tinh xảo và với kỹ thuật chiến đấu đã được tôi luyện trong các cuộc chiến tranh ở châu Âu và đã chinh phục nhiều thuộc địa.

Cuộc chiến tranh vệ quốc tại Đà Nẵng diễn ra vô cùng oanh liệt. Lịch sử không chỉ ghi lại chiến công của quân đội triều đình với những tên tuổi lớn như Nguyễn Tri Phương, Lê Đình Lý, Phạm Thế Hiển mà còn ghi lại sự đóng góp to lớn của đội quân "thân biền binh dõng" tại địa phương dưới sự chỉ huy của hưu quan Phạm Gia Vĩnh; không chỉ của những người trực tiếp chiến đấu mà là của toàn dân thực hiện vườn không nhà trống, xay lúa tải lương, đắp thành lấp sông chặn

www.thuvien247.net

đường tiến quân của địch. Mặc dù quân xâm lược có tàu to súng lớn nhưng quân dân Đà Nẵng vẫn giữ được mặt trận này từ 1/9/1858 đến 23/3/1860, tổng cộng 18 tháng 22 ngày, buộc đội quân xâm lược phải nhổ neo cho tàu vào phía Nam, để lại nơi đây "một tháp hài cốt chứa ngàn thánh giá". Như thế, chúng ta có quyền khẳng định rằng cuộc chiến tranh vệ quốc của quân dân Việt Nam tại Đà Nẵng là một chiến thắng và liên quân Pháp - Tây Ban Nha đã thất bại. Đây cũng là thất bại quân sự nặng nề nhất của chúng tại Việt Nam từ 1858 đến 1884. Chiến thắng tại mặt trận Đà Nẵng cho thấy rằng, khi mà triều đình Huế biết dựa vào dân, tin tưởng vào sức dân, trí tuệ của dân, biết tổ chức nhân dân chiến đấu thì giành được thắng lợi. Trong khi đó cũng cùng một kẻ thù, nhưng tại các tỉnh trong Nam cũng như ngoài Bắc, triều đình Huế không còn tin vào sức kháng chiến của dân, không dựa vào dân, đã không kiên quyết với ý chí kháng chiến để rồi cứ trượt dần vào việc ký hết hoà ước này đến hoà ước khác, đến nỗi mất dần và cuối cùng mất hẳn chủ quyền dân tộc vào tay quân xâm lược.

2. Thực dân Pháp đã không chiếm được Đà Nẵng bằng vũ lực nhưng số phận Đà Nẵng phải nằm trong vận mệnh chung của cả nước. Khi mà toàn bộ đất nước Việt Nam đã trở thành thuộc địa của Pháp, khi mà phong trào Nghĩa hội chấm dứt thì Đà Nẵng cũng trở thành nhượng địa của thực dân Pháp, bởi qua các hiệp ước bất bình đẳng, từ chỗ "được ra vào buôn bán ở cửa Đà Nẵng" (Hiệp ước 1862) đến "được phép cư trú ở Đà Nẵng" và được "nhượng một vùng đất chung quanh hải cảng rộng 9 km để lập cơ sở buôn bán" (Hiệp ước 1864, đến Hiệp ước 1883 rồi Hiệp ước 1884 buộc triều đình Huế để cho Pháp "tổ chức quan thuế ở các cửa biển", cuối cùng thực dân Pháp ép triều đình Đồng Khánh phải chấp

www.thuvien247.net

nhận cắt luôn Đà Nẵng "lập thành nhượng địa Pháp và quyền sở hữu sẽ hoàn toàn giành cho chính phủ Pháp" (Dụ ngày 1/10/1888 của Đồng Khánh). Không chỉ dừng lại ở đó, thực dân Pháp đã lấn dần từ 5 xã ban đầu lên 19 xã (Đạo dụ ngày 15/1/1901 của Thành Thái), tự do chiếm đất ra cả phạm vi huyện Hoà Vang là đất bản quyền của triều Nguyễn. Điểm lại những thời điểm trên để thấy được cả một quá trình thực dân Pháp thực hiện dã tâm chiếm lấy Đà Nẵng.

Khi còn thuộc chủ quyền của triều đình phong kiến Việt Nam, mặc dầu có vị trí thương mại nhưng Đà Nẵng vẫn không phải là một đầu não thương mại, cũng không giống một phủ hay một huyện mà chỉ do một viên quan triều đình cử vào khám tàu mỗi khi có tàu nước ngoài đến, trong những năm 1864-1887 thì do một viên quan hai hoặc một viên đại uý cảng trông coi.

Chính quyền Pháp đã xây dựng Đà Nẵng thành một thành phố theo kiểu châu Âu. Đây là một trong năm thành phố hiện đại đầu tiên ở Việt Nam. Trở thành thành phố nhượng địa với tên gọi mới (về mặt hành chính) là Tourane, diện mạo của Đà Nẵng thay đổi. Kết cấu hạ tầng kinh tế - kỹ thuật trong phạm vi khu phố Tây là những vi la, công sở, đường nhựa ngang dọc. Tổ chức hành chính tại khu trung tâm như thành phố của Pháp. Phương thức kinh tế tư bản chủ nghĩa được du nhập vào biến Đà Nẵng trở thành nơi tập trung của các công ty, các hãng buôn lớn khai thác các giá trị kinh tế của cả khu vực Trung kỳ. Chỉ nhìn vào mỗi cán cân xuất nhập khẩu ở đây cũng đã thấy hoạt động thương mại được đẩy mạnh như thế nào, và qua đó cho chúng ta thấy rõ thực dân Pháp đã biến hải cảng Đà Nẵng trở thành một cơ sở năng động, một cánh tay nối dài cho công cuộc khai thác của chúng ra các tỉnh miền Trung.

www.thuvien247.net

Sự thay đổi cơ cấu chính quyền và phương thức kinh tế đã tạo ra những chuyển biến về văn hoá, giáo dục và cấu trúc cư dân của Đà Nẵng. Đó là lối sống Tây du nhập vào Đà Nẵng trong kiến trúc, trong sinh hoạt của tầng lớp cư dân Tây. Tuy văn hoá nông nghiệp cổ truyền của cư dân bản địa có bị sự tác động của những biến đổi trên, nhưng cũng phải thừa nhận rằng sự tác động đó rất ít. Trong các xóm làng nông nghiệp, người nông dân vẫn duy trì được sắc thái văn hoá truyền thống của mình.

Những biến đổi về kinh tế dẫn đến những biến đổi về cơ cấu giai cấp trong xã hội. Ngoài 2 giai cấp truyền thống là nông dân và địa chủ đã xuất hiện thêm ba giai tầng mới là tư sản, tiểu tư sản trí thức và công nhân. Bậc thang xã hội truyền thống sĩ – nông - công-thương được thay thế bằng sự phân chia đẳng cấp mới: thượng lưu, trung lưu, bình dân và tầng lớp những người nghèo khổ. Là một thành phố nhượng địa, thành phố hiện đại đầu tiên ở Trung kỳ, nhưng sự chênh lệch xã hội thật quá lớn giữa khu phố Tây với những làng xóm nghèo của người dân Việt. Người nông dân vẫn sống một cuộc đời cơ cực bởi thuế khoá, thiên tai, bởi địa chủ, cường hào. Người công nhân phải vắt sức làm thuê trong các hãng buôn, nhà máy mà vẫn không đủ cái ăn hàng ngày.

3. Không chấp nhận mất nước, không chấp nhận là dân thuộc địa của Pháp, tinh thần yêu nước của nhân dân Đà Nẵng vẫn nung nấu, sục sôi. Sau cuộc chiến tranh vệ quốc 1858-1860 là phong trào Nghĩa hội dưới cờ của Trần Văn Dư - Nguyễn Duy Hiệu, những trận tập kích của lực lượng Nghĩa hội vào tận trung tâm thành phố, những trận chiến đấu gan dạ dũng cảm của nghĩa quân tại Nam Chơn, Hố Chuối...thể hiện tinh thần quật khởi của nhân dân nơi đây.

www.thuvien247.net

Sang đầu thế kỷ XX, Đà Nẵng nổi bật lên là nơi có vị trí địa - chính trị, địa - kinh tế khá quan trọng - là một cửa ngõ du nhập văn minh phương Tây. là nơi đón nhận phong trào biến pháp Mậu Tuất 1898 của Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu, là nơi đón nhận ảnh hưởng của tư tưởng Minh Trị duy tân (Nhật Bản) và tiếng vang của chiến tranh Trung - Nhật (1894), của sự kiện Nhật thắng Nga (1905) để rồi các sĩ phu tiếp nhận những ảnh hưởng tư tưởng này phát động phong trào Duy tân, Đông du rầm rộ, rộng khắp Quảng Nam, lan ra các tỉnh khác. Đà Nẵng lại là nơi đưa du học sinh sang Nhật. Lịch sử đấu tranh tại Đà Nẵng lại nổi bật lên với cuộc vận động khởi nghĩa của Thái Phiên (1912-1916). Những chuyển biến này biểu hiện sự tiếp nối lô gích lịch sử của Đà Nẵng và cũng là của cả nước nói chung: từ phong trào Nghĩa hội theo hệ tư tưởng phong kiến (mặc dù ở Đà Nẵng và Quảng Nam tư tưởng trung quân đã có nhiều phai nhạt) ở cuối thế kỷ XIX chuyển sang các hội đảng theo xu hướng dân chủ tư sản: Duy tân hội, phong trào Duy tân, phong trào Đông du.

Đà Nẵng là nơi du nhập nhiều sách báo tiến bộ của cả nước và từ nước ngoài chuyển vào, là nơi tập hợp nhiều nhân sĩ trí thức. Do đó từ những năm 20 của thế kỷ XX bầu không khí chính trị ở đây có những chuyển biến mới: đã xuất hiện các hội ái hữu, các hội đảng chính trị, các hoạt động dân chủ mà ở các nơi khác không có hoặc ít có. Tuy nhiên, cũng cần thấy rằng với sự ra đời của Việt Nam tấn bộ dân hội vào ngày 10/9/1926 nhưng bị Toàn quyền Đông Dương ra lệnh giải tán liền ngay sau ngày thành lập đã tạo nên một bước ngoặt trong tư tưởng của các nhà yêu nước còn xu hướng cải lương. Từ đây, họ buộc phải dứt khoát từ bỏ hoạt động công khai để đi vào con đường cách mạng bất hợp pháp chống lại chế độ thuộc địa. Đây là một bước chuyển mới. Cũng chính từ thời

www.thuvien247.net

điểm này, phong trào yêu nước ở Đà Nẵng chuyển sang hoà vào dòng thác chung của một đường lối mới - đường lối cách mạng vô sản, với sự ra đời của hai tổ chức cách mạng Hội Việt Nam cách mệnh thanh niên và Tân Việt cách mệnh đảng trong 2 năm 1926-1927. Sự ra đời và hoạt động khá thuận lợi của Hội Việt Nam cách mệnh thanh niên và Tân Việt cách mệnh đảng tại Đà Nẵng đẩy phong trào đấu tranh, chủ yếu của công nhân lên một bước mới với nét đặc sắc là xuất hiện những cuộc đấu tranh lớn, có tính liên kết, phối hợp hành động giữa công nhân cùng ngành ở một số địa phương và công nhân của nhiều công xưởng.

Sự ra đời của Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam thành phố Đà Nẵng năm 1930 đánh dấu một sự kiện chính trị đặc biệt quan trọng của lịch sử thành phố. Đảng bộ Đảng Cộng sản đã nhanh chóng khẳng định vai trò lãnh đạo của mình đối với phong trào cách mạng của thành phố.

Một vấn đề đặt ra là tại sao Đà Nẵng - Quảng Nam là nơi khởi phát vụ Trung kỳ dân biến long trời lở đất hồi đầu thế kỷ XX, mà trong bối cảnh phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh 1930-1931 cực kỳ sôi động thì ở Đà Nẵng lại chỉ ủng hộ có mức độ chứ không chủ trương tranh đấu bạo động thái quá khi lực lượng còn non trẻ? Chính sự "hơi im ắng, ôn hoà" này cũng là một đặc điểm của phong trào cách mạng ở Đà Nẵng. Và sự hưởng ứng có mức độ như vậy là hoàn toàn đúng đắn. Chính nhờ đó mà lực lượng quần chúng vẫn được bảo toàn.

Những năm 1932-1935 phong trào cách mạng từng bước được hồi phục, đến những năm 1936-1939 dựa vào lợi thế của một thành phố nhượng địa phong trào cách mạng ở đây diễn ra sôi nổi với những hình thức công khai đòi dân sinh, dân chủ, đời sống văn hoá tư tưởng cũng có những nét mới để rồi trong cao trào giải phóng dân tộc chung của cách mạng cả nước

www.thuvien247.net

(1939-1945) do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, cao trào cách mạng ở đây thực sự lên đỉnh cao góp vào thắng lợi chung của tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.

Diễn biến của phong trào cách mạng ở Đà Nẵng và Hoà Vang những năm này cho thấy: Phong trào diễn ra liên tục. Tuy nhiều lần bị bể vỡ nhưng không hề bị đứt đoạn vì sau mỗi lần bể vỡ lại được gầy dựng lại, và lần sau lại mạnh hơn lần trước. Tính chủ động của những đảng viên cộng sản và tinh thần cách mạng của nhân dân rất cao. Trong những lần bị bể vỡ tổ chức, không nhận được sự chỉ đạo trực tiếp của cấp trên, tổ chức cơ sở đảng và những đảng viên cộng sản không bị địch bắt vẫn tiếp tục hoạt động theo đúng chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Trung ương, chủ động chuẩn bị mọi mặt cho khởi nghĩa giành chính quyền. Về quần chúng, tính tích cực cách mạng thể hiện ở sự tham gia đông đảo của các tầng lớp nhân dân vào Mặt trận Việt Minh. Các tầng lớp trung gian cũng có những ủng hộ cho sự nghiệp cách mạng làm cho cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Đà Nẵng - Hoà Vang, cũng như cả nước, thể hiện sâu sắc tính quần chúng.

Với Cách mạng tháng Tám thành công, Đà Nẵng vĩnh viễn chấm dứt thời kỳ 57 năm là đất "nhượng địa" của ngoại bang. Lịch sử Đà Nẵng chuyển sang những trang sử mới của thời kỳ hiện đại.

www.thuvien247.net

MỘT SỐ HÌNH ẢNH ĐÀ NẴNG
(1858 - 1945)

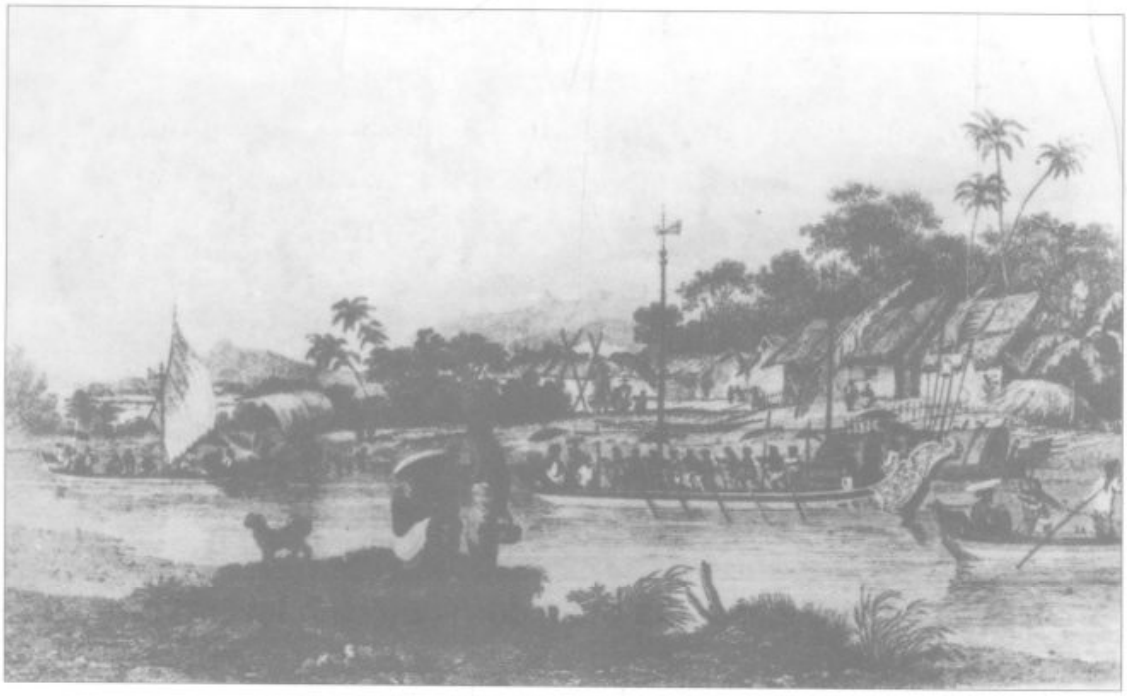

Cảnh bên bờ sông Hàn thế kỷ XVIII

Hai chiến hạm Pháp Victorieuse và Cleopatre
nổ súng khiêu khích tại vịnh Đà Nẵng ngày 3/7/1847

www.thuvien247.net

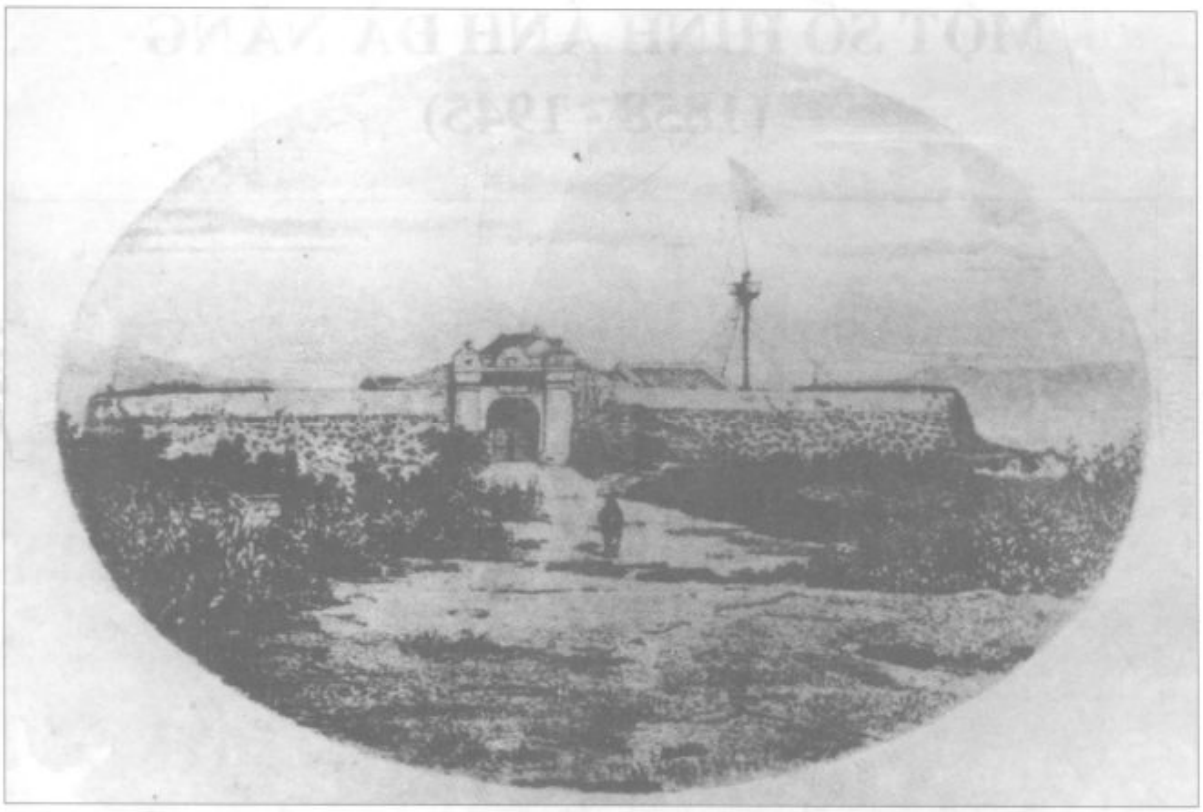

Một cơ sở phòng thủ của quân đội Triều đình tại Đà Nẵng

www.thuvien247.net

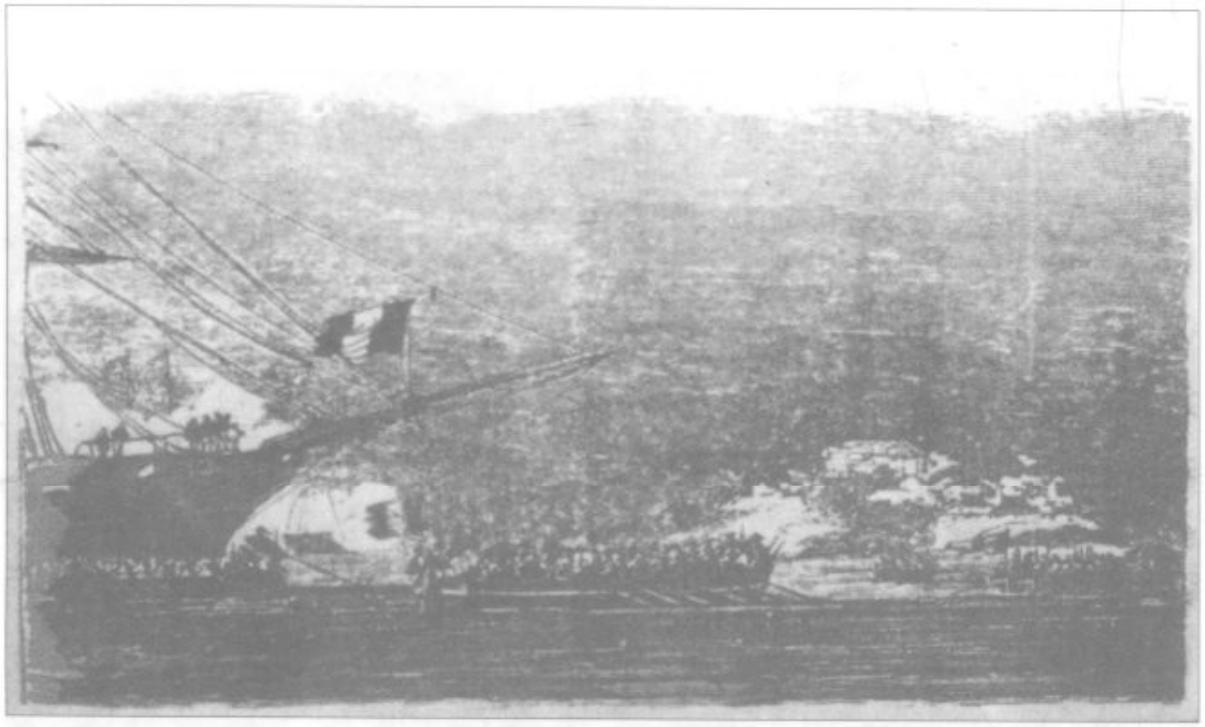

Liên quân Pháp - Tây Ban Nha tấn công thành Điện Hải

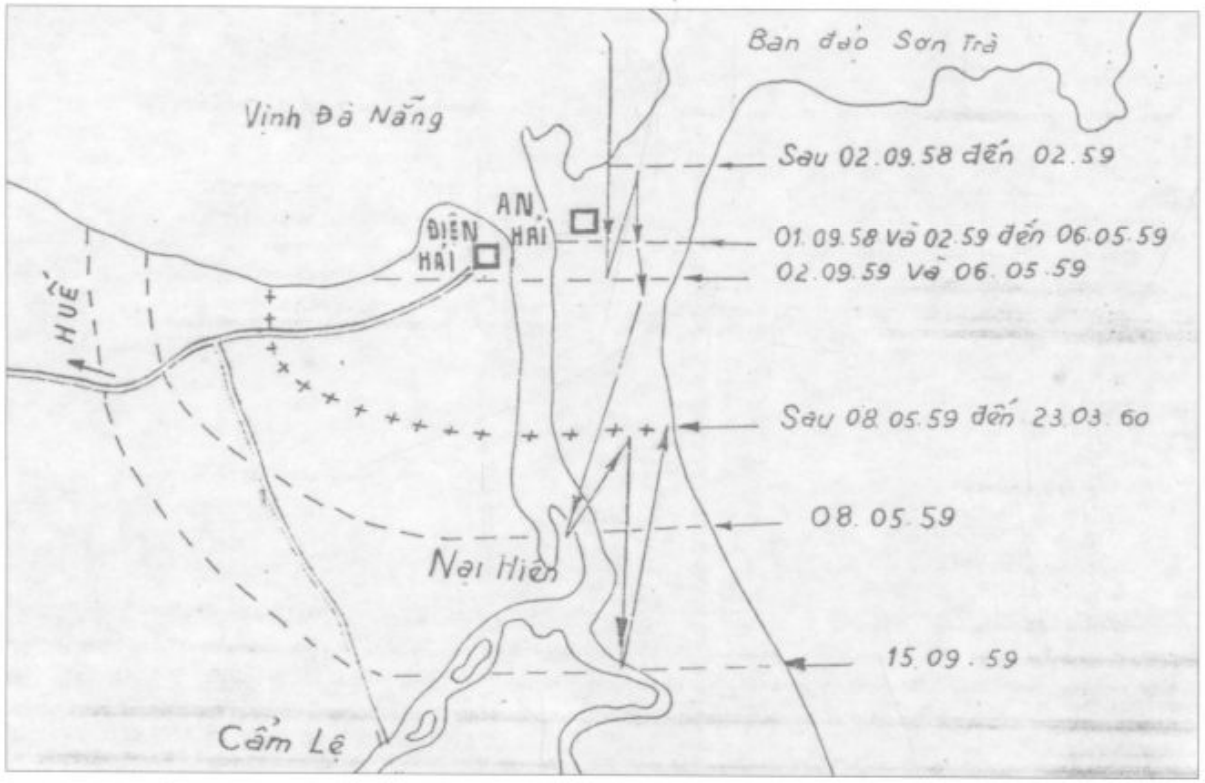

Giới hạn chiếm đóng và biểu đồ tiến lui của liên quân Pháp - Tây Ban Nha từ những ngày đầu tấn công Đà Nẵng (01/9/1858) đến ngày rút lui khỏi Đà Nẵng (23/3/1860)

www.thuvien247.net

Nghĩa trủng Khuê Trung

www.thuvien247.net

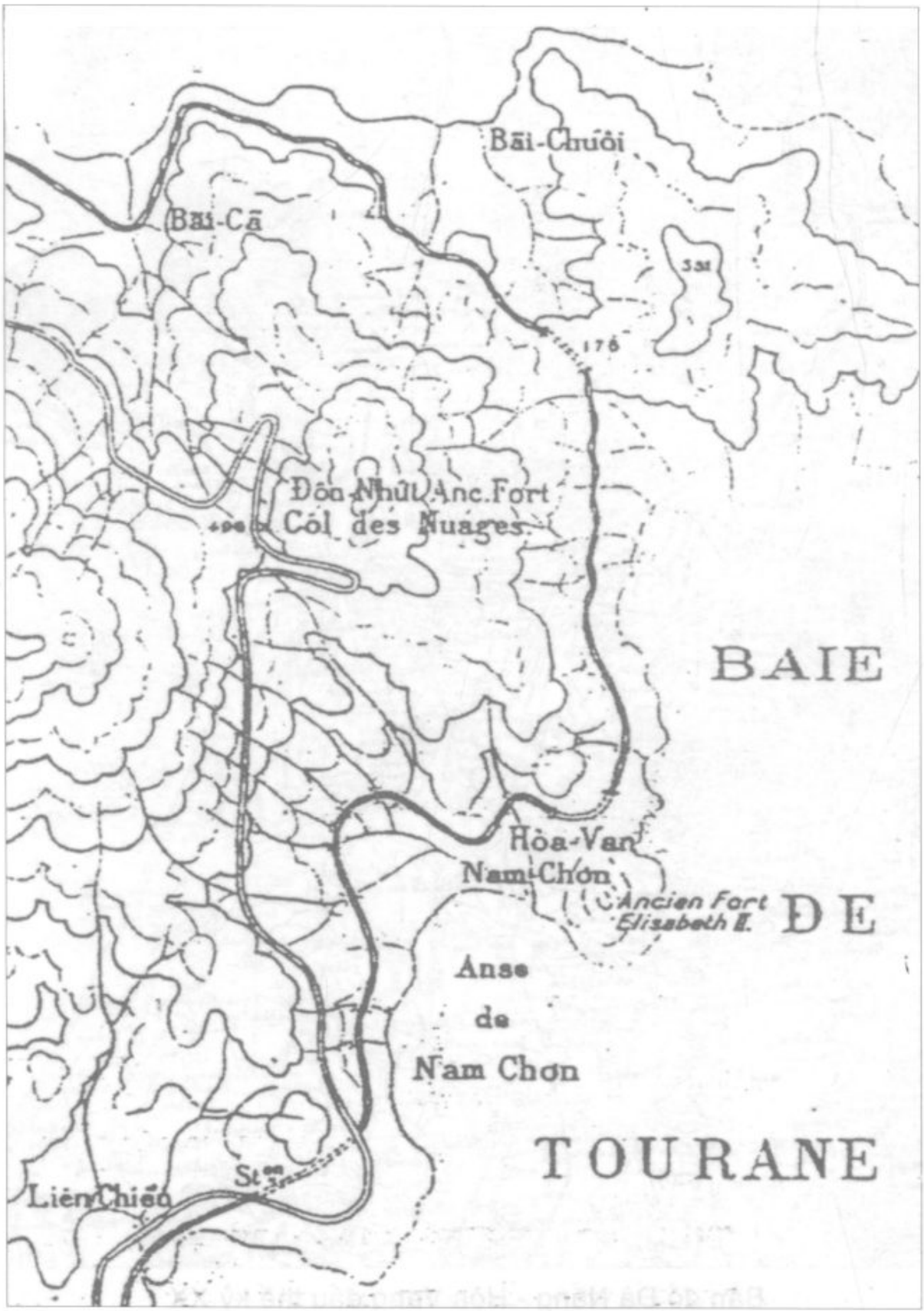

Nam Chơn - nơi diễn ra trận tập kích
của một cánh quân Nghĩa hội ngày 28/2/1886

www.thuvien247.net

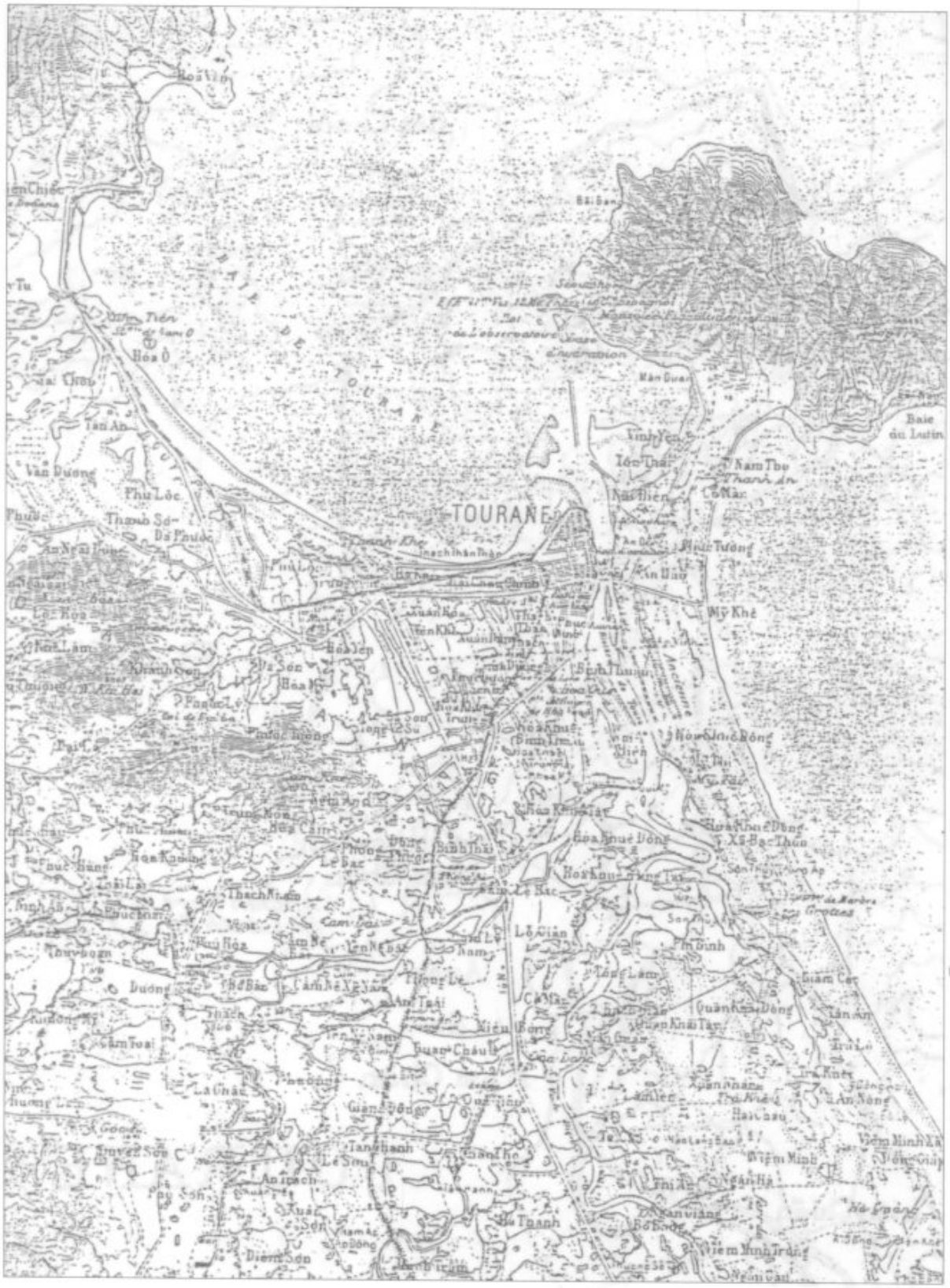

Bản đồ Đà Nẵng - Hòa Vang đầu thế kỷ XX

www.thuvien247.net

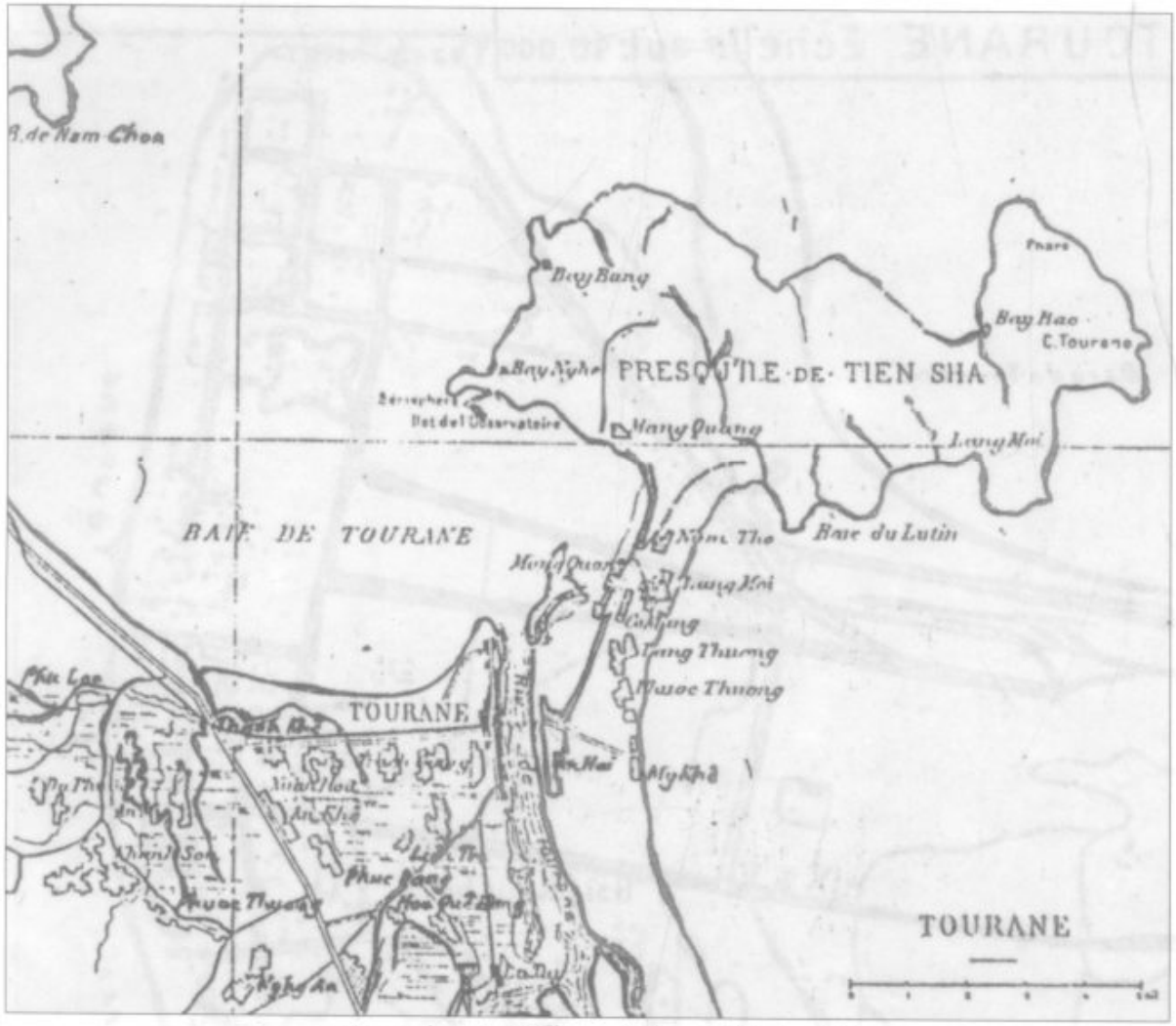

Bản đồ Đà Nẵng đầu thế kỷ XX

www.thuvien247.net

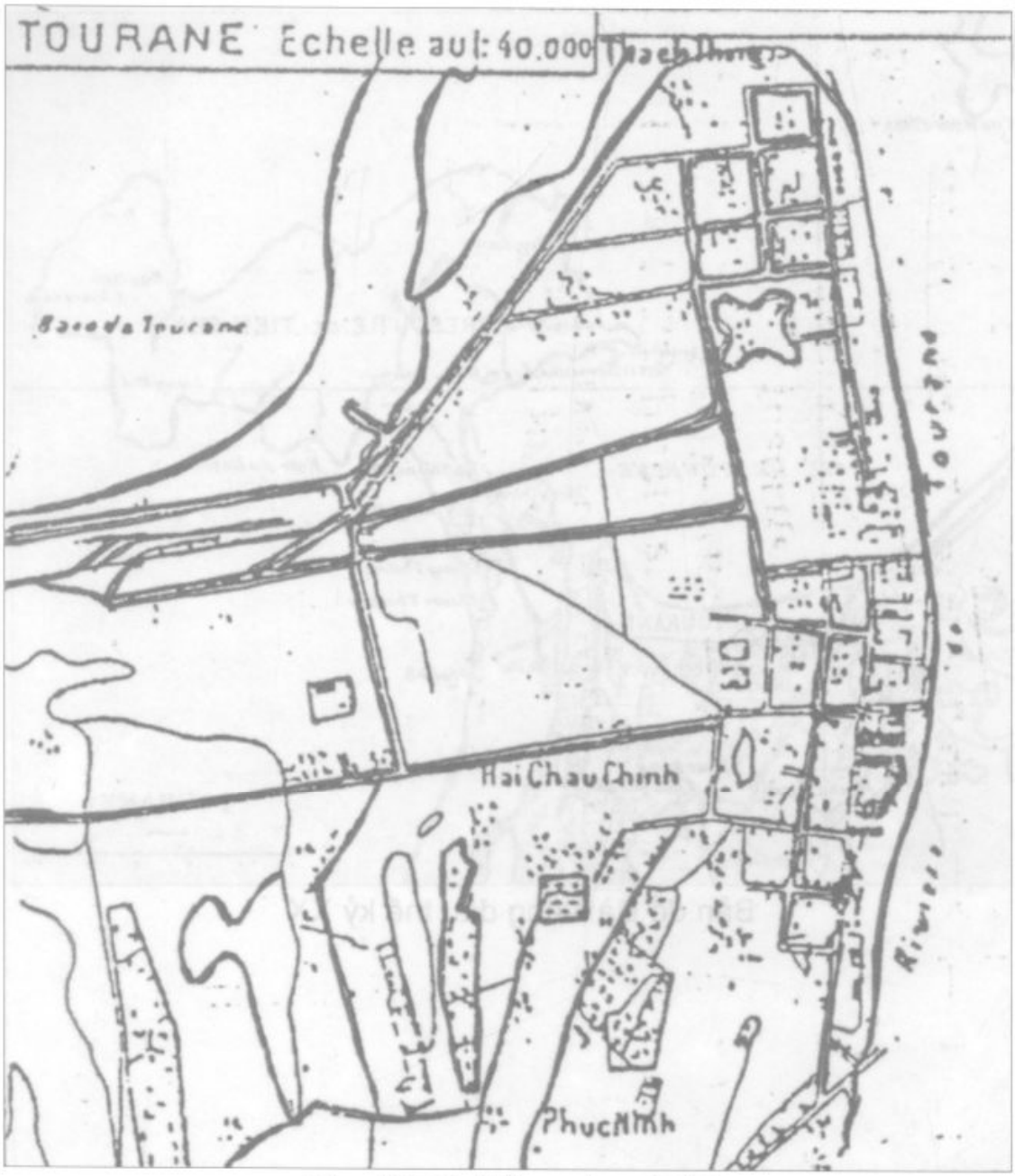

Bản đồ Đà Nẵng năm 1912

www.thuvien247.net

Ga chợ Hàn

Một góc phố Đà Nẵng 1935

www.thuvien247.net

Kiến trúc truyền thống tại Đà Nẵng

Kiến trúc phương Tây: khách sạn Morin

www.thuvien247.net

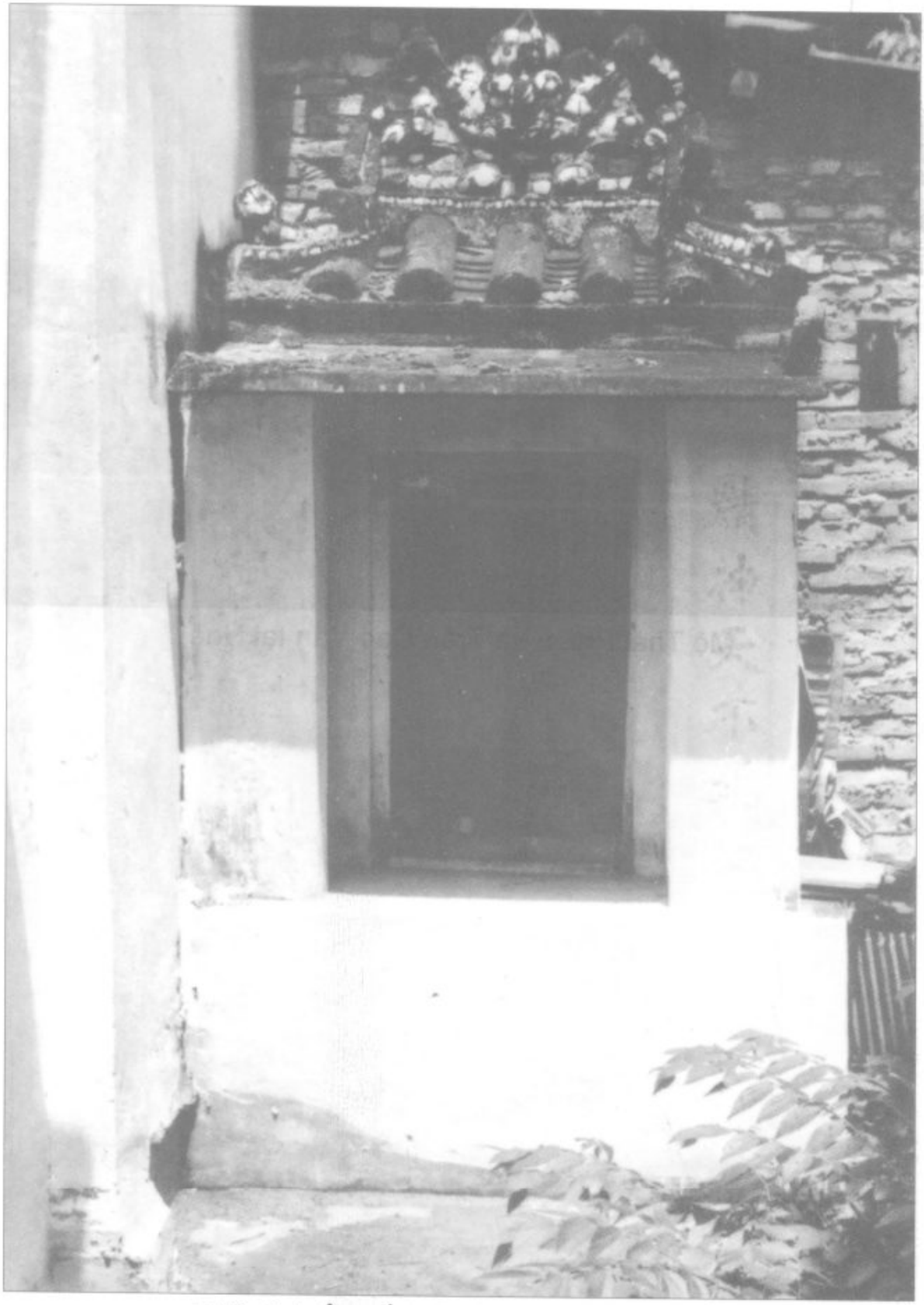

Miếu thờ Ông Ích Đường có hai câu đối:

"Tinh thần thiên bất tử

Nghĩa khí thế trường sanh"

www.thuvien247.net

Mộ Thái Phiên và Trần Cao Vân tại Huế

www.thuvien247.net

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. André Bandit.: *Correspondance de Savin de Larelause*. B.S.I, T.XIV, Sài Gòn, 1939.
2. A. J. Gouin: *Tourane et le centre de L'Annam*. Tài liệu lưu tại Thư viện Viện Thông tin khoa học xã hội.
3. Đào Duy Anh: *Việt Nam văn hoá sử cương*. Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1992.
4. Đào Duy Anh: *Nhớ nghĩ chiều hôm* (Hồi ký). Nxb Trẻ, 1989.
5. Nguyễn Thế Anh: *Phong trào chống thuế miền Trung năm 1908 qua các châu bản triều Duy Tân*. Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh niên xuất bản, 1973.
6. André Masson. *Indochine*, T1. Paris, 1931.
7. *Annuaire Statistique de L'Indochine 1910; 1913-1929; 1931-1940*. IDEO, Hanoi 1927; 1931; 1933; 1935; 1936; 1937; 1938; 1939; 1942.
8. Đỗ Bang: *Đà Nẵng trong chiến lược phát triển kinh tế và quốc phòng của triều Nguyễn*. Tham luận Hội thảo khoa học Kỷ niệm 140 năm Đà Nẵng chống Pháp, tổ chức tại Đà Nẵng, 1998.
9. Ban liên lạc cựu học sinh trường trung học Chấn Thanh Đà Nẵng: *Hồi ký về trường Chấn Thanh (1940-1941)*. Nxb Đà Nẵng, 2001.

www.thuvien247.net

10. Ban Liên lạc cựu học sinh trường An Phước: *Trường tiểu học An Phước 95 năm truyền thống*. Nxb Giáo Dục, 2003.

11. Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng và Hội Văn nghệ Quảng Nam - Đà Nẵng: Hồi ký *Buổi đầu gieo hạt* (nhiều tác giả).

12. Ban Tuyên giáo Thành uỷ Đà Nẵng: *Nhớ mãi mùa thu cách mạng*, 2000.

13. Báo *Dân chúng* số 40, ngày 20/12/1938.

14. Báo *Tiếng Dân* các số ra ngày 8/6/1929; 21/1/1932; 18/5/1932; 13/4/1933; 15/5/1935; 9/3/1937; tháng 2/1938; 11/5/1938

15. Nguyễn Công Bình: *Chủ nghĩa đế quốc Pháp với vấn đề ruộng đất Việt Nam*, Tạp chí Văn-Sử-Địa, số 3/1959.

16. *Bulletin administratif de l'Annam* 1902; 1903; 1904; 1905; 1909; 1910; 1912; 1928

17. *Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises*, số 3 & 6 năm 1939

18. Hoàng Bửu: *Vài nét về kinh tế - xã hội Hoà Vang trước Cách mạng tháng Tám 1945*. Tham luận tại buổi toạ đàm về đời sống kinh tế - văn hoá - xã hội huyện Hoà Vang trước Cách mạng tháng Tám 1945 do Ban Chủ nhiệm đề tài Lịch sử thành phố Đà Nẵng (1858-1945) tổ chức ngày 14/8/2003.

19. Chánh Mật thám đặc biệt Đà Nẵng: *Công văn số 491/s Đà Nẵng, ngày 3/5/1934 gửi Chánh Toà án Đà Nẵng*. Bản dịch lưu tại Ban Tuyên giáo Thành uỷ Đà Nẵng.

20. Phan Bội Châu: *Toàn tập*. Tập 2. Nxb Thuận Hóa, Huế, 1990.

www.thuvien247.net

21. Nam Chi: *Ba năm hội Cần Vương ở Quảng Nam (1885 - 1887)*. Bài đăng Báo *Đuốc Nhà Nam*, các số 15,16,17, tháng 3/1937.

22. Trường Chinh - Võ Nguyên Giáp: *Vấn đề dân cày*. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1957.

23. Trường Chinh: *Về văn hoá và nghệ thuật*. Nxb Văn học, Hà Nội, 1975.

24. Trần Ngọc Chương: *Lịch sử phong trào yêu nước chống Pháp huyện Tiên Phước*. Bản thảo đánh máy, 1980.

25. Nguyễn Khắc Đạm: *Nguyễn Tri Phương đánh Pháp*. Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam xuất bản, Hà Nội, 1998.

26. Đảng bộ huyện Hòa Vang - Ban sưu tầm lịch sử Đảng: *Lịch sử đấu tranh cách mạng huyện Hòa Vang 1928 - 1954*. Nxb Đà Nẵng, 1985.

27. Đảng bộ Quảng Nam-Đà Nẵng: *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam-Đà Nẵng, tập I (Sơ thảo) 1930-1945*. Nxb Đà Nẵng, 1991.

28. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*. T1. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.

29. Đảng ủy xã Hòa Phong: *Hòa Phong lịch sử đấu tranh cách mạng 1930 - 1954*. Nxb Đà Nẵng, 1996.

30. Nguyễn Văn Đăng: *Đô thị Đà Nẵng dưới triều Nguyễn*. In trong *Đô thị Việt Nam dưới thời Nguyễn* (Tập thể tác giả). Nxb Thuận Hoá, Huế, 1999.

31. Võ Văn Dật: *Lịch sử Đà Nẵng 1306-1950* (Luận văn cao học). Bản đánh máy, 1974.

32. Cao Xuân Dục, Lưu Đức Xưng, Trần Xán: *Đại Nam nhất thống chí*, Q.5, Nguyễn Tạo dịch. Sài Gòn, 1964.

www.thuvien247.net

33. Đinh Trần Dương: *Ý chí cứu nước của nhóm sĩ phu bị tù ở Côn Đảo đầu thế kỷ XX*. Nghiên cứu Lịch sử số 2 (327), tháng 3 & 4/2003.

34. Nguyễn Sinh Duy: *Phong trào Nghĩa hội Quảng Nam*. Nxb Đà Nẵng, 1996.

35. Phan Thúc Duyện: *Thư gửi Bộ trưởng thuộc địa Pháp Reynaud*. Dẫn theo Tổng tập văn học Việt Nam. T21. Nxb Khoa học xã hội, 1996.

36. Nguyễn Đình Đầu: *400 năm địa lý lịch sử Quảng Nam*. Bài in trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học *Vai trò lịch sử dinh trấn Quảng Nam*. Sở Văn hoá Thông tin Quảng Nam xuất bản, Tam Kỳ, 2002.

37. Lê Quý Đôn: *Phủ biên tạp lục*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977.

38. Georges Taboulet. *Lageste Française en Indochine*. Paris T1 (1955), T2 (1956).

39. Nguyễn Đình Ghị và Lê Khương: *Báo cáo ngày 7/9/1929* (có lẽ cho Khâm sứ Trung Kỳ). Bản dịch tài liệu lưu tại Tiểu ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng.

40. *Gia phả tộc Lâm làng Cẩm Toại*, xã Hoà Phong, huyện Hoà Vang.

41. *Gia phả tộc Nguyễn làng Châu Bí*, do ông Nguyễn Văn Đài (79 tuổi) cung cấp.

42. Trần Văn Giàu (chủ biên): *Lịch sử cận đại Việt Nam*. Tập 1, tập 3. Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1961.

43. G.Taboulet: *Histoire militaire de l'Indochine française*.

44. H. Cosserat: *Thảm kịch ở Nam Chơn (28 tháng Hai - 01 tháng 3/1886)*. Đăng trong *Những người bạn cố đô Huế*. Tập XII/năm 1925. Nxb Thuận Hóa, Huế, 2002.

www.thuvien247.net

45. Lê Văn Hiến: *Hồi ký (1925-1939)*. Tài liệu lưu tại Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng.

46. Lý Kim Hoa: *Châu bản Triều Nguyễn (tư liệu Phật giáo qua các triều đại nhà Nguyễn 143 năm từ Gia Long 1802 đến Bảo Đại 1945*). Nxb Văn hoá Thông tin, 2003.

47. Ngô Văn Hoà - Dương Kinh Quốc: *Giai cấp công nhân Việt Nam trước khi thành lập Đảng*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1978 .

48. Thái Hồng: *Nguyễn Tri Phương (1800-1873*). Nxb Đại học Quốc gia, Thành phố Hồ Chí Minh, 2001.

49. Đỗ Quang Hưng - Quốc Trung: *Chiến trận ở Đà Nẵng 130 năm trước, diễn tiến và kết cục*. Nghiên cứu Lịch sử số tháng 5 & 6/1987.

50. Đỗ Quang Hưng: *Người đương thời với sự kiện Đà Nẵng*. Tham luận tại Hội thảo khoa học Kỷ niệm 130 năm nhân dân Đà Nẵng đánh thực dân Pháp. Đà Nẵng, 1988.

51. Lê Văn Hý: *Hồi ức về cuộc sống công nhân trước năm 1945*. Tài liệu lưu tại Liên đoàn Lao động thành phố Đà Nẵng.

52. *Journal officiel de l'Indonechine fraçaise 1908.*

53. *Journal officiel de l'Indochine française 1931.*

54. Huỳnh Thúc Kháng: *Thi tù tùng thoại*. Nam Cường xuất bản, 1951.

55. Huỳnh Thúc Kháng: *Niên phổ. Thơ trả lời Kỳ Ngoại hầu Cường Để*. Nxb Văn hóa Thông tin, 2000.

56. Lê Trọng Khánh, Đặng Huy Vận: *Cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội ở miền Nam Trung bộ năm 1916*. Nghiên cứu lịch sử, số 22. tháng 1/1961.

www.thuvien247.net

57. Phan Khoang. *Việt Nam Pháp thuộc sử*. Sài Gòn, 1971.

58. Nguyễn Văn Kiệm: *Sự du nhập của Thiên chúa giáo vào Việt Nam từ thế kỷ 17 đến thế kỷ 19*. Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Trung tâm UNESSCO bảo tồn và phát triển văn hoá dân tộc Việt Nam, 2001.

59. Dương Tuấn Kiệt: *Một số nét về Hòa Phong trước Cách mạng Tháng Tám 1945*. Tham luận tại buổi toạ đàm về đời sống kinh tế - văn hoá - xã hội huyện Hoà Vang trước Cách mạng Tháng Tám 1945 do Ban Chủ nhiệm đề tài Lịch sử thành phố Đà Nẵng (1858-1945) tổ chức ngày 14/8/2003.

60. Lê Thị Kinh: *Phan Châu Trinh qua những tài liệu mới*. Q1, T1. Nxb Đà Nẵng, 2001.

61. Đinh Xuân Lâm: *Đà Nẵng trong cái nhìn chiến lược của tư bản Pháp trước chiến tranh xâm lược Việt Nam (1858)*, Tham luận Hội thảo khoa học Kỷ niệm 140 năm Đà Nẵng chống Pháp. Đà Nẵng, 1998.

62. *L'Annam en 1906*. Imprimerie Samat, Marseille, 1906.

63. Liên hiệp Công đoàn Quảng Nam - Đà Nẵng: *Phong trào công nhân và Công đoàn Quảng Nam - Đà Nẵng từ khi thành lập đến năm 1954*. Nxb Đà Nẵng, 1987.

64. Trần Huy Liệu, Nguyễn Công Bình, Văn Tạo: *Tài liệu tham khảo cách mạng cận đại Việt Nam*. Tập 3. Nxb Văn-Sử- Địa, Hà Nội, 1958.

65. Trần Huy Liệu: *Lịch sử tám mươi năm chống Pháp*. Quyển 1. Ban Nghiên cứu Văn Sử Địa xuất bản, 1956.

66. Hồ Chí Minh: *Văn hóa nghệ thuật cũng là mặt trận*. Nxb Văn học, 1981.

www.thuvien247.net

67. Hồ Chi Minh: *Toàn tập*. T3. Nxb Chính trị quốc gia. Hà Nội, 1995.

68. Nguyễn Cảnh Minh: *Một số vấn đề làng xã trong lịch sử Việt Nam*. Huế. 1996.

69. Ngô Văn Minh: *Truyền thống hiếu học, học giỏi và ảnh hưởng của trí thức Quảng Nam đối với các phong trào yêu nước cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX*. Kỷ yếu hội thảo khoa học *Văn hóa Quảng Nam - những giá trị đặc trưng*. Sở Văn hóa Thông tin Quảng Nam xuất bản, 2001.

70. Ngô Văn Minh: *Cách mạng Tháng Tám tại các tỉnh ven biển Nam Trung bộ*. Nxb Đà Nẵng, 2005.

71. Nguyễn Khắc Ngữ: *Kỷ niệm 100 năm ngày Pháp xâm lược Nam kỳ*, Nxb Trình bày, Sài Gòn, 1967.

72. *Những người bạn cố đô Huế*. Nxb Thuận Hoá, Huế, 1997.

73. Nội các Triều Nguyễn: *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*. T4. Nxb Thuận Hoá. Huế, 1993.

74. Page: *Văn thư ngày 14/12/1859*. Thư khố quốc gia (tài sản hải quân), ký hiệu BB4 777. (Tài liệu do bà Lê Thị Kinh cung cấp).

75. Philippe Héduy: *Histoire de l'Indochine*. SPL Herri Veyrier.

76. Phó chánh Mật thám Đà Nẵng: *Công văn số 471/s ngày 13/7/1938*. Bản dịch lưu tại Ban Tuyên giáo Thành uỷ Đà Nẵng.

77. Phủ Tôn nhân và Phủ Phụ chính: *Thông cáo gửi Phủ Thống sứ Bắc Kỳ*. Tài liệu lưu tại Trung tâm lưu trữ quốc gia I.

78. Nguyễn Vinh Phúc: *Chia lửa với Sơn Trà*. Xưa & Nay. Số 82B, tháng 12/2000.

www.thuvien247.net

79. Nguyễn Phan Quang: *Việt Nam thế kỷ XIX (1802-1884).* Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1999.

80. Quốc sử quán Triều Nguyễn: *Đại Nam nhất thống chí.* Tập 2. Nxb Thuận Hoá, Huế, 1992.

81. Quốc sử quán Triều Nguyễn: *Đại Nam thực lục chính biên.* Tập 3. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1962.

82. Quốc sử quán Triều Nguyễn: *Đại Nam thực lục chính biên.* Tập 28, 29. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1973.

83. Quốc sử quán Triều Nguyễn: *Đại Nam thực lục chính biên.* Tập 36, 37. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977.

84. Quốc sử quán Triều Nguyễn: *Minh Mệnh chính yếu.* Tập 3. Nxb Thuận Hoá, Huế, 1994.

85. Quốc sử quán Triều Nguyễn: *Quốc triều chính biên toát yếu.* Nxb Thuận Hoá, Huế, 1998.

86. Nguyễn Ái Quốc: *Bản án chế độ thực dân Pháp.* Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1985.

87. Dương Kinh Quốc: *Đà Nẵng - Việt Nam trong bối cảnh phát triển của chủ nghĩa tư bản Pháp.* Tham luận Hội thảo khoa học Kỷ niệm 130 năm nhân dân Đà Nẵng đánh thực dân Pháp, tổ chức tại Đà Nẵng, 1988.

88. Dương Kinh Quốc: *Việt Nam những sự kiện lịch sử.* Tập 1. Nxb Khoa học xã hội, 1981.

89. Dương Kinh Quốc: *Việt Nam, những sự kiện lịch sử (1858-1918).* Nxb Giáo Dục, 1999.

90. Dương Trung Quốc, Trần Hữu Đính, Nguyễn Văn Nhật, Nguyễn Tố Uyên, Ngô Văn Minh: *Lịch sử Thành phố Đà Nẵng.* Nxb Đà Nẵng, 2001

91. Dương Trung Quốc: *Việt Nam những sự kiện lịch sử (1919-1945).* Nxb Giáo Dục. H. 2000.

www.thuvien247.net

92. Lê Trọng Sâm: *Có chăng sự nhầm lẫn về Lê Đình Lý*. Báo Đà Nẵng cuối tuần, ngày 31/10/1999.

93. Sở Liêm phóng Pháp ở Đà Nẵng: *Báo cáo chính trị ngày18/4/1939*. Bản dịch lưu tại Ban Tuyên giáo Thành uỷ Đà Nẵng.

94. Sở Mật thám Đà Nẵng: *Báo cáo ngày 1/3/1933 về tình hình chính trị của nhượng địa Pháp ở Đà Nẵng trong tháng 2/1933.*

95. Sở Mật thám Đà Nẵng: *Báo cáo chính trị ngày 26/3/1935*. Bản sao lưu tại Ban Tuyên giáo Thành uỷ Đà Nẵng.

96. Sở Mật thám Đà Nẵng: *Báo cáo chính trị ngày 28.12.1936*. Bản dịch lưu tại Ban Tuyên giáo Thành uỷ Đà Nẵng.

97. Sở Mật thám Đà Nẵng: *Công văn mật số 459/s ngày 11/7/1936*. Bản dịch lưu tại Ban Tuyên giáo Thành uỷ Đà Nẵng.

98. Sở Mật thám Đà Nẵng: *Báo cáo chính trị ngày 26/11/1936.* Bản dịch lưu tại Ban Tuyên giáo Thành uỷ Đà Nẵng.

99. Sở Mật thám đặc biệt Đà Nẵng: *Công văn mật số 664/s, ngày 19/9/1939*. Bản dịch tài liệu lưu tại Liên đoàn Lao động thành phố Đà Nẵng.

100. Sở Mật thám Đà Nẵng: *Báo cáo chính trị số 980/s, ngày 21/12/1939.* Tài liệu lưu tại Liên đoàn Lao động thành phố Đà Nẵng.

101. Sở Mật thám đặc biệt Đà Nẵng: *Báo cáo chính trị hàng tháng số 607 ngày 12/5/1943 gửi Chánh Sở Mật thám Trung Kỳ*. Bản dịch tài liệu lưu tại Ban Tuyên giáo thành uỷ Đà Nẵng.

www.thuvien247.net

102. Sở Mật thám Đông Dương: *Tài liệu về Đông Dương Cộng sản Đảng*. Nguyễn Ngọc Cư dịch, đăng trên tập san Sử - Địa, xuất bản tại Sài Gòn, số 22/1971.

103. Sở Văn hoá và Thông tin Quảng Nam - Đà Nẵng: Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử địa phương và chuyên ngành Quảng Nam - Đà Nẵng*, số 3/1984.

104. Phạm Đình Tân: *Chủ nghĩa đế quốc Pháp và tình hình công nghiệp Việt Nam dưới thời thuộc Pháp*. Nxb Sự thật, 1959.

105. Trần Hy Tăng: *Hoà Vang huyện chí*. Bản chữ Hán chép tay. Tú tài Trần Nhật Tinh cải chú và tăng bổ.

106. Nguyễn Q. Thắng: *Trần Văn Dư với phong trào Nghĩa hội Quảng Nam*. Nxb Văn hoá thông tin, 2001.

107. Nguyễn Q. Thắng: *Phan Châu Trinh, cuộc đời và tác phẩm*. Nxb Văn học, 1992.

108. Nguyễn Q. Thắng: *Huỳnh Thúc Kháng tác phẩm*. Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1992.

109. Chương Thâu: *Một số chiến trường và danh nhân các trận đánh Pháp ở Đà Nẵng*. Tham luận Hội thảo khoa học Kỷ niệm 130 năm nhân dân Đà Nẵng đánh thực dân Pháp tổ chức tại Đà Nẵng, 1988.

110. Chương Thâu: *Thơ văn Huỳnh Thúc Kháng (chọn lọc)*. Nxb Đà Nẵng, 1989.

111. *Thơ văn yêu nước và cách mạng đầu thế kỷ XX* (1900-1930). Nxb Văn học, Hà Nội, 1972.

112. Phạm Phú Thứ: *Nhật ký đi Tây*. Nxb Đà Nẵng, 1999.

113. Cao Huy Thuần: *Đạo Thiên chúa và chủ nghĩa thực dân (1857- 1914)*. Luận án tiến sĩ tại Pari (bản tiếng Việt).

www.thuvien247.net

114. Lâm Quang Thự: *Quảng Nam - địa lý, nhân vật, lịch sử*. Nxb Thanh Hoá, 1974.

115. Tạ Thị Thúy: *Đồn điền của người Pháp ở Bắc Kỳ 1884-1918*. Nxb Thế giới, Hà Nội, 1996.

116. Hà Văn Tính: *Hồi ký*. Tài liệu lưu tại Ban Tuyên giáo Thành uỷ Đà Nẵng.

117. Trung tâm Nghiên cứu Quốc học: *Châu bản Triều Tự Đức (1848-1883)*. Nxb Văn học, 2003.

118. Hồ Tấn Tuấn: *Làng Lỗ Giáng*. Tạp chí *Văn nghệ dân gian đất Quảng*, số 1-2000.

119. Nguyễn Đình Tư: *Cảng biển Đà Nẵng dưới triều Nguyễn*. Xưa & Nay, số 54B, 8-1998.

120. Nguyễn Tường: *Đề cương khảo sát đời sống kinh tế - văn hoá - xã hội huyện Hoà Vang trước Cách mạng tháng Tám 1945*. Tham luận tại buổi toạ đàm về đời sống kinh tế - văn hoá - xã hội huyện Hoà Vang trước Cách mạng tháng Tám 1945 do Ban Chủ nhiệm đề tài Lịch sử thành phố Đà Nẵng (1858-1945) tổ chức ngày 14/8/2003.

121. Hồ Trung Tú: *Những nghĩa trang liệt sĩ đầu tiên ở nước ta*. Xưa & Nay, số 54B, tháng 8/1998.

122. Ty Cảnh sát Đà Nẵng: *Công điện mật số 426 ngày 25/11/1933 gửi Sở Mật thám Trung kỳ* . Bản dịch tài liệu lưu tại Ban Tuyên giáo Thành uỷ Đà Nẵng.

123. Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam: *Lịch sử Việt Nam*. Tập 2. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1985.

124. Viện nghiên cứu Hán Nôm - E'cole Française d'Extrême - Orient: Đồng Khánh địa dư chí (Bản dịch của Ngô Đức Thọ - Nguyễn Văn Nguyên, philippe Papin). NXB Bản Đồ.

www.thuvien247.net

125. Viện Sử học: *Lịch sử Việt Nam 1897- 1918*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1999.

126. Đào Văn Vỹ: *Nguyễn Tri Phương*. Sài Gòn, 1974.

127. Nguyễn Văn Xuân: *Đà Nẵng thời Tây Sơn*. Tạp chí Đất Quảng, Tết Kỷ Tỵ - 1989.

128. Nguyễn Văn Xuân - Quốc Anh: *Đà Nẵng 100 năm về trước*. Nghiên cứu Lịch sử số tháng 5 & 6/1987.

129. Nguyễn Văn Xuân: *Đà Nẵng nhìn từ năm 1802*. Tạp chí Khoa học & Phát triển - *Chào năm 2000*. Nxb Đà Nẵng, 1999.

130. Nguyễn Văn Xuân: *Phong trào Duy tân*. Nxb Đà Nẵng, 1995.

131. Và nhiều bản hồi ký của các nhân chứng lịch sử, lưu tại Ban Tuyên giáo Thành uỷ Đà Nẵng; cùng một số bản ghi nội dung phỏng vấn những vị cao tuổi do Ban Chủ nhiệm đề tài "Lịch sử thành phố Đà Nẵng 1858 - 1945" thực hiện.

www.thuvien247.net

LỊCH SỬ ĐÀ NẴNG
(1858 –1945)

NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG
17 Quang Trung thành phố Đà Nẵng
ĐT: 0511.822434 - 821082
Email: *nxbdanang@dng.vnn.vn*

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Giám đốc Võ Văn Đáng
Tổng biên tập Nguyễn Đức Hùng

Biên tập: *Nguyễn Kim Nhị*
Trình bày: *Nguyễn Văn Minh*
Trình bày bìa: *Duy Ninh*

www.thuvien247.net

In 500 cuốn, khổ 14.5x20.5cm. In tại TTX Việt Nam tại Đà Nẵng. Giấy TNKHXB số: 955/QĐ-ĐaN do Nhà xuất bản Đà Nẵng cấp ngày 29/12/2006 Theo số đăng ký 28-2006/CXB/01-70/ĐaN ngày 20 tháng 10 năm 2007. In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2007.

www.thuvien247.net

ls Đà nẵng 1858 - 1945

1 007061 800029

50.000 VND

Giá bìa : 50.000đ